

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Giáo dục Chính trị
Mã số: 52 14 02 05

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Giáo dục Chính trị
Mã số: 52 14 02 05

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-ĐHSG-ĐT
ngày tháng năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2016

MỤC LỤC

PHẦN 1 MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA.....	4
1.1. Mục tiêu chung	4
1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra	4
1.2.1. Yêu cầu về kiến thức	4
1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng	5
1.2.3. Yêu cầu về thái độ	5
1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp	5
1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	6
1.5. Các chương trình đã tham khảo	6
1.5.1. Các chương trình trong nước	6
1.5.2. Các chương trình nước ngoài	6
PHẦN 2 NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	7
2.1. Khái quát chương trình đào tạo	7
2.1.1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo	7
2.1.2. Cấu trúc chung của chương trình đào tạo	7
2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp	7
2.1.4. Các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo	8
2.2. Khung chương trình đào tạo	8
2.3. Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành	11
2.4. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ	12
2.5. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ của khối kiến thức chuyên ngành	15
PHẦN 3 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN	17
MỸ HỌC MÁC - LÊNIN.....	18
TÔN GIÁO HỌC.....	24
HIẾN PHÁP VÀ ĐỊNH CHẾ CHÍNH TRỊ	29
NHỮNG VẤN ĐỀ THỜI ĐẠI NGÀY NAY	35
CHÍNH TRỊ HỌC.....	38
LOGIC HÌNH THỨC	44
DÂN TỘC HỌC ĐẠI CƯƠNG	52
KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN HÀNH CHÍNH	55
LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM	59
LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ.....	63
VẬN ĐỘNG THEO NHẠC	72
THƯỜNG THỨC MỸ THUẬT	75

MÚA.....	78
THANH NHẠC PHỔ THÔNG.....	81
KHOA HỌC TỔ CHỨC	84
THỐNG KÊ TRONG KHOA HỌC XÃ HỘI.....	90
LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ.....	94
QUAN HỆ CÔNG CHÚNG.....	100
LỊCH SỬ VĂN HÓA NAM BỘ	103
NHẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN	106
ĐẠO ĐỨC HỌC	111
PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC GIÁO DỤC CÔNG DÂN 1	115
PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC GIÁO DỤC CÔNG DÂN 2	119
PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC GIÁO DỤC CÔNG DÂN 3	123
CHUYÊN ĐỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC GDCD.....	126
THỰC HÀNH SỰ PHẠM 1.....	129
TÌM HIỂU THỰC TẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ	132
THỰC TẾ CHUYÊN MÔN GDCD.....	135
CHÍNH TRỊ HỌC SO SÁNH.....	139
DỰ LUẬN XÃ HỘI	143
KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ ĐÀM PHÁN	147
KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM, THUYẾT TRÌNH.....	152
KỸ NĂNG TƯ DUY PHẢN BIỆN VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ	155
KỸ NĂNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ QUẢN LÝ THỜI GIAN	159
THỰC HÀNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHUYÊN NGÀNH	162
LOGIC BIỆN CHỨNG	165
THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á.....	171
ĐỊA CHÍNH TRỊ.....	175
PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN VÀ XỬ LÝ TÌNH HUỐNG CHÍNH TRỊ.....	179
CHUYÊN ĐỀ TRIẾT HỌC	182
CHUYÊN ĐỀ KINH TẾ CHÍNH TRỊ	187
CHUYÊN ĐỀ ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	192
CHUYÊN ĐỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.....	201
LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	204
CHỦ NGHĨA TƯ BẢN HIỆN ĐẠI	208
THỰC HÀNH SỰ PHẠM THPT 2.....	214
THỰC HÀNH SỰ PHẠM THPT 3.....	217

THỰC HÀNH SỰ PHẠM THPT 4.....	220
LỊCH SỬ TRIẾT HỌC TRIẾT HỌC PHƯƠNG ĐÔNG	223
LỊCH SỬ TRIẾT HỌC PHƯƠNG TÂY TRƯỚC MÁC.....	227
LỊCH SỬ TRIẾT HỌC PHƯƠNG TÂY HIỆN ĐẠI.....	233
KINH TẾ HỌC ĐẠI CƯƠNG	238
CÔNG DÂN VÀ PHÁP LUẬT	247
ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ VÀ GIÁO DỤC ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ	251
GIÁO DỤC GIA ĐÌNH.....	254
CÔNG TÁC ĐỘI TNTP HỒ CHÍ MINH	257
MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN	263
LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG PHƯƠNG ĐÔNG VÀ VIỆT NAM.....	268
THỰC HÀNH SỰ PHẠM THCS 2	275
THỰC HÀNH SỰ PHẠM THCS 3	278
THỰC HÀNH SỰ PHẠM THCS 4	281
LỊCH SỬ VIỆT NAM ĐẠI CƯƠNG	284
DÂN SỐ HỌC	291
GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC	295
NGHI THỨC ĐỘI THIẾU NIÊN TIỀN PHONG HỒ CHÍ MINH.....	298
GIÁO DỤC GIỚI TÍNH VÀ SỨC KHOẺ SINH SẢN	304
LỊCH SỬ NGOẠI GIAO VIỆT NAM.....	308

PHẦN 1

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

1.1. Mục tiêu chung

- Chương trình đào tạo trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành giáo dục chính trị, giáo dục công dân và nghiệp vụ sư phạm để trở thành giáo viên dạy môn Giáo dục công dân, ở trường trung học phổ thông, trung học cơ sở và Giáo dục chính trị ở trường trung cấp chuyên nghiệp.

- Chương trình đào tạo tập trung rèn luyện cho sinh viên khả năng tự học, tự nghiên cứu khoa học để tiếp tục học thạc sĩ và trở thành giảng viên dạy các môn lí luận chính trị ở trường đại học và cao đẳng.

- Chương trình đào tạo định hướng giáo dục sinh viên về tinh thần yêu nước, lập trường kiên định với chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh và những chuẩn mực đạo đức, tác phong của người giáo viên.

1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra

1.2.1. Yêu cầu về kiến thức

▪ Kiến thức chung

- Nắm vững hệ thống kiến thức về pháp luật đại cương, những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Nắm được những vấn đề cơ bản về vấn đề quốc phòng và an ninh quốc gia.

▪ Kiến thức chuyên ngành

- Nắm vững hệ thống kiến thức chuyên sâu về triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị, Hồ Chí Minh học, chủ trương, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, định hướng giá trị đạo đức, giáo dục công dân, nhà nước và pháp luật, hiến pháp và định chế chính trị Việt Nam.

- Nắm vững hệ thống kiến thức về lịch sử tư tưởng, chính trị học, đạo đức học, mỹ học, giáo dục gia đình, giáo dục pháp luật, tôn giáo, văn hóa, lịch sử Việt Nam, Nam bộ, lịch sử văn minh thế giới, giáo dục môi trường, logic học và dân tộc học xã hội học, những vấn đề của thời đại ngày nay và quan hệ công chúng.

- Nắm vững hệ thống kiến thức về âm nhạc, mỹ thuật, phương pháp nghiên cứu khoa học, phương pháp xử lí các tình huống chính trị.

▪ Kiến thức nghiệp vụ

- Nắm chắc hệ thống kiến thức khoa học giáo dục, tâm lý học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm, kĩ năng soạn thảo văn bản.

- Nắm vững kiến thức nghiệp vụ và kỹ năng sư phạm: phương pháp giáo dục học sinh, nội dung chương trình và phương pháp dạy học Giáo dục công dân ở bậc trung học phổ thông, trung học cơ sở.

- Nắm bắt được những vấn đề cơ bản về hệ thống tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội.

▪ **Kiến thức bổ trợ**

- Biết sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp, biết ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và nghiên cứu khoa học (theo qui định tại Phụ lục chuẩn đầu ra ngoại ngữ và tin học cho các ngành đào tạo của Trường Đại học Sài Gòn).

1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng

- Có khả năng vận dụng tốt hệ thống kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ vào việc giảng dạy môn giáo dục chính trị ở trường trung cấp và môn giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông, trung học cơ sở.

- Có khả năng vận dụng tốt hệ thống kiến thức về lý luận chính trị để giải quyết các vấn đề của thực tiễn xã hội, hoàn thành tốt nhiệm vụ của một cán bộ lý luận công tác trong các cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị.

- Có kỹ năng xử lý đúng đắn các vấn đề nảy sinh trong các mối quan hệ xã hội, góp phần xây dựng cộng đồng văn minh theo các chuẩn mực đạo đức của xã hội.

- Có khả năng nghiên cứu khoa học và tổ chức các hoạt động xã hội một cách chủ động, sáng tạo, đạt hiệu quả cao.

1.2.3. Yêu cầu về thái độ

- Có tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có lập trường kiên định với chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có ý thức tự giác chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Có ý thức tự giác, thường xuyên rèn luyện đạo đức, tác phong của người giáo viên; có lối sống và tác phong mẫu mực, yêu thương con người, có tinh thần hợp tác, đoàn kết với mọi người.

- Có ý thức làm việc độc lập, chủ động sáng tạo và luôn nêu cao tinh thần tự học, tự cập nhật kiến thức.

- Có ý thức trách nhiệm cao và tâm huyết với nghề nghiệp.

1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Giáo viên giảng dạy môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, giảng dạy môn Giáo dục chính trị ở các trường trung cấp chuyên nghiệp, trường cao đẳng và trung cấp nghề.

- Có đủ năng lực, phẩm chất để trở thành cán bộ công chức, viên chức trong hệ thống chính quyền và các tổ chức chính trị.

1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có đủ khả năng để tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ thạc sĩ các chuyên ngành: Triết học, Kinh tế chính trị học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Hồ Chí Minh học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục chính trị, Chính trị học.

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu để bổ sung và cập nhật kiến thức, đáp ứng yêu cầu của công tác giảng dạy, nghiên cứu.

1.5. Các chương trình đã tham khảo

1.5.1. Các chương trình trong nước

- Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Chính trị của các trường: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Đồng Tháp, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

- Chương trình đào tạo ngành Giáo dục công dân của các trường: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế, Trường Đại học Cần Thơ.

1.5.2. Các chương trình nước ngoài

Không có.

DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA/NGÀNH

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

TS. My Giang Sơn

TS. Lê Đình Lục

PHẦN 2

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Khái quát chương trình đào tạo

2.1.1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo

- Đối tượng tuyển sinh: tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Thời gian đào tạo: 04 năm.

2.1.2. Cấu trúc chung của chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ trong chương trình: **168** tín chỉ. Sinh viên phải tích lũy tối thiểu **132** tín chỉ (không kể 03 tín chỉ của môn học Giáo dục thể chất và 08 tín chỉ của môn học Giáo dục quốc phòng - An ninh), trong đó:

- Khối kiến thức chung: **19** tín chỉ (bắt buộc: 19 tín chỉ; tự chọn: 0 tín chỉ);
- Khối kiến thức cơ sở: **41** tín chỉ (bắt buộc: 29 tín chỉ; tự chọn 12 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngành: **23** tín chỉ (bắt buộc: 17 tín chỉ; tự chọn 6 tín chỉ);
- Khối kiến thức chuyên ngành: **30** tín chỉ (bắt buộc: 24 tín chỉ; tự chọn: 6 tín chỉ);
- Thực tập nghề nghiệp: **9** tín chỉ;
- Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: **10** tín chỉ (bắt buộc: 4 tín chỉ; tự chọn: 6 tín chỉ).

2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo theo quy định;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học do Hiệu trưởng quy định;
- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh và chứng chỉ Giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục - thể thao;
- Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

2.1.4. Các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

- Về giảng viên: giảng viên tham gia giảng dạy phải có trình độ từ thạc sĩ trở lên, có kinh nghiệm giảng dạy ít nhất từ 2 năm, đã qua bồi dưỡng sư phạm và yêu nghề. Ngoài giảng viên cơ hữu, định kỳ cần mời các cán bộ quản lí, các chuyên gia từ các viện nghiên cứu, các cơ quan nhà nước về báo cáo chuyên đề.

- Về cơ sở vật chất: có đủ và đảm bảo tiêu chuẩn về phòng học lý thuyết, thực hành, phòng tin học, ngoại ngữ, thiết bị dụng cụ trang bị theo kịp thực tế. Thư viện có đầy đủ sách báo, tạp chí giảng viên và sinh viên nghiên cứu, cập nhật kiến thức. Mặt khác, cần liên kết với một số trường trung học có uy tín, các cơ quan nhà nước,... để bố trí giảng viên, sinh viên tham gia thực tập, tham quan, học tập.

- Về người học: phải có lòng yêu nghề, tự giác, tích cực thực hiện phương pháp tự học, tự nghiên cứu trong quá trình học tập.

- Về phương pháp giảng dạy: chủ yếu áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, lấy người học làm trung tâm. Giờ học thực hành, thực tập, thực tế có thể áp dụng các hình thức: thảo luận nhóm, thực hành, thực tập tại trường trung học thực hành của trường, các trường trung học trên địa bàn thành phố, các cơ quan ban ngành.

2.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
I	Khối kiến thức chung: 19/132 tín chỉ (Không tính các môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh)									
	Bắt buộc: 19/19 tín chỉ									
1	Những nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	861001	5	75				75	1	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	861002	2	30				30	1	861001
3	Đường lối cách mạng ĐCSVN	861003	3	45				45	1	861002
4	Tiếng Anh I	866101	2	30				30	1	Điểm KS ≥ 50
5	Tiếng Anh II	866102	2	30				30	1	866101
6	Tiếng Anh III	866103	3	45				45	1	866102
7	Pháp luật đại cương	865006	2	30				30	1	
8	Giáo dục thể chất (I)	862101	1				30	30	0.5	
9	Giáo dục thể chất (II)	862102	1				30	30	0.5	862101
10	Giáo dục thể chất (III)	862103	1				30	30	0.5	862101

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
11	Giáo dục quốc phòng – An ninh (I)	862106	3	45				45	1	861003
12	Giáo dục quốc phòng – An ninh (II)	862107	2	30				30	1	
13	Giáo dục quốc phòng – An ninh (III)	862108	3				45	45	1	
Tự chọn: 00/19 tín chỉ										
II Khối kiến thức cơ sở: 41/132 tín chỉ										
Bắt buộc: 29/41 tín chỉ										
14	Mĩ học Mác – Lênin	820102	3	35	0	10	0	45	1	861001
15	Tôn giáo học	820022	2	30	0	0	0	30	1	861001
16	Hiến pháp và định chế chính trị	820063	3	35	0	10	0	45	1	865006
17	Những vấn đề của thời đại ngày nay	820055	2	15	0	10	5	30	1	
18	Chính trị học	820023	2	30	0	0	0	30	1	
19	Logic học hình thức	820103	3	25	8	5	7	45	1	
20	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	863009	2	30				30	1	863004 +008 hoặc 763004 + 008
21	Cơ sở văn hóa Việt Nam	865002	2	30				30	1	
22	Đại cương xã hội học	865007	2	30				30	1	
23	Dân tộc học đại cương	820002	2	20	5	5	0	30	1	
24	Giáo dục học đại cương	863005	2	30				30	1	
25	Tâm lí học đại cương	863001	2	30				30	1	
26	Kĩ năng soạn thảo văn bản hành chính	820301	2	10	15	5	0	30	1	
Tự chọn: 12/41 tín chỉ										
27	Lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam	820302	3	30	15	0	0	45	1	861001
28	Lịch sử các học thuyết kinh tế	820052	3	30	10	5	0	45	1	861001
29	Vận động theo nhạc	820303	3	30	10	5	0	45	1	
30	Thường thức mỹ thuật	820304	3	30	15	0	0	45	1	
31	Múa	820305	3	10	10	0	25	45	1	
32	Thanh nhạc phổ thông	820306	3	10	10	0	25	45	1	
33	Khoa học tổ chức	820307	2	20	5	5	0	30	1	861001
34	Thống kê trong khoa học xã hội và nhân văn	820308	2	20	10	0	0	30	1	
35	Lịch sử tư tưởng chính trị	820309	2	25	0	5	0	30	1	861001
36	Quan hệ công chúng	820071	2	30	0	0	0	30	1	

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
37	Lịch sử - Văn hóa Nam Bộ	820310	2	25	0	5	0	30	1	
38	Lịch sử văn minh thế giới	865003	2	30	0	0	0	30	1	
III Khối kiến thức ngành: 23/132 tín chỉ										
Bắt buộc: 17/23 tín chỉ										
39	Nhập môn Giáo dục công dân	820311	2	30	0	0	0	30	1	
40	Đạo đức học	820001	3	30	10	5	0	45	1	
41	Phương pháp dạy học GDCD 1	820024	2	30	0	0	0	30	1	
42	Phương pháp dạy học GDCD 2	820025	2	30	0	0	0	30	1	820024
43	Phương pháp dạy học GDCD 3	820059	2	30	0	0	0	30	1	820025
44	Chuyên đề đổi mới PPDH Giáo dục công dân	820312	3	30	0	0	15	45	1	820059
45	Thực hành sư phạm 1	820109	1	0	15	15	0	30	0.5	
46	Tìm hiểu thực tế hoạt động của hệ thống chính trị	820313	1	0	0	0	30	30		
47	Thực tế chuyên môn GDCD	820314	1	0	0	0	45	45		
Tự chọn: 6/23 tín chỉ										
48	Chính trị học so sánh	820315	2	30				30	1	820023
49	Dư luận xã hội	820316	2	20	5	5	0	30	1	861001
50	Kĩ năng giao tiếp và đàm phán	820317	2	10	5	5	10	30	1	
51	Kĩ năng làm việc nhóm và thuyết trình	820318	2	10	6	7	7	30	1	
52	Kĩ năng tư duy phân biện và giải quyết vấn đề	820319	2	10	6	7	7	30	1	
53	Kĩ năng xây dựng kế hoạch và quản lí thời gian	820320	2	15	5	5	10	30	1	
IV Khối kiến thức chuyên ngành: 30/132 tín chỉ										
Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành được ghi trong mục 2.3										
V Thực tập: 9/132 tín chỉ										
54	Thực tập sư phạm 1	863115	3							820024
55	Thực tập sư phạm 2	863014	6							863115
VI Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: 10/132 tín chỉ										
56	Khóa luận tốt nghiệp	820099	10							
Các học phần thay thế KLTN: 10/132 tín chỉ										
Bắt buộc: 4/10 tín chỉ										
57	Thực hành nghiên cứu khoa học chuyên ngành	820321	4	30	0	0	90	120	0.5	868001

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Tự chọn: 6/10 tín chỉ										
58	Logic biện chứng	820322	3	25	3	10	7	45	1	820103
59	Thế chế chính trị các nước Đông Nam Á	820323	3	45	0	0	0	45	1	
60	Địa chính trị	820324	3	30	0	15	0	45	1	820023
61	Phương pháp tiếp cận và xử lí các tình huống chính trị	820325	3	35	0	10	0	45	1	
Tổng cộng số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy			132 tín chỉ/168 tín chỉ							

2.3. Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
I Chuyên ngành: Đào tạo giáo viên THPT (30/132 tín chỉ)										
Bắt buộc: 24/30 tín chỉ										
1	Chuyên đề Triết học	820050	3	35	0	10	0	45	1	861001
2	Chuyên đề Kinh tế chính trị	850053	3	30	10	5	0	45	1	861001
3	Chuyên đề ĐLCM của ĐCSVN	820326	2	30	0	0	0	30	1	861003
4	Chuyên đề TTHCM	820327	2	20	1	9	0	30	1	861002
5	Lịch sử tư tưởng XHCN	820328	2	20	0	10	0	30	1	861001
6	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	820074	2	30	0	0	0	30	1	
7	Tâm lí học lứa tuổi THPT và tâm lí học sư phạm	863004	2					30	1	863001
8	Tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường THPT	863008	3					45	1	863005
9	Quản lí HCNN và QL ngành GD-ĐT (THPT)	863012	2					30	1	863008
10	Thực hành sư phạm 2 (THPT)	820110	1	5	0	5	20	30	0.5	820109
11	Thực hành sư phạm 3 (THPT)	820111	1	5	0	5	20	30	0.5	820110
12	Thực hành sư phạm 4 (THPT)	820112	1	5	0	5	20	30	0.5	820111
Tự chọn: 6/30 tín chỉ										
13	Lịch sử triết học phương Đông	820329	3	45	0	0	0	45	1	861001
14	Lịch sử triết học phương Tây trước Mác	820330	3	45	0	0	0	45	1	861001

15	Lịch sử triết học phương Tây hiện đại	820331	3	30	5	10	0	45	1	861001
16	Kinh tế học đại cương	820332	3	20	15	10	0	45	1	861001 820052
II	Chuyên ngành: Đào tạo giáo viên THCS (30/132 tín chỉ)									
	Bắt buộc: 24/30 tín chỉ									
17	Công dân và pháp luật	820333	3	30	0	15	0	45	1	865006
18	Định hướng giá trị và giáo dục định hướng giá trị	820334	2	30	0	0	0	30	1	
19	Giáo dục gia đình	820006	2	30	0	0	0	30	1	
20	Công tác Đội TNTP HCM	820335	2	20	0	10	0	30	1	861001
21	Môi trường và phát triển	820073	2	20	5	5	0	30	1	861001
22	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam	820021	3	40	0	5	0	45	1	861001
23	Tâm lý học lứa tuổi THCS và tâm lý học sư phạm	763004	2	30				30	1	863001
24	Tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường THCS	763008	3	45				45	1	863005
25	Quản lý HCNN và QL ngành GD-ĐT (THCS)	763012	2	30				30	1	763008
26	Thực hành sư phạm 2 (THCS)	820336	1	5	0	5	20	30	0.5	820109
27	Thực hành sư phạm 3 (THCS)	820337	1	5	0	5	20	30	0.5	820336
28	Thực hành sư phạm 4 (THCS)	820338	1	5	0	5	20	30	0.5	820337
	Tự chọn: 6/30 tín chỉ									
29	Lịch sử Việt Nam đại cương	820108	2	20	10	0	0	30	1	
30	Dân số học	820339	2	20	5	5	0	30	1	
31	Giáo dục đạo đức	820340	2	30	0	0	0	30	1	
32	Nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh	820341	2	30	0	0	0	30	1	
33	Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản	820342	2	20	0	10	0	30	1	
34	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	820107	2	20	10	0	0	30	1	820108

2.4. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Học kì								
				1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Khối kiến thức chung: 19/132 tín chỉ											
	Bắt buộc: 19/19 tín chỉ											
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	861001	5	x	x							
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	861002	2		x	x						
3	Đường lối cách mạng ĐCSVN	861003	3			x	x					
4	Tiếng Anh I	866101	2		x	x	x					
5	Tiếng Anh II	866102	2			x	x	x				

6	Tiếng Anh III	866103	3					x	x	x			
7	Pháp luật đại cương	865006	2	x	x								
8	Giáo dục thể chất (I)	862101	1						x	x	x		
9	Giáo dục thể chất (II)	862102	1										
10	Giáo dục thể chất (III)	862103	1										
11	Giáo dục quốc phòng – An ninh (I)	862106	3										
12	Giáo dục quốc phòng – An ninh (II)	862107	2										
13	Giáo dục quốc phòng – An ninh (III)	862108	3										
Tự chọn: 00/19 tín chỉ													
II Khối kiến thức cơ sở: 41/132 tín chỉ													
Bắt buộc: 29/41 tín chỉ													
14	Mĩ học Mác – Lênin	820102	3				x						
15	Tôn giáo học	820022	2					x					
16	Hiến pháp và định chế chính trị	820063	3				x						
17	Những vấn đề của thời đại ngày nay	820055	2						x				
18	Chính trị học	820023	2						x				
19	Logic học hình thức	820103	3		x								
20	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	863009	2						x				
21	Cơ sở văn hóa Việt Nam	865002	2	x									
22	Đại cương xã hội học	865007	2	x									
23	Dân tộc học đại cương	820002	2		x								
24	Giáo dục học đại cương	863005	2	x									
25	Tâm lí học đại cương	863001	2	x									
26	Kĩ năng soạn thảo văn bản hành chính	820301	2									x	
Tự chọn: 12/41 tín chỉ													
27	Lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam	820302	3										
28	Lịch sử các học thuyết kinh tế	820052	3						x				
29	Vận động theo nhạc	820303	3										
30	Thường thức mỹ thuật	820304	3										
31	Múa	820305	3							x			
32	Thanh nhạc phổ thông	820306	3										
33	Khoa học tổ chức	820307	2										
34	Thống kê trong khoa học xã hội và nhân văn	820308	2					x					
35	Lịch sử tư tưởng chính trị	820309	2									x	
36	Quan hệ công chúng	820071	2										
37	Lịch sử - Văn hóa Nam Bộ	820310	2										
38	Lịch sử văn minh thế giới	865003	2		x								
III Khối kiến thức ngành: 23/132 tín chỉ													

	Bắt buộc: 17/23 tín chỉ												
39	Nhập môn Giáo dục công dân	820311	2	x									
40	Đạo đức học	820001	3						x				
41	Phương pháp dạy học GDCD 1	820024	2		x								
42	Phương pháp dạy học GDCD 2	820025	2			x							
43	Phương pháp dạy học GDCD 3	820059	2				x						
44	Chuyên đề đổi mới PPDH Giáo dục công dân	820312	3						x				
45	Thực hành sư phạm 1	820109	1			x							
46	Tìm hiểu thực tế hoạt động của hệ thống chính trị	820313	1							x			
47	Thực tế chuyên môn GDCD	820314	1				x						
	Tự chọn: 6/23 tín chỉ												
48	Chính trị học so sánh	820315	2								x		
49	Dư luận xã hội	820316	2										
50	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán	820317	2										
51	Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình	820318	2						x				
52	Kỹ năng tư duy phân biện và giải quyết vấn đề	820319	2										
53	Kỹ năng xây dựng kế hoạch và quản lý thời gian	820320	2					x					
IV	Khối kiến thức chuyên ngành: 30/132 tín chỉ												
	Kế hoạch đào tạo theo tiến độ của khối kiến thức chuyên ngành được ghi trong mục 2.5												
V	Thực tập: 9/132 tín chỉ												
54	Thực tập sư phạm 1	863115	3							x			
55	Thực tập sư phạm 2	863014	6									x	
VI	Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: 10/132 tín chỉ												
56	Khóa luận tốt nghiệp	820099	10									x	x
	Các học phần thay thế KLTN: 10/132 tín chỉ												
	Bắt buộc: 4/10 tín chỉ												
57	Thực hành nghiên cứu khoa học chuyên ngành	820321	4									x	
	Tự chọn: 6/10 tín chỉ												
58	Logic biện chứng	820322	3									x	
59	Thế chế chính trị các nước Đông Nam Á	820323	3									x	
60	Địa chính trị	820324	3									x	
61	Phương pháp tiếp cận và xử lý các tình huống chính trị	820325	3									x	
Tổng cộng số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy			132 tín chỉ/ a tín chỉ										

2.5. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ của khối kiến thức chuyên ngành

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Học kì									
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	
I	Chuyên ngành: Đào tạo giáo viên THPT (30/132 tín chỉ)												
	Bắt buộc: 24/30 tín chỉ												
62	Chuyên đề Triết học	820050	3							x			
63	Chuyên đề Kinh tế chính trị	820053	3							x			
64	Chuyên đề ĐLCM của ĐCSVN	820326	2								x		
65	Chuyên đề TTHCM	820327	2								x		
66	Lịch sử tư tưởng XHCN	820328	2								x		
67	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	820074	2								x		
68	Tâm lí học lứa tuổi THPT và tâm lí học sư phạm	863004	2			x							
69	Tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường THPT	863008	3						x				
70	Quản lí HCNN và QL ngành GD-ĐT (THPT)	863012	2									x	
71	Thực hành sư phạm 2 (THPT)	820110	1				x						
72	Thực hành sư phạm 3 (THPT)	820111	1					x					
73	Thực hành sư phạm 4 (THPT)	820112	1							x			
	Tự chọn: 6/30 tín chỉ												
74	Lịch sử triết học phương Đông	820329	3										
75	Lịch sử triết học phương Tây trước Mác	820330	3		x								
76	Lịch sử triết học phương Tây hiện đại	820331	3										
77	Kinh tế học đại cương	820332	3				x						
II	Chuyên ngành: Đào tạo giáo viên THCS (30/132 tín chỉ)												
	Bắt buộc: 24/30 tín chỉ												
78	Công dân và pháp luật	820333	3							x			
79	Định hướng giá trị và giáo dục định hướng giá trị	820334	2		x								
80	Giáo dục gia đình	820006	2								x		
81	Công tác Đội TNTP HCM	820335	2								x		
82	Môi trường và phát triển	820073	2				x						
83	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam	820021	3									x	
84	Tâm lí học lứa tuổi THCS và tâm lí học sư phạm	763004	2			x							
85	Tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường THCS	763008	3						x				
86	Quản lí HCNN và QL ngành GD-ĐT (THCS)	763012	2									x	
87	Thực hành sư phạm 2 (THCS)	820336	1				x						

88	Thực hành su phạm 3 (THCS)	820337	1						x				
89	Thực hành su phạm 4 (THCS)	820338	1							x			
Tự chọn: 6/3 tín chỉ													
90	Lịch sử Việt Nam đại cương	820108	2										
91	Dân số học	820339	2		x								
92	Giáo dục đạo đức	820340	2										
93	Nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh	820341	2								x		
94	Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản	820342	2										
95	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	820107	2							x			
Tổng cộng:			THPT	17	16	16	16	16	17	15	16		
			THCS	17	17	16	15	16	16	16	16		

DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA/NGÀNH

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

TS. My Giang Sơn

TS. Lê Đình Lục

PHẦN 3

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

HỌC PHẦN
MỸ HỌC MÁC - LÊNIN**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên HP: Mỹ học Mác - Lênin
- Mã HP: 820102
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 45 (35,0,10,0)
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi HP học trước: Những NLCB của CN Mác – Lênin.
 - + Đòi hỏi học phần song hành: Văn hóa học
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

2. Bộ môn phụ trách:

Bộ môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin.

3. Mô tả học phần:

Môn học có 3 tín chỉ với 7 chương bao gồm những kiến thức cơ bản về mối quan hệ thẩm mỹ của con người đối với hiện thực, trong đó, nghệ thuật là nơi biểu hiện cao nhất, tập trung nhất mối quan hệ thẩm mỹ; xác định những yếu tố của ý thức thẩm mỹ, các phạm trù cơ bản của mỹ học. Trên cơ sở đó nâng cao năng lực thẩm mỹ nhằm đáp ứng đầy đủ các mục đích “Chân”, “Thiện”, “Mỹ” trong giáo dục đào tạo con người.

4. Mục tiêu của học phần:**4.1. Về kiến thức**

Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản và hiện đại của mỹ học Mác – Lênin về mối quan hệ thẩm mỹ của con người với hiện thực, về các phạm trù thuộc khách thể thẩm mỹ (cái đẹp, cái cao cả, cái bi, cái hài) và chủ thể thẩm mỹ (nhu cầu, cảm xúc, thị hiếu và lý tưởng thẩm mỹ). Môn học cũng cung cấp cho sinh viên những tri thức về nghệ thuật- một hình thái cao nhất, biểu hiện tập trung nhất mối quan hệ thẩm mỹ. Ngoài những nội dung cơ bản đó của môn học, sinh viên còn được trang bị lý luận về bản chất, mục tiêu và các hình thức cơ bản của giáo dục thẩm mỹ.

4.2. Về kỹ năng

Biết nhận diện, phân tích, đánh giá xác thực những hiện tượng thẩm mỹ, trên cơ sở đó xây dựng một lý tưởng thẩm mỹ đúng đắn, cao đẹp.

4.3. Về thái độ

Yêu mến, trân trọng, giữ gìn và phát huy những giá trị thẩm mỹ tốt đẹp của dân tộc và nhân loại.

5. Kế hoạch dạy học HP/MH

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
1. Chương 1: ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA THỰC TIỄN CỦA MỸ HỌC MÁC - LÊNIN	4	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
1.1. Quan điểm của mỹ học trước chủ nghĩa Mác về đối tượng của mỹ học		
1.1.1. Quan điểm của các nhà tư tưởng cổ đại: - Hy Lạp cổ đại: <i>Pythagore, Héraclite, Socrates, Platon, Aristotle</i> - Trung Hoa cổ đại: <i>Lão Tử, Trang Tử, Khổng Tử, Mạnh Tử, Tuân Tử.</i>		
1.1.2. Quan điểm của mỹ học Cổ điển Đức: <i>A. Baumgarten, I. Kant, G. Hegel</i>		
1.1.3. Quan điểm của mỹ học Dân chủ cách mạng Nga: <i>V.G. Bieliniski, N.G. Tsernysevski</i>		
1.2. Quan điểm của mỹ học mácxít về đối tượng của mỹ học		
1.2.1. Mỹ học nghiên cứu mối quan hệ thẩm mỹ của con người với hiện thực		
1.2.2. Mỹ học nghiên cứu nghệ thuật với tư cách là một lĩnh vực biểu hiện tập trung và đầy đủ nhất mối quan hệ thẩm mỹ		
1.2.3. Quan hệ giữa mỹ học với các khoa học khác		
1.3. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa thực tiễn của mỹ học		
1.3.1. Quan điểm của mỹ học trước Mác		
1.3.2. Quan điểm của mỹ học mácxít		
2. Chương 2: KHÁI QUÁT VỀ QUAN HỆ THẨM MỸ	6	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề.
2.1. Khái niệm và cấu trúc của quan hệ thẩm mỹ		
2.1.1. Khái niệm quan hệ thẩm mỹ		
2.1.2. Nguồn gốc của quan hệ thẩm mỹ		
2.1.3. Các bộ phận hợp thành quan hệ thẩm mỹ		
2.2. Các tính chất của quan hệ thẩm mỹ (<i>tính chất xã</i>		

<i>hội; tính chất tinh thần; tính chất cảm tính; tính chất tình cảm)</i>		
3. Chương 3: CHỦ THỂ THẨM MỸ	8	- Giảng lý thuyết: Phương pháp nêu vấn đề - Seminar: thuyết trình nhóm
3.1. Khái niệm chủ thể thẩm mỹ và các hình thức tồn tại của chủ thể thẩm mỹ		
3.1.1. Khái niệm chủ thể thẩm mỹ		
3.1.2. Các hình thức tồn tại của chủ thể thẩm mỹ (<i>chủ thể thưởng thức thẩm mỹ; chủ thể sáng tạo thẩm mỹ; chủ thể biểu hiện thẩm mỹ; chủ thể định hướng thẩm mỹ; chủ thể thẩm mỹ tổng hợp</i>)		
3.2. Ý thức thẩm mỹ - phạm trù biểu hiện chủ thể thẩm mỹ		
3.2.1. Bản chất của ý thức thẩm mỹ		
3.2.2. Các bộ phận hợp thành cơ bản của ý thức thẩm mỹ		
3.2.2.1. Cảm xúc thẩm mỹ		
3.2.2.2. Thị hiếu thẩm mỹ		
3.2.2.3. Lý tưởng thẩm mỹ		
4. Chương 4: KHÁCH THỂ THẨM MỸ	10	- Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + nêu vấn đề + trực quan. - Seminar: thuyết trình nhóm.
4.1. Cái đẹp		
4.1.1. Cái đẹp là gì?		
4.1.1.1. Vị trí, vai trò của cái đẹp trong quan hệ thẩm mỹ		
4.1.1.2. Bản chất của cái đẹp		
4.1.2. Các lĩnh vực biểu hiện của cái đẹp		
4.1.2.1. Cái đẹp trong tự nhiên		
4.1.2.2. Cái đẹp trong đời sống		
4.1.2.3. Cái đẹp trong nghệ thuật		
4.2. Cái cao cả		

4.2.1. Bản chất của cái cao cả		
3.2.2. Quan hệ giữa cái cao cả với cái đẹp		
4.2.2. Các lĩnh vực biểu hiện của cái cao cả		
4.2.2.1. Cái cao cả trong tự nhiên		
4.2.2.2. Cái cao cả trong đời sống		
4.2.2.3. Cái cao cả trong nghệ thuật		
4.3. Cái bi		
4.3.1. Bản chất của cái bi		
3.3.2. Cái bi trong đời sống và trong nghệ thuật		
4.4. Cái hài		
4.4.1. Bản chất của cái hài		
4.4.2. Các mức độ biểu hiện của cái hài và ý nghĩa xã hội – thẩm mỹ của nó		
4.4.3. Cái hài trong đời sống và trong nghệ thuật		
5. Chương 5: NGHỆ THUẬT	9	-Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + nêu vấn đề + trực quan. - Seminar: Thuyết trình nhóm
5.1. Khái niệm nghệ thuật		
5.2. Đối tượng phản ánh của nghệ thuật		
5.3. Phương thức phản ánh của nghệ thuật		
5.3.1. Khái niệm hình tượng nghệ thuật		
5.3.2. Đặc trưng của hình tượng nghệ thuật		
5.4. Nội dung và hình thức của nghệ thuật		
5.4.1. Nội dung của nghệ thuật		
5.4.2. Hình thức của nghệ thuật		
5.4.3. Quan hệ nội giữa dung và hình thức của nghệ thuật		
5.5. Nghệ thuật – hình thái biểu hiện tập trung và cao nhất của quan hệ thẩm mỹ		
6. Chương 6: CÁC LOẠI HÌNH NGHỆ THUẬT	4	
6.1. Những quan điểm khác nhau về loại hình nghệ thuật		
6.1.1. Quan điểm của mỹ học duy tâm		
6.1.2. Quan điểm của mỹ học duy vật		
6.2. Một số loại hình nghệ thuật cơ bản		
6.2.1. Nghệ thuật ứng dụng		

6.2.2. Nghệ thuật tạo hình		
6.2.3. Nghệ thuật biểu hiện		
6.2.4. Nghệ thuật ngôn từ		
6.2.5. Nghệ thuật tổng hợp		
7. Chương 7: GIÁO DỤC THẨM MỸ	4	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại + trực quan.
7.1. Bản chất của giáo dục thẩm mỹ		
7.1.1. Một số quan niệm của mỹ học trước Mác về giáo dục thẩm mỹ		
7.1.2. Quan điểm của mỹ học mác-xít về bản chất và mục tiêu của giáo dục thẩm mỹ		
7.2. Các hình thức giáo dục thẩm mỹ cơ bản		
7.2.1. Giáo dục thẩm mỹ bằng lao động, thông qua lao động		
7.2.2. Giáo dục thẩm mỹ những tấm gương đạo đức		
7.2.3. Giáo dục thẩm mỹ bằng lý luận mỹ học tiến bộ, hiện đại		
7.2.4. Giáo dục thẩm mỹ bằng nghệ thuật		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Lê Văn Dương, Lê Đình Lục, Lê Hồng Vân (2009): *Mỹ học đại cương* (tái bản), Nxb. Giáo dục.

6.2. Tài liệu khác:

2. Đỗ Văn Khang(chủ biên-2002): *Mỹ học đại cương*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội.
3. Lê Ngọc Trà(chủ biên-1994), *Mỹ học đại cương*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
4. I.U.A.Lukin – V.C. Xcacherossicôp(1984), *Nguyên lý mỹ học Mác – Lênin*, Nxb. SGK. Mác – Lênin, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần:

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 75 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng.
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6.

7.5. Điểm HP là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT **TRƯỞNG NGÀNH** **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan TS. Lê Đình Lục

HỌC PHẦN
TÔN GIÁO HỌC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Tôn giáo học
- Mã học phần: 820022
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (30,0,0,0)
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin.
 - + Đòi hỏi học phần song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 70

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Khoa Giáo dục Chính trị.

3. Mô tả học phần:

Học phần gồm có 4 chương, cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học cơ bản, có hệ thống về tôn giáo với tư cách là một hiện tượng xã hội phức tạp, có lịch sử phát triển lâu dài và ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của con người.

Trên cơ sở các quan điểm khoa học của chủ nghĩa Mác- Lênin về tôn giáo, sinh viên có thể vận dụng để giải thích xu hướng vận động của tôn giáo trong lịch sử và hiện tại, đồng thời nắm vững và thực hiện tốt chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta.

4. Mục tiêu học phần:

4.1. Về kiến thức:

Yêu cầu sinh viên cần nắm vững những nội dung cơ bản về những vấn đề lý luận cơ bản về tôn giáo như: khái niệm, tiêu chí, đối tượng, tính chất của tôn giáo, nguồn gốc ra đời của tôn giáo, các hình thức của nó, các tôn giáo lớn trên thế giới (Phật giáo, Kito giáo, Hồi giáo...) và tình hình, đặc điểm của tôn giáo ở Việt Nam, những quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước đối với tôn giáo

4.2. Về kỹ năng:

Sau khi học tập, nghiên cứu, sinh viên tiếp nhận được phương pháp để nghiên cứu quan điểm các tôn giáo của nhân loại như việc tìm hiểu điều kiện, tiền đề hình thành của các tôn giáo, nội dung cơ bản của các tôn giáo. Sinh viên được trang bị những kiến thức về tình hình, đặc điểm của tôn giáo ở Việt Nam, những quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước từ đó biết vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

4.3. Về thái độ:

- Học tập và nghiên cứu tôn giáo là hết sức khó khăn, nhạy cảm, khó khăn đòi hỏi thái độ làm việc nghiêm túc, thận trọng, tỷ mỉ, nhạy bén.

- Đánh giá nội dung các giáo lý tôn giáo là công việc đòi hỏi phải vận dụng triệt để quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Nhập môn tôn giáo học	5	Giới thiệu chương trình, tài liệu và phân nhóm cho SV. Giảng bài kết hợp trao đổi thảo luận.
1.1. Khái niệm Tôn giáo	1	
1.1.1. Lịch sử hình thành thuật ngữ “Tôn giáo”		
1.1.2. Một số thuật ngữ tương đồng với tôn giáo		
1.1.3. Khái niệm tôn giáo		
<i>1.2. Bản chất, nguồn gốc của tôn giáo</i>	1	
1.2.1 Bản chất của tôn giáo		
1.2.2. Nguồn gốc của tôn giáo		
<i>1.3. Lịch sử hình thành tôn giáo, một số hình thức tôn giáo trong lịch sử và chức năng của nó</i>	1,5	
1.3.1. Lịch sử hình thành tôn giáo		
1.3.2. Một số hình thức tôn giáo trong lịch sử		
1.3.3. Chức năng của tôn giáo		
1.4. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của Tôn giáo học	0,5	
1.4.1. Khái niệm tôn giáo học		
1.4.2. Đối tượng nghiên cứu của tôn giáo học		
1.4.3. Phương pháp nghiên cứu tôn giáo của tôn giáo học		
1.5. Tình hình diễn biến và xu thế của đời sống tôn giáo thế giới hiện nay	1	
1.5.1. Khái quát tình hình, thực trạng của tôn giáo		
1.5.2. Những xu thế chủ đạo của đời sống tôn		

giáo		
Chương 2. Những yếu tố cấu thành tôn giáo	5	Giới thiệu bài theo phương pháp thuyết trình, phát vấn, kết hợp trao đổi, thảo luận.
2.1. Tín ngưỡng hay niềm tin tôn giáo	1	
2.1.1. Phân biệt thuật ngữ tín ngưỡng và tôn giáo		
2.1.2. Niềm tin tôn giáo (hay tín ngưỡng) là gì?		
2.1.3 Đặc điểm của niềm tin tôn giáo		
2.2. Nội dung tôn giáo	2	
2.2.1. Huyền thoại và triết lý		
2.2.2. Thế giới bên kia		
2.2.3. Những thực thể vô hình		
2.3. Các hành vi tôn giáo (nghĩ lễ)	1	
2.3.1. Sự thờ cúng		
2.3.2. Các loại nghi lễ		
2.4. Tổ chức tôn giáo	0,5	
2.4.1. Tổ chức tôn giáo là gì ?		
2.4.2. Mối quan hệ tổ chức tôn giáo và cộng đồng xã hội		
2.4.3. Tổ chức của các tôn giáo		
2.5. Vấn đề mê tín, hủ tục	0,5	
2.5.1. Mê tín dị đoan là gì		
2.5.2. Ảnh hưởng mê tín dị đoan trong xã hội		
CHƯƠNG 3. NHU CẦU, VAI TRÒ CỦA TÔN GIÁO VÀ CÁC TÔN GIÁO LỚN TRÊN THẾ GIỚI	10	Giới thiệu bài theo phương pháp thuyết trình, phát vấn, kết hợp trao đổi, thảo luận.
Nhu cầu tôn giáo	1	
3.1.1. Tôn giáo là một nhu cầu của con người		
3.1.2. Thái độ đối với nhu cầu tôn giáo		
3.2. Vai trò văn hóa – xã hội của tôn giáo	1	
3.2.1. Tác động của tôn giáo đến đời sống văn hóa – xã hội		
3.2.2. Biểu hiện của tôn giáo		

3.2.3. Tương lai của tôn giáo		
3.3. Các tôn giáo lớn trên thế giới	8	
3.3.1. Phật giáo		
3.3.2. Ki tô giáo		
3.3.3. Đạo Hồi		
3.3.4. Hiện tượng tôn giáo mới		
CHƯƠNG 4. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TÔN GIÁO VIỆT NAM	10	
4.1. Đặc điểm, tình hình tôn giáo Việt Nam	2	
4.1.1. Đặc điểm cơ bản tôn giáo Việt Nam		
4.1.2. Diễn biến và tình hình đời sống tôn giáo Việt Nam		
4.2. Các tôn giáo lớn ở Việt Nam	5	
4.2.1. Phật giáo		
4.2.2. Ki tô giáo		
4.2.3. Đạo Tin lành		
4.2.4. Đạo Hồi		
4.2.5. Phật giáo Hòa Hảo		
4.2.6. Đạo Cao Đài		
4.3. Quan điểm - Chính sách tôn giáo ở Việt Nam	3	
4.3.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mac-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về giải quyết vấn đề tôn giáo		
4.3.2. Quan điểm chỉ đạo, nguyên tắc và chính sách của Đảng và Nhà nước đối với tôn giáo		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. *Một số hiểu biết về tôn giáo và các tôn giáo ở Việt Nam*, (1994), NXB QĐND, Hà Nội.
2. Đặng Nghiêm Vạn (2001), *Lý luận về Tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Hoàng Tâm Xuyên(1999), *Mười tôn giáo lớn trên thế giới*, NXB CTQG, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

4. Đặng Nghiêm Vạn (2001), *Dân tộc – Văn hóa - Tôn giáo*, NXB KHXH, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh (2003), *Về công tác tôn giáo*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Nhiều tác giả, *Vấn đề tôn giáo và chính sách tôn giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam* (2000), NXB Giáo dục, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá HP/MH

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 75 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng.
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
 - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số .0.1;
 - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;
 - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6.
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT **TRƯỞNG NGÀNH** **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan TS. Phạm Đào Thịnh

HỌC PHẦN
HIẾN PHÁP VÀ ĐỊNH CHẾ CHÍNH TRỊ

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: HIẾN PHÁP VÀ ĐỊNH CHẾ CHÍNH TRỊ
- Mã học phần: 820063
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 45 (35,0,10,0)
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Pháp luật đại cương
 - + Đòi hỏi học phần song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Những NLCB của CNMLN.**3. Mô tả học phần:**

Học phần Hiến pháp và định chế chính trị, giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hiến pháp và định chế chính trị, như lịch sử lập hiến thế giới, lịch sử lập hiến Việt Nam; khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của luật hiến pháp; chế độ chính trị và nội dung cơ bản của chế độ chính trị trong lịch sử lập hiến Việt Nam; nội dung cơ bản của các chế định pháp luật trong hiến pháp hiện hành: Kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước; quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân và chế độ bầu cử ở Việt Nam.

4. Mục tiêu học phần:**4.1. Về kiến thức**

Học phần trang bị những kiến thức về luật Hiến pháp, nhất là nội dung của chế độ chính trị được quy định trong Hiến pháp hiện hành. Qua đó, sinh viên sẽ có nhận thức cơ bản về chế độ chính trị, về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, qua đó có thể tiếp cận, phân tích và thực hiện quyền giám sát của mình đối với hoạt động của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.

4.2. Về kĩ năng

Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để tiếp cận, bước đầu hình thành phương pháp nghiên cứu khoa học các vấn đề liên quan đến kiến thức học phần. Hình thành và phát triển khả năng thu thập, xử lí, sử dụng thông tin khi tiếp cận các cơ quan trong bộ máy nhà nước; phát triển kĩ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng.

4.3. Về thái độ

Sinh viên có ý thức đúng đắn trong việc tiếp cận, nhìn nhận, đánh giá cũng như có thái độ đúng đắn, tự tin và bản lĩnh khi tiếp cận, phân tích, xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước.

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Lịch sử lập hiến và luật hiến pháp	6	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
1.1. Lịch sử lập hiến		
1.1.1. Lịch sử lập hiến nhân loại		
1.1.1. Lịch sử lập hiến Việt Nam		
1.2. Hiến pháp và vị thế của hiến pháp		
1.2.1. Hiến pháp		
1.2.2. Vị thế của hiến pháp trong hệ thống pháp luật		
1.3. Luật hiến pháp		
1.3.1. Khái niệm		
1.3.2. Đối tượng điều chỉnh		
1.3.3. Phương pháp điều chỉnh		
1.3.4. Nguồn của ngành luật hiến pháp		
Chương 2. Chế độ chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam	9	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại+ Thảo luận

2.1. Khái quát về chế độ chính trị trong lịch sử lập hiến Việt Nam		
2.1.1. Khái niệm chế độ chính trị		
2.1.2. Chế độ chính trị trong lịch sử lập hiến Việt Nam		
2.2. Nội dung cơ bản của chế độ chính trị theo hiến pháp hiện hành		
2.2.1. Hình thức chính thể, nguồn gốc quyền lực nhà nước và bản chất nhà nước		
2.2.2. Vị trí pháp lý của Hệ thống chính trị Việt Nam		
2.2.3. Chủ quyền quốc gia		
2.3.4. Các biểu tượng quốc gia		
Chương 3. Chế độ kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam	6	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại + Thảo luận
3.1. Chế độ kinh tế		
3.1.1. Khái niệm		
3.1.2. Nội dung cơ bản của chế độ kinh tế		
3.2. Chính sách văn hoá		
3.2.1. Khái niệm		
3.2.2. Nội dung cơ bản của chính sách văn hóa		
3.3. Chính sách giáo dục và đào tạo		
3.3.1. Khái niệm		
3.3.2. Nội dung cơ bản của chính sách giáo dục và đào tạo		
3.4. Chính sách khoa học và công nghệ		
3.4.1. Khái niệm		
3.4.2. Nội dung của chính sách khoa học và công nghệ		
Chương 4. Chính sách quốc phòng, an ninh và đối ngoại nước Cộng hòa XHCN Việt Nam	6	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
4.1. Chính sách quốc phòng, an ninh		
4.1.1. Khái niệm chính sách quốc phòng, an ninh		

4.1.2. Mục đích của việc xây dựng nền quốc phòng và an ninh quốc gia		
4.1.3. Phương hướng xây dựng và phát triển nền quốc phòng, an ninh quốc gia		
4.1.4. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, các tổ chức và công dân trong việc bảo vệ Tổ quốc		
4.2. Chính sách đối ngoại		
4.2.1. Khái niệm		
4.2.2. Nội dung chính sách đối ngoại		
4.2.3. Một số thành tựu nổi bật trong hoạt động đối ngoại		
Chương 5. Tổ chức bộ máy nhà nước	9	
5.1. Khái niệm bộ máy nhà nước và cơ sở khoa học của việc tổ chức bộ máy nhà nước		
5.1.1. Khái niệm bộ máy nhà nước		
5.1.2. Cơ sở khoa học của việc tổ chức bộ máy nhà nước		
5.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước		
5.2.1. Khái niệm		
5.2.2. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước		
5.3. Tổ chức các cơ quan trong bộ máy nhà nước		
5.3.1. Quốc hội		
5.3.2. Chủ tịch nước		
5.3.3. Chính phủ		
5.3.4. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ		
5.3.5. Tòa án nhân dân		
5.3.6. Viện kiểm sát nhân dân		
5.3.7. Tổng kiểm toán nhà nước		
5.3.8. Hội đồng nhân dân		
5.3.9. Ủy ban nhân dân		

Chương 6. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân	6	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
6.1. Khái niệm công dân và xác định quốc tịch công dân		
6.1.1. Khái niệm công dân		
6.1.2. Xác định quốc tịch công dân		
6.2. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân		
6.2.1. Về lĩnh vực chính trị		
6.2.2. Về lĩnh vực kinh tế		
6.2.3. Về các lĩnh vực khác		
6.3. Phương thức thực hiện và bảo vệ quyền, nghĩa vụ của công dân		
6.3.1. Phương thức thực hiện		
6.3.2. Phương thức bảo vệ		
Chương 7. Bầu cử và chế độ bầu cử ở Việt Nam	3	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
7.1. Bầu cử và quyền của công dân về bầu cử		
7.1.1. Khái niệm bầu cử		
7.1.2. Quyền bầu cử của công dân		
7.2. Nguyên tắc bầu cử		
7.2.1. Khái nguyên tắc bầu cử		
7.2.2. Các nguyên tắc bầu cử		
7.3. Quy trình bầu cử		
7.3.1. Khái niệm quy trình bầu cử		
7.3.2. Nội dung quy trình bầu cử		
7.4. Việc bãi miễn đại biểu		
7.4.1. Cơ sở của việc bãi miễn đại biểu		
7.4.2. Hình thức thực hiện việc bãi miễn đại biểu		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Thái Vĩnh Thắng và TS Vũ Hồng Anh (2009): *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam* (Đại học Luật Hà Nội). NXB CAND, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

2. Vũ Đức Đán (2004), *Giáo trình Hiến pháp và Luật tổ chức bộ máy nhà nước*, Học viện Hành chính Quốc gia. NXB Giáo dục, Hà Nội,
3. Đào Trí Úc (2005), *Những vấn đề cơ bản về Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Đăng Dung (1997), *Luật Hiến pháp nước ngoài*. NXB, Đồng Nai.
5. Đào Trí Úc (1995), *Bình luận khoa học Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam*(1992), NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam: Các bản Hiến pháp: 1946, 1959, 1980, 1992, Nghị quyết số 51/2001/NQ-QH10 và các văn bản về tổ chức bộ máy nhà nước.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: thi viết, đề đóng, thời gian làm bài: 90 phút
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
 - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1
 - Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2
 - Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.6
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

HỌC PHẦN
NHỮNG VẤN ĐỀ THỜI ĐẠI NGÀY NAY**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: NHỮNG VẤN ĐỀ THỜI ĐẠI NGÀY NAY
- Mã học phần: 820055
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (15,10,5,0)
- Điều kiện để học học phần: không
- + Đòi hỏi học phần học trước: Không
- + Đòi hỏi học phần song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Khoa Giáo dục Chính trị.

3. Mô tả học phần:

Học phần cấu trúc gồm 2 chương và phần tổng kết. Qua việc nghiên cứu học phần sẽ Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về những vấn đề toàn cầu, cũng như những tác động của chúng đến QHQT đương đại, SV nhận thức và có ý thức, có kỹ năng tham gia giải quyết các vấn đề thời đại

4. Mục tiêu cụ thể của học phần

4.1. Về kiến thức:

- Khái niệm vấn đề toàn cầu (VĐTC).
- Nguồn gốc của các Vấn đề toàn cầu.
- Phân loại Vấn đề toàn cầu.
- Tác động của Vấn đề toàn cầu đến sự sống còn của nhân loại.
- Các biện pháp thực hiện nhằm giải quyết vấn đề toàn cầu.

4.2. Về kỹ năng: SV biết nhận thức và có ý thức, có kỹ năng tham gia giải quyết các vấn đề thời đại .

4.3. Về thái độ: thể hiện tinh thần trách nhiệm, ý thức sẵn sàng tham gia giải quyết các vấn đề thời đại.

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Giới thiệu chung về các vấn đề toàn cầu	4	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + Thảo luận
1.1. Khái niệm những vấn đề toàn cầu	0.5	
1.2. Nguồn gốc những vấn đề toàn cầu	0.5	
1.3. Phân loại vấn đề toàn cầu	1	
1.4. Tác động của Vấn đề toàn cầu đến sự sống còn của nhân loại.	1	
1.5. Các biện pháp thực hiện nhằm giải quyết vấn đề toàn cầu	1	Thảo luận nhóm
Chương 2. Các vấn đề toàn cầu trong trong thời đại hiện nay	26	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề.
2.1. Các vấn đề toàn cầu nảy sinh trong quan hệ giữa QG-QG	6	
2.1.1. vấn đề chiến tranh và hòa bình		
2.1.2. vấn đề khủng bố quốc tế		
2.1.3. Vấn đề vũ khí hạt nhân		Kiểm tra
2.2. Các vấn đề toàn cầu nảy sinh trong quan hệ xã hội	10	
2.2.1. Vấn đề bùng nổ dân số		
2.2.2. Vấn đề giải quyết việc làm và thất nghiệp		
2.2.3. Vấn đề tội phạm và tệ nạn xã hội		
2.2.4. Vấn đề bảo tồn và phát huy di sản văn hóa		
2.3. Các vấn đề toàn cầu nảy sinh trong quan hệ giữa con người và tự nhiên	6	
2.3.1. Vấn đề môi trường và bảo vệ môi trường		
2.3.2. Vấn đề thiên tai và dịch bệnh		
2.3.3. Vấn đề tài nguyên và năng lượng		Thảo luận nhóm
2.4. Tổng kết vấn đề	4	

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Nguyễn Trọng Chuẩn (2006), *Những vấn đề toàn cầu trong hai thập niên đầu của thế kỷ XXI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà nội.
2. Đỗ Minh Hợp-Nguyễn Kim Lai (2006), *Những vấn đề toàn cầu trong thời đại hiện nay*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Vũ Hồng Tiến (2010), *Giáo trình Những vấn đề của thời đại*, NXB Đại học Sư phạm

6.2. Tài liệu khác:

4. Tiêu Phong (2004), *Hai chủ nghĩa một trăm năm*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Vương Dật Châu (2004), *An ninh Quốc tế trong thời đại toàn cầu hoá*, NXB Chính trị quốc gia, Hà nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng, thời gian làm bài: 75 phút
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
 - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.2
 - Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2
 - Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.5
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT **TRƯỞNG NGÀNH** **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

TS. Lê Đình Lục

TS. Võ Thị Kim Loan ThS. Nguyễn Khắc Duy

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
 NGÀNH: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

HỌC PHẦN CHÍNH TRỊ HỌC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Chính trị học
- Mã học phần: 820023
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (30,0,0,0)
- Điều kiện để học học phần:
- Đòi hỏi học phần học trước: Không.
- Đòi hỏi học phần song hành: Không.
- Sĩ số sinh viên tối đa: 70

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Đường lối cách mạng của ĐCSVN & TTHCM

3. Mô tả học phần:

Chính trị học đại cương có nhiệm vụ làm sáng tỏ những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị.

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Về kiến thức:

Trang bị cho học viên những kiến thức tổng quan, cơ bản về Chính trị học, quyền lực chính trị, hệ thống quyền lực chính trị, mối quan hệ chính trị với kinh tế, văn hóa,....

4.2. Về kỹ năng:

Sau khi học tập, nghiên cứu, sinh viên tiếp nhận được phương pháp để nghiên cứu các sự kiện, hiện tượng chính trị trong xã hội. Qua đó biết vận dụng những kiến thức cơ bản để đánh giá các sự kiện, hiện tượng, rút ra được những bài học kinh nghiệm lịch sử.

4.3. Về thái độ:

- Học tập và nghiên cứu Chính trị học là hết sức khó khăn vì với khối lượng kiến thức lớn nên đòi hỏi thái độ làm việc nghiêm túc, thận trọng, tỉ mỉ.

- Nhận thức, đánh giá các hiện tượng chính trị, xã hội là công việc nhạy cảm, đòi hỏi phải có dựa trên những quan điểm khách quan, lịch sử - cụ thể, quan điểm toàn diện, có phương pháp phù hợp nên người học phải nắm bắt tốt các nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

5. Kế hoạch dạy học HP/MH

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<p style="text-align: center;">Chương 1</p> <p style="text-align: center;">ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA CHÍNH TRỊ HỌC</p>	5	Giới thiệu bài giảng trên lớp.
1.1. Chính trị học- khái niệm và đối tượng	2	Giới thiệu.
1.1.1. Khái niệm Chính trị học		
1.1.2. Đối tượng nghiên cứu của Chính trị học		
1.2. Chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm của chính trị học	2	Giới thiệu và lấy ví dụ minh họa cho nội dung.
1.2.1. Chức năng của Chính trị học		
1.2.2. Nhiệm vụ của Chính trị học		
1.2.3. Đặc điểm của chính trị học		
1.3. Phương pháp nghiên cứu và cấu trúc của môn học	1	
1.3.1. Cấu trúc của môn học		
1.3.2. Phương pháp nghiên cứu		Minh họa các phương pháp.
Chương 2: QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ	5	Giới thiệu bài giảng trên lớp – trao đổi – thảo luận.
2.1. Quyền lực và phương thức đạt tới quyền lực	1	Giới thiệu nội dung.
2.1.1. Khái niệm quyền lực		
2.1.2. Phương thức đạt quyền lực		
2.2. Bản chất của quyền lực chính trị	1	Giới thiệu nội dung.
2.2.1. Đặc trưng của quyền lực chính trị		
2.2.2. Quyền lực chính trị biểu hiện tập trung ở quyền lực nhà nước		

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
2.3. Cơ chế thực thi quyền lực chính trị	1	Giới thiệu nội dung.
2.3.1. Khái niệm cơ chế thực thi quyền lực chính trị của xã hội		
2.3.2. Cơ chế thực thi quyền lực chính trị trong lịch sử		
2.4. Quyền lực chính trị của nhân dân lao động ở nước ta	2	Trao đổi – thảo luận những vấn đề thực tế.
2.4.1. Quan niệm quyền lực chính trị của nhân dân		
2.4.2. Nội dung cơ bản quyền lực chính trị của nhân dân lao động ở nước ta hiện nay		
2.4.3. Cơ chế thực thi quyền lực chính trị của nhân dân lao động ở nước ta hiện nay		
2.4.4. Phương hướng phát huy quyền lực chính trị của nhân dân lao động ở nước ta		
Chương 3 HỆ THỐNG TỔ CHỨC QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ	5	Giới thiệu nội dung – trao đổi, minh họa thực tế.
3.1. Đảng chính trị	2	Giới thiệu – minh họa.
3.1.1. Khái niệm Đảng chính trị		
3.1.2. Đảng Cộng sản Việt Nam là người duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam		
3.2. Thể chế nhà nước	2	Giới thiệu – trao đổi.
3.2. 1. Cơ quan lập pháp, các chức năng và nhiệm vụ cơ bản của nó		
3.2. 2. Cơ quan hành pháp, các chức năng và nhiệm vụ cơ bản của nó		
3.2. 3. Cơ quan tư pháp, các chức năng và nhiệm vụ cơ bản của nó		
3.2.4. Mối quan hệ của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp		
3.3. Các tổ chức chính trị - xã hội	1	Giới thiệu, trao đổi, thảo luận
3.3.1. Khái niệm tổ chức chính trị - xã hội		

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
3.3.2. Tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị Việt Nam		
Chương 4: CHÍNH TRỊ VỚI KINH TẾ	5	Giới thiệu nội dung – trao đổi, minh họa thực tế.
4.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin về quan hệ chính trị với kinh tế	2	Giới thiệu.
4.1.1. Khái niệm chính trị với kinh tế		
4.1.2. Quan điểm của V.I. Lênin về mối quan hệ chính trị kinh tế		
4.2. Quan hệ chính trị với kinh tế trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam	3	Giới thiệu, trao đổi, minh họa thực tế.
4.2.1. Những vấn đề về sự lãnh đạo của chính trị đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam		
4.2.2. Yêu cầu định hướng của chính trị đối với nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay		
Chương 5 VĂN HÓA CHÍNH TRỊ	5	Giới thiệu nội dung – trao đổi, minh họa thực tế, thảo luận.
5.1. Khái niệm, cấu trúc, chức năng văn hóa chính trị	3	Giới thiệu, minh họa, trao đổi.
5.1.1. Khái niệm văn hóa chính trị		
5.1.2. Cấu trúc văn hóa chính trị		
5.1.3. Chức năng văn hóa chính trị		
5.2. Văn hóa chính trị Việt Nam	2	Giới thiệu, minh họa, thảo luận.
5.2.1. Đặc điểm văn hóa chính trị Việt Nam		
5.2.2. Những biện pháp nâng cao văn hóa chính trị Việt Nam		
Chương 6: CÁC XU HƯỚNG CHÍNH TRỊ CỦA THẾ GIỚI ĐƯƠNG ĐẠI	4	Giới thiệu nội dung – trao đổi, minh họa thực tế, thảo luận.

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
6.1. Sự sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội Xô – viết	2	Giới thiệu
6.1.1. Đặc trưng mô hình chủ nghĩa xã hội Xô – viết		
6.1.2. Ý nghĩa lịch sử của chủ nghĩa xã hội Xô – viết		
6.1.3. Nguyên nhân sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội Xô – viết		
6.2. Những kinh nghiệm bước đầu của việc đổi mới mô hình chủ nghĩa xã hội	1	Giới thiệu, minh họa
6.2.1. Đảng Cộng sản giữ vững vai trò lãnh đạo		
6.2.2. Thực hiện nền dân chủ		
6.2.3. Hội nhập quốc tế		
6.3. Những nhân tố quy định sự phát triển chính trị của thế giới đương đại	1	Giới thiệu, trao đổi, minh họa thực tế, thảo luận.
6.3.1. Sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ hiện đại đã biến đổi nền văn minh nhân loại		
6.3.2. Dân chủ và tự do ngày càng là nhu cầu bức thiết của xã hội hiện đại		
6.3.3. Giai cấp công nhân ngày càng trở thành trung tâm của thời đại		
TỔNG KẾT MÔN HỌC	1	Nêu vấn đề, giới thiệu

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Xuân Tế, *Nhập môn khoa học chính trị*, Nhà xuất bản Tp. Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Quốc Tuấn, *Nhập môn chính trị học*, Nhà xuất bản Mũi Cà Mau, Cà Mau.
3. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, *Tập bài giảng chính trị học (hệ cao cấp lý luận chính trị)*, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

4. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, *Chính trị học, những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

5. Nguyễn Duy Quý, *Hệ thống chính trị nước ta trong thời kỳ đổi mới*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

6. Lê Minh Quân, *Nhà nước trong hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

7. Viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Chính trị học, *Thế chế chính trị thế giới đương đại*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá HP/MH

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 75 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng.

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6.

7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

TS. Lê Đình Lục

TS. Võ Thị Kim Loan

TS. Phạm Đào Thịnh

HỌC PHẦN
LOGIC HÌNH THỨC**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: LOGIC HÌNH THỨC
- Mã học phần: 820103
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 45 (25,8,5,7)
- Điều kiện để học học phần: Không
- + Đòi hỏi học phần học trước: Không
- + Đòi hỏi học phần song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 70

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Khoa Giáo dục Chính trị.

3. Mô tả học phần:

Môn học nghiên cứu các hình thức và quy luật của tư duy hình thức, nhằm đảm bảo tư duy đúng đắn. Trọng tâm nghiên cứu là phần suy luận, trong đó quan trọng nhất là suy luận diễn dịch, với một số phương pháp suy luận hiện đại. Môn học còn bao gồm phần thực hành tranh luận để nâng cao khả năng chứng minh, bác bỏ, chống nguy biện.

4. Mục tiêu học phần:**4.1. Về kiến thức**

Trang bị kiến thức về các hình thức và quy luật của tư duy hình thức, các phương pháp suy luận, chứng minh, bác bỏ, chống nguy biện.

4.2. Về kỹ năng

Nâng cao khả năng tư duy của sinh viên. Cụ thể hơn : bồi dưỡng kỹ năng tuân thủ các quy luật, quy tắc logic trong suy nghĩ, tranh luận, trình bày ý kiến; rèn luyện kỹ năng phân biệt được suy luận đúng hay sai, nhận ra và tránh nguy biện, định nghĩa các khái niệm và thuật ngữ, chứng minh hoặc bác bỏ một quan điểm, luận đề.

4.3. Về thái độ

Nghiêm túc, có cơ sở trong lập luận, chứng minh, bác bỏ. Có tinh thần phản biện trong tư duy. Tôn trọng tư duy chính xác, chặt chẽ.

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Đối tượng và phương pháp của logic học	3	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình.
1.1. Các giai đoạn nhận thức. Tư duy	1	
1.1.1. Hai giai đoạn nhận thức.		
1.1.2. Các hình thức và quy luật của tư duy		
1.2. Khoa học logic	2	
1.2.1. Logic học – Khoa học về các hình thức và quy luật của tư duy		
1.2.2. Logic hình thức và logic biện chứng		
1.2.3. Phương pháp nghiên cứu		
1.2.4. Lược sử logic học		
1.2.5. Công dụng của việc nghiên cứu logic		
Chương 2. Ngôn ngữ - Phương tiện tư duy (phân tích ngôn ngữ tự nhiên, ngôn ngữ logic vị từ)	3	Thuyết giảng + Bài tập
2.1. Phân tích ngôn ngữ tự nhiên	1	
2.2.1. Các đặc điểm của ngôn ngữ tự nhiên		
2.2.2. Các ký hiệu và phạm trù ngữ nghĩa		Thực hành phân tích câu
2.2. Ngôn ngữ logic vị từ	2	
2.2.1. Hệ ký tự		
2.2.2. Hạn từ		
2.2.3. Công thức		
2.2.4. Diễn đạt tư tưởng bằng ngôn ngữ logic vị từ		Thực hành, giải bài tập
Chương 3. Các quy luật cơ bản của tư duy	2	
3.1. Khái niệm quy luật cơ bản của tư duy	0.5	
3.2 Quy luật đồng nhất		

3.2.1. Nội dung		
3.2.2. Cơ sở khách quan		
3.2.3. Các yêu cầu cụ thể		
3.2.4. Các ví dụ		
3.3. Quy luật không mâu thuẫn	0.5	
3.3.1. Nội dung		
3.3.2. Cơ sở khách quan		
3.3.3. Các yêu cầu cụ thể		
3.3.4. Các ví dụ		
3.4. Quy luật triệt tam	0.5	
3.4.1. Nội dung		
3.4.2. Cơ sở khách quan		
3.4.3. Các yêu cầu cụ thể		
3.4.4. Các ví dụ		
2.5. Quy luật lý do đầy đủ	0.5	
2.5.1. Nội dung		
2.5.2. Cơ sở khách quan		
3.4.5. Các yêu cầu cụ thể		
3.4.6. Các ví dụ		
Chương 4. Khái niệm	3	Thuyết giảng. Thảo luận
4.1. Khái quát về khái niệm	1.5	
4.1.1. Khái niệm – một hình thức đặc biệt của tư tưởng		
4.1.2. Nội hàm và ngoại diên của khái niệm		
4.1.3. Nội hàm và ngoại diên của khái niệm		
4.1.4. Các loại khái niệm		
4.1.5. Quan hệ giữa các khái niệm		
4.2. Các thao tác với khái niệm		Sinh viên tự nghiên cứu
4.2.1. Mở rộng khái niệm		
4.2.2. Thu hẹp khái niệm		
4.2.3. Phân chia khái niệm		
4.3. Định nghĩa	1.5	

4.3.1. Định nghĩa từ và định nghĩa khái niệm		
4.3.2. Định nghĩa tường minh và định nghĩa không tường minh		
4.3.3. Các loại và phương pháp định nghĩa		
4.3.4. Quy tắc định nghĩa		
Chương 5. Phán đoán	7	Thuyết giảng. Bài tập. thực hành
5.1. Khái quát về phán đoán	1	
5.1.1. Định nghĩa		
5.1.2. Giá trị chân lý của phán đoán		
5.1.3. Phán đoán và câu		
5.1.4. Phân loại phán đoán		
5.2. Phán đoán thuộc tính đơn	2	
5.2.1. Định nghĩa		
5.2.2. Cấu trúc		
5.2.3. Các loại phán đoán thuộc tính đơn		
5.2.4. Tính chu diên của hạn từ trong phán đoán		
5.2.6. Quan hệ giữa các phán đoán thuộc tính đơn. Hình vuông và tam giác logic		
5.3. Phán đoán phức	4	
5.3.1. Định nghĩa		
5.3.2. Các loại		
5.3.3. Quy luật và mâu thuẫn logic		
5.3.4. Phương pháp xác định quy luật và mâu thuẫn logic		
5.3.5. Biến đổi tương đương		
Chương 6. Đại cương về suy luận	1	Thuyết giảng
6.1. Định nghĩa, cấu trúc		
6.1.1. Định nghĩa		
6.1.2. Cấu trúc		
6.2. Tính hợp logic và tính đúng của suy luận		
6.2.1. Tính hợp logic		
6.2.2. Tính đúng		

6.3. Phân loại suy luận		
6.3.1. Diễn dịch		
6.3.2. Quy nạp		
6.3.3. Loại suy		
Chương 7. Suy luận diễn dịch trực tiếp	1	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu lý thuyết, làm bài tập
7.1. Định nghĩa, vai trò		
7.1.1. Định nghĩa		
7.1.2. Vai trò		
7.2. Các loại		
7.2.1. Đổi chất phán đoán		
7.2.2. Đảo ngược phán đoán		
7.2.3. Đặt đối lập vị từ		
7.2.4. Suy luận dựa vào hình vuông logic		
Chương 8. Tam đoạn luận đơn	5	Thuyết giảng. Bài tập
8.1. Định nghĩa và cấu trúc	0.5	
8.1.1. Định nghĩa		
8.1.2. Cấu trúc		
8.2. Hình và kiểu	0.5	
8.2.1. Hình		
8.2.2. Kiểu		
8.3. Tiên đề và quy tắc tam đoạn luận đơn	3	
8.3.1. Tiên đề		
8.3.2. Quy tắc		
Chương 9. Suy luận với tiên đề phức	8	Thuyết giảng. Bài tập
9.1. Định nghĩa		
9.2. Suy luận thông thường	4	
9.2.1. Các dạng thức suy luận thông thường		
9.2.2. Phương pháp suy luận thông thường		
9.3. Hợp giải mệnh đề	4	
9.3.1. Quy trình INDO		
9.3.2. Quy tắc hợp giải mệnh đề		

9.3.3. Phương pháp		
9.4. Hệ suy luận tự nhiên	0	Sinh viên tự nghiên cứu
9.4.1. Các quy tắc của hệ suy luận tự nhiên		
9.4.2. Chuỗi suy luận và phép chứng minh		
9.4.3. Phương pháp suy luận, chứng minh		
Chương 10. Quy nạp	2	
10.1. Định nghĩa, cấu trúc, đặc điểm, vai trò của quy nạp trong nhận thức	1	
10.1.1. Định nghĩa		
10.1.2. Cấu trúc		
10.1.3. Đặc điểm		
10.1.4. Vai trò của quy nạp trong nhận thức		
10.2. Các phương pháp nâng cao độ tin cậy của kết luận quy nạp	1	
10.2.1. Tăng số lượng trường hợp khảo sát		
10.2.2. Căn cứ vào liên hệ nhân quả		
10.3. Các phương pháp xác định mối liên hệ nhân quả giữa các hiện tượng		
10.3.1. Phương pháp tương đồng		
10.3.2. Phương pháp dị biệt		
10.3.3. Phương pháp kết hợp tương đồng với dị biệt		
10.3.4. Phương pháp cùng biến đổi		
10.3.5. Phương pháp phần dư		
Chương 11. Suy luận tương tự	1	
11.1. Định nghĩa, cấu trúc, đặc điểm, vai trò của suy luận tương tự trong nhận thức		
11.1.1. Định nghĩa		
11.1.2. Cấu trúc		
11.1.3. Đặc điểm		
11.1.4. Vai trò của suy luận tương tự trong nhận thức		
11.2. Các phương pháp nâng cao độ tin cậy của kết luận trong suy luận tương tự		

11.2.1. Tăng số lượng các đặc điểm tương đồng là cơ sở cho kết luận		
11.2.2. Đảm bảo các đặc điểm tương đồng là đặc điểm căn bản của các đối tượng		
11.2.3. Xét mối liên hệ giữa các đặc điểm tương đồng là cơ sở với kết luận		
Chương 12. Chứng minh. Bác bỏ. Ngụy biện	6	Thuyết giảng. Tranh luận giữa các nhóm
12.1. Chứng minh		
12.1.1. Định nghĩa		
12.1.2. Cấu trúc		
12.1.3. Phương pháp chứng minh		
12.1.4. Quy tắc chứng minh		
12.2. Bác bỏ	2	
12.2.1. Định nghĩa		
12.2.2. Cấu trúc		
12.2.3. Phương pháp bác bỏ		
12.2.4. Quy tắc bác bỏ		
12.3. Ngụy biện	2	
12.3.1. Định nghĩa		
12.3.2. Các loại ngụy biện thường gặp		
12.3.3. Phương pháp bác bỏ ngụy biện		
Ôn tập	3	

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Phạm Đình Nghiệm (2015), *Nhập môn logic học*, NXB ĐHQG TP. HCM.
2. Nguyễn Đức Dân (2001), *Logic và Tiếng Việt*, NXB Giáo Dục.

6.2. Tài liệu khác

3. Trần Diên Hiển (2000), *Các bài toán và suy luận logic*, NXB Giáo Dục.
4. Hoàng Chung (1996) *Logic phổ thông*, NXB Giáo Dục.
5. Trần Hoàng *Logic học*, NXB ĐHQG TP. HCM
6. Nhiều tác giả *Các vấn đề logic truyền thống. Quyển 1*, NXB ĐHQG TP. HCM.

7. Tô Duy Hợp, Nguyễn Anh Tuấn (1997), *Logic học*, NXB Đồng Nai.

8. Hurley *A concise introduction to logic (7ed)*.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 03

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: thi vấn đáp.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.1

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1

- Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2

- Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.5

7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT **TRƯỞNG NGÀNH** **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan PGS.TS. Phạm Đình Nghiệm

HỌC PHẦN
DÂN TỘC HỌC ĐẠI CƯƠNG**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: DÂN TỘC HỌC ĐẠI CƯƠNG
- Mã học phần: 820002
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (20,5,5,0)
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Không có.
 - + Đòi hỏi học phần song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: ĐLCM của ĐCS VN và TT Hồ Chí Minh.**3. Mô tả học phần:**

Nội dung của môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về dân tộc học, cụ thể là khái niệm về dân tộc, dân tộc học, lịch sử phát triển của ngành dân tộc học, những phương pháp và thao tác trong nghiên cứu dân tộc học và các lĩnh vực của dân tộc học như: nhân chủng, ngôn ngữ, văn hóa, kinh tế, xã hội và các hình thái tôn giáo sơ khai.

4. Mục tiêu học phần**4.1. Về kiến thức:**

Sinh viên cần nắm rõ những nội dung cơ bản sau:

- Khái niệm về dân tộc, dân tộc học, lịch sử phát triển của dân tộc học, những nguyên tắc và thao tác cơ bản trong phương pháp nghiên cứu dân tộc học.
- Các lĩnh vực cụ thể của dân tộc học bao gồm: các chủng tộc trên thế giới, ngôn ngữ và văn hóa tộc người, các tiêu chí của tộc người, các vấn đề của xã hội nguyên thủy, các hình thái tôn giáo sơ khai.
- Các đặc điểm nhân chủng, ngôn ngữ, kinh tế, văn hóa, xã hội của các tộc người ở Việt Nam (dưới góc nhìn của dân tộc học).

4.2. Về kỹ năng:

Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu thông qua quá trình học tập, nghiên cứu và thảo luận; bước đầu thực hành các kỹ năng cơ bản của phương pháp điền dã trong nghiên cứu dân tộc học. Có khả năng vận dụng kiến thức của dân tộc học trong quá trình học tập, nghiên cứu và công tác sau khi hoàn thành môn học.

4.3. Về thái độ:

Nhận thức đúng về nguồn gốc của loài người, có tinh thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, góp phần thực hiện đường lối chính sách dân tộc của Đảng ta.

5. Kế hoạch dạy học HP/MH

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	4	
1.1. Dân tộc học là gì 1.2. Đối tượng, nhiệm vụ 1.3. Phương pháp nghiên cứu 1.4. Mối quan hệ giữa dân tộc học với các khoa học khác 1.5. Sơ lược lịch sử ngành dân tộc học		- Giảng viên giảng và phân tích về khái niệm, đối tượng và nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của dân tộc học. - Sinh viên thuyết trình về lịch sử, mối quan hệ giữa dân tộc học với các khoa học khác.
CHƯƠNG 2: CÁC CHUNG TỘC TRÊN THẾ GIỚI	6	
2.1. Định nghĩa chủng tộc 2.2. Các đặc điểm phân loại chủng tộc 2.3. Sự phân bố các chủng tộc trên thế giới 2.4. Chủ nghĩa chủng tộc và nguồn gốc xã hội của nó		- Giảng viên giảng về định nghĩa, sự phân bố các chủng tộc. - Sinh viên: thảo luận về chủ nghĩa chủng tộc và nguồn gốc xã hội của nó; thuyết trình về đặc điểm phân loại chủng tộc.
CHƯƠNG 3: CÁC NGỮ HỆ TRÊN THẾ GIỚI	6	
3.1. Khái niệm về ngôn ngữ và ý nghĩa của việc nghiên cứu ngôn ngữ đối với dân tộc học 3.2. Nguồn gốc ngôn ngữ tộc người 3.3. Diễn tiến của ngôn ngữ trong sự phát triển xã hội và tộc người 3.4. Các ngữ hệ trên thế giới 3.5. Các ngữ hệ ở Đông Nam Á và Việt Nam		- Giảng viên giảng và phân tích về khái niệm, nguồn gốc, diễn tiến của ngôn ngữ. - Sinh viên thuyết trình về các ngữ hệ trên thế giới, Đông Nam Á và Việt Nam.
CHƯƠNG 4: CÁC TIÊU CHÍ VÀ CÁC LOẠI HÌNH CỘNG ĐỒNG TỘC NGƯỜI		Kiểm tra giữa học phần
4.1. Các tiêu chí của tộc người	4	
4.1.1. Tiêu chí ngôn ngữ 4.1.2. Lãnh thổ tộc người 4.1.3. Cơ sở kinh tế tộc người 4.1.4. Đặc trưng sinh hoạt văn hóa và ý thức tự giác tộc người		- Giảng viên giảng về các tiêu chí tộc người. - Sinh viên tự nghiên cứu và thảo luận về các dân tộc ở Việt Nam
4.2. Các dân tộc ở Việt Nam		
CHƯƠNG 5: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA XÃ HỘI NGUYÊN THỦY	5	
5.1. Phân kỳ xã hội nguyên thủy 5.2. Những giai đoạn phát triển cơ bản của xã hội nguyên thủy 5.3. Những thành tựu của con người trong xã hội nguyên thủy		- Giảng viên giảng, kết hợp trao đổi với sinh viên về phân kỳ, các giai đoạn phát triển. - Sinh viên thuyết trình về những thành tựu của con người trong xã hội nguyên thủy.
CHƯƠNG 6: CÁC HÌNH THÁI TÔN GIÁO SƠ KHAI	5	
6.1. Khái niệm		- Giảng viên giảng và phân

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
6.2. Nguồn gốc của tôn giáo 6.2. Các hình thái tôn giáo sơ khai		tích khái niệm, nguồn gốc của tôn giáo. - Sinh viên thuyết trình về các hình thái tôn giáo sơ khai.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Lê Sĩ Giáo (Chủ biên) (2006), *Dân tộc học đại cương*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

1. Emily A. Schultz & Robert H. Lavenda (2001), *Nhân học, một quan điểm về tình trạng nhân sinh (Bản dịch)*, Nxb CTQG, Hà Nội.
2. Phạm Thành Hồ (1998), *Nguồn gốc loài người*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Ngô Văn Lê, Nguyễn Văn Tiệp (1996), *Dân tộc học đại cương*, Trường Đại học KHXH & NV - ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh.
4. Đặng Nghiêm Vạn (2005), *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam*, Nxb ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Văn Tiệp (Chủ biên) (2008), *Nhân học đại cương*, Nxb ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng, thời gian làm bài: 90 phút
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
 - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.2
 - Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2
 - Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.5
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT **TRƯỞNG NGÀNH** **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

HỌC PHẦN
KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN HÀNH CHÍNH**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN HÀNH CHÍNH
- Mã học phần: 820301
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (10,15,5,0)
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
 - + Đòi hỏi học phần song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Khoa Giáo dục chính trị

3. Mô tả học phần:

Môn học cung cấp cho người học những hiểu biết căn bản, có hệ thống về kỹ năng soạn thảo, trình bày và ban hành các loại văn bản hành chính. Nhằm trang bị những kiến thức cần thiết về kỹ năng soạn thảo, trình bày và ban hành các loại văn bản trong công tác văn phòng (các loại văn bản: quyết định, tờ trình, báo cáo, biên bản, thông báo, công văn ...) cũng như trong hoạt động kinh doanh (hợp đồng, thư thương mại ...).

4. Mục tiêu học phần:**4.1. Về kiến thức**

Cung cấp cho người học những hiểu biết căn bản về khái niệm, chức năng, các loại hình văn bản và giá trị thông tin trong văn bản. Cung cấp những kiến thức cơ bản về quy trình soạn thảo, ban hành, quản lý văn bản. Hiểu được hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam; nắm được căn bản phương thức và kỹ thuật xây dựng hệ thống văn bản hành chính.

4.2. Về kỹ năng

Có khả năng nhận diện các loại văn bản hiện đang sử dụng trong hoạt động quản lý của các cơ quan và giá trị thông tin của các văn bản đó. Có kỹ năng thực hành soạn thảo một số loại văn bản hành chính thông dụng hình thành trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

4.3. Về thái độ

Nhận thức được tầm quan trọng của thông tin văn bản, với ý nghĩa là nguồn thông tin cơ bản, quan trọng và có độ tin cậy cao, được khai thác và sử dụng thường xuyên trong hoạt động quản lý của các cơ quan tổ chức. Từ đó, người học chủ động trong việc triển khai những văn bản hành chính theo đúng quy định.

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Khái quát về văn bản quản lý nhà nước	3	
1.1. Khái niệm về văn bản và văn bản quản lý nhà nước		Thuyết giảng – Câu hỏi
1.1.1. Văn bản		
1.1.2. Văn bản quản lý nhà nước		
1.2. Chức năng của văn bản		
1.2.1. Chức năng thông tin		
1.2.2. Chức năng quản lý		
1.2.3. Chức năng pháp lý		
1.2.4. Chức năng văn hóa – xã hội		
Chương 2. Hệ thống văn bản quản lý nhà nước	7	SV thuyết trình – Thảo luận – Bài tập nhóm
2.1. Khái niệm về hệ thống và hệ thống văn bản quản lý nhà nước		
2.1.1. Khái niệm hệ thống		
2.1.2. Khái niệm hệ thống văn bản quản lý nhà nước		
2.2. Phân loại văn bản quản lý nhà nước		
2.2.1. Ý nghĩa và tiêu chí phân loại		
2.2.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật		
2.2.3. Văn bản hành chính		
2.2.4. Văn bản chuyên ngành		
2.2.5. Văn bản của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội		
2.3. Phân loại bản sao văn bản		
2.3.1. Các loại bản sao văn bản		
2.3.2. Quy định viết tắt tên loại văn bản, bản sao văn bản		
2.4. Hiệu lực của văn bản		
2.4.1. Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật		
2.4.2. Hiệu lực của văn bản hành chính		
Chương 3. Những yêu cầu về nội dung văn bản - Thể thức văn bản – Văn phong và ngôn ngữ văn bản	10	SV thuyết trình – Thảo luận – Bài tập nhóm – Câu hỏi trắc nghiệm chương 2 & 3
3.1. Những yêu cầu về nội dung của văn bản		
3.1.1. Tính mục đích		
3.1.2. Tính khoa học		
3.1.3. Tính đại chúng		
3.1.4. Tính quy phạm		
3.1.5. Tính khả thi		
3.2. Những yêu cầu về thể thức của văn bản		
3.2.1. Khái niệm		
3.2.2. Mục đích		
3.2.3. Các yếu tố của thể thức và kỹ thuật trình bày các yếu tố thể thức		
3.3. Văn phong và ngôn ngữ văn bản		

3.3.1. Khái niệm văn phong hành chính – công vụ		
3.3.2. Đặc điểm của văn phong hành chính – công vụ		
3.3.3. Ngôn ngữ văn bản		
Chương 4. Soạn thảo một số loại văn bản hành chính thông thường	10	SV thuyết trình – Thảo luận – Bài tập cá nhân
4.1. Trình tự soạn thảo và ban hành văn bản		
4.1.1. Khái niệm		
4.1.2. Trình tự soạn thảo và ban hành văn bản		
4.2. Soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường		
4.2.1. Quyết định		
4.2.2. Công văn		
4.2.3. Thông báo		
4.2.4. Báo cáo		
4.2.5. Biên bản		
4.2.6. Tờ trình		
4.2.7. Kế hoạch		
4.2.8. Hợp đồng		
4.2.9. Công điện		
4.2.10. Thư công		
4.2.11. Các loại giấy, các loại phiếu		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Học viện Hành chính Quốc gia - Khoa Văn bản và Công nghệ hành chính (2006), *Giáo trình kỹ thuật xây dựng và ban hành văn bản*, nhà xuất bản Giáo dục.

2. Văn bản: *Thông tư số 01/2011/TT-BNV* ngày 19 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

6.2. Tài liệu khác

1. TS. Lưu Kiếm Thanh (2002), *Hướng dẫn soạn thảo văn bản quản lý hành chính nhà nước*, nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

2. ThS. Vương Thị Kim Thanh (2006), *Kỹ thuật soạn thảo và trình bày văn bản*, nhà xuất bản Thống kê.

3. Trường Đại học Luật Hà Nội (2004), *Giáo trình Kỹ thuật xây dựng văn bản*, nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.

6.3. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan

1) *Hiến pháp* năm 1992, bổ sung năm 2001.

2) *Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12* ngày 03/6/2008.

3) *Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật* của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân số 31/2004/QH11 ngày 03 tháng 12 năm 2004.

4) *Nghị định số 110/2004/NĐ-CP* ngày 08 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ quy định về công tác văn thư.

5) *Nghị định* số 09/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung *Nghị định* số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư.

6) *Thông tư* số 25/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tư pháp về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và văn bản quy phạm pháp luật liên tịch.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 75 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng.

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6.

7.5. Điểm của HP/MH là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT **TRƯỞNG NGÀNH** **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan ThS. Lê Hùng Điệp

HỌC PHẦN
LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
- Mã học phần: 820302
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 45 (30,15,0,0)
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin.
 - + Đòi hỏi học phần song hành: Không.
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.

3. Mô tả học phần:

Học phần được kết cấu thành 4 chương, giới thiệu khái quát tư tưởng chính trị Việt Nam từ thời dựng nước đến đầu thế kỷ XX.

Đặc biệt, học phần đi sâu, làm rõ những tư tưởng chính trị cơ bản qua các triều đại phong kiến Việt Nam, tư tưởng chính trị của một số nhà tư tưởng lớn, sự kế thừa, phát triển tư tưởng chính trị của dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Về kiến thức:

Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về Lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam trong các thời kỳ lịch sử của dân tộc Việt Nam.

4.2. Về kỹ năng:

Sinh viên biết nắm bắt các nội dung, đặc điểm cơ bản của lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam, từ đó rút ra được những bài học kinh nghiệm và ý nghĩa lịch sử của nó đối với công cuộc đổi mới ở Việt Nam.

4.3. Về thái độ:

Sinh viên học tập nghiêm túc, có thái độ tích cực tìm hiểu các nội dung, đặc điểm lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam, có thái độ khách quan khi đánh giá nhận xét về các nội dung, đặc điểm đó. Nhận diện được các tư tưởng tích cực hay tiêu cực, tiến bộ hay phản động

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Nhập môn lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam	5	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
1.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam		
1.1.1. Khái niệm lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam		
1.1.2. Đối tượng nghiên cứu của lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam		
1.1.3. Phương pháp nghiên cứu lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam		
1.2. Vai trò và nguyên tắc của môn lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam		
1.2.1. Vai trò của môn học		
1.2.2. Các nguyên tắc của môn học		
Chương 2. Tư tưởng chính trị Việt Nam từ thời dựng nước đến hết thế kỷ XIV	12	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
2.1. Tư tưởng chính trị của cư dân Việt buổi đầu dựng nước		
2.1.1. Hoàn cảnh lịch sử buổi đầu dựng nước		
2.1.2. Tư tưởng chính trị cơ bản		
2.2. Tư tưởng đấu tranh giành độc lập, chống Hán hóa		
2.2.1. Sự du nhập tư tưởng thống trị phương Bắc		
2.2.2. Tư tưởng chống Hán hóa		
2.3. Tư tưởng chính trị Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV		
2.3.1. Bối cảnh lịch sử		
2.3.2. Nội dung cơ bản tư tưởng chính trị		

Chương 3. Tư tưởng chính trị Việt Nam từ thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XVIII	12	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + nêu vấn đề. Tổ chức thuyết trình nhóm.
3.1. Tư tưởng chính trị Việt Nam thế kỷ XV		
3.1.1. Điều kiện lịch sử, xã hội		
3.1.2. Những nội dung cơ bản tư tưởng chính trị		
3.2. Tư tưởng chính trị Việt Nam thời kỳ khủng hoảng và chia cắt đất nước (thế kỷ XVI-XVII)		
3.2.1. Bối cảnh lịch sử		
3.2.2. Những nội dung cơ bản tư tưởng chính trị		
3.3. Tư tưởng chính trị Việt Nam thế kỷ XVIII		
3.3.1. Tình hình lịch sử xã hội		
3.3.2. Những nội dung cơ bản tư tưởng chính trị		
Chương 4. Tư tưởng chính trị Việt Nam từ thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX	16	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + nêu vấn đề. Thuyết trình nhóm.
4.1. Tư tưởng chính trị Việt Nam thế kỷ XIX		
4.1.1. Những biến động lịch sử với sự hình thành tư tưởng chính trị Việt Nam thế kỷ XIX		
4.1.2. Những nội dung và đặc điểm của tư tưởng chính trị Việt Nam thế kỷ XIX		
4.2. Tư tưởng chính trị Việt Nam đầu thế kỷ XX		
4.2.1. Bối cảnh lịch sử		
4.2.2. Tư tưởng chính trị đầu thế kỷ XX		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Tài Thư (chủ biên) (1997), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia.
2. Lê Sĩ Thắng (1997), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, tập 2, Nxb. KHXH, Hà Nội.
3. Trần Văn Giàu (1993), *Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, tập 1,2,3, Nxb thành phố Hồ Chí Minh.

4. Nguyễn Hoài Văn (2010), *Đại cương lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Doãn Chính, Phạm Đào Thịnh (2007), *Quá trình chuyển biến tư tưởng chính trị Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX qua các nhân vật tiêu biểu*, Nxb. CTQG, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

6. Huỳnh Công Bá (2006), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa, Huế.

7. Lê Văn Quán (2008), *Lịch sử tư tưởng chính trị-xã hội Việt Nam từ Bắc Thuộc đến thời kỳ Lý-Trần*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 75 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng.

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6.

7.5. Điểm của HP/MH là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

TS. Lê Đình Lục

TS. Võ Thị Kim Loan

TS. Phạm Đào Thịnh

HỌC PHẦN
LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ
- Mã học phần: 820052
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 45 (30,10,5,0)
- Điều kiện để học học phần: Không
- + Đòi hỏi học phần học trước: Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin
- + Đòi hỏi học phần song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Khoa Giáo dục Chính trị.

3. Mô tả học phần:

Qua việc nghiên cứu, phân tích các lý thuyết kinh tế hình thành cơ sở lý luận để giải quyết các vấn đề cụ thể trong quá trình vận dụng vào thực tiễn quá trình sản xuất kinh doanh: Hình thành và phát triển kỹ năng phân tích, nhận xét các biến động về kinh tế; Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi; Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và vận dụng các kiến thức kinh tế trong xây dựng và phát triển kinh tế

4. Mục tiêu cụ thể của HP/MH (Chuẩn đầu ra của HP/MH)

4.1. Về kiến thức:

Trang bị một cách có hệ thống những nội dung cơ bản của môn học lịch sử các học thuyết kinh tế. Góp phần giúp sinh viên nhận thức lý luận kinh tế và vận dụng vào thực tiễn phát triển nền kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta .

4.2. Về kỹ năng:

Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu bản chất của hiện tượng kinh tế, tính quy luật và xu hướng vận động của các hiện tượng và quy luật của kinh tế thị trường.

Khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu môn kinh tế cụ thể như kinh tế vĩ mô, kinh tế học phát triển, kinh tế quốc tế và một số môn kinh tế khác. Hình thành và phát

triển (một bước) năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề kinh tế vi mô, cũng như kinh tế vĩ mô.

4.3. Về thái độ:

Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá đường lối, chính sách, kinh tế của Nhà nước VN trong việc phát triển kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước.

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Đối tượng, phương pháp, mục đích của lịch sử các học thuyết kinh tế	2	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
1.1. Một số vấn đề chung	1	
1.1.1. Tư tưởng kinh tế		
1.1.2. Học thuyết kinh tế		
1.1.3. Cách tiếp cận		
1.2. Đối tượng, phương pháp, mục đích nghiên cứu của lịch sử các học thuyết kinh tế	1	
1.2.1. Đối tượng nghiên cứu		
1.2.2. Phương pháp nghiên cứu		
1.2.3. Mục đích, ý nghĩa của lịch sử các học thuyết kinh tế.		
Chương 2. Tư tưởng kinh tế thời cổ đại và trung đại	1	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại+ Thảo luận
2.1. Tư tưởng kinh tế thời Cổ đại	0.5	
2.1.1. Hoàn cảnh xuất hiện		
2.1.2. Các đặc điểm kinh tế chủ yếu		
2.1.3. Các tác giả tiêu biểu		
2.2. Tư tưởng kinh tế thời Trung đại	0.5	Thảo luận nhóm
2.2.1. Các đặc điểm kinh tế chủ yếu		

2.2.2. Những tác giả tiêu biểu		
Chương 3. Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa trọng thương và chủ nghĩa trọng nông	2	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại + Thảo luận
3.1. Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa trọng thương	1	
3.1.1. Khái quát chung về chủ nghĩa Trọng Thương		
3.1.2. Hai giai đoạn phát triển của chủ nghĩa Trọng Thương		
3.1.3. Sự biểu hiện của chủ nghĩa Trọng Thương ở một số nước		
3.1.4. Vị trí lịch sử của chủ nghĩa Trọng Thương		
3.2. Trường phái Trọng Nông	1	Thảo luận nhóm
3.2.1. Khái quát chung về chủ nghĩa Trọng Nông		
3.2.2. Các lý thuyết kinh tế		
Chương 4. Các học thuyết kinh tế tư sản cổ điển	7	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại + Thảo luận
4.1. Khái quát chung về học thuyết kinh tế Tư sản cổ điển	1	
4.1.1. Hoàn cảnh xuất hiện		
4.1.2. Đặc điểm		
4.2. Học thuyết kinh tế của William Petty (1623-1687)	1	
4.2.1. Tiểu sử và hoàn cảnh		
4.2.2. Các lý thuyết kinh tế		
4.3. Học thuyết kinh tế của Adam Smith (1723-1790)	2	
4.3.1. Tiểu sử và hoàn cảnh		
4.3.2. Các lý thuyết kinh tế tiêu biểu		
4.4. Học thuyết kinh tế của David Ricardo (1772-1823)	2	
4.4.1. Tiểu sử và hoàn cảnh xuất hiện		
4.4.2. Các lý thuyết kinh tế		
4.5. Học thuyết kinh tế của Jean Baptiste Say	0.5	

4.5.1. Tiểu sử và hoàn cảnh xuất hiện		
4.5.2. Các lý thuyết kinh tế		Thảo luận nhóm
4.6. Học thuyết kinh tế của Thomas Robert Malthus (1766-1834)	0.5	
4.6.1. Tiểu sử và hoàn cảnh xuất hiện		
4.6.2. Các lý thuyết kinh tế		Thảo luận nhóm
Chương 5. Học thuyết kinh tế tiểu tư sản	2	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại + Thảo luận
5.1. Tiền đề kinh tế - xã hội phát sinh lý luận kinh tế tiểu tư sản	0.5	
5.2. Học thuyết kinh tế Simonde de Sismondi (1773-1842)	0.75	
5.2.1. Sự kế thừa và cách nhìn mới về các phạm trù kinh tế		
5.2.2. Nguyên nhân của khủng hoảng và một giải pháp mang tính chất tiểu tư sản		
5.3. Học thuyết kinh tế Pierre Joseph Proudhon (1809-1885)	0.75	Thảo luận nhóm
5.3.1. Lý luận về một giá trị cấu thành		
5.3.2. Sự chống lại sở hữu và cải tạo trong phân phối		
Chương 6. Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa xã hội không tưởng	2	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại + Thảo luận
6.1. Khái quát chung về Chủ nghĩa xã hội không tưởng.	0.5	
6.2. Học thuyết kinh tế Saint Simon (1761-1825)	0.5	
6.2.1. Phê phán CNTB gắn liền với lịch sử		
6.2.2. Hình dung về một hệ thống xã hội mới		
6.3. Học thuyết kinh tế Charles Pourer (1772-1837)	0.5	
6.3.1. Sự phê phán CNTB		
6.3.2. Kế hoạch xây dựng xã hội tương lai		
6.4. Học thuyết kinh tế Robert Owen (1771-1858)	0.5	Kiểm tra

6.4.1. Sự hỗn loạn của kinh tế tư bản		
6.4.2. Dự án về thế giới lý tưởng		
Chương 7. Học thuyết kinh tế Mác Xít	4	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại + Thảo luận
7.1. Khái quát chung	1	
7.1.1. Sơ lược về tiểu sử, Karl Marx (1818-1883), Friedrich Engels (1820-1895, hoàn cảnh xuất hiện		
7.1.2. Đặc điểm		
7.1.3. Quá trình hình thành học thuyết kinh tế của Karl Marx (1818-1883)		
7.2. Các lý thuyết kinh tế cơ bản của Karl Marx và Friedrich Engels	2	
7.2.1. Quan niệm mới về đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị		
7.2.2. Lý luận giá trị - lao động		
7.2.3. Lý luận giá trị thặng dư		
7.2.4. Lý luận tiền lương		
7.2.5. Lý luận về tích lũy tư bản		
7.2.6. Lý luận về tái sản xuất		
7.2.7. Lý luận về phân phối		
7.3. Sự phát triển học thuyết kinh tế Mác xít thời kỳ V.I. Lenin (1870-1924)	1	
7.3.1. Học thuyết kinh tế của V.I. Lenin về chủ nghĩa đế quốc		
7.3.2. Những quan điểm của V.I.Lenin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội		Thảo luận nhóm
Chương 8. Học thuyết kinh tế của trường phái Tân cổ điển	2	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại + Thảo luận
8.1. Khái quát chung	0.5	

8.1.1. Hoàn cảnh ra đời		
8.1.2. Đặc điểm		
8.2. các học thuyết kinh tế chủ yếu	1.5	
8.2.1. Trường phái thành Vienne (Áo)		
8.2.2. Trường phái Colombia (Mỹ)		
8.2.3. Trường phái Lausanne (Thụy Sĩ)		
8.2.4. Trường phái Cambridge (Anh)		Thảo luận nhóm
Chương 9. Các học thuyết kinh tế của trường phái Keynes	6	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại + Thảo luận
9.1. Khái quát chung	1	
9.1.1. Hoàn cảnh ra đời		
9.1.2. Đặc điểm		
9.2. Nội dung lý thuyết của Keynes	4	
9.2.1. Khuynh hướng tiêu dùng giới hạn và khuynh hướng tiết kiệm giới hạn		
9.2.2. Lãi suất tư bản cho vay		
9.2.3. Hiệu quả giới hạn của tư bản		
9.2.4. Đầu tư và mô hình số nhân		
9.2.5. Thuyết “Quân bình tự nhiên khiếm dụng” hay lý thuyết “suy thoái” của Keynes.		
9.2.6. Lý luận tổng cầu		
9.2.7. Lý thuyết “Điều chỉnh kinh tế Nhà nước” của Keynes		
9.3. Các trào lưu của trường phái Keynes	1	
9.3.1. Trường phái Keynes ở Mỹ		
9.3.2. Trường phái Keynes ở Pháp		Thảo luận nhóm
Chương 10. Các học thuyết kinh tế của chủ nghĩa tư do mới	5	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại + Thảo luận

10.1. Khái quát chung.	0.5	
10.2. Một số trường phái cơ bản của Chủ nghĩa tự do mới	2	
10.2.1. Lý thuyết ứng xử của người tiêu dùng và thu nhập		
10.2.2. Lý thuyết chu kỳ tiền tệ và thu nhập quốc dân		
10.3. Lý thuyết kinh tế của trường phái Trọng cung ở Mỹ	1	
10.3.1. Lịch sử lý thuyết trọng cung		
10.3.2. Nội dung cơ bản của thuyết trọng cung hiện đại		
10.3.3. Ứng dụng lý thuyết trọng cung		
10.4. Lý thuyết về nền kinh tế thị trường – xã hội ở Cộng hoà liên bang Đức	1.5	
10.4.1. Đặc trưng cơ bản của lý thuyết kinh tế thị trường – xã hội		
10.4.2. Các chức năng cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường – xã hội		
10.4.3. Yếu tố xã hội trong nền kinh tế thị trường – xã hội		
10.4.4. Vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường – xã hội		
Chương 11. Học thuyết kinh tế trường phái chính hiện đại	4	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại + Thảo luận
11.1. Khái quát chung	1	
11.1.1. Hoàn cảnh xuất hiện		
11.1.2. Đặc điểm, phương pháp luận		
11.2. Lý thuyết nền kinh tế hỗn hợp	3	
11.2.1. Cơ chế thị trường		
11.2.2. Vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường		Thảo luận nhóm
Chương 12. Các lý thuyết tăng trưởng và phát triển kinh tế hiện đại	8	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại + Thảo luận

12.1. Khái niệm tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế	0.5	
12.1.1. Khái niệm tăng trưởng kinh tế		
12.1.2. Khái niệm phát triển kinh tế		
12.2. Các lý thuyết tăng trưởng và phát triển kinh tế	4.5	
12.2.1. Lý thuyết cất cánh của W.W. Rosrow		
12.2.2. Lý thuyết về cái vòng luẩn quẩn và “Cú huých” từ bên ngoài		
12.2.3. Lý thuyết về mô hình kinh tế nhị nguyên		
12.2.4. Lý thuyết tăng trưởng kinh tế ở các nước châu Á gió mùa		
12.3. Những mô hình trao đổi quốc tế	3	
12.3.1. Mô hình David Ricardo		
12.3.2. Mô hình Heckscher-Ohlin		
12.3.3. Mô hình khoảng cách kỹ thuật.		Thảo luận nhóm

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (2009), *Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB Đại học Quốc gia.
2. Trần Bình Trọng (2010), *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB ĐHQG TP.HCM

6.2. Tài liệu khác

3. Mai Quế Anh, Phan Văn Chiến, Nguyễn Ngọc Thanh (1992), *Lịch sử tư tưởng kinh tế*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
4. Các học thuyết kinh tế phương tây hiện đại (1993) - NXB Khoa học xã hội, Hà Nội
5. Mai Ngọc Cường (2005), *Lịch sử các học thuyết kinh tế, (cấu trúc, hệ thống, bổ sung, phân tích và nhận định mới)*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
6. Paul A. Samuelson và William D. Nordhaus (1992), *Kinh tế học tóm lược*, Viện Kinh tế học, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. John Maynard Keynes (2004), *Lý thuyết chung về việc làm, lãi suất tiền tệ*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
8. Karl Marx-F. Engels, Tuyển tập, (1980), *tập I, tập II, tập IV*, NXB Sự thật, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng, thời gian làm bài: 90 phút
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:
- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
 - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.2
 - Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2
 - Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.5
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT **TRƯỞNG NGÀNH** **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan TS. Võ Thị Kim Loan

HỌC PHẦN
VẬN ĐỘNG THEO NHẠC**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: VẬN ĐỘNG THEO NHẠC
- Mã học phần: 820303
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 45 (30,10,5,0)
- Điều kiện để học học phần: Không
- + Đòi hỏi học phần học trước: Không.
- + Đòi hỏi học phần song hành: Không.
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách HP/MH: Giáo dục Âm nhạc và Tạo hình.**3. Mô tả học phần:**

Khái niệm về nghệ thuật múa; Các động tác cơ bản múa dân gian dân tộc; Ngôn ngữ múa Quốc tế; Thực hành biên soạn các động tác vận động theo nhạc theo tác phẩm âm nhạc.

4. Mục tiêu cụ thể của HP/MH:

4.1. Về kiến thức:

- Nắm vững các hình thức múa dân gian dân tộc.
- Nắm vững các điệu nhảy cổ điển.
- Nắm vững nội dung tổ chức vận động theo nhạc.

4.2. Về kỹ năng:

- Biết múa các điệu múa cơ bản và vận dụng vào 1 số bài múa.
- Biên soạn bài múa vận động theo nhóm.

4.3. Về thái độ:

- Tích cực rèn luyện kỹ năng múa.

5. Kế hoạch dạy học HP/MH:

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: Khái niệm về nghệ thuật múa	7	+ PP dạy - Thuyết giảng
1.2. Định nghĩa về nghệ thuật múa.		+ PP học
1.3. Nguồn gốc của nghệ thuật múa.		- Thảo luận nhóm
1.4. Các loại hình nghệ thuật múa.		

1.5. Nghệ thuật múa đối với đời sống xã hội.		- Thuyết trình
1.6. Nghệ thuật múa với trẻ thơ.		
Chương 2: Các động tác cơ bản múa dân gian dân tộc.	21	+ PP dạy: - Thực hành
2.1. Một số động tác múa dân gian đồng bằng Bắc Bộ:		+ PP học: - Thảo luận nhóm
2.1.1. Tám phương hướng cơ bản + 6 thế tay và 6 thế chân.		- Thực hành nhóm + Đánh giá
2.1.2. Hải đảo + guộn đèn.		- Qua bài tập thực hành
2.1.3. Vuốt guộn đuôi (hạ, trung, thượng).		
2.1.4. Quay ngang di động + Đi lướt .		
2.1.5. Mỡ nhac chân – Mỡ mời.		
2.1.6. Mỡ sệt chân – Mỡ nhảy quay – Mỡ đôi chổ.		
2.2. Một số động tác múa dân gian miền núi phía Bắc (Hơ Mông)		
2.2.1. Đi xúng xính.		
2.2.2. Đánh vòng khăn.		
2.2.3. Đi ngang tung khăn.		
2.3. Dân gian Thái:		
2.3.1 . Xòe Thái		
2.3.2. Đi phong thổ		
2.4. Dân gian Tây nguyên:		
2.4.1. Nhún đưa hông		
2.4.2. Sát coong – Đi rung Tây Nguyên.		
Chương 3: Ngôn ngữ múa Quốc tế.	7	+ PP dạy: - Thực hành
Các điệu nhảy cổ điển:		+ PP học: - Thảo luận nhóm
Disco – Chachacha – Beboop		- Thực hành nhóm
Rumba – Tango		+ Đánh giá
Vasle – Bostone		- Qua bài tập thực hành
Chương 4: Thực hành biên soạn các động tác vận động theo nhạc theo tác phẩm âm nhạc mầm non	10	+ PP dạy: - Thuyết giảng - Thực hành
Thực hành biên soạn các động tác vận động theo nhạc cho trẻ nhà trẻ		+ PP học:- Thảo luận nhóm - Thực hành nhóm
Thực hành biên soạn các động tác vận động theo nhạc cho trẻ mẫu giáo		+ Đánh giá: Qua bài thực hành theo nhóm và cá nhân

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Lê Anh Hợp (1996) *Vận động theo nhạc và múa*, NXB Hà Nội.
2. Lâm Tô Lộc (1994), *Múa dân gian các dân tộc Việt Nam*, NXB VHDT, Hà Nội.
3. Trần Đức Viễn , Hồng Quý (1996), *Múa dân gian dân tộc*, NXB Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

1. PGS.TS Lê Ngọc Canh (2002), *Đại cương nghệ thuật múa*, NXB VHNT Hà Nội.
2. PGS.TS Lê Ngọc Canh (2004), *Phương pháp kết cấu kịch bản múa*, NXB VHNT Hà Nội.
3. PGS – TS Lê Ngọc Canh (2006), *Nghệ thuật múa thế giới*, NXB VHNT Hà Nội Trường đại học văn hóa TpHCM.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng, thời gian làm bài: 90 phút
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
 - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.2
 - Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2
 - Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.5
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan Hoàng Chu Hiệp

HỌC PHẦN
THƯỜNG THỨC MỸ THUẬT**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Thường thức mỹ thuật
- Mã học phần: 820304
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thực địa): 45 (30,15,0,0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: không
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật**3. Mô tả học phần**

Học phần Thường thức Mỹ thuật cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mỹ thuật tạo hình, giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về lịch sử phát triển của mỹ thuật thế giới và Việt Nam, cách sử dụng ngôn ngữ hội họa và cảm thụ tác phẩm mỹ thuật.

4. Mục tiêu học phần**4.1. Về kiến thức**

- Sinh viên biết sơ lược về quá trình phát triển của lịch sử Mỹ thuật thế giới và lịch sử Mỹ thuật Việt Nam từ thời kỳ nguyên thủy đến đầu thế kỷ 20.
- Sinh viên biết về các yếu tố tạo hình cơ bản và các phong cách thể hiện một tác phẩm mỹ thuật.

4.2. Về kỹ năng

- Sinh viên phân biệt được các tác phẩm mỹ thuật thuộc các thời kỳ lịch sử khác nhau trong quá trình phát triển của Mỹ thuật thế giới và Mỹ thuật Việt Nam.
- Sinh viên vận dụng được kiến thức cơ bản về các yếu tố tạo hình để phân tích, cảm nhận được một tác phẩm mỹ thuật.

4.3. Về thái độ

- Sinh viên cảm nhận, trân trọng vẻ đẹp trong thiên nhiên và trong cuộc sống.

- Sinh viên tôn trọng các tác phẩm nghệ thuật, quá trình lao động sáng tạo của những người xung quanh và của bản thân.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Khái quát về mỹ thuật tạo hình	15	Thuyết trình, minh họa bằng (Power Point, hình ảnh)
1.1. Sơ lược về lịch sử Mỹ thuật thế giới	10	
1.1.1. Tiến trình phát triển của Mỹ thuật thế giới		
1.1.2. Các trường phái mỹ thuật tiêu biểu		
1.2. Sơ lược về lịch sử Mỹ thuật Việt Nam	5	
1.2.1. Tiến trình phát triển của Mỹ thuật Việt Nam		
1.2.2. Các tác giả, tác phẩm tiêu biểu		
Chương 2. Các loại hình mỹ thuật	30	
2.1. Điêu khắc	10	
2.1.1. Ngôn ngữ tạo hình trong điêu khắc		
2.1.2. Ứng dụng nghệ thuật điêu khắc trong cuộc sống		
2.2. Hội họa	15	
2.2.1. Ngôn ngữ tạo hình trong hội họa		
2.2.3. Phong cách thể hiện tác phẩm hội họa		
2.2.4. Ứng dụng hội họa trong cuộc sống		
2.3. Đồ họa	5	
2.3.1. Đồ họa truyền thống		
2.3.2. Đồ họa hiện đại		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Phạm Thị Chinh (2010), *Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam*, NXB ĐHSP, Hà Nội.
2. Sister Wendy Beckett - Phạm Khải dịch (2005), *Câu chuyện Nghệ Thuật Hội Họa - Từ Tiền Sử Đến Hiện Đại*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
3. Ocvirk - Stinson - Wigg - Bone - Cayton - Lê Thành dịch (2006), *Những nền tảng của mỹ thuật - Lý thuyết và thực hành*, NXBMỹ thuật, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

4. Michael Kampen O'Riley - Phan Quang Định dịch (2005), *Những nền mỹ thuật ngoài phương Tây*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
5. Laurie Schneider Adams - Trần Văn Huân dịch (2006), *Khám phá thế giới mỹ thuật*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.

6. P. Fride & R. Carrasat & I. Marcade - Lê Thanh Lộc dịch (2009), *Các phong trào hội họa*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
7. Nguyễn Phúc (2006), *Xem, hiểu và thưởng thức các tác phẩm nghệ thuật tạo hình*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Tp.HCM.
8. Michael Levey - Huỳnh Văn Thanh dịch (2007), *Lịch sử nghệ thuật phương Tây*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
9. Nguyễn Trân (2005), *Các thể loại và loại hình Mỹ thuật*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
 - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1;
 - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;
 - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan ThS. Cao Minh Hồng Hạnh

HỌC PHẦN MÚA

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Múa
- Mã học phần: 820305
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thực hành): 45 (10; 10; 25)
- Trình độ đào tạo: đại học.
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Không.
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không.
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 25

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa Nghệ thuật.

3. Mô tả học phần

Múa Cổ điển châu Âu

- * Các dạng bài tập cơ bản trong giống
- * Bài tập cơ bản ngoài giống

Múa Dân gian – Dân tộc

- * Dân tộc Việt
- * Chuyển động có sắc thái

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

Nắm được kỹ năng cơ bản về các động tác của Ballet. Hiểu nguồn gốc và đặc trưng của múa dân gian, dân tộc. Thực hành biểu diễn được các điệu múa cơ bản.

4.2. Về kỹ năng

Biết sử dụng và thực hành các chuỗi động tác thành một bài tập. Biết múa dân gian một cách nhẹ nhàng, uyển chuyển và duyên dáng, nắm được những nét dáng của các điệu múa mỗi dân tộc, thể hiện được sắc thái đặc trưng khác nhau cho từng điệu múa. Đảm bảo được tính thẩm mỹ, tính biểu diễn và tính cơ bản.

4.3. Về thái độ

Có trách nhiệm quý sức khỏe, tác phong nhanh nhẹn, làm chủ được những hành vi của bản thân, có tính kiên trì và chăm chỉ luyện tập. Có ý thức giữ gìn và phát huy giá trị của nghệ thuật múa dân gian dân tộc.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1 Múa Cổ điển châu Âu	20	
1.1. Các dạng bài tập cơ bản trong going	10	
1.1.1. Bài tập Demi plié - Battements tendu		
1.1.2. Battements Jéte - Rond de jambe par terre		
1.1.3. Battements Fondu - Battemets Frappé		
1.1.4. Adagio - Grand Battements Jéte – Jelevé		
1.1.5. Souté – Échappé. Ballancé.		
1.1.6. Port de Bra 1,2.		
1.2. Bài tập cơ bản ngoài going	10	
1.2.1. Templié		
1.2.2. Arabesque 1,2,3,4		
1.2.3. Walzt		
Chương 2 Múa Dân gian – Dân tộc	25	
2.1. Dân tộc Việt	15	
2.1.1. Các thế của tay và chân: 6 thế tay – 6 thế chân		
2.1.2. Bước đi hình thoi – Đi thế 2 bằng, nhún, kiễng.		
2.1.3. Quay ngang di động – Guận đèn.		
2.1.4. Guận ngón Hạ- Trung –Thượng.		
2.1.5 Hái đào 1 tay, 2 tay.		
2.2. Chuyển động có sắc thái	10	
2.2.1. Bắt trước động tác các con vật.		
2.2.2. Những hoạt động của hình thể con người		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Trịnh Út Nghiêm biên soạn (2005), *Giáo trình giảng dạy Ballet cho hệ trung cấp trường nghệ thuật quân đội*

2. Hạnh Năm, (2006), *Giáo trình giảng dạy hình thể cho diễn viên kịch –điện ảnh*, trường ĐH Sân khấu – Điện ảnh biên soạn

6.2. Tài liệu khác

3. *Đĩa DVD Swan lake- Donquixote – Nut Cracker – Dizen*

4. *Đĩa DVD nhạc kịch “ Cat” của Mỹ.*

5. Đoàn múa Cloud Gate Đài Loan, *đĩa DVD múa đương đại “ Dream Bamboo”*

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 04

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: thực hành.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng.

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành 1: hệ số 0.2;

- Điểm thực hành 2: hệ số 0.3;

- Điểm thực hành 3: hệ số 0.4;

7.5. Điểm của HP/MH là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục

TS. Võ Thị Kim Loan ThS. Nguyễn Đức Thành

HỌC PHẦN
THANH NHẠC PHỔ THÔNG**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Thanh nhạc phổ thông
- Mã học phần: 820306
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thực hành): 45 (10; 10; 25)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 25

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa Nghệ thuật**3. Mô tả học phần**

Sinh viên học tập theo nhóm, cá nhân. Hiểu biết, nắm vững và áp dụng những kiến thức cơ bản về lý thuyết thanh nhạc vào phương pháp thực hành và luyện tập hát từ đơn giản đến khó dần theo yêu cầu của chương trình học.

4. Mục tiêu học phần**4.1. Về kiến thức**

Người học biết cách hít thở trong ca hát, cách phát âm trong ca hát, câu luyện thanh thuộc quãng mấy, bài luyện thanh sử dụng kỹ thuật hát liền tiếng hay ngắt tiếng, lấy hơi chỗ nào cho đúng.

4.2. Về kỹ năng

Các cách rèn luyện ứng dụng kỹ thuật luyện thanh trên lớp, rèn luyện bài tập ở nhà. Thực hành cách lấy hơi, cách phát âm trong ca hát.

4.3. Về thái độ

Giúp người học hiểu biết thêm kiến thức bộ môn, có thái độ ham học hỏi, ý thức được luyện tập chuyên cần, thường xuyên.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1 Một số vấn đề về ca hát	20	
1.1. Giới thiệu giọng người và một số bộ phận hỗ trợ cho giọng hát	10	
1.1.1. Bộ phận hô hấp (hơi thở): khí quản, chi khí quản, phế quản, hai buồng phổi, lồng ngực, hoành – cách – mô.		
1.1.2. Cách hít thở thông thường trong ca hát.		
1.1.3. Bài luyện tập hơi thở		
1.3.4. Ứng dụng hơi thở trong xử lý tác phẩm thanh nhạc		
1.2. Cơ quan phát âm và phương pháp phát âm.	10	
1.2.1. Tư thế hát		
1.2.2. Bộ phận phát âm và nhả chữ		
1.2.3. Một số kỹ thuật hát cơ bản.		
1.2.4. Phương pháp phát âm		
Chương 2 Một số kỹ thuật ca hát	25	
2.1. Quan điểm sư phạm trong vấn đề kỹ thuật thanh nhạc	10	
2.1.1. Kỹ thuật luyện thanh cơ bản		
2.1.2. Tập luyện hít thở, lấy hơi, giữ hơi trong ca hát		
2.2. Một số mẫu luyện thanh quãng 2,3,4,5, nguyên âm A	10	
2.2.1. Luyện thanh quãng 3,5 nguyên âm i, ê, ô kết hợp phụ âm m, n, l.		
2.2.2. Xướng âm vỡ bài bài luyện thanh(conconne) 1		
2.2.3 Xướng âm vỡ bài bài luyện thanh(conconne) 2		
2.2.4. Dàn dựng bài luyện thanh 1 +2		
2.3. Xướng âm vỡ bài 5 bài dân ca Nam bộ	5	
2.3.1. Dàn dựng 5 bài dân ca Nam bộ		
2.3.2. Xướng âm vỡ 6-7 bài ca khúc Việt Nam		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Việt Á (2000), *Ca từ trong âm nhạc Việt Nam*, Viện âm nhạc, Hà Nội.
2. Nguyễn Bách (2001), *Để thành công trong sự nghiệp ca hát*, NXB Trẻ, Tp. HCM.
3. Ngô Thị Nam (2000), *Hát nhạc*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
4. Nguyễn Trung Kiên (1968), *Tìm hiểu và phát triển giọng hát*, Nxb Văn hóa quần chúng, Hà Nội.

5. Nguyễn Trung Kiên (1982), *Phương pháp học hát*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
6. Nguyễn Trung Kiên (2001), *Phương pháp sư phạm thanh nhạc*, Nxb Âm nhạc, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

7. Lâm Trúc Quyên, Nguyễn Xuân Chiên và Nguyễn Thị Nhưồng (2012), *Thiết kế đào tạo môn Thanh nhạc cho sinh viên năm thứ I*, Nghiên cứu khoa học cấp cơ sở Khoa Nghệ thuật, Trường Đại học Sài Gòn.
8. Lâm Trúc Quyên, Nguyễn Xuân Chiên và Nguyễn Thị Nhưồng (2013), *Thiết kế đào tạo môn Thanh nhạc cho sinh viên năm thứ II*, Nghiên cứu khoa học cấp cơ sở Khoa Nghệ thuật, Đại học Sài Gòn.
9. Tham khảo: Băng, đĩa nghe, nhìn.
10. Nhiều tác giả, (2005), *Âm nhạc lớp 6,7,8,9*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
11. G.Concone, *Fifty lessons for the Voice*, nxb G. Schirmer, inc., New York.
12. Nhiều tác giả, *100 bài hát Việt Nam*, Nxb Hà Nội.
13. Nhiều tác giả, *Tuyển tập dân ca 3 miền*, Nxb Cà Mau.
14. Hoàng Kiều (2001), *Thanh điệu tiếng Việt và âm nhạc cổ truyền*, Viện âm nhạc, HN.
15. Hồ Mộ La (2005), *Lịch sử nghệ thuật thanh nhạc phương tây*, Sách dịch, Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình : 4.
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Thực hành.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
 - Điểm thực hành 1: hệ số 0.2;
 - Điểm thực hành 2: hệ số 0.3;
 - Điểm thực hành 3: hệ số 0.5;
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan ThS. Diệp Quốc Việt

HỌC PHẦN
KHOA HỌC TỔ CHỨC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: KHOA HỌC TỔ CHỨC
- Mã học phần: 820307
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (20,5,5,0)
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin
 - + Đòi hỏi học phần song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.

3. Mô tả học phần:

Môn học nghiên cứu, nắm bắt được những tri thức cơ bản của Khoa học tổ chức và có được phương pháp khoa học trong tổ chức XH một cách hiệu quả nhất nhằm phát huy vai trò của tổ chức trong phát triển xã hội.

4. Mục tiêu cụ thể của học phần

4.1. Về kiến thức

Giúp sinh viên hiểu được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, vai trò của khoa học tổ chức. Đồng thời nắm được những lý luận khoa học trong tổ chức xã hội.

4.2. Về kỹ năng

Nắm được phương pháp tổ chức các hoạt động xã hội của con người trong thực tiễn.

4.3. Về thái độ

Có ý thức trong vận dụng kiến thức và phương pháp tổ chức khoa học vào xã hội thực tiễn, nhằm góp phần cung cấp những căn cứ khoa học cho các nhà quản lý đưa ra các giải pháp thiết thực trong tổ chức quản lý XH một cách có hiệu quả. .

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu khoa học tổ chức	2	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
1.1. Đối tượng nghiên cứu của khoa học tổ chức		
1.1. Khái niệm Tổ chức và Khoa học tổ chức		
1.2. Đối tượng nghiên cứu của khoa học tổ chức		
1.2. Chức năng của nghiên cứu khoa học tổ chức		
1.2.1. Chức năng nhận thức		
1.2.2. Chức năng phương pháp luận		
1.2.3. Chức năng thực tiễn		
1.2.4. Chức năng tư tưởng		
1.3. Nhiệm vụ nghiên cứu của khoa học tổ chức		
1.3.1. Nhiệm vụ quản lý		
1.3.2. Nhiệm vụ kiểm tra, giám sát		
1.4. Phương pháp nghiên cứu khoa học tổ chức		
1.4.1. Phương pháp biện chứng duy vật		
1.4.2. Phương pháp logic và các phương pháp khác		
Chương 2. Con người trong tổ chức	3	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại. + Gợi mở
2.1. Quan niệm về con người		
2.1.1. Quan niệm của các trường phái trong lịch sử trước K.Mác		
2.1.2. Quan niệm về con người trong học thuyết Mác – Lênin		
2.2. Vị trí, vai trò và mối quan hệ của con người với tổ chức		
2.2.1. Vị trí, vai trò của con người trong tổ chức		

2.2.2. Mối quan hệ giữa con người với tổ chức		
Chương 3. Tổ chức là khái niệm trung tâm của khoa học tổ chức	6	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
3.1 .Khái niệm cơ bản và vai trò của tổ chức		
3.1.1. Một số khái niệm cơ bản về tổ chức		
3.1.2. Vai trò của tổ chức		
3.2. Những quy luật cơ bản chi phối sự hình thành và phát triển của tổ chức		
3.2.1. Quy luật mục tiêu rõ ràng và tính hiệu quả của tổ chức		
3.2.2. Quy luật hệ thống tổ chức		
3.2.3. Quy luật cấu trúc đồng nhất và đặc thù của tổ chức		
3.2.4. Quy luật vận động không ngừng và vận động theo quy trình của tổ chức		
3.2.5. Quy luật tự điều chỉnh của tổ chức		
Chương 4. Các thành tố cơ bản của tổ chức	4	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại + Thảo luận
4.1. Lý thuyết hệ thống trong nghiên cứu tổ chức		
4.1.1. Khái niệm hệ thống		
4.1.2. Hệ thống tổ chức		
4.2. Các thành tố của hệ thống tổ chức và mối liên hệ giữa các thành tố của tổ chức		
4.2.1. Các thành tố cơ bản của tổ chức		
4.2.2. Mối liên hệ giữa các thành tố của tổ chức		
Chương 5. Cơ cấu tổ chức quản lý	5	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
5.1. Khái niệm cơ cấu tổ chức và yếu tố cần chú ý về cơ cấu tổ chức		
5.1.1. Khái niệm cơ cấu tổ chức		

5.1.1. Các yếu tố cần chú ý về cơ cấu tổ chức		
5.2. Các loại hình cơ cấu tổ chức		
5.2.1. Kiểu cơ cấu tổ chức trực tuyến		
5.2.2. Kiểu cơ cấu tổ chức chức năng		
5.2.3. Kiểu cơ cấu tổ chức trực tuyến – chức năng		
5.3. Các yêu cầu có tính nguyên tắc của cơ cấu tổ chức		
5.3.1. Tổ chức sinh ra là để đảm nhận một chức năng nào đó		
5.3.2. Một chức năng không thể giao cho nhiều tổ chức đảm nhận		
5.3.3. Một tổ chức có thể đảm đương nhiều chức năng		
5.3.4. Chức năng, nhiệm vụ giao cho tổ chức nào phải phù hợp với năng lực		
5.4. Tiêu chí đánh giá tổ chức		
5.4.1. Khả năng tồn tại và phát triển của tổ chức		
5.4.2. Dự kiến tổ chức hoạt động có hiệu quả		
5.4.3. Làm tăng khả năng ứng phó của tổ chức		
5.4.4. Tạo điều kiện để kiểm soát được tổ chức		
Chương 6. Thiết kế tổ chức	6	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
6.1. Khái niệm và đặc trưng thiết kế tổ chức		
6.1.1. Khái niệm thiết kế tổ chức		
6.1.2. Đặc trưng thiết kế tổ chức		
6.2. Các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến việc lựa chọn và thiết kế cơ cấu tổ chức		
6.2.1. Chiến lược phát triển tổ chức (mục tiêu tổ chức)		
6.2.2. Quy mô tổ chức		
6.2.3. Công nghệ mà tổ chức sử dụng		
6.2.4. Môi trường		
6.2.5. Quyền và sự kiểm soát quyền		
6.3. Yêu cầu thiết kế tổ chức		

6.3.1. Tính tối ưu hóa		
6.3.2. Tính linh hoạt		
6.3.3. Độ tin cậy cao		
6.3.4. Tính kinh tế		
6.3.5. Tính hiện thực, khả thi		
6.3.6. Tính lịch sử, kế thừa và phát triển		
6.4. Nguyên tắc thiết kế tổ chức (8 nguyên tắc)		
6.5. Phương pháp luận thiết kế tổ chức (4 phương pháp)		
6.6. Quy trình thiết kế tổ chức(8 bước)		
6.7. Phương pháp lập đề án xây dựng các hình thức tổ chức khác nhau		Kiểm tra
6.7.1. Phương pháp lập đề án xây dựng tổ chức mới		
6.7.2. Phương pháp lập đề án kiện toàn thay đổi cơ cấu tổ chức		
6.7.3. Phương pháp lập đề án giải thể một tổ chức		
6.8. Thẩm định (xét duyệt) một đề án tổ chức		
Chương 7. Công tác cán bộ - về vấn đề khoa học sử dụng con người	2	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại + Bài tập
7.1. Khái niệm cơ bản		
7.1.1. Khái niệm cán bộ, công chức		
7.1.2. Tiêu chuẩn cán bộ		
7.2. Công tác nhân sự		
7.2.1. Những yêu cầu cần đạt trong công tác nhân sự		
7.2.2. Nguyên tắc và nội dung trong tuyển dụng cán bộ		
7.2.3. Nguyên tắc và nội dung quản lý cán bộ		
Chương 8. Nghề tổ chức và vấn đề đào tạo cán bộ tổ chức	2	
8.1. Nghề tổ chức, đào tạo cán bộ tổ chức		
8.1.1. Khái niệm nghề tổ chức		
8.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của nghề tổ chức		

8.2. Vấn đề đào tạo cán bộ tổ chức		
8.2.1. Mục tiêu, nội dung đào tạo cán bộ tổ chức		
8.2.2. Các hình thức đào tạo các bộ tổ chức cơ bản		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Hữu Tri (2012), *Lý thuyết tổ chức*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà nội.
2. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, (2010), *101 câu hỏi và trả lời về công tác tổ chức, kiểm tra của Đảng*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

3. Nguyễn Như Hải, 2013, *Tương tác khoa học*, Nxb Chính trị quốc gia - sự thật, Hà Nội.
4. Lê Văn Thái (chủ biên) (2014), *Một số vấn đề cơ bản của Khoa học luận* (dành cho hệ cử nhân chính trị), NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng, thời gian làm bài: 90 phút

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.2

- Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2

- Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.5

7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

TS. Lê Đình Lục

TS. Võ Thị Kim Loan

TS. Trần Thị Nam Trân

HỌC PHẦN
THỐNG KÊ TRONG KHOA HỌC XÃ HỘI**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: THỐNG KÊ TRONG KHOA HỌC XÃ HỘI
- Mã học phần: 820308
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (20,10,0,0)
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
 - + Đòi hỏi học phần song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:**3. Mục tiêu chung của học phần**

Học phần trang bị những kiến thức quan trọng của thống kê để cung cấp công cụ cho việc học tập, nghiên cứu và ứng dụng trong các lĩnh vực về khoa học xã hội và nhân văn. Các kiến thức thu được từ học phần là cơ sở để người học giải quyết nhiều bài toán về phân tích và xử lý số liệu thực nghiệm.

4. Mục tiêu cụ thể của học phần**4.1. Về kiến thức:**

- Các nội dung cơ bản về xác suất để làm cơ sở tiếp cận thống kê;
- Tổng thể, mẫu, các số đặc trưng của mẫu và ý nghĩa thực tiễn của chúng;
- Các dạng bài toán cơ bản về ước lượng và kiểm định giả thiết thống kê;
- Các chức năng quan trọng của công cụ Data Analysis trong Excel.

4.2. Về kỹ năng:

- Nhận dạng tổng thể, mẫu, đặc tính định lượng và định tính;
- Lấy mẫu, tổng hợp mẫu và biểu diễn số liệu mẫu, tính được các số đặc trưng của mẫu bằng máy tính bỏ túi và bằng Excel;

- Vận dụng thống kê vào phân tích và xử lý số liệu thực nghiệm trong nghiên cứu khoa học xã hội.

4.3. Về thái độ:

Tham gia học tập đầy đủ, có ý thức tự học, chuẩn bị bài theo yêu cầu của giáo viên.

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Đại cương về xác suất	4	Diễn giải và làm ví dụ
1.1. Các quy tắc đếm		
1.1.1. Quy tắc cộng và quy tắc nhân		
1.1.2. Tổ hợp		
1.1.3. Chính hợp và chỉnh hợp lặp		
1.2. Biến cố và xác suất		
1.2.1. Phép thử ngẫu nhiên và biến cố ngẫu nhiên		
1.2.2. Xác suất của biến cố		
1.2.3. Các tính chất của xác suất		
1.3. Biến ngẫu nhiên		
1.3.1. Biến ngẫu nhiên		
1.3.2. Phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc		
1.4. Các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên		
1.4.1. Kỳ vọng		
1.4.2. Phương sai và độ lệch chuẩn		
1.4.3. Các số đặc trưng quan trọng khác		
Chương 2. Thống kê mô tả	6	Diễn giải và làm bài tập
2.1. Tổng thể và mẫu		
2.1.1. Tổng thể và mẫu		
2.1.2. Các phương pháp lấy mẫu		
2.2. Trình bày số liệu của mẫu		
2.2.1. Các dạng số liệu thường dùng trong KHXH		
2.2.2. Trình bày dạng bảng		

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
2.2.3. Trình bày bằng biểu đồ		
2.3. Các giá trị đặc trưng của mẫu		
2.3.1. Trung bình mẫu		
2.3.2. Phương sai mẫu và độ lệch chuẩn mẫu		
2.3.3. Các giá trị đặc trưng quan trọng khác		
2.3.4. Thực hành tính toán trên Excel, máy tính bỏ túi	8	Diễn giải và làm bài tập
Chương 3. Ước lượng tham số		
3.1. Ước lượng điểm		
3.1.1. Bài toán ước lượng điểm		
3.1.2. Ước lượng điểm cho trung bình (kỳ vọng)		
3.1.3. Ước lượng điểm cho phương sai		
3.1.4. Ước lượng điểm cho trung vị và Mode		
3.1.5. Ước lượng điểm cho tỉ lệ (xác suất)		
3.2. Ước lượng khoảng		
3.2.1. Bài toán ước lượng khoảng		
3.2.2. Khoảng tin cậy cho trung bình		
3.2.3. Khoảng tin cậy cho tỉ lệ		
Chương 4. Kiểm định giả thiết	12	Diễn giải và làm bài tập
4.1. Kiểm định giả thiết		
4.1.1. Bài toán kiểm định giả thiết		
4.1.2. Kiểm định hai phía và kiểm định một phía		
4.1.3. Tiêu chuẩn kiểm định giả thiết		
4.2. Kiểm định giả thiết một tham số		
4.2.1. Kiểm định cho trung bình		
4.2.2. Kiểm định cho tỉ lệ		
4.3. Kiểm định giả thiết hai tham số		
4.3.1. So sánh trung bình		
4.3.2. So sánh hai tỉ lệ		

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
4.4. Kiểm định giả thiết phi tham số		
4.4.1. Kiểm định tính độc lập		
4.4.2. Kiểm định quy luật phân phối		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Đào Hữu Hồ (2008), *Giáo trình Thống kê xã hội học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Đặng Hùng Thắng (2009), *Thống kê và ứng dụng*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Đặng Hùng Thắng (2009), *Bài tập thống kê*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

4. Nguyễn Phụng Hoàng (1997), *Thống kê trong nghiên cứu Giáo dục và Khoa học xã hội*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
5. Dương Thiệu Tông (2012), *Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu Khoa học giáo dục*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: đề đóng, thời gian làm bài: 60 phút
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
 - Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3
 - Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.6
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

HỌC PHẦN
LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ
- Mã học phần: 820309
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (25,0,5,0)
- Điều kiện để học học phần: không
- Đòi hỏi học phần học trước:
 - + Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin
 - + Lịch sử thế giới
- Đòi hỏi học phần song hành: Không
- Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Khoa Giáo dục Chính trị.

3. Mô tả học phần:

Môn học có 3 tín chỉ với ba phần, 7 chương bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử tư tưởng chính trị của phương Đông, tư tưởng chính trị phương Tây và học thuyết chính trị của chủ nghĩa Mác – Lênin tư tưởng Hồ Chí Minh.

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Về kiến thức

Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về Lịch sử tư tưởng chính trị của các nước phương Đông và các nước phương Tây trong các giai đoạn lịch sử và tư tưởng chính trị của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh.

4.2. Về kỹ năng

Sinh viên biết nắm bắt các nội dung cơ bản lịch sử tư tưởng chính trị trên thế giới, từ đó nhận diện được những giá trị, hạn chế của các tư tưởng đó. Trên cơ sở đó rút ra được những bài học kinh nghiệm và ý nghĩa lịch sử của nó đối với công cuộc đổi mới ở Việt Nam.

4.3. Về thái độ

Sinh viên học tập nghiêm túc môn học, có thái độ tích cực tìm hiểu các sự kiện lịch sử tư tưởng chính trị trên thế giới, có thái độ khách quan khi đánh giá nhận xét về các nội dung tư tưởng đó.

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Nhập môn lịch sử tư tưởng chính trị	2	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
1.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu lịch sử tư tưởng chính trị		
1.1.1. Khái niệm lịch sử tư tưởng chính trị		
1.1.2. Đối tượng nghiên cứu của lịch sử tư tưởng chính trị		
1.1.3. Phương pháp nghiên cứu lịch sử tư tưởng chính trị		
1.2. Vai trò và nguyên tắc của môn lịch sử tư tưởng chính trị		
1.2.1. Vai trò của môn học		
1.2.2. Các nguyên tắc của môn học		
PHẦN THỨ NHẤT. LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ CÁC NƯỚC PHƯƠNG ĐÔNG	5	
Chương 2. Lịch sử các tư tưởng chính trị Ấn Độ cổ đại		Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + nêu vấn đề. Tổ chức thuyết trình nhóm.
2.1. Những điều kiện hình thành các tư tưởng chính trị Ấn Độ cổ đại		
2.1.1. Điều kiện tự nhiên		
2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội		
2.2. Tư tưởng chính trị - tôn giáo Bàlamôn		
2.2.1. Tư tưởng chính trị - thần quyền trong giáo lý Bàlamôn		
2.2.2. Tư tưởng chính trị trong bộ luật Manu		

2.2.2. Tư tưởng chính trị trong tác phẩm Arthashastra		
2.3. Phong trào tự do tư tưởng Đông Ấn và tư tưởng chính trị - đạo đức Phật giáo		
2.3.1. Phong trào tư tưởng tự do và bình đẳng xã hội ở Đông Ấn		
2.3.2. Tư tưởng chính trị - đạo đức Phật giáo		
Chương 3. Lịch sử các tư tưởng chính trị Trung Quốc cổ đại	5	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + nêu vấn đề. Tổ chức thuyết trình nhóm.
3.1. Điều kiện lịch sử và những đặc điểm của các tư tưởng chính trị Trung Quốc cổ đại		
3.1.1. Điều kiện lịch sử hình thành các tư tưởng chính trị Trung Quốc cổ đại		
3.1.2. Những đặc điểm của các tư tưởng chính trị Trung Quốc cổ đại		
3.2. Tư tưởng chính trị Nho giáo		
3.2.1. Tư tưởng chính trị Khổng Tử		
3.2.2. Tư tưởng chính trị Mạnh Tử		
3.2.3. Tư tưởng chính trị Tuân Tử		
3.3. Tư tưởng chính trị Pháp gia		
3.3.1. Tư tưởng chính trị Quản Trọng, Thương Ưởng, Thận Đào, Thân Bất Hại		
3.3.2. Hàn Phi Tử - tập đại thành tư tưởng chính trị Pháp gia		
3.4. Tư tưởng chính trị Đạo gia		
3.4.1. Tư tưởng chính trị Lão Tử		
3.4.2. Tư tưởng chính trị Trang Tử		
3.5. Tư tưởng chính trị Mặc gia		
PHẦN THỨ HAI. LỊCH SỬ CÁC TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ PHƯƠNG TÂY	5	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
Chương 4. Lịch sử các tư tưởng chính trị Hy Lạp cổ đại		
4.1. Bối cảnh của sự ra đời và đặc điểm của các tư		

tư tưởng chính trị Hy Lạp cổ đại		
4.1.1. Bối cảnh ra đời các tư tưởng chính trị Hy Lạp cổ đại		
4.1.2. Những đặc điểm của các tư tưởng chính trị Hy Lạp cổ đại		
4.2. Tư tưởng chính trị thời kỳ hình thành nhà nước chiếm hữu nô lệ Hy Lạp		
4.2.1. Tư tưởng chính trị Xôlông		
4.2.2. Tư tưởng chính trị Pitago		
4.2.3. Tư tưởng chính trị Hêraclít		
4.3. Tư tưởng chính trị giai đoạn hưng thịnh và suy thoái của nền dân chủ chiếm hữu nô lệ Hy Lạp		
4.3.1. Tư tưởng chính trị Đêmôcrít		
4.3.2. Tư tưởng chính trị của các nhà ngụ biện		
4.3.3. Tư tưởng chính trị Xôcrát		
4.3.4. Tư tưởng chính trị Platôn		
4.3.5. Tư tưởng chính trị Arixtôt		
4.4. Tư tưởng chính trị thời đại văn minh Hy Lạp		
4.4.1. Tư tưởng chính trị Êpiquya		
4.4.2. Tư tưởng chính trị - đạo đức của phái khắc kỷ		
Chương 5. Lịch sử các tư tưởng chính trị thời trung cổ tây âu	5	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + nêu vấn đề. Tổ chức thuyết trình nhóm
5.1. Bối cảnh của sự ra đời và đặc điểm của các tư tưởng chính trị Trung cổ Tây Âu		
5.1.1. Bối cảnh ra đời các tư tưởng chính trị Trung cổ Tây Âu		
5.1.2. Những đặc điểm tư tưởng chính trị Trung cổ Tây Âu		
5.2. Một số tư tưởng chính trị Trung cổ Tây Âu tiêu biểu		
5.2.1. Tư tưởng của Cơ đốc giáo thế kỷ II đến thế kỷ IV		
5.2.2. Chủ nghĩa kinh viện Tây Âu thời Trung cổ		
Chương 6. Lịch sử các tư tưởng chính trị tây âu thời cận đại	4	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + nêu vấn đề. Tổ chức thuyết trình
6.1. Các tư tưởng chính trị ở Anh thời kỳ cách mạng		

6.1.1. Cách mạng tư sản Anh và tư tưởng chính trị của nó		nhóm
6.1.2. Tư tưởng chính trị của Tômát Hốpơ		
6.1.3. Tư tưởng chính trị của Giôn Linbecơ		
6.1.4. Tư tưởng chính trị của Giêcácđơ Uynxtenli		
6.1.5. Tư tưởng chính trị của Giônlôccơ		
6.2. Các tư tưởng chính trị thời kỳ cách mạng tư sản cuối thế kỷ XVIII		
6.2.1. Tình hình nước Pháp trước cách mạng		
6.2.2. Tư tưởng chính trị của Vôn-te		
6.2.3. Tư tưởng chính trị của Môngtexkiơ		
6.2.4. Tư tưởng chính trị của Giăng Giắc Rút-xô		
6.2.5. Tư tưởng chính trị của phái Giacôbanh		
6.3. Tư tưởng chính trị ở Đức thời kỳ cách mạng tư sản thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX		
6.3.1. Tình hình nước Đức và những đặc điểm chung của các tư tưởng chính trị ở Đức thế kỷ XVIII		
6.3.2. Một số tư tưởng chính trị tiêu biểu: E.Cantơ, J.G.Phichtơ, G.V.Ph. Hêghen		
6.4. Các tư tưởng chính trị ở Mỹ thời kỳ độc lập		
6.4.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm tư tưởng chính trị pháp lý thời kỳ dành độc lập ở Mỹ		
6.4.2. Một số tư tưởng chính trị tiêu biểu: Đơ Giéphec-xơ, Harminton, Pê-nơ		
PHẦN THỨ BA. HỌC THUYẾT CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN	4	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + nêu vấn đề. Tổ chức thuyết trình nhóm
Chương 7. Học thuyết chính trị Mác – Lênin		
7.1. Sự ra đời và phát triển học thuyết chính trị Mác – Lênin		
7.1.1. Sơ lược tiểu sử của C.Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin		
7.1.2. Quá trình hình thành và phát triển học thuyết chính trị Mác – Lênin		
7.2. Học thuyết chính trị của C.Mác – Ph. Ăngghen		
7.2.1. Nội dung cơ bản		
7.2.2. Những đặc điểm cơ bản		
7.3. Học thuyết chính trị của Lênin		

7.3.1. Nội dung cơ bản		
7.3.2. Những đặc điểm cơ bản		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Nguyễn Thế Nghĩa (Chủ biên, 1999): *Đại cương lịch sử các tư tưởng và học thuyết chính trị*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

2. *Lịch sử các học thuyết chính trị trên thế giới* (1993), NXB CTQG, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác:

3. Nguyễn Tài Thư (1988), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, tập 1, NXB KHXH, Hà Nội.

4. Lê Sĩ Thắng (1997), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, tập 2, NXB KHXH, Hà Nội.

5. Nguyễn Hữu Vui (chủ biên, 2009): *Lịch sử triết học*, NXB CTQG, Hà Nội.

6. Võ Nguyên Giáp (1993), *Tư tưởng Hồ Chí Minh – quá trình hình thành và phát triển*, NXB Sự thật, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 02

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: đề đóng, thời gian làm bài: 75 tiết

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1

- Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3

- Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.6

7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT **TRƯỞNG NGÀNH** **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

TS. Lê Đình Lục

TS. Võ Thị Kim Loan

TS. Phạm Đào Thịnh

HỌC PHẦN
QUAN HỆ CÔNG CHÚNG

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: QUAN HỆ CÔNG CHÚNG
- Mã học phần: 820071
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (30,0,0,0)
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
 - + Đòi hỏi học phần song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, khoa Giáo dục Chính trị.

3. Mô tả học phần:

Môn “Quan hệ công chúng” cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát chung về PR, vai trò PR trong các tổ chức chính trị, xã hội. Cụ thể, gồm các nội dung sau: khái niệm, lịch sử, đặc điểm, nguyên tắc hoạt động và những nét chính của hoạt động PR; PR và mối quan hệ với giới truyền thông; PR và giải quyết khủng hoảng trong các tổ chức; Kỹ thuật truyền thông trong PR.

4. Mục tiêu học phần:

4.1. Về kiến thức

Nắm được khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển PR. Nêu được đặc điểm, nguyên tắc hoạt động PR. Phân tích được vai trò của PR trong sự phát triển xã hội. Phân biệt PR với các lĩnh vực truyền thông khác. Nắm được nội dung và phương thức công tác PR hiệu quả, cụ thể: xây dựng kế hoạch PR trên cơ sở đánh giá tình hình, xác định mục tiêu, xác định nhóm công chúng, lựa chọn phương tiện truyền thông, hoạch định ngân sách, đánh giá kết quả.

4.2. Về kỹ năng

Có khả năng lập kế hoạch cho chương trình PR. Có kỹ năng xác định mục tiêu, đánh giá cho các hoạt động PR. Có kỹ năng tư duy trong việc giải quyết các tình huống quan hệ công chúng cụ thể. Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

4.3. Về thái độ

Tích cực và chủ động tham gia các hoạt động học tập: nghe giảng, thảo luận và làm

việc nhóm. Yêu thích và quan tâm đến các hoạt động PR. Tự tin trong diễn thuyết và trình bày các ý tưởng

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Lý luận chung về Quan hệ công chúng	5	Sinh viên đọc các tài liệu: - TS. Đinh Thị Thúy Hằng (chủ biên), PR lý luận và ứng dụng, Nxb Thanh niên, 2009
1.1. Khái niệm về Quan hệ công chúng		
1.2. Lịch sử phát triển PR		
1.2.1. Trên thế giới		
1.2.2. Ở Việt Nam		
1.3. Vai trò của PR		
Chương 2. Hoạt động PR	10	Sinh viên đọc các tài liệu: -Moi Ali, Hoàng Ngọc Tuyền biên dịch, PR hiệu quả, NXB Tổng Hợp TP. Hồ Chí Minh, 2006 -Frank Jefkins, Nguyễn Thị Phương Anh – Ngô Anh Thy biên dịch, Phá vỡ bí ẩn PR, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2004
2.1. Khía cạnh đạo đức và luật pháp trong PR		
2.2. Những nét chính của hoạt động PR		
2.3. Quan hệ công chúng và trách nhiệm xã hội		
2.4. PR và mối quan hệ với giới truyền thông		
Chương 3. Quan hệ công chúng trong các tổ chức chính trị	9	
3.1. PR và giải quyết khủng hoảng trong các tổ chức chính trị		- Sinh viên làm bài tập lập từng bước nhỏ của một chương trình PR cụ thể
3.2. Thiết lập và thực hiện các chiến dịch tuyên truyền		- Bài tập thực hành: sáng tạo ý tưởng cho chiến dịch PR
Chương 4. Kỹ thuật truyền thông trong PR	6	

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
4.1. Diễn thuyết – Trình bày ý tưởng		- Làm bài tập tình huống - Thuyết trình trước lớp và rút ưu – khuyết trong cách trình bày vấn đề.
4.2. Thông cáo báo chí		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Đinh Thị Thúy Hằng (chủ biên) (2009), *PR lý luận và ứng dụng*, NXB Thanh Niên.

6.2. Tài liệu khác

1. Đinh Thị Thúy Hằng (chủ biên) (2010), *Ngành PR tại Việt Nam*, NXB Thanh Niên.
2. Moi Ali, Hoàng Ngọc Tuyền biên dịch (2006), *PR hiệu quả*, NXB TP. Hồ Chí Minh.
3. Frank Jefkins, Nguyễn Thị Phương Anh – Ngô Anh Thy biên dịch (2004), *Phá vỡ bí ẩn PR*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng, thời gian làm bài: 60 phút
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
 - Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3
 - Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.6
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT **TRƯỞNG NGÀNH** **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan TS. Phạm Đào Thịnh

HỌC PHẦN
LỊCH SỬ VĂN HÓA NAM BỘ**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: LỊCH SỬ VĂN HÓA NAM BỘ
- Mã học phần: 820310
- Số tín chỉ: 2
- + Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (25,0,5,0)
- + Điều kiện môn học trước: Không
- + Điều kiện môn song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50 sinh viên

2. Bộ môn phụ trách học phần: Đường lối CM của ĐCSVN và TTHCM.

3. Mô tả nội dung của học phần:

Môn Lịch sử văn hóa Nam Bộ giới thiệu quá trình khai phá và xác lập chủ quyền của Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XIX, những nét đặc trưng của văn hóa Nam Bộ.

4. Mục tiêu cụ thể của học phần**4.1. Về kiến thức**

Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về Lịch sử và văn hóa Nam Bộ từ khi hình thành đến thời Pháp thuộc.

4.2. Về kỹ năng

Sinh viên có kỹ năng sưu tầm tư liệu, nghiên cứu để tìm hiểu các vấn đề lịch sử văn hóa nói chung, lịch sử văn hóa Nam Bộ nói riêng. Biết vận dụng những kiến thức về lịch sử văn hóa Nam Bộ để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ chính trị - xã hội ở nơi công tác.

4.3. Về thái độ

Biết trân trọng, giữ gìn và phát huy những giá trị lịch sử văn hóa của Nam Bộ trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Quá trình khai khẩn và xác lập chủ quyền ở Nam Bộ trong các thế kỉ XVII – XVIII	10	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề
1.1. Sơ lược về lịch sử, cư dân và tình hình khai phá vùng đất Nam Bộ trước khi người Việt đến		
1.2. Quá trình di cư, phân bố, địa điểm cư trú và khẩn hoang của lưu dân người Việt, người Hoa ở Nam Bộ		
1.3. Quá trình khẩn hoang, xác lập và bảo vệ chủ quyền trên vùng đất Nam Bộ từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XVIII		SV thảo luận: Vai trò của các cộng đồng dân cư Kinh – Hoa – Khmer trong quá trình khai phá vùng đất Nam Bộ.
1.4. Tổ chức xã hội, nếp sống văn hóa và tinh thần của cộng đồng lưu dân ở vùng đất Nam Bộ trong các thế kỉ XVII – XVIII		
Chương 2. Lịch sử, văn hóa Nam Bộ dưới thời Nguyễn	10	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề.
2.1. Công cuộc khai phá Nam Bộ nửa đầu thế kỉ XIX		
2.1.1. Chính sách khẩn hoang của Triều Nguyễn		
2.1.2. Những thành tựu khẩn hoang vùng đất Nam Bộ dưới thời Nguyễn		SV thảo luận đặc điểm, tính cách của người Nam Bộ
2.1.3. Những chuyển biến về kinh tế - xã hội Nam Bộ		
2.2. Văn hóa Nam Bộ dưới thời Nguyễn		
Chương 3. Những chuyển biến của vùng đất Nam Kỳ thời thuộc Pháp	10	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề
3.1. Chủ trương và biện pháp đẩy mạnh khẩn hoang ở Nam kỳ của Pháp		SV thảo luận những biến đổi của ĐBSCL dưới thời Pháp thuộc.
3.2. Công cuộc khẩn hoang vùng đất Nam Bộ dưới thời thuộc Pháp		
3.3. Những chuyển biến văn hóa Nam Bộ dưới thời Pháp thuộc		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Vũ Minh Giang (Chủ biên) (2009), *Lược sử vùng đất Nam Bộ Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.

2. Nguyễn Văn Hầu (1972), *Thoại Ngọc Hầu và những cuộc khai phá miền Hậu Giang*, NXB Hương Sen, Sài Gòn.
3. Huỳnh Lứa (CB) (1987), *Lịch sử khai phá vùng đất Nam bộ*, Nxb.KHXH, Hà Nội.
4. Sơn Nam (1973), *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, NXB Đông Phố, Sài Gòn.
5. Huỳnh Lứa (2000), *Góp phần tìm hiểu vùng đất Nam bộ trong các thế kỉ XVII, XVIII, XIX*, NXB KHXH, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

6. Nguyễn Đình Đầu (1996), *Chế độ công điền công thổ ở Nam Bộ*, Nhà xuất bản Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
7. Nguyễn Thế Anh (1971), *Kinh tế xã hội Việt Nam dưới thời các vua triều Nguyễn*, NXB Lá bói, Sài Gòn.
8. Lương Ninh (2005), *Vương quốc Phù Nam: Lịch sử và văn hóa*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, thời gian làm bài: 90 phút
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
 - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.2
 - Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2
 - Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.5
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Phạm Phúc Vĩnh TS. Phạm Phúc Vĩnh

HỌC PHẦN
NHẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Nhập môn Giáo dục Công dân
- Mã học phần: 820311
- Số tín chỉ: 02
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thực địa): 30 (30; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng.
- Điều kiện để học học phần: không.
- + Đòi hỏi học phần học trước: không.
- + Đòi hỏi học phần học song hành: không.
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

2. Bộ môn phụ trách: Đường lối cách mạng của ĐCSVN & TTHCM**3. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp những kiến thức về vị trí, vai trò, nhiệm vụ, mục tiêu đào tạo ngành GD&ĐT. Cấu tạo chương trình, nội dung chương trình cốt lõi đào tạo người giáo viên GD&ĐT. Những yêu cầu cơ bản và nổi trội về chuyên môn nghiệp vụ, về đạo đức tác phong người GV GD&ĐT, trên cơ sở đó SV xác định tinh thần thái độ trong học tập và rèn luyện, có ý thức hoàn thiện bản thân về kiến thức, năng lực sư phạm, kỹ năng giảng dạy bộ môn GD&ĐT, trở thành người giáo viên GD&ĐT “vừa hồng vừa chuyên”.

4. Mục tiêu của học phần**4.1. Về kiến thức:**

Sinh viên cần nắm vững được: Vị trí, vai trò, nhiệm vụ, mục tiêu đào tạo GV ngành GD&ĐT. Cấu tạo chương trình, nội dung chương trình cốt lõi đào tạo người giáo viên GD&ĐT. Những yêu cầu cơ bản và nổi trội về chuyên môn nghiệp vụ, về đạo đức tác phong người GV GD&ĐT.

4.2. Về kỹ năng:

Sinh viên có năng lực sư phạm, kỹ năng dạy-học, thực hiện chương trình và vận dụng chương trình trong dạy học bộ môn GD&ĐT, trở thành người giáo viên GD&ĐT “vừa hồng vừa chuyên”.

4.3. Về thái độ:

Yêu nghề, nhiệt huyết với nghề, đặc biệt là giáo viên dạy môn GDCD.

5. Kế hoạch dạy học HP/MH

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: Môn Giáo dục Công dân ở trường Trung học Phổ thông cơ sở	10	Hình thức: lên lớp PP: Thuyết trình, Các nhóm thảo luận chuẩn bị bài thuyết trình. Tổng kết
1.1. Ý nghĩa, vai trò của môn GDCD đối với sự phát triển nhân cách học sinh-con người Việt Nam thời kỳ CNH, HĐH đất nước		
1.1.1. Môn GDCD ra đời là một đòi hỏi khách quan		
1.1.2. Ý nghĩa vai trò của môn GDCD đối với sự phát triển nhân cách HS,con người VN thời kỳ CNH-HĐH		
1.2. Mục tiêu, nội dung, cấu trúc chương trình môn GDCD ở trường THCS		
1.2.1. Chương trình môn Đạo đức(ở tiểu học), và môn GDCD (ở THCS, THPT) đã quán triệt những quy luật giáo dục cơ bản		
1.2.2. Chương trình GDCD được xây dựng trên một số nguyên tắc cơ bản		Làm bài kiểm tra giữa học phần
1.2.3. Mục tiêu môn học		
1.2.4. Nội dung dạy học phần chính khóa(phần cứng)		
1.2.5. Gợi ý phần ngoại khóa (phần mềm)		
1.2.6. Phương pháp tổ chức dạy học môn GDCD		
Chương 2: Những yêu cầu đối với giáo viên giảng dạy Giáo dục Công dân	8	Thuyết trình Học tập theo nhóm Viết bài kiểm tra theo các đề tài của GV
2.1.Vai trò của người giáo viên giảng dạy môn GDCD		

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
2.1.1 Giáo viên giảng dạy GDCD trước hết phải dạy tốt môn học, phát huy tác dụng giáo dục của môn GDCD trong quá trình thực hiện mục tiêu giáo dục.		
2.1.2 Giáo viên giảng dạy GDCD phải là người tư vấn cho các giáo viên bộ môn khác và cho tổ chức trong nhà trường trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục đạo đức tư tưởng chính trị lối sống cho học sinh		
2.1.3 Giáo viên dạy GDCD cần phối hợp và hỗ trợ với giáo viên chủ nhiệm lớp, tổ chức chương trình hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm giáo dục toàn diện nhân cách học sinh		
2.2 Những yêu cầu đối với giáo viên giảng dạy GDCD		
2.2.1 Có kiến thức cần thiết về văn hóa, xã hội của dân tộc và nhân loại để tổ chức dạy học GDCD		
2.2.2 Nắm vững mục tiêu chương trình cấu trúc nội dung GDCD		
2.2.3 Giáo viên giảng dạy GDCD phải thường xuyên theo dõi tình hình CT xã hội trong và ngoài nước, biết tích lũy thông tin và vận dụng thông tin mới vào việc dạy môn GDCD		
2.2.4 Giáo viên dạy GDCD phải sáng tạo đổi mới cách thức tổ chức dạy học và vận dụng sáng tạo phương pháp dạy học		
2.2.5 Những phẩm chất đạo đức tư tưởng chính trị lối sống nổi trội cần phải có ở người giáo viên giảng dạy GDCD		
2.2.6 Những năng lực chủ yếu của người giáo viên dạy GDCD		
Chương 3: Chương trình khung ngành đào tạo giáo viên GDCD	10	Thuyết trình, Các nhóm thảo luận chuẩn bị bài thuyết trình Tổng kết

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
3.1. Mục tiêu đào tạo		
3.2. Kế hoạch đào tạo		
3.3. Khối kiến thức bắt buộc		
3.4. Hướng dẫn sử dụng chương trình khung để thiết kế các chương trình đào tạo cụ thể		
3.5 Nội dung chương trình các môn học		
Tổng kết và hướng dẫn ôn tập	2	Thuyết trình, Các nhóm thảo luận chuẩn bị bài thuyết trình Tổng kết

4. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Hà Nhật Thăng, Nhập môn Giáo dục Công dân, NXB Đại học sư phạm 2003, Hà Nội.
2. *Sách giáo dục học và tâm lý học* của Nhà xuất bản Giáo dục.
3. Đảng cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 (khóa VIII)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
4. Luật giáo dục (năm 2005) của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
5. Bộ GDĐT, *hướng dẫn sử dụng khung phân phối chương trình THPT* (năm 2009-2010), Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.2. Tài liệu khác

1. Vũ Đình Bảy (chủ biên), *Phương pháp dạy học môn GDCD ở trường THPT*, NXB Giáo dục Việt Nam
2. Vương Tất Đạt, *Phương pháp giảng dạy GDCD ở trường THPT*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội, 1994
3. Phùng Văn Bộ, *Lý luận dạy học môn GDCD ở trường THPT*, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội, 1999
4. *Ứng dụng công nghệ TT trong giảng dạy môn GDCD THCS*, khoa Tin học Đại học SPI Hà Nội, năm 2006. Dự án đào tạo giáo viên Trung học Cơ sở.
5. Phạm Việt Vượng, *Giáo dục học* NXB Đại học Sư Phạm
6. Trần Thị Hương (chủ biên), *Giáo dục học đại cương*, NXB Đại học Sư Phạm TPHCM.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng, thời gian làm bài: 60 phút

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1

- Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3

- Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.6

7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục

TS. Phạm Phúc Vĩnh ThS. Nguyễn Khắc Duy

HỌC PHẦN
ĐẠO ĐỨC HỌC**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: ĐẠO ĐỨC HỌC
- Mã học phần: 820001
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 45 (30,10,5,0)
- Điều kiện để học học phần: không
- + Đòi hỏi học phần học trước: Không
- + Đòi hỏi học phần song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Khoa Giáo dục Chính trị.

3. Mô tả học phần:

Qua việc nghiên cứu học phần sẽ giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản của ĐĐ, nguồn gốc phát sinh, điều kiện tồn tại của ĐĐ, những quy luật vận động và phát triển của ĐĐ, tính qui luật của sự hình thành ĐĐ mới trong thời đại hiện nay, đặc biệt trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta.

Rèn luyện kỹ năng sống, tu dưỡng những phẩm chất ĐĐ mà Bác Hồ là tấm gương học tập. Hình thành thái độ trân trọng, yêu quý những truyền thống tốt đẹp của DT. Xây dựng lập trường tư tưởng vững vàng tin tưởng sự lãnh đạo của Đảng CSVN, chế độ XH mà dân tộc đã lựa chọn.

4. Mục tiêu cụ thể của học phần**4.1. Về kiến thức**

Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản của ĐĐ, nguồn gốc phát sinh, điều kiện tồn tại của ĐĐ, những quy luật vận động và phát triển của ĐĐ, tính qui luật của sự hình thành ĐĐ mới trong thời đại hiện nay, đặc biệt trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta

4.2. Về kỹ năng

Rèn luyện kỹ năng sống, tu dưỡng những phẩm chất ĐĐ mà Bác Hồ là tấm gương tiêu biểu cần phải noi theo.

4.3. Về thái độ

Hình thành thái độ trân trọng, yêu quý những truyền thống tốt đẹp của DT. Yêu con người, tin tưởng sự tiến bộ của con người và xã hội loài người.

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Đối tượng và nhiệm vụ của đạo đức học	4	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại
1.1. Đạo đức và đạo đức học	1	
1.2. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu và Phương pháp nghiên cứu của đạo đức học Mác-Lênin	2	
1.3. Nhiệm vụ của đạo đức học Mác-Lênin	1	
Chương 2. Nguồn gốc, bản chất, chức năng và cấu trúc của đạo đức	10	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại+ Thảo luận
2.1. Nguồn gốc bản chất của đạo đức	2	
2.2. Chức năng của đạo đức	4	
2.3. Cấu trúc của đạo đức	4	Thảo luận nhóm
Chương 3. Các phạm trù cơ bản của đạo đức	10	
3.1. Đặc điểm của các phạm trù đạo đức học	5	
3.2. Một số phạm trù cơ bản của đạo đức học.	5	kiểm tra
Chương 4. Quy luật vận động và phát triển của đạo đức, các kiểu đạo đức trong lịch sử	8	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại+ Thảo luận
4.1. Quy luật vận động và phát triển của đạo đức	3	
4.2. Các kiểu đạo đức trong lịch sử.	2	
4.2. Quan hệ giữa ý thức đạo đức với các hình thái ý thức xã hội khác	3	Thảo luận nhóm
Chương 5. Những nguyên tắc của đạo đức mới và		Giảng lý thuyết bằng phương

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
tính quy luật của sự hình thành đạo đức mới	4	pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại+ Thảo luận
5.1. Vai trò của đạo đức mới trong sự nghiệp xây dựng CNXH.	2	
5.2. Những nguyên tắc của đạo đức mới.	2	Thảo luận nhóm
Chương 6. Xây dựng đạo đức mới trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN	6	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại+ Thảo luận
6.1. Đạo đức trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.	3	
6.2. Sự biến đổi của thang giá trị đạo đức trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN	3	Thảo luận nhóm
Tổng kết và hướng dẫn ôn tập	3	

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Vũ Trọng Dung (2005), *Giáo trình Đạo đức học Mác Lênin*, NXB CTQG, Hà Nội.
2. Trần Hậu Khiêm (1996), *Giáo trình Đạo đức học*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2000), *Giáo trình Đạo đức học*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác:

4. Các tài liệu về nguyên lý chủ nghĩa Mác-Lênin.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng, thời gian làm bài: 90 phút
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
 - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.2
 - Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2

- Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.5

7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT **TRƯỞNG NGÀNH** **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan ThS. Nguyễn Khắc Duy

HỌC PHẦN
PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC GIÁO DỤC CÔNG DÂN 1

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Phương pháp dạy học GDCD 1
- Mã học phần: 820024
- Số tín chỉ: 02
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thực địa): 30 (30; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: không
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Đường lối cách mạng của ĐCSVN & Tư tưởng Hồ Chí Minh

3. Mô tả học phần

Học phần cấu trúc gồm 4 chương:

Chương I: hệ thống các phương pháp dạy học môn giáo dục công dân ở trường THPT và THCS.

Chương II: hình thức tổ chức dạy học môn giáo dục công dân ở trung học phổ thông và THCS.

Chương III: sử dụng phương tiện dạy học trong dạy học môn giáo dục công dân ở trường THPT và THCS.

Chương IV: kiểm tra, đánh giá trong dạy học GDCD ở trường trung học phổ thông và THCS

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức:

Nắm vững mục tiêu, vị trí, nhiệm vụ môn GDCD, cấu tạo chương trình – Sách giáo khoa môn GDCD ở THCS; các nguyên tắc, các phương pháp dạy học cơ bản, các tài liệu phương tiện D-H của môn GDCD ở THCS, yêu cầu kiểm tra đánh giá quá trình D-H môn GDCD.

4.2. Về kỹ năng:

Sinh viên có năng lực SP, biết tổ chức và vận dụng các PP để giảng dạy môn GDCD, trên cơ sở đó có ý thức rèn luyện, hoàn thiện bản thân trở thành người giáo viên giỏi.

4.3. Về thái độ:

Yêu nghề, nhiệt huyết với nghề, đặc biệt là giáo viên dạy môn GDCD.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương I: ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC GIÁO DỤC CÔNG DÂN	8	Hình thức: lên lớp PP: Thuyết trình, Các nhóm thảo luận
1.1. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC GDCD LÀ MỘT KHOA HỌC	3	
1.2. ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ, PP NGHIÊN CỨU MÔN LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC GDCD	5	
1.2.1 Đối tượng, pp nghiên cứu môn LL và PP dạy học GDCD	2	
1.2.2. Nhiệm vụ NC của PPGD GDCD	2	
2.3. phương pháp nghiên cứu cụ thể	1	
Chương II: MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRUNG HỌC PHỔ THÔNG và THCS	14	Hình thức : lên lớp PP: Thuyết trình, Các nhóm thảo luận.
2.1.VỊ TRÍ, NHIỆM VỤ CỦA MÔN GDCD Ở TRUNG HỌC PHỔ THÔNG và THCS	2	
2.1.1.Vị trí của môn GDCD ở trường THPT và THCS		
2.1.2. Nhiệm vụ của môn GDCD ở trường THPT và THCS		
2.2.CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA GDCD Ở THPT và THCS	6	
2.2.1. Chương trình môn GDCD ở THPT và THCS		
2.2.1.1. Mục tiêu môn GDCD ở THPT và THCS		
2.2.1.2. Quan điểm xây dựng chương trình môn GDCD ở THPT và THCS		
2.2.1.3. Cấu trúc của chương trình GDCD ở THPT và THCS		
2.2.2. Sách giáo khoa GDCD ở THPT và THCS		
2.2.2.1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa GDCD ở THPT và THCS		
2.2.2.2. Cấu trúc sách giáo khoa GDCD ở trường THPT và THCS		
2.2.2.3. Phân phối chương trình môn GDCD ở trường		

Nội dung chi tiết HP	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
THPT và THCS		
2.2.2.4. Đặc thù tri thức của môn GDCD ở trường THPT và THCS		
2.3. NGUYÊN TẮC DẠY HỌC MÔN GDCD Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC	6	Hình thức: lên lớp, kiểm tra viết tiểu luận
2.3.1. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học		
2.3.2. Nguyên tắc đảm bảo tính định hướng		
2.3.3. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn		
2.3.3. Nguyên tắc đảm bảo tính vừa sức		
Chương III: NGƯỜI GIÁO VIÊN GIÁO DỤC CÔNG DÂN	6	Hình thức : lên lớp PP: Thuyết trình, Các nhóm thảo luận.
3.1. Nhà giáo	2	
3.2. Những yêu cầu đối với người giáo viên GDCD	4	nt
Tổng kết và hướng dẫn ôn tập	2	nt

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Vũ Đình Bảy (chủ biên), *Phương pháp dạy học môn GDCD ở trường THPT*, NXB Giáo dục Việt Nam
2. Vương Tất Đạt, *Phương pháp giảng dạy GDCD ở trường THPT*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội, 1994
3. Phùng Văn Bộ, *Lý luận dạy học môn GDCD ở trường THPT*, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội, 1999
4. Bộ GDĐT, *hướng dẫn sử dụng khung phân phối chương trình THPT*(năm 2009-2010)

6.2. Tài liệu khác

1. Đảng cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 (khóa VIII)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
2. Luật giáo dục(năm 2005) của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
3. Bộ GDĐT, *Tài liệu bồi dưỡng GV thực hiện chương trình SGK (các lớp từ 10 đến 12) THPT môn GDCD*, NXB Giáo dục, Hà Nội (2006,2007,2008)
4. Sách giáo khoa Môn GDCD THPT: 10,11,12.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng.

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.2;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.5

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Phạm Phúc Vĩnh ThS. Nguyễn Khắc Duy

HỌC PHẦN
PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC GIÁO DỤC CÔNG DÂN 2

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Phương pháp dạy học GDCD 2
- Mã học phần: 820025
- Số tín chỉ: 02
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thực địa): 30 (30; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Phương pháp dạy học GDCD 1
 - + Đòi hỏi học phần học song hành:
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Đường lối cách mạng của ĐCSVN & Tư tưởng Hồ Chí Minh

3. Mô tả học phần:

Học phần cấu trúc gồm 4 chương:

CHƯƠNG I: HỆ THỐNG CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG THPT VÀ THCS

CHƯƠNG II: HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN TRƯỜNG THPT VÀ THCS

CHƯƠNG III: SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC TRONG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG THPT VÀ THCS

CHƯƠNG IV: KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC GDCD Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÀ THCS

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức:

Nắm vững mục tiêu, vị trí, nhiệm vụ môn GDCD, cấu tạo chương trình – Sách giáo khoa môn GDCD ở THCS; các nguyên tắc, các phương pháp dạy học cơ bản, các tài liệu phương tiện D-H của môn GDCD ở THPT và THCS, yêu cầu kiểm tra đánh giá quá trình D-H môn GDCD.

4.2. Về kỹ năng:

Sinh viên có năng lực sư phạm, biết tổ chức và vận dụng các phương pháp để giảng dạy môn GDCD, từ đó có ý thức rèn luyện, hoàn thiện bản thân trở thành người giáo viên giỏi.

4.3. Về thái độ:

Yêu nghề, nhiệt huyết với nghề giáo viên đặc biệt là giáo viên dạy môn GDCD.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương I: HỆ THỐNG CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG THPT và THCS	10	Hình thức: lên lớp PP: Thuyết trình, Các nhóm thảo luận chuẩn bị bài thuyết trình Tổng kết
1.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC GDCD		
1.2. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC GDCD Ở THPT và THCS		
1.2.1. Phương Pháp thuyết trình		
1.2.2. Phương pháp vấn đáp(Đàm thoại)		
1.2.3. phương pháp trực quan		
1.2.4. Phương pháp thảo luận nhóm		
1.2.5. Phương pháp nêu vấn đề		
1.2.6. Phương pháp xử lý tình huống		
1.2.7. Phương pháp đóng vai		
1.2.8. Phương pháp trò chơi		
1.2.9. Phương pháp dự án		
1.3. ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GDCD Ở TRƯỜNG THPT và THCS		
1.3.1. Tính tất yếu của việc đổi mới phương pháp dạy học môn GDCD ở trường THPT và THCS		
1.3.2. Một số định hướng đổi mới PPDH môn GDCD ở trường THPT và THCS		
Chương II: HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRUNG HỌC PHỔ THÔNG và THCS	8	Hình thức: Lên lớp PP: Thuyết trình, Các nhóm thảo luận chuẩn bị bài thuyết trình, Tổng kết Cuối chương viết bài thu hoạch
2.1. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DH VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DH MÔN GDCD Ở TRUNG HỌC PHỔ THÔNG và THCS		nt
2.1.1. Tổ chức dạy học ở trường THPT và THCS		
2.1.2. Tổ chức dạy học môn GDCD ở di tích lịch sử,		

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
cách mạng...		
2.2.CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC DH MÔN GDCD Ở TRƯỜNG THPT và THCS		
2.2.1. Dựa trên dấu hiệu về số lượng học sinh		
2.2.2. Dựa trên dấu hiệu về tính chất và không gian của giờ học		Nt
Chương III: SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC TRONG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG THPT và THCS	4	Thuyết trình, Các nhóm thảo luận chuẩn bị bài thuyết trình Tổng kết
3.1. Một số vấn đề chung về phương tiện dạy học GDCD		
3.2. Một số phương tiện dạy học GDCD		
3.3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học GDCD		
Chương IV: KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC GDCD Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	4	
4.1. Đánh giá trong quá trình dạy học GDCD		
4.2. Các hình thức kiểm tra và các loại bài kiểm tra trong DH GDCD		
4.3. Các loại câu hỏi kiểm tra môn GDCD		Nt
4.4. Quy trình thiết kế, sử dụng đề kiểm tra môn GDCD		
Tổng kết và hướng dẫn ôn tập	4	

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Vũ Đình Bảy (chủ biên), *Phương pháp dạy học môn GDCD ở trường THPT*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
2. Vương Tất Đạt, *Phương pháp giảng dạy GDCD ở trường THPT*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội, 1994.
3. Phùng văn Bộ, *Lý luận dạy học môn GDCD ở trường THPT*, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội, 1999.
4. Bộ GDĐT, *hướng dẫn sử dụng khung phân phối chương trình THPT* (năm 2009-2010), Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

1. Đảng cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 (khóa VIII)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
2. Luật giáo dục (năm 2005) của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
3. Bộ GDĐT, *Tài liệu bồi dưỡng GV thực hiện chương trình SGK (các lớp từ 10 đến 12) THPT môn GDCD*, NXB Giáo dục, Hà Nội (2006,2007,2008)
4. Sách giáo khoa Môn GDCD THPT: 10,11,12.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01.
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
 - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1;
 - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;
 - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Phạm Phúc Vĩnh ThS. Nguyễn Khắc Duy

HỌC PHẦN
PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC GIÁO DỤC CÔNG DÂN 3

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Phương pháp dạy học GDCD 3
- Mã học phần: 820059
- Số tín chỉ: 02
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (30; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần: Phương pháp dạy học GDCD 2.
- + Đòi hỏi học phần học trước:
- + Đòi hỏi học phần học song hành:
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn ĐLCM của ĐCSVN & Tư tưởng Hồ Chí Minh

3. Mô tả học phần

Học phần tập trung vào việc xác định bài học Giáo dục công dân ở trường trung học và cách chuẩn bị một bài học cụ thể và các bước lên lớp giảng dạy truyền thống một bài học giáo dục công dân trên lớp.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức:

Giúp sinh viên biết được thế nào là một bài học Giáo dục công dân ở trường trung học, cách chuẩn bị một bài học cụ thể và các bước lên lớp giảng dạy một bài học giáo dục công dân trên lớp.

4.2. Về kỹ năng:

Sinh viên có năng lực soạn một giáo án môn GDCD và tổ chức và vận dụng các PP để giảng dạy môn GDCD.

4.3. Về thái độ:

Yêu nghề, nhiệt huyết với nghề giáo, đặc biệt là giáo viên dạy môn GDCD.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: Quan niệm về bài học GDCD ở trường phổ thông	10	Hình thức lên lớp PP: thuyết trình, làm việc theo nhóm.
1.1. Quan niệm		

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
1.2. Cấu trúc của bài học		
1.3. Những yêu cầu đối với bài học		
1.4. Các loại bài học GDCD và ý nghĩa của nó		
1.5. Phương pháp thực hiện bài học GDCD		
1.6. Hiệu quả của bài học GDCD		
1.7. Những biện pháp nhằm đảm bảo hiệu quả của bài học GDCD		
Chương 2: Thực hiện bài giảng giáo dục công dân	10	Hình thức lên lớp PP: thuyết trình, làm việc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của GV, chuẩn bị đề cương thuyết trình Làm bài kiểm tra viết
2.1. Chuẩn bị bài giảng		
2.2. Phương pháp thực hiện bài giảng		
Chương 3: Thực hành chuẩn bị bài giảng	10	Hình thức lên lớp PP: thuyết trình, làm việc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của GV, chuẩn bị đề cương thuyết trình
3.1. Xác định loại bài học		
3.2. Xác định mục đích, yêu cầu của bài học		Thiết kế giáo án mẫu
3.3. Xây dựng đề cương và soạn giáo án		
Tổng kết và hướng dẫn ôn tập		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Vũ Đình Bảy (chủ biên), *Phương pháp dạy học môn GDCD ở trường THPT*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2015.
2. Vương Tất Đạt, *Phương pháp giảng dạy GDCD ở trường THPT*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội, 1994.
3. Phùng văn Bộ, *Lý luận dạy học môn GDCD ở trường THPT*, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội, 1999.
4. Bộ GDĐT, *hướng dẫn sử dụng khung phân phối chương trình THPT* (năm 2009-2010).

6.2. Tài liệu khác:

1. Đảng cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 (khóa VIII)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
2. Luật giáo dục (năm 2005) của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
3. Bộ GDĐT, *Tài liệu bồi dưỡng GV thực hiện chương trình SGK (các lớp từ 10 đến 12) THPT môn GDCD*, NXB Giáo dục, Hà Nội (2006, 2007, 2008).
4. Sách giáo khoa Môn GDCD THPT: 10,11,12.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.2;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,2;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0,5.

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT **TRƯỞNG NGÀNH** **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Phạm Phúc Vĩnh ThS. Nguyễn Khắc Duy

HỌC PHẦN
CHUYÊN ĐỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC GDCD

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Chuyên đề đổi mới PPDH Giáo dục công dân
- Mã học phần: 820312
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thực địa): 45 (30;15)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Phương pháp dạy học GDCD 3.
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: tối đa 50 sinh viên

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn đường lối CM của ĐCSVN & TTHCM

3. Mô tả học phần

Chuyên đề đổi mới PPDH GDCD giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức về đổi mới PPDH nhằm phát huy tính tích cực, tự lực và sáng tạo, phát triển năng lực hành động, năng lực cộng tác làm việc của người học; kỹ năng tổ chức và thực hiện các hoạt động ngoại khoá nhằm phục vụ cho công tác nghề nghiệp.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức:

Trang bị cho sinh viên lí luận về đổi mới PPDH: tích hợp, liên môn, dạy học theo dự án...

Khắc sâu cho sinh viên cách thức tổ chức, thực hiện các PPHD theo hướng đổi mới, phát huy tính tích cực của người học, lấy người học làm trung tâm.

4.2. Về kỹ năng:

Góp phần hình thành, củng cố và phát triển cho sinh viên hệ thống kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp, từng bước nâng cao tay nghề và từng bước thực hiện chức năng dạy chữ, dạy người.

4.3. Về thái độ:

Chuẩn bị cho sinh viên tâm thế của nghề nghiệp sau này. Yêu nghề.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. PPHD tích hợp, liên môn	15	GV hướng dẫn SV đóng góp ý kiến

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
1.1. Khái niệm		
1.2. Ý nghĩa		
1.3. Ưu, nhược điểm		
1.4. Cách tiến hành		
1.5. Câu hỏi và bài tập thực hành		GV hướng dẫn SV chia nhóm thực hiện
Chương 2. PPDH dự án	15	GV hướng dẫn SV đóng góp ý kiến
2.1. Khái niệm		
2.2. Các hình thức dạy học dự án		
2.3. Cấu trúc		
2.4. Đặc điểm		
2.5. Ý nghĩa		
2.6. Ưu, nhược điểm		
2.7. Cách tiến hành		
2.8. Câu hỏi và bài tập thực hành		GV hướng dẫn SV chia nhóm thực hiện
Chương 3. Kỹ năng tổ chức các hoạt động ngoại khoá	15	GV hướng dẫn SV thực hiện
3.1 Khái niệm		
3.2. Ý nghĩa		
3.3. Một số nội dung hoạt động ngoại khoá		
3.4. Các hình thức tổ chức		
3.5. Quy trình tổ chức hoạt động ngoại khoá		
<i>3.5.1. Chuẩn bị sơ bộ</i>		
<i>3.5.2. Lập kế hoạch, giao nhiệm vụ</i>		
<i>3.5.3. Thực hiện kế hoạch</i>		
<i>3.5.4. Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm</i>		
3.6. Bài tập thực hành		GV hướng dẫn SV chia nhóm thực hiện
4. Tổng kết, đánh giá		GV

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Phương pháp dạy môn Giáo dục công dân ở trường THCS*. Nxb. Giáo dục Hà Nội. 2009.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Phương pháp dạy môn Giáo dục công dân ở trường THPT*. Nxb. Giáo dục Hà Nội. 2009.

6.2. Tài liệu khác:

- Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Thị Diệu Thảo. *Dạy học theo dự án - Một phương pháp có chức năng kép trong đào tạo*. 2004
- Nguyễn Văn Cường. *Một số vấn đề chung về đổi mới phương pháp dạy học ở trường THPT*. 2006

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (soạn giáo án 1 tiết giáo dục công dân): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: thực hành giảng bài trên lớp: 10 phút/sinh viên.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:
- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
 - Điểm kiểm tra (soạn giáo án): hệ số 0.3;
 - Điểm thảo luận (giảng bài trên lớp): hệ số 0.6.
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Phạm Phúc Vĩnh ThS. Nguyễn Thị Lệ Giang

HỌC PHẦN
THỰC HÀNH SỰ PHẠM 1

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: THỰC HÀNH SỰ PHẠM 1
- Mã học phần: 820109
- Số tín chỉ: 01
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (0;15;15; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: tối đa 50 sinh viên

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn đường lối CM của ĐCSVN & TTHCM

3. Mô tả học phần

Học phần Thực hành sự phạm 1 giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức lí luận nghiệp vụ sư phạm cơ bản, tăng cường khả năng thực hành, tạo điều kiện cho việc chọn lọc những kiến thức đã tiếp thu để giải quyết các tình huống trong thực tế nghề nghiệp.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức:

Trang bị cho sinh viên lí luận và nghiệp vụ sư phạm.

Khắc sâu cho sinh viên cách thức rèn luyện ngôn ngữ, phương pháp giảng bài, tổ chức các hoạt động trên lớp.

4.2. Về kĩ năng:

Góp phần hình thành, củng cố và phát triển cho sinh viên hệ thống kĩ năng, kĩ xảo nghề nghiệp, từng bước nâng cao tay nghề và từng bước thực hiện chức năng dạy chữ, dạy người.

4.3. Về thái độ:

Chuẩn bị cho sinh viên tâm thế của nghề nghiệp sau này. Yêu nghề.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Rèn luyện kĩ năng giao tiếp sư phạm	9	GV hướng dẫn SV thực hiện
1.1. Với học sinh		
1.2. Với đồng nghiệp		
1.3. Với lãnh đạo		
1.4. Với phụ huynh học sinh		
1.5. Bài tập tình huống		SV giải quyết Thảo luận + Góp ý kiến
Chương 2. Rèn luyện phát triển ngôn ngữ	10	GV hướng dẫn SV thực hiện
2.1. Đảm bảo tính logic khi nói		
2.2. Lựa chọn cách nói		
<i>2.2.1 Phù hợp với hoàn cảnh</i>		
<i>2.2.2 Phù hợp với khả năng của bản thân</i>		
2.3. Nói rõ ràng, mạch lạc, tránh dùng từ thừa		
2.4. Chú ý ngữ điệu trong khi nói		
2.5. Chú ý đến việc dùng từ khi nói và viết		
2.6. Rèn luyện cách viết		
2.7. Bài tập tình huống (Luyện và sửa lỗi phát âm)		SV giải quyết Thảo luận + Góp ý kiến
Chương 3. Rèn luyện kĩ năng giảng dạy thuộc chuyên ngành	10	GV hướng dẫn SV thực hiện
3.1 Tập diễn đạt nội dung bài giảng		
3.2. Khả năng bao quát lớp học		
3.3. Kĩ thuật trình bày bảng		
3.4. Sử dụng phương tiện dạy học hiện đại		
3.5. Vận dụng các phương pháp dạy học tích cực		
3.6. Bài tập tình huống (Luyện, sửa lỗi chữ viết và trình bày bảng)		SV giải quyết Thảo luận + Góp ý kiến
4. Tổng kết, đánh giá	1	GV

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Sách giáo khoa Giáo dục công dân lớp 6, 7, 8, 9*, Nxb. Giáo dục Hà Nội. 2010.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Sách giáo khoa Giáo dục công dân lớp 10, 11, 12*. Nxb. Giáo dục Hà Nội. 2010.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Phương pháp dạy môn Giáo dục công dân ở trường THCS*. Nxb. Giáo dục Hà Nội. 2009.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Phương pháp dạy môn Giáo dục công dân ở trường THPT*. Nxb. Giáo dục Hà Nội. 2009.

6.2. Tài liệu khác:

5. Phạm Trung Thanh (Chủ biên). *Giáo trình Bài tập rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên*. Nxb. ĐHSP. 2007.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (soạn giáo án 1 tiết giáo dục công dân): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: không thi kết thúc HP, SV thực hành giảng bài trên lớp: 10 phút/sinh viên.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:
- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
 - Điểm kiểm tra (soạn giáo án): hệ số 0.3;
 - Điểm thảo luận (giảng bài trên lớp): hệ số 0.6.
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Lê Đình Lục

TS. Phạm Phúc Vĩnh

ThS. Huỳnh Thị Kim Quyên

HỌC PHẦN
TÌM HIỂU THỰC TẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: TÌM HIỂU THỰC TẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ
- Mã học phần: 820313
- Số tín chỉ: 1
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (0,0,0,30)
- Điều kiện để học học phần: Thực tập sau 6 học kỳ.
- + Đòi hỏi học phần học trước: Các môn học chuyên ngành
- + Đòi hỏi học phần song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.

3. Mô tả học phần:

Sinh viên được giới thiệu đến các cơ sở thực tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên của Khoa và sự hướng dẫn của người trực tiếp hướng dẫn tại cơ sở thực tập. Sinh viên có điều kiện để vận dụng những kiến thức đã học và kỹ năng được trang bị tại trường vào thực tập tại các cơ quan, đoàn thể trong hệ thống chính trị Việt Nam. Sinh viên vừa có dịp làm việc theo chuyên môn của mình, vừa đối chiếu, bổ sung kiến thức đã thu nhận được trong quá trình học tập.

4. Mục tiêu của HP:

4.1. Về kiến thức:

Sinh viên được trang bị những kiến thức từ thực tiễn công tác tại các cơ quan trong hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay, nhận thức các mối quan hệ giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị.

4.2. Về kỹ năng:

Sinh viên biết nắm bắt các nội dung, đặc điểm hoạt động thực tế của các cơ quan, đoàn thể trong hệ thống chính trị Việt Nam. Trên cơ sở đó, đối chiếu, củng cố kiến thức học tập tại trường, biết gắn lý luận với thực tiễn.

4.3. Về thái độ:

Sinh viên học tập nghiêm túc, có thái độ tích cực tìm hiểu, khai thác từ thực tế đời sống chính trị xã hội.

5. Kế hoạch thực tập học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Phần 1. Triển khai kế hoạch thực tập	5	Triển khai kế hoạch
1.1. Khái quát kế hoạch		
1.1.1. Năm số lượng sinh viên đi thực tập		
1.1.2. Triển khai kế hoạch cụ thể		
1.2. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp thực tập		
1.2.1. Đối tượng		
1.2.2. Nhiệm vụ		
1.2.3. Phương pháp		
Phần 2. Nội dung kế hoạch	10	Thu thập thông tin, xử lý tình huống
2.1. Chuẩn bị		
2.1.1. Chương trình thực tập		
2.1.2. Cơ sở vật chất		
2.2 Phân chia nhiệm vụ cụ thể		
2.2.1. Phân nhóm cho lớp		
2.2.2. Các nhóm chuẩn bị dụng cụ học tập và tài liệu cần thiết phục vụ chuyến đi		
2.3. Thực tập tại cơ sở		
2.3.1. Tìm hiểu về cơ sở thực tập		
2.3.2. Thực hiện nhiệm vụ thực tập		
Phần 3. Kết thúc thực tập	15	
3.1. Triển khai một số quy định khi viết báo cáo		
3.2. Thu báo cáo và chấm điểm		
3.3. Sơ kết - Rút kinh nghiệm thực tập		

Địa điểm thực tập:

1. Thực tập ở các cơ quan thuộc Thành ủy TP.Hồ Chí Minh.
2. Thực tập ở các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân TP.Hồ Chí Minh.
3. Thực tập ở các cơ quan thuộc Hội đồng nhân dân TP.Hồ Chí Minh.

4. Thực tập ở các cơ quan thuộc đoàn thể TP.Hồ Chí Minh .

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Những kiến thức đã được học.

6.2. Tài liệu khác

2. Tư liệu thực tiễn từ chuyến đi.

3. Các văn bản quy định chuyên môn nơi thực tập.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 0.0

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: viết báo cáo

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.3

- Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.7

7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan TS. Phạm Đào Thịnh

HỌC PHẦN
THỰC TẾ CHUYÊN MÔN GDCD

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: THỰC TẾ CHUYÊN MÔN GDCD
- Mã học phần: 820314
- Số tín chỉ: 1
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 45 (0,0,0,45)
- Điều kiện để học học phần:
- Đòi hỏi học phần học trước: Thực hiện vào đầu học kỳ 4 của khóa học.
- Đòi hỏi học phần song hành: Không
- Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.

3. Mô tả học phần:

Thực tế ngoài trường nhằm giúp sinh viên có điều kiện tìm hiểu về các điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa của các vùng miền. Tìm hiểu về không gian sinh tồn và tâm lý xã hội của cộng đồng dân cư ở các tỉnh Tây Nam Bộ, miền Trung và Tây Nguyên.

4. Mục tiêu học phần:

4.1. Về kiến thức

Tạo điều kiện cho sinh viên nhận thức các mặt kinh tế, chính trị, xã hội đất nước và con người Việt Nam qua thực tế.

Sinh viên nhận thức, phát hiện được nhiều thực tế sinh động của điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, tâm lý xã hội giữa các vùng miền trong cả nước để phục vụ cho công tác giảng dạy sau khi ra trường.

4.2. Về kỹ năng

Hiểu và nhận thức sâu sắc về đất nước, con người, những điều kiện ảnh hưởng đến các mặt kinh tế, chính trị, xã hội mà sinh viên sẽ nghiên cứu và giảng dạy ở trường phổ thông sau này.

4.3. Về thái độ

Chủ động, sáng tạo trong việc vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác.

Nêu cao tinh thần, ý thức tập thể, đoàn kết và có tổ chức kỷ luật.

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Phần1. Triển khai kế hoạch thực tế ngoài trường	10	Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại + thảo luận nhóm.
1.1. Khái quát kế hoạch		
1.1.1. Năm số lượng sinh viên đi thực tế		
1.1.2. Triển khai kế hoạch cụ thể		
1.2. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu khi đi thực tế chuyên môn có hiệu quả		
1.2.1. Đối tượng		
1.2.2. Nhiệm vụ		
1.2.3. Phương pháp		
Phần 2. Nội dung kế hoạch	20	Thuyết trình + đàm thoại+ Thảo luận
2.1. Chuẩn bị		
2.1.1. Chương trình cụ thể		
2.1.2. Cơ sở vật chất		
2.2 Phân chia nhiệm vụ cụ thể		
2.2.1. Phân nhóm cho lớp		
2.2.2. Các nhóm chuẩn một vài dụng cụ học tập và tài liệu cần thiết phục vụ chuyến đi		
2.3. Tiếp cận địa điểm đi thực tế về tự nhiên và lịch sử		Thảo luận nhóm
2.3.1. Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên		
2.3.2. Tìm hiểu về lịch sử		
2.4. Tiếp cận tìm hiểu về con người và văn hóa		
2.4.1. Con người		
2.4.2. Văn hóa		Kiểm tra
Phần 3. Viết báo cáo cho chuyến đi	15	Thuyết trình + đàm thoại + Thảo luận
3.1. Triển khai một số quy định khi viết báo cáo		

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
3.1.1. Sinh viên lắng nghe		
3.1.2. Tập trung ghi chép đầy đủ		
3.1.3. Chấp hành mọi quy định		
3.1.4. Tuân thủ theo sự hướng dẫn Trưởng đoàn và giáo viên phụ trách		
3.1.5. Các sinh viên hỗ trợ lẫn nhau		
3.2. Trải nghiệm thực tế		Thảo luận nhóm
3.2.1. Tiếp cận tìm hiểu địa điểm đi thực tế từ hướng dẫn viên		
3.2.2. Tiếp cận tìm hiểu địa điểm thực tế từ con người vùng đất đó		
3.3. Giải đáp câu hỏi cho sinh viên		
3.3.1. Điều kiện tự nhiên		
3.3.2. Về con người, văn hóa, lịch sử vùng đất		
3.4. Sinh viên tiến hành thảo luận		Thảo luận nhóm
3.4.1. Thảo luận theo nhóm		
3.4.2. Tổng hợp các ý kiến		
3.5. Viết báo cáo		
3.5.1. Dựa trên ghi nhận từ chuyến đi		
3.5.2. Suy nghĩ, tình cảm về chuyến đi		
3.5.3. Nộp báo cáo		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Vốn sống kinh nghiệm của sinh viên.
2. Những kiến thức đã được học .

6.2. Tài liệu khác

3. Tư liệu thực tiễn từ chuyến đi.
4. Thuyết trình của hướng dẫn viên.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 0.0

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: viết báo cáo

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.3

- Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.7

7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục

TS. Võ Thị Kim Loan ThS. Huỳnh Thị Kim Quyên

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NGÀNH: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

HỌC PHẦN CHÍNH TRỊ HỌC SO SÁNH

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: CHÍNH TRỊ HỌC SO SÁNH
- Mã học phần: 820315
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (30,0,0,0)
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Chính trị học
 - + Đòi hỏi học phần song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin

3. Mô tả học phần:

Môn học nghiên cứu, so sánh những giá trị chính trị phổ biến của thế giới trong lịch sử và trong giai đoạn hiện nay, đồng thời phân tích và so sánh những nét tương đồng và khác biệt giữa các loại hình chính trị theo lịch đại và đương đại, các dạng hoạt động chính trị, các quan hệ, quá trình chính trị. Đặc biệt so sánh chính trị qua các thời đại, hệ tư tưởng tư sản và hệ tư tưởng vô sản, dân chủ và hệ thống chính trị TBCN và XHCN, địa chính trị các khu vực, các châu lục và địa chính trị biển,...

4. Mục tiêu học phần:

4.1. Về kiến thức

Môn học trang bị cho người học những tri thức về sự tương đồng và khác biệt của các loại hình chính trị theo lịch đại và đương đại. Trên cơ sở đó, người học có thể so sánh, phân tích các hiện tượng, quá trình chính trị.

4.2. Về kỹ năng

Giúp cho người học có khả năng đi sâu nghiên cứu những môn học chính trị chuyên biệt khác như: Quyền lực chính trị, Thể chế chính trị đương đại, Chính trị học phát triển,...

4.3. Về thái độ

Nhận thức khách quan về đời sống chính trị thế giới và khu vực, phục vụ nhu cầu phát triển và bảo vệ lợi ích quốc gia.

5. Kế hoạch dạy học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Nhập môn chính trị học so sánh	3	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại + thảo luận
1.1. Khái niệm, lịch sử nghiên cứu Chính trị học so sánh trên thế giới		
1.1.1. Khái niệm		
1.1.2. Lịch sử nghiên cứu		
1.2. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu		
1.2.1. Đối tượng		
1.2.2. Nhiệm vụ		
1.2.3. Phương pháp nghiên cứu		
Chương 2. So sánh chính trị theo lịch đại – các chế độ chính trị trong lịch sử	12	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại + thảo luận
2.1. Chế độ chính trị chiếm hữu nô lệ		
2.1.1. Khái quát về chế độ chiếm hữu nô lệ		
2.1.2. Nhà nước chiếm hữu nô lệ		
2.2 Chế độ chính trị phong kiến		
2.2.1. Khái quát về chế độ chính trị phong kiến		
2.2.2. Nhà nước phong kiến		
2.3. Chế độ chính trị TBCN		Thảo luận nhóm
2.3.1. Khái quát về chế độ chính trị TBCN		
2.3.2. Nhà nước tư bản chủ nghĩa		
2.4. Chế độ chính trị XHCN		

2.4.1. Khái quát về chế độ chính trị XHCN		
2.4.2. Nhà nước XHCN		
Chương 3. So sánh chính trị theo đương đại - Các khu vực trên thế giới	15	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại + thảo luận
3.1. Chính trị các khu vực châu Á		
3.1.1. Chính trị khu vực Đông Bắc Á		
3.1.2. Chính trị khu vực Đông Nam Á		
3.1.3. Chính trị khu vực Nam Á		
3.1.4. Chính trị khu vực Trung Á		
3.1.5. Chính trị khu vực Tây Á		
3.2. Chính trị các khu vực châu Âu		
3.2.1. Chính trị khu vực Tây Âu		
3.2.2. Chính trị khu vực Đông Âu		
3.3. Chính trị các khu vực châu Phi		
3.3.1. Chính trị khu vực Bắc Phi		
3.3.2. Chính trị khu vực Nam Phi		
3.4. Chính trị các khu vực châu Mỹ		
3.4.1. Chính trị khu vực Bắc Mỹ		
3.4.2. Chính trị khu vực Mỹ Latinh		
3.5. Chính trị châu Đại Dương		
3.5.1. Điều kiện tự nhiên và xã hội		
3.5.2. Đặc điểm chính trị châu Đại Dương		
3.5.3. Vị trí, vai trò của châu Đại Dương trong nền chính trị thế giới		Thảo luận nhóm

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Khoa Chính trị học, Phân viện Báo chí và tuyên truyền (2003), *Tập đề cương bài giảng Chính trị học so sánh*, Hà Nội.
2. Khoa Chính trị học, Phân viện Báo chí và tuyên truyền (2003), *Thế chế chính trị thế giới đương đại*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

3. Nguyễn Đăng Thành (2002), *Chính trị của CNTB hiện đại và tương lai*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Hồ Văn Thông (1998), *Hệ thống chính trị ở các nước tư bản hiện đại*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10.
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01.
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng, thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1.
 - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.2.
 - Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2.
 - Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.5.
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT **TRƯỞNG NGÀNH** **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan TS. Nguyễn Thị Hiền Oanh

HỌC PHẦN
DỰ LUẬN XÃ HỘI

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: DỰ LUẬN XÃ HỘI
- Mã học phần: 820316
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (20,5,5,0)
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin.
 - + Đòi hỏi học phần song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.

3. Mô tả học phần:

Học phần này giúp sinh viên nắm được bản chất, chức năng và vai trò của Dự luận xã hội. Đồng thời, nắm được những kỹ năng để tổ chức và tiến hành nghiên cứu, nắm bắt, định hướng dự luận xã hội; góp phần cung cấp những thông tin cần thiết để quản lý, điều hành xã hội một cách có hiệu quả nhất.

4. Mục tiêu cụ thể của học phần

2.1. Về kiến thức

Giúp sinh viên hiểu được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, vai trò của dự luận xã hội. Đồng thời nắm được những phạm trù, khái niệm cơ bản, cũng như phương pháp nghiên cứu dự luận xã hội.

2.2. Về kỹ năng

Nắm được phương pháp nghiên cứu đặc trưng của Dự luận xã hội trong thực tiễn. Nhận biết và xử lý các vấn đề dự luận xã hội.

2.3. Về thái độ

Có ý thức trong vận dụng kiến thức và phương pháp nghiên cứu của Dự luận xã hội vào nghiên cứu thực tiễn, nhằm góp phần cung cấp những căn cứ khoa học cho các nhà quản lý đưa ra các giải pháp thiết thực trong quản lý xã hội một cách có hiệu quả. .

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Dư luận xã hội và vai trò của nó trong đời sống xã hội	8	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
1. 1. Bản chất và chức năng của dư luận xã hội		
1.1. Khái niệm dư luận xã hội		
1.2. Bản chất của dư luận xã hội		
1.2.1. Chức năng của dư luận xã hội		
1.2. Sự hình thành dư luận xã hội và các yếu tố tác động đến quá trình hình thành dư luận xã hội		
1.2.1. Các giai đoạn hình thành dư luận xã hội		
1.2.2. Các yếu tố tác động đến quá trình hình thành dư luận xã hội		
1.3. Vai trò của dư luận xã hội trong xã hội hiện đại		
1.3.1. Vai trò của dư luận trong các xã hội tư bản chủ nghĩa		
1.3.2. Vai trò của dư luận trong các xã hội xã hội chủ nghĩa		
Chương 2. Công tác nghiên cứu dư luận xã hội và giải pháp phát huy vai trò của dư luận xã hội ở nước ta hiện nay	10	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại + thảo luận
2.1. Nhu cầu của công tác nghiên cứu dư luận xã hội trong xây dựng đất nước thời kỳ đổi mới và hội nhập thế giới.		
2.1.1. Nhu cầu nghiên cứu DLXH trong quá trình đổi mới đất nước.		
2.1.2. Nhu cầu nghiên cứu DLXH trong quá trình hội nhập thế giới		
2.2. Giải pháp phát huy vai trò dư luận xã hội trong xây dựng đất nước		Kiểm tra
2.2.1. Dân chủ hóa các lĩnh vực của đời sống xã hội – giải pháp quan trọng để phát huy vai trò của DLXH		
2.2.2. Vai trò của DLXH trong cơ chế “Dân biết, dân bàn, dân kiểm tra”		
2.2.3. Vai trò của báo chí đối với việc phát huy sức mạnh của DLXH		
2.2.4. Nâng cao trình độ văn hóa chính trị của nhân dân		
2.2.5. Sử dụng các kết quả nghiên cứu DLXH trong lãnh đạo và quản lý xã hội.		

2.2.6. Tạo lập bầu không khí tâm lý – xã hội lành mạnh		
Chương 3. Phương pháp tổ chức điều tra thăm dò dư luận xã hội	12	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại + Bài tập
3.1. Những vấn đề cơ bản về tổ chức điều tra thăm dò DLXH		
3.1.1. Điểm khác nhau cơ bản giữa thăm dò và điều tra DLXH		
3.1.2. Các loại điều tra và điều tra dư luận XH		
3.2. Phương pháp điều tra thăm dò dư luận XH		
3.2.1. Phương pháp Anket		
3.2.2. Phương pháp phỏng vấn		
3.2.3. Các phương pháp khác		
3.3. Câu hỏi – công cụ quan trọng nhất để trung cầu ý kiến		
3.3.1. Các loại câu hỏi		
3.3.2. Một vài kinh nghiệm đặt câu hỏi		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Phạm Tất Dong- Lê Ngọc Hùng (đồng chủ biên) (1997), *Xã hội học*, Trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn Hà Nội, NXB Đại học Quốc gia, Hà nội.
2. Từ Điển (1996), *Điều tra thăm dò dư luận* (hướng dẫn thực hành), NXB T. kê, Hà Nội
3. Nguyễn Sinh Huy – Nguyễn Văn Lê, Vũ Minh Tâm (2004), *Xã hội học đại cương*, Bộ giáo dục và đào tạo, Dự án đào tạo giáo viên trung học cơ sở, Loan No 1718 – VIE (SP), NXB Đại học Sư phạm.
4. Lương Khắc Hiếu, (1999), *Dư luận xã hội trong sự nghiệp đổi mới* (Sách tham khảo), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Phan Trọng Ngọ (chủ biên) – Nguyễn Lan Anh, Dương Diệu Hoa, Trương Bích Hà, (1997), *Xã hội học đại cương*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

4. Mai Quỳnh Nam (1995), *Dư luận xã hội – mấy vấn đề về lý luận và phương pháp nghiên cứu*, Tạp chí Xã hội học, số 1, Viện KH XH &NV.
5. Khoa Xã hội học, Đại học KHXH &NV Hà Nội, 1991, *Tâm lý học xã hội: Những lĩnh vực ứng dụng*.
6. Nguyễn Khắc Viện (chủ biên) (1994), *Từ điển Xã hội học*, NXB Thế giới, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng, thời gian làm bài: 90 phút

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.2

- Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2

- Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.5

7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan TS. Trần Thị Nam Trân

HỌC PHẦN
KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ ĐÀM PHÁN**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ ĐÀM PHÁN
- Mã học phần: 820317
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (10,5,5,10)
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
 - + Đòi hỏi học phần song hành: Không
- +/- Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa Giáo dục Chính trị**3. Mô tả học phần:**

Môn học nghiên cứu kiến thức nền tảng về kỹ năng giao tiếp, những vấn đề cơ bản cần lưu ý để giao tiếp hiệu quả; lý giải những yếu tố chi phối đến quá trình giao tiếp. Qua đó, giúp người học có thể nhận thấy được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong giao tiếp để từng bước rèn luyện kỹ năng nói, viết, biết lắng nghe, trình bày trước đám đông.

4. Mục tiêu học phần:**4.1. Về kiến thức**

Nắm vững kiến thức về kỹ năng giao tiếp. Nhận biết các bối cảnh giao tiếp thông thường trong cuộc sống; có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp sư phạm, nhận biết các giá trị và chuẩn mực của xã hội trong các bối cảnh giao tiếp. Vận dụng linh hoạt những kiến thức đã học, các phương tiện giao tiếp và các loại hình giao tiếp để giải quyết các tình huống giao tiếp khác nhau trong cuộc sống. Khắc phục những rào cản trong giao tiếp. Nắm vững những nguyên tắc cơ bản trong đàm phán, qua đó biết cách áp dụng vào từng trường hợp cụ thể. Có khả năng soạn thảo báo cáo và đề xuất trong công việc, thư xin việc và sơ

yếu lý lịch. Chuẩn bị tốt cho việc phỏng vấn tuyển dụng. Đồng thời hiểu rõ hơn về truyền thông đa văn hóa - là điều kiện cần trong việc hội nhập vào quá trình toàn cầu hóa.

4.2. Về kỹ năng

Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đàm phán, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng nghe hiểu, kỹ năng viết, kỹ năng thuyết trình.

4.3. Về thái độ

Thông qua môn học, người học sẽ nhận thấy rõ tầm quan trọng của giao tiếp trong cuộc sống; đồng thời việc nắm vững những nguyên tắc cơ bản trong giao tiếp, trong thương lượng, đàm phán, trong việc soạn thảo các loại văn bản, giúp người học tự tin hơn và chủ động hơn.

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Những lý luận cơ bản về giao tiếp	5	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
1.2. Giao tiếp	1	
1.1.1. Khái niệm giao tiếp		
1.1.2. Đặc trưng của giao tiếp		
1.1.3. Chức năng của giao tiếp		
1.1.4. Cấu trúc của hành vi giao tiếp		
1.1.5. Phân loại giao tiếp		
1.1.5.1. Phân loại theo cách tiếp xúc trong giao tiếp		
1.1.5.2. Phân loại theo hình thức tổ chức giao tiếp		
1.5.3. Phân loại theo thái độ và chiến lược giao tiếp		
1.2. Các phương tiện giao tiếp	1	
1.2.1. Ngôn ngữ		
1.2.2. Phi ngôn ngữ		
1.3. Quá trình giao tiếp	1	
1.3.1. Quá trình trao đổi thông tin		
1.3.2. Quá trình nhận thức		
1.3.3. Quá trình tác động lẫn nhau		
1.4. Những rào cản trong giao tiếp	1	
1.4.1. Những rào cản giao tiếp giữa các cá nhân		

1.4.2. Những rào cản giao tiếp trong tổ chức		
1.5. Các biện pháp khắc phục và nâng cao hiệu quả giao tiếp	1	
Chương 2. Nguyên tắc và ứng xử trong giao tiếp	5	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại. Bài tập. Thực hành.
2.1. Nguyên tắc giao tiếp	2	
2.1.1. Tôn trọng nhân cách đối tượng giao tiếp		
2.1.2. Thiện chí		
2.1.3. Đồng cảm		
2.1.4. Gây thiện cảm khi giao tiếp		
2.2. Ứng xử trong giao tiếp	3	
2.2.1. Một số nghi thức trong giao tiếp		
2.2.1.1. Chào hỏi		
2.2.1.2. Bắt tay		
2.2.2.3. Giới thiệu làm quan		
2.2.2.4. Tặng quà, hoa		
2.2.2.5. Ứng xử nơi công cộng		
2.2.2. Sử dụng các phương tiện thông tin liên lạc		
Chương 3. Kỹ năng giao tiếp, đàm phán	5	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại. Bài tập. Thực hành.
2.1. Kỹ năng giao tiếp	2	
2.1.1. Kỹ năng định hướng giao tiếp		
2.1.2. Kỹ năng định vị giao tiếp		
2.1.3. Kỹ năng điều khiển giao tiếp		
2.1.4. Kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp		
2.2. Kỹ năng đàm phán	3	
2.2.1. Khái quát chung về đàm phán		
2.2.1.1. Khái niệm		
2.2.1.2. Đặc điểm		
2.2.2. Tiến trình		
2.2.2.1. Giai đoạn chuẩn bị		
2.2.2.2. Giai đoạn tiếp xúc		
2.2.2.3. Giai đoạn thực tế		
		Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm

Chương 4. Soạn thảo thư xin việc và sơ yếu lý lịch	5	thoại. Bài tập.
4.1. Soạn thảo thư xin việc	2	
4.1.1. Tổng quát về thư xin việc		
4.1.2. Cách trình bày thư xin việc		
4.1.3. Thư xin việc mẫu		
4.2. Soạn thảo sơ yếu lý lịch	3	
4.2.1. Phân loại sơ yếu lý lịch		
4.2.2. Cách trình bày sơ yếu lý lịch		
4.2.3. Sơ yếu lý lịch mẫu		
Chương 5. Phỏng vấn tuyển dụng	5	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại. Bài tập. Thực hành
5.1. Phân loại phỏng vấn	1	
5.1.1. Phỏng vấn theo mẫu		
5.1.2. Phỏng vấn không theo mẫu		
5.2. Phương pháp phỏng vấn	1	
5.2.1. Phỏng vấn hội đồng		
5.2.2. Phỏng vấn căng thẳng		
5.2.3. Phỏng vấn mô tả hành vi		
5.2.4. Phỏng vấn cá nhân		
5.2.5. Phỏng vấn nhóm		
5.3. Chuẩn bị cuộc phỏng vấn	1	
5.3.1. Tìm hiểu thông tin về công ty		
5.3.2. Chuẩn bị cho cuộc phỏng vấn		
5.3.3. Trong khi được phỏng vấn		
5.4. Tiêu chí tuyển chọn nhân viên	1	
5.4.1. Kỹ năng nhận thức		
5.4.2. Kỹ năng giao tiếp		
5.4.3. Kỹ năng kỹ thuật		
5.5. Sơ lược các câu hỏi phỏng vấn	1	
Chương 6. Truyền thông đa văn hóa	5	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
6.1. Tầm quan trọng của truyền thông đa văn hóa	1	
6.2. Tìm hiểu về dị biệt văn hóa	2	
6.3. Những nguyên tắc giao tiếp trong truyền thông đa văn hóa	2	

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Bá Minh (2013), *Giáo trình Nhập môn kỹ năng giao tiếp*, NXB ĐHSP TP. Hồ Chí Minh.
2. Chu Văn Đức (2005), *Giáo trình Kỹ năng giao tiếp*, NXB Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

3. Huỳnh văn Sơn (chủ biên, 2011), *Giáo trình Tâm lý học giao tiếp*, NXB ĐHSP TP. Hồ Chí Minh.
4. Dale Carnegie (Nguyễn Hiến Lê dịch, 2008), *Đắc nhân tâm*, NXB Trẻ, TP. HCM.
5. Lê Thị Bùng - Hải Vang (1997), *Tâm lý học ứng xử*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: điểm 10

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng, thời gian làm bài: 60 phút

7.4. Các điểm quá trình và trọng số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: 0.1
- Điểm kiểm tra giữa kì: 0.1
- Điểm thuyết trình, seminar: 0.2
- Điểm thi kết thúc học phần: 0.6

7.5. Điểm của HP/MH là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan TS. Lê Thị Tuyết

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NGÀNH: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

HỌC PHẦN

KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM, THUYẾT TRÌNH

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: KỸ NĂNG MỀM LÀM VIỆC NHÓM, THUYẾT TRÌNH
- Mã học phần: 820318
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (10,6,7,7)
- Điều kiện để học học phần: Không
- + Đòi hỏi học phần học trước: Không
- + Đòi hỏi học phần song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 70

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Khoa Giáo dục Chính trị.

3. Mô tả học phần:

Môn học rèn luyện các kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình. Môn học còn bao gồm phần thực hành thực hiện dự án nhóm và thuyết trình báo cáo dự án nhóm để nâng cao khả năng làm việc nhóm, thuyết trình.

4. Mục tiêu học phần:

4.1. Về kiến thức

Trang bị kiến thức cách tổ chức và duy trì hoạt động nhóm hiệu quả, nội dung và phương pháp chuẩn bị, tiến hành thuyết trình.

4.2. Về kỹ năng

Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng tổ chức và hoạt động nhóm như lựa chọn thành viên, xây dựng văn hóa nhóm, giải quyết xung đột, phân công công việc trong nhóm, hỗ trợ lẫn nhau; các kỹ năng lựa chọn đề tài thuyết trình, chuẩn bị, vượt qua nỗi sợ hãi, giao tiếp với khán giả, thuyết phục khán giả khi thuyết trình.

4.3. Về thái độ

Nghiêm túc, có tinh thần học hỏi cao, tự tin.

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá	
Chương 1. Đối tượng và phương pháp của môn học	2	Giảng lý thuyết ít, giao nhiều bài tập và hỗ trợ sinh viên thực hành. Đánh giá qua kết quả thực hành	
1.1. Đối tượng của môn học			
1.1.3. Kỹ năng làm việc nhóm.			
1.1.4. Kỹ năng thuyết trình			
1.2. Phương pháp học tập			
1.2.1. Phương pháp học phần lý thuyết			
1.2.2. Phương pháp rèn luyện kỹ năng			
Chương 2. Kỹ năng làm việc nhóm	14	Thuyết giảng + Giao bài tập dưới dạng đề án cho các nhóm sinh viên thực hiện	
2.1. Tổ chức nhóm		Sinh viên tổ chức nhóm của mình	
2.2.1. Nhóm và các giai đoạn của nhóm			
2.2.2. Chọn thành viên nhóm			
2.2. Tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả		Các nhóm thực hiện đề án đã được giao	
2.2.1. Các nguyên tắc hoạt động nhóm			
2.2.2. Các phương pháp tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả		Đánh giá kết quả hoạt động nhóm qua kết quả đề án.	
Chương 3. Kỹ năng thuyết trình	14	Giảng lý thuyết ít, giao nhiều bài tập và hỗ trợ sinh viên thực hành	
3.1. Thuyết trình và vai trò của nó			
3.1.1. Thuyết trình			
3.1.2. Vai trò của thuyết trình trong đời sống			
3.2 Chuẩn bị thuyết trình			Các nhóm sinh viên chọn đề tài để thuyết trình (nên chọn đề tài về đề án đã thực hiện)
3.2.1. Chọn đề tài và địa điểm thuyết trình			
3.2.2. Chuẩn bị nội dung thuyết trình			
3.2.5. Chuẩn bị các phương tiện hỗ trợ thuyết trình			
3.3. Thực hiện bài thuyết trình			
3.3.1. Vượt qua nỗi sợ đám đông			
3.3.2. Thu hút sự chú ý của khán, thính giả			

3.3.5. Giải quyết các sự cố ngoài dự tính		
3.3.6. Sử dụng các phương tiện hỗ trợ		
3.3.7. Trình bày nội dung thuyết trình		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Bùi Loan Thùy, Phạm Đình Nghiệm (2010), *Kỹ năng mềm*, Tài liệu lưu hành nội bộ của Đại học Kinh tế tài chính TP. HCM.
2. Richard Hal (2009), *Thuyết trình thật là đơn giản*, NXB Lao động
3. Robert Maddux (2008), *Xây dựng nhóm làm việc*, NXB Tổng hợp TP. HCM.
4. John Maxwell (2008), *17 nguyên tắc vàng trong làm việc nhóm*, NXB LĐ-XH, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

5. Harvard Business School Press (2008) *Lãnh đạo nhóm*, NXB Thông Tấn
6. Ebook *Kỹ năng thuyết trình* <http://www.ebook.edu.vn>
7. Phong Liễu (2007), *Diễn thuyết trước công chúng*, NXB Thanh Hóa
8. <http://www.ketnoisunghiep.vn/ky-nang-lam-viec-nhom>
9. <http://tailieu.vn/tag/tai-lieu/lam-viec-nhom-hieu-qua.html>

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận hoặc vấn đáp, hoặc thuyết trình kết quả hoạt động nhóm.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.1
- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1
- Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2
- Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.5

7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT **TRƯỞNG NGÀNH** **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NGÀNH: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

HỌC PHẦN
KỸ NĂNG TƯ DUY PHẢN BIỆN VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: KỸ NĂNG MỀM TƯ DUY PHẢN BIỆN VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ
- Mã học phần: 820319
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (10,6,7,7)
- Điều kiện để học học phần: Không
- + Đòi hỏi học phần học trước: Không
- + Đòi hỏi học phần song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 70

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Khoa Giáo dục Chính trị.

3. Mô tả học phần:

Môn học rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề.

4. Mục tiêu học phần:

4.1. Về kiến thức

Trang bị kiến thức về tư duy phản biện, phương pháp để có tư duy phản biện, kiến thức về phát hiện và phương pháp giải quyết vấn đề.

4.2. Về kỹ năng

Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng tư duy phản biện và giải quyết vấn đề như chấp nhận ý kiến khác lạ, đối lập, vượt ra khỏi khuôn mẫu cũ, nhận biết và phản bác ngụy biện, phát hiện vấn đề, xác định chính xác vấn đề, xác định các nguồn lực để giải quyết vấn đề, chọn các giải pháp giải quyết vấn đề.

4.3. Về thái độ

Nghiêm túc, có tinh thần học hỏi cao, tự tin, có tinh thần phản biện.

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Đối tượng và phương pháp của môn học	2	Giảng lý thuyết ít, giao nhiều bài tập và hỗ trợ sinh viên thực hành. Đánh giá qua kết quả thực hành
1.1. Đối tượng của môn học		
1.1.5. Kỹ năng tư duy phản biện.		
1.1.6. Kỹ năng giải quyết vấn đề		
1.2. Phương pháp học tập		
1.2.1. Phương pháp học phần lý thuyết		
1.2.2. Phương pháp rèn luyện kỹ năng		
Chương 2. Kỹ năng tư duy phản biện	14	Thuyết giảng + Giao bài tập dưới dạng đề án cho các nhóm sinh viên thực hiện
2.1. Bản chất, vai trò của tư duy phản biện		Sinh viên tổ chức nhóm của mình
2.1.1. Bản chất		
2.1.2. Vai trò		
2.2. Để có tư duy phản biện		Các nhóm thực hiện đề án đã được giao
2.2.1. Xây dựng tinh thần phản biện		
2.2.2. Tuân thủ các nguyên tắc, quy luật của tư duy		
2.2.3. Sử dụng thành thạo các dạng thức logic khi suy luận		Đánh giá kết quả hoạt động nhóm qua kết quả đề án.
2.2.4. Chứng minh, bác bỏ chặt chẽ		
2.2.5. Phát hiện và phản bác nguy biện		

Chương 3. Kỹ năng giải quyết vấn đề	14	Giảng lý thuyết ít, giao nhiều bài tập và hỗ trợ sinh viên thực hành
3.1. Kỹ năng phát hiện vấn đề		
3.1.1. Xuất phát điểm để phát hiện vấn đề		
3.1.2. Phương pháp phát hiện vấn đề		
3.2. Kỹ năng đặt vấn đề một cách chính xác		Các nhóm sinh viên chọn đề tài để thuyết trình (nên chọn đề tài về đề án đã thực hiện)
3.2.1. Vai trò của việc đặt vấn đề một cách chính xác		
3.2.2. Phương pháp đặt vấn đề một cách chính xác		
3.3. Các bước giải quyết vấn đề		Các nhóm lần lượt thuyết trình. Rút kinh nghiệm, hoàn thiện bài thuyết trình
3.3.1. Xác định các nguồn lực để giải quyết vấn đề		
3.3.2. Lựa chọn các giải pháp giải quyết vấn đề		
3.3.8. Tiến hành giải quyết vấn đề		
3.3.9. Đánh giá kết quả giải quyết vấn đề, đúc kết kinh nghiệm		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Bùi Loan Thùy, Phạm Đình Nghiệm (2010) *Kỹ năng mềm*, Tài liệu lưu hành nội bộ của Đại học Kinh tế tài chính TP. HCM.

6.2. Tài liệu khác

2. Phạm Đình Nghiệm (2015) *Nhập môn logic học*, NXB ĐHQG TP. HCM
3. <http://www.kynangchuyennghiep.vn/ky-nang-tu-duy-phan-bien/>
4. <http://tailieu.vn/tag/tu-duy-phan-bien.html>
5. <http://www.kynang.edu.vn/ky-nang-mem/ky-nang-giai-quyet-van-de>

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận hoặc vấn đáp, hoặc thuyết trình kết quả hoạt động nhóm.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.1

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1

- Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2

- Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.5

7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT **TRƯỞNG NGÀNH** **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan PGS.TS. Phạm Đình Nghiệm

HỌC PHẦN
KỸ NĂNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ QUẢN LÝ THỜI GIAN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: KỸ NĂNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ QUẢN LÝ THỜI GIAN
- Mã học phần: 820320
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (10,5,5,10)
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
 - + Đòi hỏi học phần song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Khoa Giáo dục Chính trị.

3. Mô tả học phần

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp xây dựng kế hoạch. Hướng dẫn cho người học kỹ năng tư duy và tìm kiếm giải pháp phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh bản thân. Từ đó người học biết xây dựng cho mình kế hoạch phù hợp và hiệu quả. Ngoài ra còn hướng dẫn người học cách thức quản lý thời gian và sắp xếp công việc hiệu quả.

4. Mục tiêu học phần**4.1. Về kiến thức**

Giúp cho người học có kiến thức tổng quan về kế hoạch và lập kế hoạch, có kiến thức về quy trình lập kế hoạch, sắp xếp công việc theo tính cấp bách và tầm quan trọng, phương pháp quản lý thời gian.

4.2. Về kỹ năng

Rèn luyện kỹ năng thực hiện và lãnh đạo nhóm, trình bày hiệu quả các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập, kỹ năng giao tiếp. Hình thành được ý tưởng, lập và thực hiện các loại kế hoạch cá nhân và kế hoạch công việc.

4.3. Về thái độ

Thông qua môn học, người học sẽ nhận thấy rõ tầm quan trọng của việc sử dụng những phương pháp khoa học trong việc xây dựng kế hoạch, lập kế hoạch và quản lý thời gian.

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Các yếu tố cơ bản của kế hoạch	5	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
1.1. Khái niệm	1	
1.2. Đặc điểm	1	
1.3. Thành phần	1	
1.4. Mục đích	1	
1.5. Phân loại	1	
Chương 2. Tiến trình lập kế hoạch	15	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại. Bài tập. Thực hành.
2.1. Khái quát chung về tiến trình lập kế hoạch	1	
2.2. Xác định nguồn lực khách quan	2	
2.3. Xác định nguồn lực chủ quan	2	
2.4. Xác định mục tiêu	2	
2.5. Xác định công việc và trình tự thực hiện	3	
2.6. Lập bảng kế hoạch hành động	3	
2.7. Kiểm soát việc thực hiện	2	
Chương 3. Quản lý thời gian	10	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại. Bài tập. Thực hành.
2.1. Khái niệm	1	
2.2. Một số nguyên tắc và ý tưởng quản lý thời gian	9	

2.2.1. Hiểu về việc sử dụng thời gian của bản thân		
2.2.2. Hiểu về công việc		
2.2.3. Ngăn nắp và làm việc tốt hơn		
2.2.4. Chuẩn bị thay đổi		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Dr. Yan Yager (Hồ Văn Hiệp dịch, 2010), *Nghệ thuật quản lý thời gian sáng tạo cho kỹ nguyên mới*, NXB Văn hoá Sài Gòn.

6.2. Tài liệu khác

2. Robert Ashton (Nguyễn Xuân dịch, 2012), *Kế hoạch cuộc đời - 700 cách đơn giản để thay đổi cuộc sống tốt đẹp hơn*. NXB Trẻ, TP. HCM.
3. Harvard Business School Press (2007), *Quản lý thời gian - Bộ sách cẩm nang kỹ năng bổ tui*. NXB Tri Thức.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: điểm 10
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng, thời gian làm bài: 60 phút
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số tương ứng:
 - Điểm chuyên cần: 0.1
 - Điểm kiểm tra giữa kì: 0.1
 - Điểm thuyết trình, seminar: 0.2
 - Điểm thi kết thúc học phần: 0.6
- 7.5. Điểm của HP/MH là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT **TRƯỞNG NGÀNH** **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan TS. Lê Thị Tuyết

HỌC PHẦN
THỰC HÀNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHUYÊN NGÀNH

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Thực hành nghiên cứu khoa học chuyên ngành
- Mã học phần: 820321
- Số tín chỉ: 4
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 120 (30,0,0,90)
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục.
 - + Đòi hỏi học phần song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Đường lối CMDCS VN và TTHCM.

3. Mô tả học phần:

Từng sinh viên thực hiện một đề tài hoàn thiện. Hướng sinh viên đến làm việc thực tế phù hợp với chuyên ngành Giáo dục chính trị. Nâng cao kỹ năng chuyên ngành cũng như các kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng giao tiếp, bảo vệ ý kiến và thành quả lao động.

4. Mục tiêu học phần:

4.1. Về kiến thức

Sinh viên có thể xác định rõ quy trình thực hiện một vấn đề nghiên cứu đang được giới khoa học quan tâm (nếu theo thiên hướng học thuật).

Khảo sát và đánh giá được tình hình nghiên cứu, hiện trạng liên quan đến vấn đề nghiên cứu thuộc chuyên ngành giáo dục chính trị. Củng cố và hệ thống hóa được chuỗi kiến thức thuộc các học phần đã học có liên quan đến vấn đề.

4.2. Về kỹ năng

Đạt được các kỹ năng làm việc độc lập: lên lịch công việc, chủ động thực hiện.

Kết hợp được các kỹ năng đã học để giải quyết được vấn đề hoàn chỉnh. Đạt kỹ năng thuyết trình, viết báo cáo tốt.

4.3. Về thái độ

Sinh viên có thái độ hợp tác với các bên liên quan, chăm chỉ tìm tòi kiến thức, kỹ năng, công cụ mới, làm việc có hệ thống.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
1. Xác định loại đề tài	10	Giảng viên hướng dẫn sinh viên chọn đề tài.
2. Xác định chủ đề	10	Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên
3. Xác định mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu	10	
4. Xác định phạm vi nghiên cứu		
5. Xác định phương pháp nghiên cứu		
6. Điều tra lịch sử nghiên cứu	10	
7. Xây dựng kết cấu chuẩn bị tư liệu	10	
8. Khảo sát thực tế (nếu cần)	10	
9. Phân tích tài liệu, số liệu thu thập	20	
10. Viết đề tài	40	

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Lê Huy Bá (2007), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Lê Tử Thành (1996), *Logic học và phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Xuân Nghĩa (2004), *Phương pháp và Kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
4. Phạm Phúc Vĩnh (2015), *Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử*, Nxb ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh.

6.2. Tài liệu khác

1. Hoàng Trọng – Chu Nguyễn Mộng Ngọc. 2008. *Xử lý dữ liệu nghiên cứu với SPSS for windows*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá HP/MH

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng, thời gian làm bài: 60 phút

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
- Điểm kiểm tra: hệ số 0.3
- Điểm tiểu luận môn học: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Phạm Phúc Vĩnh TS. Phạm Phúc Vĩnh

HỌC PHẦN
LOGIC BIỆN CHỨNG**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: LOGIC BIỆN CHỨNG
- Mã học phần: 820322
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 45 (25,3,10,7)
- Điều kiện để học học phần: Không
- + Đòi hỏi học phần học trước: Logic hình thức
- + Đòi hỏi học phần song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 70

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Khoa Giáo dục Chính trị.

3. Mô tả học phần:

Môn học nghiên cứu các hình thức và quy luật của tư duy biện chứng, nhằm đảm bảo tư duy đúng đắn, linh hoạt. Trọng tâm nghiên cứu là các nguyên tắc của tư duy biện chứng và các phương pháp xem xét vấn đề. Môn học có bao gồm phần xem xét, so sánh quan điểm của một số trường phái triết học phương Tây hiện đại với quan điểm Mác-xít trong vấn đề nhận thức.

4. Mục tiêu học phần:**4.1. Về kiến thức**

Trang bị kiến thức về các hình thức và quy luật của tư duy biện chứng, các nguyên tắc và phương pháp của logic biện chứng, hiểu sâu sắc hơn các quan điểm của chủ nghĩa Mác về phép biện chứng và nhận thức biện chứng.

4.2. Về kỹ năng

Nâng cao khả năng tư duy biện chứng của sinh viên. Cụ thể hơn: bồi dưỡng kỹ năng tuân thủ các nguyên tắc của logic biện chứng trong suy nghĩ, tranh luận, trình bày ý kiến; rèn luyện kỹ năng sử dụng các phương pháp xem xét vấn đề; rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện.

4.3. Về thái độ

Nghiêm túc, có cơ sở trong lập luận, chứng minh, bác bỏ. Có tinh thần phản biện trong tư duy. Tôn trọng tư duy chính xác, chặt chẽ, sáng tạo.

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Đối tượng nghiên cứu của logic biện chứng	6	Thuyết giảng, đặt vấn đề, thảo luận.
1.1. Logic biện chứng – khoa học về tư duy biện chứng	2	Sinh viên thuyết trình theo nhóm
1.1.7. Các quy luật biện chứng của nhận thức		
1.1.8. Định nghĩa logic biện chứng		
1.2. Logic biện chứng và logic hình thức Quan hệ giữa logic biện chứng, phép biện chứng và lý luận nhận thức	2	Sinh viên thuyết trình theo nhóm
1.2.1. Logic hình thức và logic biện chứng		
1.2.2. Quan hệ giữa logic biện chứng, phép biện chứng và lý luận nhận thức		
1.3. Lược sử logic biện chứng	1	
1.3.1. Logic biện chứng trước Mác		
1.3.2. Sự phát triển của Logic biện chứng mácxít		
1.4. Phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu logic biện chứng	1	
1.4.1. Phương pháp nghiên cứu logic biện chứng		
1.4.2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu logic biện chứng		
Chương 2. Các nguyên tắc cơ bản của logic biện chứng	14	Thuyết giảng, thảo luận, thuyết trình
2.1. Nguyên tắc khách quan	4	
2.1.1. Nội dung		
2.1.2. Một số khó khăn khi đảm bảo tính khách quan		Nêu vấn đề, thảo luận
2.1.3. Các phương pháp nâng cao tính khách quan		

2.1.4. So sánh quan điểm của chủ nghĩa Mác và một số học thuyết khác về nguyên tắc khách quan		Sinh viên thuyết trình về các quan điểm khác
2.2. Nguyên tắc toàn diện	3	
2.2.1. Nội dung		
2.2.2. Một số khó khăn khi đảm bảo tính toàn diện		Nêu vấn đề, thảo luận
2.2.3. Các phương pháp nâng cao tính toàn diện		
2.2.4. So sánh quan điểm của chủ nghĩa Mác và một số học thuyết khác về nguyên tắc toàn diện		
2.2.5. Một số mô hình xem xét đối tượng đảm bảo tính toàn diện		
2.3. Nguyên tắc mâu thuẫn	4	
2.3.1. Sự tồn tại của mâu thuẫn biện chứng trong nhận thức		Sinh viên chuẩn báo cáo về mâu thuẫn biện chứng
2.3.2. Nguồn gốc của mâu thuẫn biện chứng trong nhận thức		
2.3.3. Các nhóm mâu thuẫn biện chứng trong nhận thức		
2.3.4. Phương pháp nhận thức mâu thuẫn		
2.4. Nguyên tắc lịch sử cụ thể	3	
2.4.1. Nội dung		
2.4.2. Một số khó khăn khi đảm bảo nguyên tắc lịch sử cụ thể		Nêu vấn đề, thảo luận
2.4.3. Các phương pháp đảm bảo nguyên tắc lịch sử cụ thể		
2.4.4. So sánh quan điểm của chủ nghĩa Mác và một số học thuyết khác về nguyên tắc lịch sử cụ thể		Sinh viên thuyết trình, tranh luận về quan điểm của các học thuyết khác
Chương 3. Các phương pháp nhận thức biện chứng	15	Thuyết giảng, nêu vấn đề, thuyết trình, thảo luận, bài tập
3.1. Phương pháp phân tích	2	Thuyết giảng. Thảo luận
3.1.1. Nội dung		
3.1.2. Đặc điểm		
3.1.3. Ứng dụng		

3.2. Phương pháp tổng hợp	2	Thuyết giảng. Thảo luận
3.2.1. Nội dung		
3.2.2. Đặc điểm		
3.2.3. Ứng dụng		
3.3. Phương pháp lịch sử	2	Thuyết giảng. Thảo luận
3.3.1. Nội dung		
3.3.2. Đặc điểm		
3.3.3. Ứng dụng		
3.4. Phương pháp logic	2	Thuyết giảng. Thực hành, thuyết trình
3.4.1. Nội dung		
3.4.2. Đặc điểm		
3.4.3. Ứng dụng		
3.5. Kết hợp Phương pháp lịch sử và phương pháp logic	1	Thuyết giảng. Thảo luận
3.5.1. Sự cần thiết		
3.5.2. Cách kết hợp		
3.5.3. Ứng dụng		
3.6. Phương pháp đi từ trừu tượng đến cụ thể	3	Thuyết giảng. Thực hành, thuyết trình
3.6.1. Cái cụ thể và cái trừu tượng		
3.6.2. Đi từ trừu tượng đến cụ thể		
3.6.3. Ứng dụng		
3.7. Phương pháp phân tích hệ thống	3	Thuyết giảng. Thực hành, thuyết trình
3.7.1. Khái niệm hệ thống		
3.7.2. Nội dung phương pháp phân tích hệ thống		
3.7.3. Ứng dụng. Các ví dụ		
Chương 4. Chân lý	7	Thuyết giảng. Thảo luận, thuyết trình
4.1. Các quan niệm về chân lý	2	Sinh viên thuyết trình so sánh, đánh giá các quan

		điểm về chân lý
4.1.1. Quan niệm chủ quan		
4.1.2. Quan niệm của chân lý phù hợp		
4.1.3. Quan niệm chân lý tương hợp		
4.1.4. Quan niệm chân lý của chủ nghĩa thực dụng		
4.1.5. Quan niệm chân lý của chủ nghĩa hậu hiện đại		
4.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về chân lý	2	Thuyết giảng, nêu vấn đề, thảo luận
4.2.1. Nội dung		
4.2.2. Đặc điểm, ý nghĩa		
4.3. Các loại chân lý	2	Thuyết giảng, làm bài tập
4.3.1. Chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối		
4.3.2. Chân lý logic và chân lý sự kiện		
4.3.3. Chân lý phân tích và chân lý tổng hợp		
4.4. Nhận thức chân lý	1	
Ôn tập	3	

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Rô-Den-Tan (2015) *Nguyên lý logic biện chứng*, NXB Sự Thật, Hà Nội.
2. Nguyễn Quang Điền, Bùi Văn Mưa (2001) *Logic Biện chứng*, NXB Giáo Dục

6.2. Tài liệu khác

3. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995) *Toàn tập* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Lênin (2006) *Toàn tập* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Ilienkov *Logic biện chứng*.
4. Trần Quang Thái (2011) *Lý luận nhận thức của Chủ nghĩa hậu hiện đại* NXB Tổng hợp TP. HCM.
5. Rô-Den-Be (1976) *Giới thiệu quyển I bộ Tư bản của Mác* NXB Sự thật, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng hoặc mở; vấn đáp;

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.1
- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1
- Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2
- Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.5

7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan PGS.TS. Phạm Đình Nghiệm

HỌC PHẦN
THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Thể chế chính trị các nước Đông Nam Á
- Mã học phần: 820323
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 45 (45,0,0,0)
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Không.
 - + Đòi hỏi học phần song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Khoa Giáo dục Chính trị.

3. Mô tả học phần:

Học phần gồm có 3 chương, giới thiệu thể chế chính trị của các nước Đông Nam Á. Trong đó, giới thiệu kỹ về thể chế chính trị Việt Nam. Trên cơ sở những kiến thức về các thể chế chính trị các nước Đông Nam Á, sinh viên sẽ rút ra được những giá trị của các thể chế chính trị và từ đó vận dụng vào việc xử các vấn đề nảy sinh trong quá trình công tác sau này.

4. Mục tiêu học phần:

4.1. Về kiến thức:

Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về các thể chế chính trị của các nước Đông Nam Á. Nhận diện, so sánh được ưu điểm, hạn chế của các chế độ chính trị hiện nay, làm cơ sở cho những đóng góp vào sự nghiệp cải cách hành chính ở Việt Nam.

4.2. Về kỹ năng:

Sinh viên có kỹ năng sưu tầm tư liệu, nghiên cứu để tìm hiểu các vấn đề các thể chế chính trị các nước Đông Nam Á nói riêng và trên thế giới nói chung. Biết vận dụng những kiến thức đã được học để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ chính trị - xã hội ở nơi công tác.

4.3. Về thái độ:

Tích cực học hỏi, tự tìm kiếm, cập nhật tri thức về các thể chế chính trị ở các nước Đông Nam Á nói riêng và trên thế giới nói chung, có thái độ khách quan, khoa học khi đánh giá ưu nhược điểm của các thể chế chính trị. Từ đó, biết so sánh, đối chiếu với những ưu điểm, nhược điểm của thể chế chính trị Việt Nam hiện nay.

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Những vấn đề chung về thể chế chính trị	10	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề
1.1. Một số khái niệm cơ bản và cơ cấu thể chế chính trị		
1.1.1. Khái niệm chế độ chính trị, hệ thống chính trị, thể chế chính trị		
1.1.2. Cơ cấu thể chế chính trị		
1.2. Phân loại thể chế chính trị trên thế giới		
1.2.1. Thể chế quân chủ		
1.2.2. Thể chế cộng hòa		
1.2.3. Một số thể chế khác		
1.3. Vị trí, vai trò của thể chế chính trị đối với sự phát triển xã hội		
1.3.1. Vị trí của thể chế chính trị trong đời sống xã hội		
1.3.2. Vai trò của thể chế chính trị đối với sự phát triển xã hội		
Chương 2. Thể chế chính trị ở các nước Đông Nam Á	20	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. Trao đổi thảo luận, thuyết trình theo nhóm.
2.1. Giới thiệu tổng quan về Đông Nam Á		
2.1.1. Các nước Đông Nam Á		
2.1.2. Đông Nam Á trong phát triển và hội nhập quốc tế		

2.2. Thể chế chính trị các nước Đông Nam Á		
2.2.1. Thái Lan		
2.2.2. Campuchia		
2.2.3. Lào		
2.2.4. Singapore		
2.2.5. Malaysia		
2.2.6. Myanmar		
2.2.7. Philippines		
2.2.8. Indonesia		
2.2.9. Timor leste		
2.2.10. Brunei		
Chương 3. Thể chế chính trị Việt Nam	15	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. Trao đổi thảo luận, thuyết trình theo nhóm
3.1. Điều kiện, hoàn cảnh lịch sử Việt Nam với sự hình thành thể chế chính trị		
3.1.1. Điều kiện địa lý, tự nhiên với sự hình thành thể chế chính trị		
3.1.2. Hoàn cảnh lịch sử Việt Nam với sự hình thành thể chế chính trị		
3.2. Thể chế chính trị Việt Nam trong các giai đoạn lịch sử		
3.2.1. Thể chế chính trị Việt Nam trước 1945		
3.2.1. Thể chế chính trị Việt Nam từ 1945 đến nay		
3.3. Đặc điểm thể chế chính trị Việt Nam và yêu cầu đổi mới chính trị trong bối cảnh hội nhập		
3.3.1. Đặc điểm thể chế chính trị Việt Nam		
3.3.2. Những yêu cầu đổi mới chính trị Việt Nam trong giai đoạn hiện nay		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Tạ Ngọc Tấn (2013), *Thế chế chính trị một số kinh nghiệm của thế giới*, Nxb. Chính trị - hành chính, Hà Nội.
2. Nguyễn Xuân Tế (2001), *Thế chế chính trị các nước ASEAN*, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2003), *Thế chế chính trị thế giới đương đại*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác:

4. Thái Vĩnh Thắng và TGK (1996), *Thế chế chính trị các nước Châu Âu*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá HP/MH

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì):
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
 - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0,1;
 - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,2;
 - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6.
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan TS. Phạm Đào Thịnh

HỌC PHẦN
ĐỊA CHÍNH TRỊ**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: ĐỊA CHÍNH TRỊ
- Mã học phần: 820324
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 45 (30,0,15,0)
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần trước: Chính trị học
 - + Đòi hỏi học phần song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50 sinh viên

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa mác – lenin, Khoa Giáo dục Chính trị.

3. Mô tả nội dung học phần

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức lý luận về địa - chính trị, các lý thuyết địa – chính trị. Thực trạng của các vấn đề địa chính trị trong lịch sử thế giới và các vấn đề nóng trong quan hệ kinh tế - chính trị quốc tế hiện nay. Mối quan hệ giữa yếu tố địa lí với các vấn đề chính trị và các vấn đề địa – chính trị trong quá khứ và hiện tại.

4. Mục tiêu cụ thể của học phần**4.1. Về kiến thức**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận về địa - chính trị, tài nguyên địa - chính trị, mối quan hệ giữa vị trí địa lí với các vấn đề quan hệ quốc tế. Quá trình vận dụng học thuyết địa - chính trị của các cường quốc và các tổ chức chính trị - quân sự khu vực, thế giới trong việc hoạch định chính sách đối ngoại.

4.2. Về kỹ năng

Biết nhận diện, phân tích, đánh giá chính xác các vấn đề địa – chính trị trên thế giới, từ đó vận dụng vào việc xử lý các vấn đề có tính thời sự trong quá trình công tác.

4.3. Về thái độ

Sinh viên có thái độ đúng đắn trước các vấn đề tranh chấp, xung đột trong quan hệ chính trị quốc tế trên thế giới hiện nay.

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Một số vấn đề lí luận về địa chính trị	15	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề.
1.1. Khái niệm và định nghĩa		
1.1.1. Khái niệm địa chính trị		
1.1.2. Khái niệm địa lý học chính trị		
1.1.3. Khái niệm địa chiến lược		
1.2. Lịch sử phát triển tư tưởng địa chính trị		
1.3. Một số xu hướng lý thuyết và thực hành địa chính trị trên thế giới		Sinh viên làm bài thuyết trình về thực tiễn của các xu hướng chính trị trong quan hệ quốc tế hiện nay.
1.3.1. Xu hướng địa chính trị hợp nhất		
1.3.2. Xu hướng địa chính trị phân mảnh		
1.3.3. Xu hướng địa chính trị văn hóa		
1.3.4. Xu hướng địa chính trị tài nguyên		
1.3.5. Xu hướng địa chính trị biển đảo		
Chương 2. Vấn đề địa - chính trị thế giới trước chiến tranh lạnh	10	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + nêu vấn đề + trực quan. Tổ chức thuyết trình nhóm.
2.1. Địa chính trị thời kì cổ - trung đại		
2.2. Địa chính trị từ sau các cuộc phát kiến địa lí đến trước cách mạng tháng Mười Nga		
2.3. Cách mạng tháng Mười Nga và sự thay đổi yếu tố địa chính trị thế giới		

2.4. Vấn đề địa chính trị giữa hai cuộc chiến tranh thế giới		
Chương 3. Vấn đề địa chính trị thế giới trong cuộc chiến tranh lạnh (1947 - 1989)	10	
3.1. Hoàn cảnh lịch sử		
3.2. Địa chính trị thế giới trong chiến tranh lạnh		
3.3. Vấn đề địa chính trị trong quá trình thực hiện chiến lược toàn cầu của các nước lớn		
Chương 4. Vấn đề địa chính trị thế giới từ sau chiến tranh lạnh đến nay	10	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + nêu vấn đề + trực quan. Tổ chức thuyết trình nhóm.
4.1. Địa chính trị thế giới từ sau chiến tranh lạnh đến 9/2001		
4.1.1. Hoàn cảnh lịch sử		
4.1.2. Những thay đổi của địa chính trị trong quá trình xác lập trật tự thế giới mới		
4.2. Địa chính trị thế giới từ sau cuộc khủng bố nước Mĩ 11/9/2001 đến nay		Thảo luận: Vấn đề địa chính trị ở Biển Đông hiện nay
4.2.1. Hoàn cảnh lịch sử		
4.2.2. Một số điểm nóng địa chính trị trên thế giới		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Văn Dân (2014), *Địa chính trị trong chiến lược và chính sách phát triển quốc gia*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Hoàng Giáp – Hữu Châu (1999), “Khoa học địa chính trị trong thời đại ngày nay”, *Thông tin khoa học xã hội*, số 7/1999.
3. Nguyễn Thế Lực - Nguyễn Hoàng Giáp (2000), “Khái quát lịch sử phát triển tư tưởng địa chính trị thế giới”, *Khoa học chính trị*, số 2/2007.

6.2. Tài liệu khác

1. Nguyễn Văn Lan (2007), *Nhân tố địa chính trị trong chiến lược toàn cầu mới của Mĩ đối với khu vực Đông Nam Á*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2. Nguyễn Đình Luân (2003), “Tìm hiểu logic địa chính trị trong chiến lược đối ngoại của Mỹ sau chiến tranh lạnh”, *Nghiên cứu quốc tế*, Số 2/2003.
3. Nguyễn Đình Luân (1997), “Đôi nét về địa chính trị ở châu Á sau chiến tranh lạnh”, *Nghiên cứu quốc tế*, số 17/1997.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, thời gian làm bài: 90 phút
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
 - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.2
 - Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2
 - Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.5
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan TS. Phạm Phúc Vĩnh

HỌC PHẦN
PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN VÀ XỬ LÝ TÌNH HUỐNG CHÍNH TRỊ

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: PP TIẾP CẬN VÀ XỬ LÝ TÌNH HUỐNG CHÍNH TRỊ
- Mã học phần: 820325
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (Lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 45 (35,0,10,0)
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi HP/MH trước:
 - + Đòi hỏi môn song hành: Không

2. Bộ môn phụ trách học phần: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.

3. Mô tả học phần

Học phần trang bị những kiến thức và kỹ năng xử lý điểm nóng chính trị, điểm nóng chính trị - xã hội.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

Nắm được các khái niệm; Các yêu cầu và quy trình xử lý điểm nóng chính trị - xã hội.

4.2. Về kỹ năng

Có thao tác phù hợp khi gặp các tình huống chính trị - xã hội.

4.3. Về thái độ

Chủ động, tích cực giải quyết khi xảy ra các tình huống chính trị.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết các học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn xử lý tình huống chính trị	3	Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
1.1. Đối tượng và mục tiêu nghiên cứu môn học		
1.1.1. Đối tượng		

1.1.2. Mục tiêu nghiên cứu		
1.2. Chức năng và nhiệm vụ		
1.2.1. Chức năng		
1.2.2. Nhiệm vụ		
1.3. Mục đích, ý nghĩa của môn học		
1.3.1. Mục đích		
1.3.2. Ý nghĩa		
Chương 2. Xung đột xã hội và tình huống chính trị	12	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề: thuyết trình + đàm thoại.
2.1. Xung đột xã hội		
2.1.1. Khái niệm		
2.1.2. Biểu hiện		
2.2. Tình huống chính trị		Thảo luận nhóm
2.2.1. Khái niệm		
2.2.2. Biểu hiện		
2.2.3. Nguyên nhân		
Chương 3. Xử lý điểm nóng chính trị - xã hội	15	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại.
2.1. Khái niệm		Thảo luận nhóm
2.1.1. Điểm nóng xã hội		
2.1.2. Điểm nóng chính trị - xã hội		
2.2. Yêu cầu và quy trình xử lý điểm nóng chính trị - xã hội		
2.2.1. Yêu cầu		
2.2.2. Quy trình xử lý điểm nóng chính trị - xã hội		Thảo luận nhóm
Chương 3. Thực tiễn xử lý điểm nóng chính trị - xã hội ở nước ta	15	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại.
3.1. Điểm nóng Thái Bình		

3.2. Điểm nóng chính trị - xã hội liên quan đến tôn giáo		
3.3. Điểm nóng chính trị - xã hội liên quan đến dân tộc ở Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Khoa Chính trị học, Học viện Chính trị Khu vực II (2005). *Đề cương bài giảng Xử lý tình huống chính trị*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

2. Khoa Chính trị học, Học viện Chính trị Khu vực II (2005), *Chính trị học hỏi và đáp*. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng, thời gian làm bài: 90 phút

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.2

- Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2

- Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.5

7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT **TRƯỞNG NGÀNH** **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan TS. Nguyễn Thị Hiền Oanh

HỌC PHẦN
CHUYÊN ĐỀ TRIẾT HỌC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: CHUYÊN ĐỀ TRIẾT HỌC
- Mã học phần: 820050
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 45 (35,0,10,0)
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin
 - + Đòi hỏi học phần song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

2. Bộ môn phụ trách: Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.

3. Mô tả HP:

Môn học gồm 3 tín chỉ với 6 chuyên đề, đề cập đến những nội dung cơ bản và cấp bách về mặt lý luận và thực tiễn như: thế giới quan duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, quan hệ giữa xã hội với tự nhiên, lý luận hình thái kinh tế - xã hội, vấn đề con người và xây dựng con người Việt Nam hiện nay.

4. Mục tiêu của HP:

4.1. Kiến thức

Giúp sinh viên nắm được những vấn đề lý luận và thực tiễn của triết học thông qua việc nghiên cứu chuyên sâu một số chuyên đề triết học, từ đó bồi dưỡng thế giới quan và phương pháp luận biện chứng duy vật; nâng cao năng lực nhận thức và giải quyết những vấn đề của thực tiễn xã hội.

4.2. Kỹ năng

Môn học hướng vào việc hình thành ở người học các kỹ năng:

- Kỹ năng nhận thức và giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội.
- Kỹ năng vận dụng kiến thức triết học để tiếp cận các khoa học chuyên ngành đào tạo.

4.3. Thái độ

Yêu cầu thái độ khoa học, nghiêm túc, tiếp thu nội dung môn học trên tinh thần độc lập, sáng tạo với phương châm tự học, tự nghiên cứu.

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chuyên đề 1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội	5	Giảng lý thuyết: thuyết trình + đàm thoại
1.1. Khái niệm triết học và đối tượng nghiên cứu của triết học		
1.1.1. Khái niệm triết học		
1.1.2. Đối tượng nghiên cứu của triết học		
1.2. Tính quy luật về sự hình thành và phát triển của triết học		
1.3. Vai trò của triết học trong đời sống xã hội		
Chuyên đề 2. Thế giới quan duy vật biện chứng và vai trò của nó trong nhận thức và thực tiễn	8	- Giảng lý thuyết: thuyết trình + đàm thoại. - Thảo luận: Thuyết trình nhóm
2.1. Thế giới quan và những hình thức cơ bản của thế giới quan		
2.2. Thế giới quan duy vật và lịch sử phát triển thế giới quan duy vật		
2.2.1. Thế giới quan duy tâm và thế giới quan duy vật		
2.2.2. Lịch sử phát triển của thế giới quan duy vật		
2.3. Bản chất của thế giới quan duy vật biện chứng		
2.3.1. Sự thống nhất giữa thế giới quan duy vật với phép biện chứng		
2.3.2. Chủ nghĩa duy vật triệt để, quan niệm duy vật về lịch sử		
2.3.3. Tính thực tiễn - cách mạng		
2.4. Vai trò của thế giới quan		
Chuyên đề 3. Phép biện chứng duy vật – phương pháp		- Giảng lý thuyết: thuyết trình + đàm thoại.

luận nhận thức khoa học và thực tiễn	8	- Thảo luận: Thuyết trình nhóm
3.1. Phương pháp và phương pháp luận		
3.2. Sự đối lập giữa phương pháp biện chứng và phương pháp siêu hình		
3.3. Khái quát lịch sử phát triển của phép biện chứng		
3.4. Sự thống nhất giữa lý luận và phương pháp trong phép biện chứng duy vật		
3.5. Vận dụng chứng phép biện chứng duy vật vào việc nhận thức và cải tạo xã hội		
Chuyên đề 4. Xã hội và tự nhiên	9	- Giảng lý thuyết: thuyết trình + đàm thoại. - Thảo luận: Thuyết trình nhóm
4.1. Xã hội – bộ phận đặc thù của tự nhiên		
4.2. Đặc trưng của quy luật xã hội		
4.2.1. Tính khách quan		
4.2.2. Tính xu hướng		
4.2.3. Tính tất yếu và tính phổ biến		
4.1. Quy luật xã hội tồn tại và tác động trong những điều kiện nhất định		
4.2. Nhận thức quy luật xã hội cần phải có phương pháp khái quát hóa và trừu tượng hóa rất cao		
4.3. Sự tác động qua lại giữa xã hội và tự nhiên		
4.3.1. Vai trò của yếu tố tự nhiên và yếu tố xã hội trong hệ thống tự nhiên – xã hội		
4.3.2. Mối quan hệ giữa con người và tự nhiên phụ thuộc vào trình độ xã hội		
4.3.3. Mối quan hệ và sự tác động lẫn nhau giữa xã hội và tự nhiên phụ thuộc vào nhận thức và vận dụng quy luật tự nhiên và quy luật xã hội trong hoạt động thực tiễn		
4.4. Dân số, môi trường trong sự phát triển xã hội		

4.4.1. Dân số là điều kiện thường xuyên, tất yếu đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội		
4.4.2. Môi trường là nơi sinh sống và hoạt động của con người, là nơi tồn tại của xã hội		
4.4.3. Sản xuất vật chất – cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội		
Chuyên đề 5. Quan điểm triết học Mác – Lênin về nhà nước	6	- Giảng lý thuyết: thuyết trình + đàm thoại. - Thảo luận: Thuyết trình nhóm
5.1. Nguồn gốc và bản chất của nhà nước		
5.1.1. Nguồn gốc của nhà nước		
5.1.2. Bản chất của nhà nước		
5.2. Đặc trưng cơ bản của nhà nước		
5.3. Chức năng của nhà nước		
5.3.1. Chức năng chính trị và chức năng xã hội		
5.3.2. Chức năng đối nội và chức năng đối ngoại		
5.4. Các kiểu và các hình thức nhà nước		
5.5. Nhà nước chuyên chính vô sản		
Chuyên đề 6. Quan điểm triết học Mác - Lênin về con người	9	- Giảng lý thuyết: thuyết trình + đàm thoại. - Thảo luận: Thuyết trình nhóm
6.1. Một số quan điểm triết học về con người trong lịch sử		
6.1.1. Quan niệm về con người trong triết học phương Đông		
6.1.2. Quan niệm về con người trong triết học phương Tây		
6.2. Những quan niệm cơ bản của triết học Mác – Lênin về con người		
6.2.1. Con người là một thực thể thống nhất giữa mặt sinh vật và mặt xã hội		

6.2.2. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội		
6.2.3. Con người là chủ thể và là sản phẩm của lịch sử		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2008), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*, (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng). NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Lê Hữu Nghĩa (2002), *Hỏi đáp về Triết học Mác – Lênin*, NXB CTQG, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá HP

7.1. Thang điểm: 10

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01 lần kiểm tra giữa kì

7.3. Hình thức thi kết thúc HP: Tự luận – Đề thi mở; Thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1;
- Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;
- Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.6.

7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan TS. Lê Đình Lục

HỌC PHẦN
CHUYÊN ĐỀ KINH TẾ CHÍNH TRỊ

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: CHUYÊN ĐỀ KINH TẾ CHÍNH TRỊ
- Mã học phần: 820053
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 45 (30,10,5,0)
- Điều kiện để học học phần: không
- + Đòi hỏi học phần học trước: Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.
- + Đòi hỏi học phần song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.

3. Mô tả học phần:

Chuyên đề Kinh tế chính trị tiếp tục bổ sung những quan điểm cơ bản của chủ Nghĩa Mác – Lênin về kinh tế, nhằm hoàn thiện thế giới quan duy vật và góp phần xây dựng lý tưởng Cộng sản cho sinh viên. Trọng tâm là trang bị cho sinh viên những luận chứng kinh tế về tính tất yếu và những nhiệm vụ cơ bản của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. Đồng thời thấy rõ hơn sự vận dụng sáng tạo của Đảng và Nhà nước ta trong việc đề ra đường lối kinh tế trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

4. Mục tiêu học phần:

4.1. Về kiến thức

Cung cấp cho người học một số vấn đề lý luận và thực tiễn của kinh tế chính trị thông qua việc nghiên cứu chuyên sâu một số chuyên đề kinh tế chính trị từ đó củng cố, hoàn thiện những kiến thức đã được học ở học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.

4.2. Về kỹ năng

Giúp người học có hướng nghiên cứu đúng đắn và có khả năng đánh giá, lý giải một cách khoa học các vấn đề chuyên sâu của kinh tế chính trị trong điều kiện hiện nay.

4.3. Về thái độ

Giúp người học có thái độ đúng đắn, tích cực đối với các vấn đề kinh tế - chính trị trong quá trình xây dựng, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy-học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Sở hữu tư liệu sản xuất và nền kinh tế nhiều thành phần trong thời Kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	8	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề: thuyết trình + đàm thoại+ Thảo luận
1.1. Sở hữu tư liệu sản xuất trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	2	
1.1.1. Sở hữu tư liệu sản xuất và vai trò của nó.		
1.1.2. Cơ cấu các hình thức sở hữu tư liệu sản xuất trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam		
1.2. Nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	6	
1.2.1. Tính tất yếu khách quan của cơ cấu kinh tế nhiều thành phần		
1.2.2. Vai trò của cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.		
1.2.3. Các thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay.		
1.2.4. Tính thống nhất và mâu thuẫn của các thành phần kinh tế.		
1.2.5. Nền kinh tế nhiều thành phần đang vận động theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong hội nhập kinh tế quốc tế		Thảo luận nhóm
Chương 2. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam	15	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại+ Thảo luận
2.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	5	
2.1.1. Thực chất của công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt		

Nam trong thời kỳ đổi mới		
2.1.2. Một số mô hình công nghiệp hoá trên thế giới và bài học kinh nghiệm		
2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.		
2.2. Kinh tế tri thức: quan niệm, đặc trưng và các điều kiện hình thành	5	
2.2.1. Các cách hiểu khác nhau về kinh tế tri thức		
2.2.2. Những đặc trưng chủ yếu của nền kinh tế tri thức		
2.2.3. Những điều kiện cơ bản để hình thành nền kinh tế tri thức		
2.2.4. Bước chuyển sang nền kinh tế tri thức của một số quốc gia		Thảo luận nhóm
2.3. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay	5	
2.3.1. Về nhận thức		
2.3.2. Bối cảnh quốc tế và trong nước những năm đầu thế kỷ XXI		
2.3.3. Mô hình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, từng bước phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam		Kiểm tra
Chương 3. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	22	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại + Thảo luận
3.1. Những vấn đề cơ bản về kinh tế thị trường	5	
3.1.1. Khái niệm, đặc trưng của kinh tế thị trường		
3.1.2. Quá trình hình thành và phát triển KTTT trong lịch sử		
3.1.3. Thị trường		
3.1.4. Cơ chế thị trường		
3.2. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam	8	
3.2.1. Sự cần thiết khách quan phát triển KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam		

3.2.2. Quá trình hình thành, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN		
3.2.3. Đặc trưng, bản chất của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam		
3.2.4. Giải pháp phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam		Thảo luận nhóm
3.3. Vai trò của nhà nước và các công cụ quản lý vĩ mô nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam	10	
3.3.1. Vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam		
3.3.2. Các công cụ quản lý vĩ mô nền kinh tế thị trường định hướng XHCN		Thảo luận nhóm

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Giáo trình kinh tế chính trị Mác – Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2005), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lê nin, TẬP I, II* (Dùng cho hệ Cao cấp lý luận chính trị), NXB Lý luận chính trị - Hành chính, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

3. Lê Thanh Bình (2005), *Kinh tế đối ngoại trong bối cảnh toàn cầu hoá*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Vũ Đình Bách (2004), *Một số vấn đề về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Đỗ Lộc Diệp (2002), *Chủ nghĩa tư bản ngày nay : Những nét mới từ thực tiễn Mỹ, Tây Âu, Nhật*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
6. Trình Ân Phú (2007), *Kinh tế chính trị học hiện đại (giáo trình cơ bản về kinh tế học và quản lý học trong các trường đại học thế kỷ mới)*, Trường đại học kinh tế quốc dân, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
7. Vũ Văn Phúc (2005): *Nền kinh tế quá độ trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội.
8. Lưu Ngọc Trinh (2002): *Bước chuyển sang nền kinh tế tri thức ở một số nước trên thế giới hiện nay*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10

- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng, thời gian làm bài: 90 phút
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:
- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
 - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.2
 - Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2
 - Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.5
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT **TRƯỞNG NGÀNH** **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan TS. Võ Thị Kim Loan

HỌC PHẦN
CHUYÊN ĐỀ ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Chuyên đề Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam
- Mã học phần: 820326
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (30,0,0,0)
- Điều kiện để học học phần:
- Đòi hỏi học phần học trước: Đường lối Cách mạng của ĐCS Việt Nam
- Đòi hỏi học phần song hành: Không
- Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn ĐLCM của ĐCSVN và TTHCM

3. Mô tả học phần:

Gồm 8 chương nội dung chính :Đường lối cách mạng Dân tộc dân chủ nhân dân của Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ (1930-1975) Đường lối của Đảng về công nghiệp hóa ; Đường lối của Đảng xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; Đường lối của Đảng xây dựng hệ thống chính trị; Đường lối của Đảng xây dựng văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; Đường lối đối ngoại của Đảng trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Làm sáng tỏ những quan điểm, nội dung đường lối, nghị quyết của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Cung cấp những luận cứ, cơ sở khoa học cho việc hoạch định đường lối, nghị quyết của Đảng; phương thức và nguyên tắc lãnh đạo của Đảng...Đảng luôn luôn coi trọng phát triển lý luận và thường xuyên tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra.

4. Mục tiêu học phần:

4.1.Về kiến thức

Cung cấp cho sinh viên kiến thức về quá trình hình thành và phát triển nội dung của đường lối Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của Đảng trong giai đoạn 1930-1975.

Nêu rõ mục tiêu, quan điểm ,chủ trương ...trong Đường lối lãnh đạo của Đảng về công nghiệp hóa, kinh tế thị trường; chính trị, văn hóa –xã hội và đối ngoại nhân mạnh trong thời kỳ đổi mới từ 1986 đến nay.

- SV vận dụng kiến thức của chuyên đề phục vụ cho chương trình giảng dạy môn Giáo dục công dân hệ THPT, phù hợp với chủ đề 3 và chủ đề 4 của khối 11.

4.2. Về kỹ năng

- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng tổng hợp, phân tích và đánh giá một vấn đề lịch sử cụ thể, rút ra những kết luận khái quát, những đánh giá về các sự kiện và hiện tượng lịch sử thông qua quá trình học tập và thảo luận.

- Sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức trong quá trình giảng dạy và công tác ở trường THPT, THCS và các bậc học cao hơn sau khi hoàn thành chuyên đề. Giúp cho sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

4.3. Về thái độ

-Xây dựng cho sinh viên niềm tự hào về vai trò lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ đấu tranh cách mạng giành độc lập dân tộc với những thắng lợi vĩ đại và trong sự nghiệp xây dựng CNXH.

- Giáo dục niềm tin cho thế hệ trẻ vào sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp đổi mới hiện nay. Từ đó xác định rõ trách nhiệm của mình đối với đất nước .

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, Phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1 Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu chuyên đề đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	GV công bố đề cương, tài liệu tham khảo và chia các nhóm SV để thuyết trình theo đề tài.
1.1.Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu		
1.1.1.Đối tượng nghiên cứu		
1.1.2. Nhiệm vụ nghiên cứu		
1.2.Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập chuyên đề		
1.2.1.Phương pháp nghiên cứu		
1.2.2.Ý nghĩa của học tập chuyên đề		

Chương 2 . Sự hình thành đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của Đảng Cộng sản Việt Nam	5	Sử dụng giáo án điện tử GV diễn giảng, phân tích, đánh giá...có hình ảnh, phim tư liệu minh họa.Thuyết trình theo nhóm
2.1. Một số Lý luận về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân		
2.1.1. Khái niệm		- Giảng viên giảng và phân tích mục 2.1 và 2.2
2.1.2. Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và dân chủ trong cách mạng vô sản		
2.1.3. Quan điểm của Đảng ta về vấn đề dân tộc và dân chủ trong cách mạng Việt Nam		
2.2.Sự hình đường lối Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân		
2.2.1. Những chuyển biến về chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX		Hướng dẫn SV nghiên cứu tài liệu
2.2.2.Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam		
2.2.3.Vấn đề dân tộc dân chủ trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng tại Hội nghị thành lập Đảng tháng 2 năm 1930		GV đặt câu hỏi choSV
Chương 3.Vấn đề dân tộc dân chủ trong đường lối lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1930-1945.	3	Sử dụng các PP dạy học. Thuyết trình, thảo luận theo nhóm
3.1. Thời kỳ 1930 – 1935		
3.1.1.Tình hình thế giới và Việt Nam đầu năm 1930		
3.1.2. Vấn đề dân tộc, dân chủ trong phong trào cách mạng 1930 – 1931. Luận cương chính trị tháng 10/1930.		
3.2. Thời kỳ 1936 – 1939		
3.2.1.Tình hình Việt Nam và thế giới những năm 1936 – 1939		
3.2.2. Vấn đề dân tộc, dân chủ trong thời kỳ Mặt trận dân chủ 1936 – 1939		Minh họa thực tiễn của vấn đề dân tộc, dân chủ trong cách mạng Việt

		Nam giai đoạn này.
3.3. Thời kỳ 1939 – 1945		
3.3.1. Tình hình thế giới và Việt Nam những năm 1939 – 1945		
3.3.2. Vấn đề dân tộc, dân chủ trong thời kỳ vận động cách mạng và tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền 1939 - 1945		GV trình bày ND HN TW Đảng lần thứ 6 (1939) , 7 (1940), 8 (1941)
Chương 4 Đường lối Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của Đảng thời kỳ 1945-1975	5	Sử dụng giáo án điện tử GV diễn giảng, phân tích, đánh giá...có hình ảnh, phim tư liệu minh họa. Thuyết trình theo nhóm
4.1. Trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946		
4.1.1. Hoàn cảnh nước ta sau Cách mạng Tháng Tám 1945		
4.1.2. Chủ trương và nhiệm vụ dân tộc dân chủ trong Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc của Đảng tháng 11 năm 1945		
4.1.3. Biện pháp thực hiện, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm		
4.2. Nội dung đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong thời kỳ 1946-1954		
4.2.1. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược tháng 12 năm 1946		
4.2.2. Chánh cương của Đảng Lao động Việt Nam tháng 2 năm 1951		
4.2.3. Kết quả, ý nghĩa, bài học kinh nghiệm		
4.3. Đường lối kháng chiến chống đế quốc Mỹ, thống nhất đất nước (1954-1975)		Thuyết trình, thảo luận theo nhóm ; kiểm tra giữa kỳ (tự luận)
4.3.1. Giai đoạn 1954-1964		
4.3.2. Giai đoạn 1965-1975		
4.3.3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm		

Chương 5 Đường lối công nghiệp hóa của Đảng trong thời kỳ đổi mới	5	Sử dụng các PP dạy học. Thuyết trình, thảo luận theo nhóm
5.1. Thời kỳ trước đổi mới		
5.2. Thời kỳ đổi mới		
5.2.1. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa		
5.2.2. Định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức		
5.2.2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn.		
5.2.2.2. Phát triển nhanh hơn công nghiệp, xây dựng và dịch vụ		
5.2.2.3. Phát triển kinh tế vùng		
5.2.2.4. Phát triển kinh tế biển.		
5.2.2.5. Chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu công nghệ.		
5.2.2.6. Bảo vệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên quốc gia, cải thiện môi trường tự nhiên.		
5.2.3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân		
Chương 6 Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	2	Sử dụng các PP dạy học. Thuyết trình, thảo luận và kiểm tra
6.1. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường		
6.1.1. Cơ chế quản lý kinh tế Việt Nam thời kỳ trước đổi mới		
6.1.2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới		
6.2. Đường lối hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta		
6.2.1. Quan điểm chỉ đạo của Đảng		
6.2.1.1. Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng		

đến các quy luật khách quan của kinh tế thị trường		
6.2.1.2. Đảm bảo tính đồng bộ giữa các yếu tố thị trường và các loại thị trường; giữa thể chế kinh tế với thể chế chính trị, xã hội		
6.2.1.3. Kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới ở nước ta		
6.2.1.4. Chủ động, tích cực giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng		
6.2.1.5. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước.		
6.2.2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa		
6.2.3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân		
Chương 7 Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới	2	Sử dụng giáo án điện tử GV diễn giảng, phân tích, đánh giá hình ảnh, phim tư liệu minh họa.
7.1. Mục tiêu		
7.2. Quan điểm xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới		
7.2.1. Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị		
7.2.2. Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị		
7.2.3. Đổi mới hệ thống chính trị một cách toàn diện, đồng bộ.		
7.2.4. Đổi mới mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị với nhau và với xã hội		
7.3. Chủ trương của Đảng xây dựng hệ thống chính trị		Gv liên hệ thực tiễn. Đánh giá quá trình thực hiện đường lối.
7.3.1. Xây dựng tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam		
7.3.2. Xây dựng Nhà nước Pháp quyền XHCN		
7.3.3. Xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam		
Chương 8 Đường lối của Đảng xây dựng và phát triển nền văn hóa; giải quyết các vấn đề xã hội	3	Sử dụng giáo án điện tử GV diễn giảng, phân tích, đánh giá... có hình

trong thời kỳ đổi mới		ảnh, phim tư liệu minh họa.SV liên hệ.
8.1.Đường lối của Đảng xây dựng và phát triển văn hóa		
8.1.2.Mục tiêu		
8.1.3.Quan điểm và chủ trương của Đảng xây dựng và phát triển văn hóa		
8.1.3.1. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.		Cho SV vận dụng thực tiễn và liên hệ trách nhiệm bản thân
8.1.3.2. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.		
8.1.3.3.Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.		SV thuyết trình theo đề tài
8.1.3.4. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp chung của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng		
8.1.3.5. Giáo dục và đào tạo, cùng với khoa học và công nghệ được coi là quốc sách hàng đầu		
8.1.3.6.Văn hóa là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài		
8.2.Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội		Sử dụng giáo án điện tử GV diễn giảng, phân tích, đánh giá...có hình ảnh, phim tư liệu minh họa
8.2.1. Quan điểm về giải quyết các vấn đề xã hội		
8.2.1.1. Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội.		
8.2.1.2. Xây dựng và hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển.		
8.2.1.3.Chính sách xã hội được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ với quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ.		
8.2.1.4.Coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người gắn với chỉ tiêu phát triển con người (HDI) và chỉ tiêu		

phát triển các lĩnh vực xã hội.		
8.2.2.Chủ trương của Đảng để giải quyết vấn đề xã hội		
8.2.2.1.Khuyến khích mọi người dân làm giàu theo pháp luật, thực hiện có hiệu quả mục tiêu xóa đói, giảm nghèo		
8.2.2.2.Bảo đảm cung ứng dịch vụ công thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân, tạo việc làm và thu nhập, chăm sóc sức khỏe cộng đồng.		SV thuyết trình theo đề tài
8.2.2.3.Phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả		
8.2.2.4.xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe và cải thiện giống nòi.		
8.2.2.5.Thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.		
8.2.2.6.Đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng.		
Chương 9 Đường lối đối ngoại	3	Sử dụng giáo án điện tử GV diễn giảng, phân tích, đánh giá...có hình ảnh, phim tư liệu minh họa
9.1.Đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng thời kỳ đổi mới		
9.2.1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối		
9.2.2.Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế		SV thuyết trình theo đề tài
9.2.2.1. Mục tiêu, nhiệm vụ và tư tưởng chỉ đạo		
9.2.2.2. Tư tưởng chỉ đạo		
9.2.2.3. Một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế		
9.2.2.4.Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Giáo trình đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

2. GS.Đặng Xuân Kỳ, Pgs.TS. Mạch Quang Thắng, TS. Nguyễn Văn Hòa - đồng chủ biên (2005), *Một số vấn đề về xây dựng Đảng hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. GS, TS. Nguyễn Phú Trọng (2005), *Xây dựng chính đốn Đảng - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012) *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Đại học Quốc gia Hà Nội (2008) *Một số chuyên đề về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở thời gian làm bài: 90 phút

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1

- Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2

- Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.6

7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

TS. Lê Đình Lục

TS. Phạm Phúc Vĩnh

TS. Phan Thị Xuân Yên

HỌC PHẦN
CHUYÊN ĐỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: CHUYÊN ĐỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
- Mã học phần: 820327
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (20,1,9,0)
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh
 - + Đòi hỏi học phần song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: ĐLCM của ĐCS VN và TTHCM.**3. Mô tả học phần:**

Học phần với 2 tín chỉ gồm 3 chương nội dung nhằm làm cho sinh viên hiểu rõ: Chủ tịch Hồ Chí Minh và tư tưởng của Người luôn luôn giữ một vị trí đặc biệt quan trọng trong lịch sử hiện đại Việt Nam. Đó là tài sản tinh thần vô giá của Đảng và của cả dân tộc, gắn liền với tiến trình phát triển của cách mạng nước ta.

Cuộc đời và sự nghiệp của Người gắn liền với cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội của nhân dân Việt Nam và nhiều dân tộc trên thế giới. Nội dung học phần tập trung làm rõ những nội dung cơ bản: Sự xuất hiện Hồ Chí Minh trong sử dân tộc; Hồ Chí Minh với sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc; Hồ Chí Minh với sự phát triển của cách mạng Việt Nam trong tiến trình lịch sử dân tộc; Tư tưởng Hồ Chí Minh - di sản quý báu của dân tộc và thời đại.

4. Mục tiêu học phần:

4.1. Về kiến thức

Cung cấp những luận cứ, cơ sở khoa học cho thấy rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh và tư tưởng của Người luôn luôn giữ một vị trí đặc biệt quan trọng trong lịch sử hiện đại Việt Nam. Đó là tài sản tinh thần vô giá của Đảng và của cả dân tộc, gắn liền với tiến trình phát triển của

cách mạng nước ta. Cuộc đời và sự nghiệp của Người gắn liền với cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội của nhân dân Việt Nam và nhiều dân tộc trên thế giới.

4.2. Về kỹ năng

Rèn luyện kỹ năng nêu vấn đề, giải quyết vấn đề; kỹ năng phân tích, tổng hợp đánh giá về các nội dung của học phần; kỹ năng vận dụng trong học tập và thực tiễn cuộc sống.

Trang bị kỹ năng làm việc nhóm; tìm kiếm, phân tích và đánh giá thông tin; lập kế hoạch và tổ chức công việc; sử dụng công nghệ thông tin...

4.3. Về thái độ

Môn học nhằm bồi dưỡng cho sinh viên các thái độ: học tập nghiêm túc, hiểu biết đúng đắn, kính yêu, sống, chiến đấu lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại.

Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, Phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	5	Sử dụng giáo án điện tử GV diễn giảng, phân tích. Giới thiệu tài liệu cho SV
1.1. Khái niệm		
1.2. Nguồn gốc		
1.3. Quá trình phát triển		
Chương 2. Những luận điểm sang tạo lớn của Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	Sử dụng giáo án điện tử GV diễn giảng, phân tích, đánh giá...có hình ảnh, phim tư liệu minh họa.Thuyết trình theo nhóm.
Chương 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam – Những vấn đề chiến lược và sách lược	5	Sử dụng giáo án điện tử GV diễn giảng, phân tích, đánh giá...có hình ảnh, phim tư liệu minh họa.Thuyết trình theo nhóm.
Chương 4. Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh	5	Sử dụng giáo án điện tử GV diễn giảng, phân tích, đánh giá...có hình

		ảnh, phim tư liệu minh họa. Thuyết trình theo nhóm
Chương 5. Hồ Chí Minh với các nhân sĩ, trí thức	5	Sử dụng các PP dạy học. Thuyết trình, thảo luận theo nhóm
Chương 6. Giá trị của Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	

6. Tài liệu tham khảo

6.1. Tài liệu chính

1. Hồ Chí Minh *toàn tập* (tập 1- tập 12) (2012), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Đinh Xuân Lý (chủ biên) (2005), *Tìm hiểu vai trò của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Nhiều tác giả, *Di chúc Hồ Chí Minh những giá trị lịch sử và thời đại*, NXB ĐHQG, HN.
5. Nhiều tác giả (2010), *Cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở thời gian làm bài: 75 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
 - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1
 - Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2
 - Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.6
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

TS. Lê Đình Lục

TS. Phạm Phúc Vĩnh

TS. Phạm Phúc Vĩnh

HỌC PHẦN
LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
- Mã học phần: 820328
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (20,0,10,0)
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin
 - + Đòi hỏi học phần song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Khoa Giáo dục chính trị.

3. Mô tả học phần

Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học là một tất yếu lịch sử. Nó là sự kế thừa có phê phán và khắc phục hạn chế của những tư tưởng tiến bộ trong lịch sử tư tưởng nhân loại, qua các thời kỳ khác nhau. Tư tưởng XHCN có chiều dài lịch sử cùng với lịch sử hình thành và phát triển của giai cấp và đấu tranh giai cấp. Biết bao thế hệ các nhà tư tưởng, các nhà cách mạng ưu tú đã cống hiến, hy sinh cho lý tưởng nhân đạo, cho sự tiến bộ của nhân loại.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

Môn học cung cấp cho người học từ những dự án sơ khai của Aghít, Clêômen của thế kỷ II trước công nguyên, đến những mô hình, hệ thống quan điểm ngày càng hoàn chỉnh, tiến bộ hơn của T. Morơ, T. Campanela, Babóp, Xanh -Xi mông, Ph. Phuriê, R. Ôoen... Vào thời đại của C. Mác và Ph. Ăngghen, V.I. Lênin lý luận CNXH đã trở thành khoa học.

4.2. Về kỹ năng

Những ước nguyện, những nỗ lực cống hiến và hy sinh của các thế hệ nói trên không chỉ phản ánh nguyện vọng chủ quan, thuần túy lý tưởng mà còn là quá trình tìm tòi chân lý, mở ra con đường đi tới sự giải phóng nhân loại. Ngày nay, tuy CNXH đang lâm vào khủng hoảng,

nhưng đó chỉ là tạm thời, CNXH không thể bị tiêu diệt, cái phải mất đi là những sai lầm, non kém của sự sinh thành và phát triển.

4.3. Về thái độ

Giúp người học có niềm tin và thái độ đúng đắn với mục tiêu của đất nước.

5. Kế hoạch dạy học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Những mầm mống của tư tưởng XHCN thời cổ đại, trung đại và đầu cận đại	4	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại + thảo luận
1.1. Những mầm mống của tư tưởng XHCN thời Hy Lạp cổ đại		
1.1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội		
1.1.2. Những mầm mống của tư tưởng XHCN		
1.2. Những mầm mống của tư tưởng XHCN thời La Mã cổ đại		
1.2.1. Điều kiện kinh tế - xã hội		Thảo luận
1.2.2. Những mầm mống của tư tưởng XHCN		
1.3. Những trào lưu dị giáo CSCN thời trung đại và thời cận đại		
1.3.1. Điều kiện kinh tế - xã hội		
1.3.2. Những trào lưu của tư tưởng CSCN		
Chương 2. Những đại biểu của CNXH không tưởng	12	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại + thảo luận
2.1. Thế kỷ XVI		
2.1.1. Tômát Morơ		
2.1.2. Tác phẩm “không tưởng		
2.2. Thế kỷ XVII		
2.2.1. Tomado Campanenla (1568-1639)		

2.2.2. Giêrác Uynxtenly (1609-1652)		
2.3. Thế kỷ XVIII		
2.3.1. Giăng Mêliê (1664-1729)		
2.3.2. Garien Bonnô Đờ Mably (1709-1785)		
2.3.3. Grắcco Babóp (1760 -1797)		
2.4. Thế kỷ XIX		
2.4.1. Xanh- Xi – Mông (1760-1825)		
2.4.2. Phurie (1772-1837)		
2.4.3. Rôbóc Ôoen (1771-1858)		Thảo luận nhóm
Chương 3. Sự phát triển CNXH không tương đến khoa học	10	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại + thảo luận
3.1. Sự chuyển hướng từ lập trường dân chủ cách mạng sang lập trường CSCN		
3.1.1. C. Mác và Ph. Ăngghen – những nhà nhân đạo chủ nghĩa		
3.1.2. Sự chuyển hướng từ lập trường dân chủ cách mạng sang lập trường CSCN		
3.2. Sự phát triển của Lênin về lý luận CNXH khoa học		
3.2.1. Về chính đảng của giai cấp công nhân		
3.2.2. Về cách mạng dân chủ tư sản		
3.2.3. Về cách mạng XHCN		
Chương 4. Vận dụng lý luận CNXH khoa học vào thực tiễn xây dựng CNXH	4	
4.1. Những thành tựu chủ yếu và những bước lùi tạm thời trong quá trình xây dựng CNXH		
4.1.1. Những thành tựu		
4.1.2. Những bước lùi tạm thời		
4.2. CNXH khoa học trong thời đại ngày nay và triển vọng của nó		

4.2.1. CNXH khoa học ngày nay		
4.2.2. Triển vọng của CNXH		Thảo luận nhóm

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2004), Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

2. Hội đồng lý luận trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin (2004), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB CTQG, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng, thời gian làm bài: 75 phút

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.2
- Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2
- Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.5

7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT **TRƯỞNG NGÀNH** **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan TS. Nguyễn Thị Hiền Oanh

HỌC PHẦN
CHỦ NGHĨA TƯ BẢN HIỆN ĐẠI

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Chủ nghĩa tư bản hiện đại
- Mã học phần: 820074
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (30,0,0,0)
- Điều kiện để học học phần:
- Đòi hỏi học phần học trước: Không
- Đòi hỏi học phần song hành: Không
- Sĩ số sinh viên tối đa: 70

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin

3. Mô tả học phần:

Học phần gồm 6 nội dung như sau: Đối chiếu một số vấn đề lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại; Các công ty xuyên quốc gia của chủ nghĩa tư bản hiện đại; Tiềm năng, giới hạn, mâu thuẫn và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản hiện đại; Chủ nghĩa tư bản ở các nước chậm phát triển trong điều kiện chủ nghĩa tư bản hiện đại; Toàn cầu hoá kinh tế; Những vấn đề cơ bản về quan hệ kinh tế quốc tế

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức:

Trang bị cho người học những đặc điểm mới ở những giai đoạn khác nhau của CNTB, hiểu được nguyên nhân hình thành, xu thế phát triển và hiệu ứng hai mặt của toàn cầu hoá kinh tế, biết được đặc điểm của chủ nghĩa thực dân kinh tế mới, tính tất yếu và nội dung của xây dựng trật tự kinh tế quốc tế mới trong giai đoạn hiện nay. Người học sẽ hiểu rõ nguyên nhân sinh ra khủng hoảng kinh tế ở các nước tư bản chủ nghĩa và biến động kinh tế ở các nước xã hội chủ nghĩa, cùng các hiện tượng mới hiện nay.

4.2. Về kỹ năng:

Người học có khả năng nhận định những vấn đề về kinh tế thông qua những biến động của toàn cầu hoá

4.3. Về thái độ:

Có một cách nhìn toàn diện về CNTB trong giai đoạn hiện nay, từ đó hình thành những nhận thức đúng đắn, định hướng cho hành động, góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng XHCN trong giai đoạn hội nhập quốc tế hiện nay

4. Tóm tắt nội dung HP: gồm 6 chương

5. Kế hoạch dạy học HP:

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Giới thiệu vấn đề nghiên cứu	2	H: thuyết trình, thảo luận, G: tổng kết, diễn giải và đánh giá
Chương 1. Đối chiếu một số vấn đề lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại	5	
1.1. Giai cấp tư sản và giai cấp vô sản		
1.1.1. Về giai cấp tư sản		
1.1.2. Về giai cấp vô sản		
1.2. Chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước		
1.2.1. Chủ nghĩa tư bản độc quyền		
1.2.2. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước		
1.3. Lý luận về khủng hoảng trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản		
1.3.1. Khủng hoảng trong lĩnh vực kinh tế tài chính		
1.3.2. Khủng hoảng trong lĩnh vực chính trị		
1.4. Luận thuyết của V.I.Lênin về năm đặc trưng của chủ nghĩa đế quốc		
1.5. Những đặc trưng của chủ nghĩa tư bản hiện đại		
Chương 2: Các công ty xuyên quốc gia của chủ nghĩa tư bản hiện đại	3	H: thuyết trình, thảo luận, G: tổng kết, diễn giải và đánh giá
2.1. Những đặc trưng cơ bản của các công ty xuyên quốc gia		

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
2.1.1. Khái niệm		
2.1.2. Sự hình thành các công ty xuyên quốc gia		
2.1.3. Các loại hình công ty xuyên quốc gia		
2.1.4. Đặc điểm cắm nhánh nước ngoài của các công ty xuyên quốc gia		
2.2. Vai trò của các công ty xuyên quốc gia trong nền kinh tế thế giới		
2.2.1. Thực hiện sự phân công lao động quốc tế		
2.2.2. Đẩy mạnh quan hệ hàng hoá tiền tệ trên phạm vi quốc tế		
2.2.3. Vai trò của các công ty xuyên quốc gia đối với việc phát triển khoa học công nghệ		
2.2.4. Vai trò của các công ty xuyên quốc gia đối với việc làm và nâng cao tay nghề		
2.2.5. Vai trò của các công ty xuyên quốc gia đối với đầu tư trực tiếp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.		
2.2.6. Vấn đề điều tiết nền kinh tế thế giới và tính chất vô chính phủ trong hoạt động sản xuất, lưu thông dưới ảnh hưởng của các công ty xuyên quốc gia		
Chương 3. Tiềm năng, giới hạn, mâu thuẫn và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản hiện đại	5	H: thuyết trình, thảo luận, G: tổng kết, diễn giải và đánh giá
3.1. Lý luận của V.I.Lênin về địa vị lịch sử của chủ nghĩa đế quốc		
3.1.1. Chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản độc quyền		
3.1.2. Chủ nghĩa đế quốc (hay CNTB hiện đại) là CNTB ăn bám hay thối nát		
3.1.3. Chủ nghĩa đế quốc là CNTB tấy yếu bị diệt vong, bị thay thế bởi một xã hội cao hơn, tiến bộ hơn.		
3.2. Tiềm năng và giới hạn của chủ nghĩa tư bản hiện đại		
3.3.1. Những tiềm năng cơ bản của CNTB hiện đại		
3.3.2. Giới hạn chủ yếu của chủ nghĩa tư bản hiện đại		
3.3. Mâu thuẫn cơ bản và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản hiện		

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
3.3.1. Mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện		
3.3.2. Xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản hiện		
Chương 4. Chủ nghĩa tư bản ở các nước chậm phát triển trong điều kiện chủ nghĩa tư bản hiện đại	5	H: thuyết trình, thảo luận, G: tổng kết, diễn giải và đánh giá
4.1. Đặc điểm kinh tế, chính trị, xã hội và sự phát triển của CNTB ở các nước chậm phát triển từ những năm 1970 đến nay		
4.1.1. Các nước chậm phát triển: đặc điểm và tên gọi		
4.1.2. Đặc điểm của CNTB và các loại hình tư bản ở các nước CPT trong điều kiện của CNTB hiện đại		
4.1.3. tác động của CNTB đối với sự phát triển kinh tế, xã hội ở các nước CPT		
4.2. Mâu thuẫn của CNTB ở các nước chậm phát triển		
4.2.1. Mâu thuẫn giữa yêu cầu tăng trưởng kinh tế để thoát khỏi tình trạng chậm phát triển với sự hạn hẹp về nguồn lực		
4.2.2. Mâu thuẫn giữa yêu cầu phát triển bền vững với tình trạng đói nghèo, bất bình đẳng và suy thoái môi trường.		
4.2.3. Mâu thuẫn giữa các giá trị văn hoá ở các nước CPT		
4.3. Thách thức, triển vọng của CNTB chậm phát triển		
4.3.1. Lựa chọn những ưu tiên và xây dựng được các chính sách phát triển có hiệu quả		
4.3.2. Xây dựng chính sách dân số, nâng cao trình độ người lao động và bảo vệ môi trường		
4.3.3. Quản lý tốt hoạt động kinh tế - xã hội của đất nước trong một thế giới phụ thuộc lẫn nhau		
Chương 5. Toàn cầu hoá kinh tế	4	H: thuyết trình, thảo luận, G: tổng kết, diễn giải và đánh giá
5.1. Toàn cầu hoá kinh tế - xu thế tất yếu của sự phát triển lực lượng sản xuất		
5.1.1. Quan niệm và nội dung toàn cầu hoá kinh tế.		
5.1.2. Xu thế hình thành và phát triển của toàn cầu hoá		

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
kinh tế.		
5.2. Bản chất của toàn cầu hoá kinh tế		
5.2.1. Toàn cầu hoá kinh tế có bản chất khách quan, gắn liền với xu thế vận động, phát triển khách quan của nền sản xuất xã hội, là kết quả tất yếu của sự phát triển của lực lượng sản xuất.		
5.2.2. Toàn cầu hoá gắn liền với sự bành trướng của CNTB và hiện đang bị CNTB, nhất là các nước TB phát triển, chi phối, lợi dụng để phục vụ cho mục đích của họ		
5.3. Những tác động của toàn cầu hoá kinh tế		
5.3.1. Tác động tích cực của toàn cầu hoá kinh tế		
5.3.2. Tác động tiêu cực của toàn cầu hoá kinh tế		
Chương 6. Những vấn đề cơ bản về quan hệ kinh tế quốc tế	6	H: thuyết trình, thảo luận, G: tổng kết, diễn giải và đánh giá
6.1. Tài chính quốc tế		
6.1.1. Hệ thống tiền tệ quốc tế Bretton Woods và những diễn biến cho đến ngày nay		
6.1.2. Vấn đề nợ và cách xử lý		
6.1.3. Hệ thống tài chính quốc tế		
6.2. Thương mại quốc tế		
6.2.1. Nguồn gốc và bản chất của thương mại quốc tế		
6.2.2. Đặc điểm và chức năng của thương mại quốc tế		
6.3. Đầu tư quốc tế		
6.3.1. Khái niệm và đặc trưng cơ bản của đầu tư quốc tế		
6.3.2. Vai trò của đầu tư quốc tế		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Trần Thị Vinh (2011), *Chủ nghĩa tư bản thế kỷ XX và thập niên đầu thế kỷ XXI – Một cách tiếp cận từ lịch sử*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội
2. Nguyễn Khắc Thân (2002), *Tập bài giảng về Chủ nghĩa tư bản hiện đại*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội

3. Đỗ Lộc Diệp (2003), *Chủ nghĩa tư bản đầu thế kỷ XXI*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội

6.2. Tài liệu khác

1. Mác (1980), *Tư bản*, quyển III, tập 1, Nxb Sự Thật, Hà Nội

2. V. Lênin (1980), *Toàn tập*, tập 27, Nxb Sự thật, Hà Nội

7. Phương pháp đánh giá HP/MH

7.1. Thang điểm: thang điểm 10

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng, thời gian làm bài: 60 phút

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1

- Điểm trung bình quá trình: hệ số 0.2

- Điểm thi kết thúc học phần: 0.6

7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

TS. Lê Đình Lục

TS. Võ Thị Kim Loan

TS. Võ Thị Kim Loan

HỌC PHẦN
THỰC HÀNH SỰ PHẠM THPT 2

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: THỰC HÀNH SỰ PHẠM THPT 2
- Mã học phần: 820110
- Số tín chỉ: 01
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (5;0;5;20)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Thực hành sự phạm 1.
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: tối đa 50 sinh viên

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn đường lối CM của ĐCSVN & TTHCM

3. Mô tả học phần

Môn Thực hành sự phạm THPT 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát chương trình GD CD 10 và những vấn đề mới của sách giáo khoa GD CD hiện hành

Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thiết kế giáo án và vận dụng các phương pháp dạy học vào giảng dạy phần GD CD lớp 10.

Giúp tăng cường khả năng thực hành, tạo điều kiện cho sinh viên luyện tập những kỹ năng nói, viết, tác phong, quản lý, ổn định lớp.v.v... giải quyết các tình huống trong thực tế nghề nghiệp.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức:

Sinh viên cần phải nắm được các kiến thức cơ bản, trọng tâm và những vấn đề mới của sách giáo khoa GD CD lớp 10 hiện hành.

Sinh viên phải xác định được mục tiêu, phương pháp giảng dạy của một bài học GD CD cụ thể trong chương trình GD CD 10. Đồng thời, nắm được cấu trúc cơ bản của một giáo án GD CD và các bước cơ bản trong quá trình tiến hành một bài giảng GD CD chính khóa.

Giúp sinh viên có được những kiến thức chung, công việc của một người giáo viên trong tương lai.

4.2. Về kỹ năng:

Sinh viên cần rèn luyện các kỹ năng xác định mục tiêu, kiến thức cơ bản của bài học, lựa chọn phương pháp tổ chức dạy – học phù hợp với nội dung bài học GD CD trong chương trình lớp 10, rèn luyện kỹ năng thiết kế giáo án và tiến hành một bài giảng cụ thể trên lớp.

Góp phần hình thành, củng cố và phát triển cho sinh viên hệ thống kỹ năng như: nói, viết, tác phong, thực hiện một bài giảng hoàn chỉnh, cách đặt câu hỏi, đánh giá học sinh.

4.3. Về thái độ:

Sinh viên cần nâng cao ý thức trách nhiệm, lòng yêu nghề, say mê và không ngừng sáng tạo, đổi mới phương pháp dạy - học nhằm nâng cao chất lượng dạy học GDCD ở trường trung học phổ thông.

Sinh viên phải có tinh thần tự giác rèn luyện để hoàn thiện các kỹ năng.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. CHUẨN BỊ BÀI GIẢNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH GDCD 10	8	Giảng viên giảng và hướng dẫn sinh viên xác định mục tiêu, kiến thức, phương pháp. Sinh viên xác định mục tiêu, kiến thức cơ bản của một số bài học trong chương trình GDCD 10
1.1. Nội dung chương trình GDCD 10	4	
1.2. Xác định mục tiêu và kiến thức cơ bản của bài học GDCD 10		
1.3. Xác định tài liệu và thiết bị phục vụ dạy học chương trình GDCD 10	2	
1.4. Xác định phương pháp tổ chức dạy – học phù hợp với nội dung bài học GDCD	1	
1.5. Những nhân tố để thực hiện hiệu quả bài giảng GDCD 10 ở trường.	1	
CHƯƠNG 2. THỰC HÀNH THIẾT KẾ GIÁO ÁN GDCD 10 VÀ GIẢNG BÀI	22	Giảng viên hướng dẫn thiết kế giáo án GDCD. Sinh viên thực hành soạn một số giáo thuộc chương trình GDCD 10 Giảng viên hướng dẫn sinh viên kỹ năng và các bước lên lớp. - Sinh viên thực hành giảng các bài đã soạn
2.1. Cấu trúc của một giáo án GDCD	1	
2.2. Thực hành thiết kế giáo án GDCD 10	4	
2.3. Các bước cơ bản trong quá trình tiến hành bài giảng chính khóa 2.3.1. Giới thiệu bài 2.3.2. Tiến trình học bài mới 2.3.3. Củng cố, đánh giá 2.3.4. Hướng dẫn hoạt động nối tiếp 2.3.5. Nhận xét, đánh giá tiết học		
2.4. Thực hành vận dụng các phương pháp dạy học để giảng một bài giảng GDCD cụ thể	17	

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Sách giáo khoa Giáo dục công dân lớp 10*, Nxb. Giáo dục Hà Nội. 2010.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Phương pháp dạy môn Giáo dục công dân ở trường THPT*. Nxb. Giáo dục, Hà Nội. 2009.

6.2. Tài liệu khác:

3. Phạm Trung Thanh (Chủ biên). *Giáo trình Bài tập rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên*. Nxb. ĐHSP. Hà Nội. 2007.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì):

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: không thi kết thúc học phần; SV thực hành (soạn giáo án và giảng thử), thời gian làm bài: 10 phút/sinh viên.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.9;

7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Lê Đình Lục TS. Phạm Phúc Vĩnh ThS. Huỳnh Thị Kim Quyên

HỌC PHẦN
THỰC HÀNH SƯ PHẠM THPT 3

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: THỰC HÀNH SƯ PHẠM THPT 3
- Mã học phần: 820111
- Số tín chỉ: 01
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thực địa): 30 (5;0;5;20).
- Trình độ đào tạo: đại học.
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Thực hành sư phạm THPT 2 (820110)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không.
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: tối đa 50 sinh viên.

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn đường lối CM của ĐCSVN & TTHCM.

3. Mô tả học phần

Môn Thực hành sư phạm THPT 3 cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát chương trình GD CD 11 và những vấn đề mới của sách giáo khoa GD CD hiện hành

Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thiết kế giáo án và vận dụng các phương pháp dạy học vào giảng dạy phần GD CD lớp 11.

Giúp tăng cường khả năng thực hành, tạo điều kiện cho sinh viên luyện tập những kỹ năng nói, viết, tác phong, quản lý, ổn định lớp.v.v... giải quyết các tình huống trong thực tế nghề nghiệp.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức:

Sinh viên cần phải nắm được các kiến thức cơ bản, trọng tâm và những vấn đề mới của sách giáo khoa GD CD lớp 11 hiện hành.

Sinh viên phải xác định được mục tiêu, phương pháp giảng dạy của một bài học GD CD cụ thể trong chương trình GD CD 11. Đồng thời, nắm được cấu trúc cơ bản của một giáo án GD CD và các bước cơ bản trong quá trình tiến hành một bài giảng GD CD chính khóa.

Giúp sinh viên có được những kiến thức chung, công việc của một người giáo viên trong tương lai.

4.2. Về kỹ năng:

Sinh viên cần rèn luyện các kỹ năng xác định mục tiêu, kiến thức cơ bản của bài học, lựa chọn phương pháp tổ chức dạy – học phù hợp với nội dung bài học GD CD trong chương trình lớp 11, rèn luyện kỹ năng thiết kế giáo án và tiến hành một bài giảng cụ thể trên lớp.

Góp phần hình thành, củng cố và phát triển cho sinh viên hệ thống kỹ năng như: nói, viết, tác phong, thực hiện một bài giảng hoàn chỉnh, cách đặt câu hỏi, đánh giá học sinh.

4.3. Về thái độ:

Sinh viên cần nâng cao ý thức trách nhiệm, lòng yêu nghề, say mê và không ngừng sáng tạo, đổi mới phương pháp dạy - học nhằm nâng cao chất lượng dạy học GDCD ở trường trung học phổ thông.

Sinh viên phải có tinh thần tự giác rèn luyện để hoàn thiện các kỹ năng.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. CHUẨN BỊ BÀI GIẢNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH GDCD 11	8	Giảng viên giảng và hướng dẫn sinh viên xác định mục tiêu, kiến thức, phương pháp. Sinh viên xác định mục tiêu, kiến thức cơ bản của một số bài học trong chương trình GDCD 11
1.1. Nội dung chương trình GDCD 11	4	
1.2. Xác định mục tiêu và kiến thức cơ bản của bài học GDCD 11		
1.3. Xác định tài liệu và thiết bị phục vụ dạy học chương trình GDCD 11	2	
1.4. Xác định phương pháp tổ chức dạy – học phù hợp với nội dung bài học GDCD	1	
1.5. Những nhân tố để thực hiện hiệu quả bài giảng GDCD 11 ở trường.	1	
CHƯƠNG 2. THỰC HÀNH THIẾT KẾ GIÁO ÁN GDCD 11 VÀ GIẢNG BÀI	22	Giảng viên hướng dẫn thiết kế giáo án GDCD. Sinh viên thực hành soạn một số giáo án thuộc chương trình GDCD 11. Giảng viên hướng dẫn sinh viên kỹ năng và các bước lên lớp. - Sinh viên thực hành giảng các bài đã soạn.
2.1. Cấu trúc của một giáo án GDCD	1	
2.2. Thực hành thiết kế giáo án GDCD 11	4	
2.3. Các bước cơ bản trong quá trình tiến hành bài giảng chính khóa <i>2.3.1. Giới thiệu bài</i> <i>2.3.2. Tiến trình học bài mới</i> <i>2.3.3. Củng cố, đánh giá</i> <i>2.3.4. Hướng dẫn hoạt động nối tiếp</i> <i>2.3.5. Nhận xét, đánh giá tiết học</i>		
2.4. Thực hành vận dụng các phương pháp dạy học để giảng một bài giảng GDCD cụ thể	17	

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Sách giáo khoa Giáo dục công dân lớp 11*, Nxb. Giáo dục Hà Nội. 2010.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Phương pháp dạy môn Giáo dục công dân ở trường THPT*. Nxb. Giáo dục Hà Nội. 2009.

6.2. Tài liệu khác:

3. Phạm Trung Thanh (Chủ biên). *Giáo trình Bài tập rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên*. Nxb. ĐHSP. 2007.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì):
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: không thi kết thúc học phần; SV thực hành (soạn giáo án và giảng thử), thời gian làm bài: 10 phút/sinh viên.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
 - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.9;
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Lê Đình Lục TS. Phạm Phúc Vĩnh ThS. Huỳnh Thị Kim Quyên

HỌC PHẦN
THỰC HÀNH SỰ PHẠM THPT 4

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: THỰC HÀNH SỰ PHẠM THPT 4
- Mã học phần: 820112
- Số tín chỉ: 01
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thực địa): 30 (5;0;5;20).
- Trình độ đào tạo: Đại học.
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Thực hành sự phạm THPT 3 (820111)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không.
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: tối đa 50 sinh viên.

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn đường lối CM của ĐCSVN & TTHCM.

3. Mô tả học phần

Môn Thực hành sự phạm THPT 4 cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát chương trình GD CD 12 và những vấn đề mới của sách giáo khoa GD CD hiện hành

Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thiết kế giáo án và vận dụng các phương pháp dạy học vào giảng dạy phần GD CD lớp 12.

Giúp tăng cường khả năng thực hành, tạo điều kiện cho sinh viên luyện tập những kỹ năng nói, viết, tác phong, quản lý, ổn định lớp.v.v... giải quyết các tình huống trong thực tế nghề nghiệp.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức:

Sinh viên cần phải nắm được các kiến thức cơ bản, trọng tâm và những vấn đề mới của sách giáo khoa GD CD lớp 12 hiện hành.

Sinh viên phải xác định được mục tiêu, phương pháp giảng dạy của một bài học GD CD cụ thể trong chương trình GD CD 12. Đồng thời, nắm được cấu trúc cơ bản của một giáo án GD CD và các bước cơ bản trong quá trình tiến hành một bài giảng GD CD chính khóa.

Giúp sinh viên có được những kiến thức chung, công việc của một người giáo viên trong tương lai.

4.2. Về kỹ năng:

Sinh viên cần rèn luyện các kỹ năng xác định mục tiêu, kiến thức cơ bản của bài học, lựa chọn phương pháp tổ chức dạy – học phù hợp với nội dung bài học GD CD trong chương trình lớp 12, rèn luyện kỹ năng thiết kế giáo án và tiến hành một bài giảng cụ thể trên lớp.

Góp phần hình thành, củng cố và phát triển cho sinh viên hệ thống kỹ năng như: nói, viết, tác phong, thực hiện một bài giảng hoàn chỉnh, cách đặt câu hỏi, đánh giá học sinh.

4.3. Về thái độ:

Sinh viên cần nâng cao ý thức trách nhiệm, lòng yêu nghề, say mê và không ngừng sáng tạo, đổi mới phương pháp dạy - học nhằm nâng cao chất lượng dạy học GDCD ở trường trung học phổ thông.

Sinh viên phải có tinh thần tự giác rèn luyện để hoàn thiện các kỹ năng.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. CHUẨN BỊ BÀI GIẢNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH GDCD 12	8	Giảng viên giảng và hướng dẫn sinh viên xác định mục tiêu, kiến thức, phương pháp. Sinh viên xác định mục tiêu, kiến thức cơ bản của một số bài học trong chương trình GDCD 12
1.1. Nội dung chương trình GDCD 12	4	
1.2. Xác định mục tiêu và kiến thức cơ bản của bài học GDCD 12		
1.3. Xác định tài liệu và thiết bị phục vụ dạy học chương trình GDCD 12	2	
1.4. Xác định phương pháp tổ chức dạy – học phù hợp với nội dung bài học GDCD	1	
1.5. Những nhân tố để thực hiện hiệu quả bài giảng GDCD 12 ở trường.	1	
CHƯƠNG 2. THỰC HÀNH THIẾT KẾ GIÁO ÁN GDCD 12 VÀ GIẢNG BÀI	22	Giảng viên hướng dẫn thiết kế giáo án GDCD. Sinh viên thực hành soạn một số giáo thuộc chương trình GDCD 12 Giảng viên hướng dẫn sinh viên kỹ năng và các bước lên lớp. - Sinh viên thực hành giảng các bài đã soạn
2.1. Cấu trúc của một giáo án GDCD	1	
2.2. Thực hành thiết kế giáo án GDCD 12	4	
2.3. Các bước cơ bản trong quá trình tiến hành bài giảng chính khóa 2.3.1. Giới thiệu bài 2.3.2. Tiến trình học bài mới 2.3.3. Củng cố, đánh giá 2.3.4. Hướng dẫn hoạt động nổi tiếp 2.3.5. Nhận xét, đánh giá tiết học		
2.4. Thực hành vận dụng các phương pháp dạy học để giảng một bài giảng GDCD cụ thể	17	

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Sách giáo khoa Giáo dục công dân lớp 12*, Nxb. Giáo dục Hà Nội. 2010

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Phương pháp dạy môn Giáo dục công dân ở trường THPT*. Nxb. Giáo dục Hà Nội. 2009.

6.2. Tài liệu khác:

3. Phạm Trung Thanh (Chủ biên). *Giáo trình Bài tập rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên*. Nxb. ĐHSP. 2007.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì):
7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: không thi kết thúc học phần; SV thực hành (soạn giáo án và giảng thử), thời gian làm bài: 10 phút/sinh viên.
7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.9;
7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Lê Đình Lục

TS. Phạm Phúc Vĩnh ThS. Huỳnh Thị Kim Quyên

HỌC PHẦN

LỊCH SỬ TRIẾT HỌC TRIẾT HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Lịch sử triết học Phương Đông
- Mã học phần: 820329
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 45 (45,0,0,0)
- Điều kiện để học học phần:
- Đòi hỏi học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin
- Đòi hỏi học phần song hành: Không
- Sĩ số sinh viên tối đa: 70

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin

3. Mô tả học phần:

Lịch sử triết học phương Đông gồm 5 chương giới thiệu quá trình hình thành, phát triển và nội dung cơ bản của các trường phái triết học thời cổ, trung đại của Trung Quốc như: Âm dương – Ngũ hành, Bát quái, Nho giáo, Đạo gia, Pháp gia, Mặc gia, triết học Trung Quốc thời phong kiến và cận đại; Triết học Ấn Độ qua các thời kỳ lịch sử.

4. Mục tiêu học phần:

4.1. Về kiến thức:

Nắm bắt quá trình hình thành, nội dung, đặc điểm cơ bản của lịch sử triết học phương Đông. Từ đó, hiểu được những giá trị của các nền triết học đối với sự phát triển của nhân loại.

4.2. Về kĩ năng:

Sau khi học tập, nghiên cứu, sinh viên tiếp nhận được phương pháp để nghiên cứu lịch sử triết học, biết đánh giá nhận xét, rút ra được những bài học kinh nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn.

4.3. Về thái độ:

- Học tập và nghiên cứu nghiêm túc, thận trọng, tỷ mỉ.
- Đánh giá, nhận xét lịch sử triết học cần dựa trên thế giới quan của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử và các phương pháp khác để bảo đảm tính khoa học, khách quan.

5. Kế hoạch dạy học HP/MH

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
NHẬP MÔN LỊCH SỬ TRIẾT HỌC PHƯƠNG ĐÔNG	3	Giới thiệu nội dung
1.1. Khái quát một số vấn đề chung		
1.1.1. Triết học là gì		
1.1.2. Đối tượng nghiên cứu lịch sử triết học Phương Đông		
1.2. Vai trò và phương pháp nghiên cứu lịch sử triết học PD		
1.2.1. Vai trò của việc nghiên cứu lịch sử triết học PD		
1.2.2. Phương pháp học tập lịch sử triết học PD		
PHẦN 1 LỊCH SỬ TRIẾT HỌC TRUNG QUỐC		
Chương 1 LỊCH SỬ TRIẾT HỌC TRUNG QUỐC CỔ, TRUNG ĐẠI	12	Giới thiệu và thảo luận các nội dung cơ bản.
1.1. Tư tưởng triết học Trung Quốc thời Ân – Thương – Tây Chu và đặc điểm của nó		
Thế giới quan thần thoại tôn giáo và tư tưởng chính trị - xã hội thời Ân Thương – Tây Chu		
Chủ nghĩa duy vật chất phác thời Ân Thương – Tây Chu		
.2. Triết học Trung Quốc thời kỳ Xuân Thu – Chiến quốc		
1.2.1. Khái quát điều kiện lịch sử xã hội Trung Quốc thời kỳ Xuân Thu – Chiến quốc		
1.2.2. Những tư tưởng triết học thời kỳ Xuân Thu – Chiến quốc		
1.3. Lịch sử Trung Quốc thời kỳ phong kiến		
1.3.1. Triết học Trung Quốc thời kỳ Lương Hán (206 TCN – 220)		
1.3.2. Triết học Trung Quốc thời kỳ Ngụy Tấn (220 – 420)		
1.3.3. Triết học Trung Quốc thời kỳ Nam Bắc Triều (420 – 580) và Tùy Đường (581-906)		
1.3.4. Triết học Trung Quốc thời kỳ Tống – Nguyễn (960 – 1368)		
1.3.5. Triết học Trung Quốc thời kỳ Minh – Thanh (1368-1840)		
Chương 2 LỊCH SỬ TRIẾT HỌC TRUNG QUỐC CẬN ĐẠI	5	Giới thiệu và thảo luận các nội dung cơ bản.
2.1. Sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản và cuộc đấu tranh của các nhà tư tưởng mở đường nửa cuối thế kỷ XIX		
2.1.1. Tư tưởng triết học Củng Tự Trân, Lâm Tắc Từ		
2.1.1. Tư tưởng triết học Ngụy Nguyên		
2.2. Phong trào cách mạng nông dân Thái Bình Thiên Quốc và tư tưởng tự do bình đẳng của Hồng Tú Toàn		
2.2.1. Tư tưởng triết học Hồng Tú Toàn và Hồng Nhân Can		
2.2.2. Tư tưởng triết học Tăng Quốc Phiên		

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
2.3. Chủ nghĩa dân chủ cải lương tư sản và tư tưởng triết học Khang Hữu Vi, Đàm Tự Đồng, Nghiêm Phục		
2.3.1. Tư tưởng triết học Khang Hữu Vi		
2.3.2. Tư tưởng triết học Đàm Tự Đồng		
2.3.3. Tư tưởng triết học Nghiêm Phục		
2.4. Cách mạng Tân Hợi và triết học của Chương Bính Lân và Tôn Trung Sơn		
2.4.1. Triết học của Chương Bính Lân		
2.4.2. Triết học của Tôn Trung Sơn		
PHẦN 2: LỊCH SỬ TRIẾT HỌC ÁN ĐỘ Chương 3: TRIẾT HỌC ÁN ĐỘ THỜI KỲ VEDA – SỬ THI	5	Giới thiệu và thảo luận các nội dung cơ bản.
3.1. Những điều kiện, tiền đề hình thành, phát triển của triết học Ấn Độ thời kỳ Veda – sử thi		
3.1.1. Khái quát điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội Ấn Độ thời kỳ Veda – sử thi		
3.1.2. Sự phát triển của khoa học văn hóa Ấn Độ thời kỳ Veda – sử thi		
3.2. Nội dung tư tưởng triết học Ấn Độ thời kỳ Veda – sử thi		
3.2.1. Tư tưởng triết học trong Kinh Veda		
3.2.2. Tư tưởng triết học trong Kinh Upanishad		
3.2.3. Tư tưởng triết học trong Sử thi Ramayana và Mahabharata		
Chương 4: TRIẾT HỌC ÁN ĐỘ THỜI KỲ CỔ ĐIỂN HAY THỜI KỲ PHẬT GIÁO, BÀLAMÔN GIÁO	10	Giới thiệu và thảo luận các nội dung cơ bản.
4.1. Khái quát điều kiện lịch sử xã hội và tiền đề khoa học, văn hóa hình thành và phát triển triết học thời kỳ cổ điển		
4.1.1. Khái quát điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội Ấn Độ thời kỳ cổ điển		
4.1.2. Sự phát triển của khoa học văn hóa Ấn Độ thời kỳ cổ điển		
4.2. Nội dung tư tưởng triết học Ấn Độ thời kỳ cổ điển		
4.2.1. Các trường phái triết học chính thống		
4.2.2. Các trường phái triết học phi chính thống		
Chương 5 TRIẾT HỌC ÁN ĐỘ THỜI KỲ HẬU CỔ ĐIỂN HAY THỜI KỲ TRUNG CẬN ĐẠI	5	Giới thiệu và thảo luận các nội dung cơ bản.
5.1. Khái quát điều kiện và tiền đề hình thành và phát triển tư tưởng triết học tôn giáo thời kỳ trung cận đại		
4.1.1. Khái quát điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội Ấn Độ thời kỳ trung cận đại		
4.1.2. Sự phát triển của khoa học văn hóa Ấn Độ thời kỳ trung cận đại		
5.2. Nội dung tư tưởng triết học Ấn Độ thời kỳ hậu cổ điển hay trung cận đại		
5.2.1. Sự phân phái của các trường phái triết học, tôn giáo Ấn Độ thời kỳ trung cận đại		
5.2.2. Sự giải thích, bình chú các hệ thống triết học Ấn Độ thời kỳ		

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
cổ điển theo khuynh hướng duy tâm chủ nghĩa		
5.2.3. Cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm và khuynh hướng tư tưởng chống phong kiến ở Ấn Độ thời kỳ trung cận đại		
THẢO LUẬN – ÔN TẬP	5	

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Lịch sử triết học phương Đông, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
2. Phùng Hữu Lan, Đại cương lịch sử triết học Trung Quốc (2 tập) Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2006.
3. Doãn Chính, Lịch sử triết học Ấn Độ cổ đại, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

6.2. Tài liệu khác:

4. Doãn Chính, *Từ điển triết học Trung Quốc*, Nhà xuất bản CTQG, Hà Nội, 2009.
5. Nguyễn Hữu Vui, *Lịch sử triết học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá HP/MH

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: đề mở, thời gian làm bài: 60 phút
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
 - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1
 - Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2
 - Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.6
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT **TRƯỞNG NGÀNH** **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan TS. Phạm Đào Thịnh

HỌC PHẦN
LỊCH SỬ TRIẾT HỌC PHƯƠNG TÂY TRƯỚC MÁC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: LỊCH SỬ TRIẾT HỌC PHƯƠNG TÂY TRƯỚC MÁC

- Mã học phần: 820330

- Số tín chỉ: 3

- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 45 (45,0,0,0)

- Điều kiện để học học phần:

+ Đòi hỏi học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin

+ Đòi hỏi học phần song hành: Không

+ Sĩ số sinh viên tối đa: 70

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin

3. Mô tả học phần:

Giới thiệu quá trình hình thành, phát triển và nội dung cơ bản của các trường phái triết học thời cổ, trung đại của Trung Quốc như: Âm dương – Ngũ hành, Bát quái, Nho giáo, Đạo gia, Pháp gia, Mặc gia, triết học Trung Quốc thời phong kiến và cận đại; Triết học Ấn Độ qua các thời kỳ lịch sử.

4. Mục tiêu học phần:

4.1. Về kiến thức:

Nắm bắt quá trình hình thành, nội dung, đặc điểm cơ bản của lịch sử triết học phương Tây, phương Đông. Từ đó, hiểu được những giá trị của các nền triết học đối với sự phát triển của nhân loại.

4.2. Về kỹ năng:

Sau khi học tập, nghiên cứu, sinh viên tiếp nhận được phương pháp để nghiên cứu lịch sử triết học, biết đánh giá nhận xét, rút ra được những bài học kinh nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn.

4.3. Về thái độ:

- Học tập và nghiên cứu nghiêm túc, thận trọng, tỷ mỉ.

- Đánh giá, nhận xét lịch sử triết học cần dựa trên thế giới quan của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử và các phương pháp khác để bảo đảm tính khoa học và khách quan.

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
NHẬP MÔN LỊCH SỬ TRIẾT HỌC	2	Giới thiệu nội dung
1.2. Khái quát một số vấn đề chung về lịch sử triết học		
1.2.1. Triết học là gì		
1.1.2. Đối tượng nghiên cứu lịch sử triết học		
1.2. Vai trò và phương pháp nghiên cứu lịch sử triết học		
1.2.1. Vai trò của việc nghiên cứu lịch sử triết học		
1.2.2. Phương pháp học tập lịch sử triết học		
PHẦN 1 LỊCH SỬ TRIẾT HỌC PHƯƠNG TÂY		
Chương 1. Lịch sử triết học Hy Lạp Cổ đại	5	Giới thiệu và thảo luận các nội dung cơ bản.
1.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm của triết học.		
1.1.1. Hoàn cảnh ra đời triết học Hi Lạp cổ đại		
điểm cơ bản của triết học:		
1.2. Tư tưởng triết học tiêu biểu		
clit (530 - 470 tr. CN)		
1.2.2. Đêmocrit (460 - 370 tr. CN)		
1.2.3. Platôn (427 – 347 tr. CN)		
1.2.4. Arixtôt (384 – 322 tr. CN)		
Chương 2. Triết học Tây Âu trung cổ	3	Giới thiệu và thảo luận các nội dung cơ bản.
2.1. Giáo phụ học trung cổ		
2.1.1. Điều kiện hình thành và phát triển của triết học Tây Âu trung cổ		
2.1.2. Các trường phái giáo phụ học trung cổ		
2.2. Triết học kinh viện trung cổ		
2.2.1. Triết học kinh viện thời kỳ sơ khai		

2.2.2. Thời kỳ phồn vinh của triết học kinh viện		
2.2.3. Thời kỳ suy tàn của triết học kinh viện		
Chương 3. Triết học Tây Âu thời kỳ Phục hưng và cận đại	5	Giới thiệu và thảo luận các nội dung cơ bản.
3.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm tư tưởng triết học		
3.1.1. Hoàn cảnh ra đời triết học Tây Âu thời phục hưng và cận đại		
3.1.2. Đặc điểm triết học Tây Âu thời phục hưng và cận đại		
3.2. Tư tưởng của một số nhà triết học tiêu biểu		
3.2.1. Phranxi Bêcon (1561 - 1621).		
3.2.2. Ronê Đêcátơ (1569 - 1654).		
3.2.3. Xpinôđa (1632 - 1677).		
át Hốp xơ (1588 – 1679):		
3.2.5. Giôn Lócơ (1632 – 1704):		
3.2.6. Gioócgiơ Bécôly (1684 - 1753).		
3.2.7. Đavít Hium (1711 - 1766).		
Chương 4. Triết học cổ điển Đức	5	Giới thiệu và thảo luận các nội dung cơ bản.
4.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm triết học cổ điển Đức		
4.1.1. Hoàn cảnh ra đời triết học cổ điển Đức		
4.1.2. Đặc điểm triết học cổ điển Đức		
hà triết học tiêu biểu		
4.2.1. I. Cantơ (1724 - 1804)		
4.2.2. G. Hêghen (1770 - 1831).		
4.2.2. Lútích Phoiơbác (1804 - 1872).		
PHẦN 2		
LỊCH SỬ TRIẾT HỌC PHƯƠNG ĐÔNG		
Chương 1. Lịch sử triết học Trung Quốc cổ, trung đại	7	Giới thiệu và thảo luận các nội dung cơ bản.
1.1. Tư tưởng triết học Trung Quốc thời Ân – Thương – Tây Chu và đặc điểm của nó		
Thế giới quan thần thoại tôn giáo và tư tưởng chính trị - xã hội thời Ân Thương – Tây Chu		
Chủ nghĩa duy vật chất phác thời Ân Thương – Tây Chu		
1.2. Triết học Trung Quốc thời kỳ Xuân Thu – Chiến quốc		
1.2.1. Khái quát điều kiện lịch sử xã hội Trung Quốc thời kỳ Xuân Thu – Chiến quốc		
1.2.2. Những tư tưởng triết học thời kỳ Xuân Thu – Chiến quốc		
1.3. Lịch sử Trung Quốc thời kỳ phong kiến		
1.3.1. Triết học Trung Quốc thời kỳ Lương Hán (206 TCN – 220)		
1.3.2. Triết học Trung Quốc thời kỳ Ngụy Tấn (220 – 420)		
1.3.3. Triết học Trung Quốc thời kỳ Nam Bắc Triều (420 – 580) và Tùy Đường (581-906)		
1.3.4. Triết học Trung Quốc thời kỳ Tống – Nguyên (960 –		

1368)		
1.3.5. Triết học Trung Quốc thời kỳ Minh – Thanh (1368-1840)		
Chương 2. Lịch sử triết học Trung Quốc cận đại	3	Giới thiệu và thảo luận các nội dung cơ bản.
2.1. Sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản và cuộc đấu tranh của các nhà tư tưởng mở đường nửa cuối thế kỷ XIX		
2.1.1. Tư tưởng triết học Cung Tự Trân, Lâm Tắc Từ		
2.1.1. Tư tưởng triết học Ngụy Nguyên		
2.2. Phong trào cách mạng nông dân Thái Bình Thiên Quốc và tư tưởng tự do bình đẳng của Hồng Tú Toàn		
2.2.1. Tư tưởng triết học Hồng Tú Toàn và Hồng Nhân Can		
2.2.2. Tư tưởng triết học Tăng Quốc Phiên		
2.3. Chủ nghĩa dân chủ cải lương tư sản và tư tưởng triết học Khang Hữu Vi, Đàm Tự Đồng, Nghiêm Phục		
2.3.1. Tư tưởng triết học Khang Hữu Vi		
2.3.2. Tư tưởng triết học Đàm Tự Đồng		
2.3.3. Tư tưởng triết học Nghiêm Phục		
2.4. Cách mạng Tân Hợi và triết học của Chương Bính Lân và Tôn Trung Sơn		
2.4.1. Triết học của Chương Bính Lân		
2.4.2. Triết học của Tôn Trung Sơn		
Chương 3. Triết học Ấn Độ thời kỳ Veda – sử thi	5	Giới thiệu và thảo luận các nội dung cơ bản.
3.1. Những điều kiện, tiền đề hình thành, phát triển của triết học Ấn Độ thời kỳ Veda – sử thi		
3.1.1. Khái quát điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội Ấn Độ thời kỳ Veda – sử thi		
3.1.2. Sự phát triển của khoa học văn hóa Ấn Độ thời kỳ Veda – sử thi		
3.2. Nội dung tư tưởng triết học Ấn Độ thời kỳ Veda – sử thi		
3.2.1. Tư tưởng triết học trong Kinh Veda		
3.2.2. Tư tưởng triết học trong Kinh Upanishad		
3.2.3. Tư tưởng triết học trong Sử thi Ramayana và Mahabharata		
Chương 4. Triết học Ấn Độ thời kỳ cổ điển hay thời kỳ Phật giáo, Bàlamôn giáo	5	Giới thiệu và thảo luận các nội dung cơ bản.
4.1. Khái quát điều kiện lịch sử xã hội và tiền đề khoa học, văn hóa hình thành và phát triển triết học thời kỳ cổ điển		
4.1.1. Khái quát điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội Ấn Độ thời kỳ cổ điển		
4.1.2. Sự phát triển của khoa học văn hóa Ấn Độ thời kỳ cổ điển		
4.2. Nội dung tư tưởng triết học Ấn Độ thời kỳ cổ điển		
4.2.1. Các trường phái triết học chính thống		
4.2.2. Các trường phái triết học phi chính thống		
Chương 5. Triết học Ấn Độ thời kỳ hậu cổ điển hay trung cận đại	5	Giới thiệu và thảo luận các nội dung cơ bản.

5.1. Khái quát điều kiện và tiền đề hình thành và phát triển tư tưởng triết học tôn giáo thời kỳ trung cận đại		
5.1.1. Khái quát điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội Ấn Độ thời kỳ trung cận đại		
5.1.2. Sự phát triển của khoa học văn hóa Ấn Độ thời kỳ trung cận đại		
5.2. Nội dung tư tưởng triết học Ấn Độ thời kỳ hậu cổ điển hay trung cận đại		
5.2.1. Sự phân phái của các trường phái triết học, tôn giáo Ấn Độ thời kỳ trung cận đại		
5.2.2. Sự giải thích, bình chú các hệ thống triết học Ấn Độ thời kỳ cổ điển theo khuynh hướng duy tâm chủ nghĩa		
5.2.3. Cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm và khuynh hướng tư tưởng chống phong kiến ở Ấn Độ thời kỳ trung cận đại		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Lịch sử triết học phương Đông, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
2. Phùng Hữu Lan, Đại cương lịch sử triết học Trung Quốc (2 tập) Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2006.
3. Doãn Chính, Lịch sử triết học Ấn Độ cổ đại, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
4. Lê Tôn Nghiêm, *Lịch sử triết học Tây phương*, Nxb. Lá Bối, Sài Gòn, 1970.
5. Hà Thúc Minh, *Lịch sử triết học Hi Lạp cổ đại*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 2001.
6. Đinh Ngọc Thạch, *Lịch sử triết học phương Tây*, Nxb. Đại học Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh.

6.2. Tài liệu khác:

7. Doãn Chính, *Từ điển triết học Trung Quốc*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.
8. Nguyễn Hữu Vui, *Lịch sử triết học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Đinh Ngọc Thạch, Phạm Đình Nghiệm, *Các con đường của triết học phương Tây hiện đại*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Doãn Chính, Đinh Ngọc Thạch, *Triết học Tây Âu trung cổ*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá HP/MH

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: đề mở, thời gian làm bài: 60 phút

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1
- Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2
- Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.6

7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2016

DUYỆT **TRƯỞNG NGÀNH** **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan TS. Phạm Đào Thịnh

HỌC PHẦN
LỊCH SỬ TRIẾT HỌC PHƯƠNG TÂY HIỆN ĐẠI

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: LỊCH SỬ TRIẾT HỌC PHƯƠNG TÂY HIỆN ĐẠI
- Mã học phần: 820331
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 45 (30,5,10,0)
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của CNMLN
 - + Đòi hỏi học phần song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Khoa Giáo dục chính trị

3. Mô tả học phần

Hoàn cảnh lịch sử và những tiền đề hình thành, phát triển của triết học phương Tây hiện đại; sự hình thành và phát triển, nội dung tư tưởng và đặc điểm, những giá trị và ảnh hưởng xã hội chủ yếu của các trào lưu triết học phương Tây hiện đại; mối liên hệ của triết học phương Tây hiện đại với triết học phương Tây nói chung và triết học Mác nói riêng.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

Cung cấp cho sinh viên kiến thức có hệ thống về hoàn cảnh lịch sử, những tiền đề hình thành và phát triển, nội dung tư tưởng và ảnh hưởng xã hội của các trào lưu triết học phương Tây hiện đại.

4.2. Về kỹ năng

Giúp sinh viên hình thành kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, nhận diện, đánh giá nội dung tư tưởng và ảnh hưởng xã hội của các trào lưu triết học phương Tây hiện đại.

4.3. Về thái độ

Giúp sinh viên có thái độ khách quan, khoa học trong nhận định đánh giá, các trào lưu triết học phương Tây hiện đại.

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Nhập môn triết học phương Tây hiện đại	5	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
1.1. Khái niệm về triết học phương Tây hiện đại	1	
1.1.1. Triết học phương Tây hiện đại theo nghĩa rộng		
1.1.2. Triết học phương Tây hiện đại theo nghĩa hẹp		
1.1.3. Giới thiệu các trào lưu triết học phương Tây hiện đại		
1.2. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu triết học phương Tây hiện đại	1	Thảo luận
1.2.1. Đối tượng		
1.2.2. Nhiệm vụ		
1.2.3. Phương pháp nghiên cứu		
1.3. Sự hình thành và phát triển của triết học phương Tây hiện đại	3	
1.3.1. Hoàn cảnh lịch sử và những tiền đề hình thành triết học phương Tây hiện đại		
1.3.2. Sự chuyển biến của triết học phương Tây từ cổ điển sang hiện đại		
1.3.3. Sự phát triển của triết học phương Tây hiện đại		
Chương 2. Chủ nghĩa thực chứng	12	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại+ Thảo luận
2.1. Hoàn cảnh lịch sử và đặc điểm của chủ nghĩa thực chứng	2	
2.1.1. Hoàn cảnh lịch sử của chủ nghĩa thực chứng		
2.1.2. Đặc điểm của chủ nghĩa thực chứng		

2.2. Chủ nghĩa thực chứng của Côngtơ	4	1 tiết kiểm tra + 1 tiết bài tập
2.2.1. Những luận đề cơ bản và thuyết ba giai đoạn phát triển		
2.2.2. Phân loại khoa học và phương pháp khoa học		
2.2.3. Lý thuyết xã hội học, tư tưởng về chính trị và tôn giáo		
2.3. Chủ nghĩa quy nạp Minlơ	2	
2.3.1. Giải thích về vật chất và tinh thần		
2.3.2. Lý thuyết về hệ thống logic		
2.4. Triết học tổng hợp của Xpenxơ	3	1 tiết Thảo luận
2.4.1. Nguyên lý thứ nhất và lý thuyết tiến hóa phổ biến		
2.4.2. Lý thuyết xã hội học		
2.5. Ảnh hưởng xã hội của chủ nghĩa thực chứng	1	Thảo luận
Chương 3. Chủ nghĩa thực dụng	13	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại + Thảo luận
3.1. Hoàn cảnh lịch sử và đặc điểm của chủ nghĩa thực dụng	2	
3.1.1. Hoàn cảnh lịch sử của chủ nghĩa thực dụng		
3.1.2. Đặc điểm của chủ nghĩa thực dụng		
3.2. Piécxơ và chủ nghĩa thực dụng	4	1 tiết kiểm tra + 1 tiết bài tập
3.2.1. Xuất xứ và nội dung cơ bản của chủ nghĩa thực dụng Piécxơ		
3.2.2. Hoài nghi - lý luận thăm dò niềm tin, ý nghĩa và chân lý		
3.3. Giêmxơ và sự hệ thống hóa chủ nghĩa thực dụng	3	1 tiết thảo luận
3.3.1. Tâm lý học và lý luận dòng ý thức		
3.3.2. Chống siêu hình và chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để		
3.3.3. Đạo đức và tôn giáo		

3.4. Điuây và sự phát triển chủ nghĩa thực dụng	3	1 tiết thảo luận
3.4.1. Chủ nghĩa kinh nghiệm tự nhiên		
3.4.2. Chủ nghĩa công cụ và lý luận chính trị xã hội		
3.4.3. Triết lý giáo dục		
3.5. Ảnh hưởng xã hội của chủ nghĩa thực dụng	1	Thảo luận
Chương 4. Chủ nghĩa hiện sinh	8	
4.1. Hoàn cảnh lịch sử và đặc điểm của chủ nghĩa hiện sinh	2	
4.1.1. Hoàn cảnh lịch sử của chủ nghĩa hiện sinh		
4.1.2. Đặc điểm của chủ nghĩa hiện sinh		
4.2. Triết học của chủ nghĩa hiện sinh	5	1 tiết bài tập
4.2.1. Hiện tượng học và vấn đề trung tâm của chủ nghĩa hiện sinh		
4.2.2. Các phạm trù của chủ nghĩa hiện sinh		
4.3. Ảnh hưởng xã hội của chủ nghĩa hiện sinh	1	Thảo luận
Chương 5. Chủ nghĩa Phrớt	7	
5.1. Sự xuất hiện và đặc điểm của chủ nghĩa Phrớt	2	
5.1.1. Sự xuất hiện của chủ nghĩa Phrớt		
5.1.2. Đặc điểm của chủ nghĩa Phrớt		
5.2. Những phát hiện và tư tưởng triết học của Phrớt	2	Thảo luận
5.2.1. Những phát hiện của Phrớt		
5.2.2. Tư tưởng triết học của Phrớt		
5.3. Adler và Jung với Phân tâm học	2	
5.3.1. Adler với Phân tâm học		
5.3.2. Jung với Phân tâm học		
5.4. Ảnh hưởng xã hội của chủ nghĩa Phrớt	1	Thảo luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Bùi Đăng Duy, Nguyễn Tiến Dũng (2006), *Triết học phương Tây hiện đại*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Lưu Phóng Đông chủ biên (2004), *Triết học phương Tây hiện đại: Giáo trình hướng tới thế kỷ 21*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.

2. Đỗ Minh Hợp (2014), *Triết học phương Tây* (tập3), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội

6.2. Tài liệu khác

1. Bùi Đăng Duy, Nguyễn Tiến Dũng (2006), *Triết học Mỹ*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô (1998), *Lịch sử phép biện chứng*, tập VI (Phép biện chứng duy tâm thế kỷ XX), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Blackburn, Simon (2005), *Dictionary of philosophy*, Oxford University Press, N.Y.
4. Boundas, C. (2007), *Twenty-century philosophies*, Edinburgh University Press, Edinburgh.
5. Price, Joan A. (2008), *Contemporary Thought*, Infobase Publishing, N.Y.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng, thời gian làm bài: 90 phút
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
 - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.1
 - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1
 - Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2
 - Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.5
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan TS. Nguyễn Thanh Tân

HỌC PHẦN
KINH TẾ HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Thông tin chung về học phần

- 1.1. Tên học phần: KINH TẾ HỌC ĐẠI CƯƠNG
- 1.2. Mã học phần: 820332
- 1.3. Số tín chỉ: 3
- 1.4. Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 45 (20,15,10,0)
- 1.5. Điều kiện để học học phần:
 - Đòi hỏi HP/MH trước: - Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lê-nin
 - Lịch sử các học thuyết kinh tế
 - Đòi hỏi môn song hành: Không
 - Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lê-nin.

3. Mô tả học phần:

- Kinh tế học đại cương bao gồm nội dung cơ bản của những nguyên lý kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô. Đây là môn học giúp cho con người hiểu về cách thức vận hành của nền kinh tế nói chung và cách ứng xử của từng thành viên tham gia vào nền kinh tế nói riêng.

- Kết cấu môn học gồm 2 phần. Trong đó:

Phần 1: *Nguyên lý kinh tế học vi mô* nghiên cứu bản chất của các hiện tượng kinh tế, tính quy luật và xu hướng vận động của các hiện tượng và quy luật kinh tế thị trường.

Phần 2: *Nguyên lý kinh tế học vĩ mô* nghiên cứu hoạt động của toàn bộ nền kinh tế trên 4 phương diện: sản lượng và tăng trưởng kinh tế; việc làm và thất nghiệp; sự biến động của mức giá cả chung; thu nhập ròng từ thương mại và tài chính quốc tế.

4. Mục tiêu học phần:

4.1. Về kiến thức:

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế học hiện đại, nâng cao kỹ năng thực hành cho sinh viên trong quá trình học tập, nghiên cứu kinh tế học, giúp cho người học có thể hiểu và giải thích được sự vận động của nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước.

4.2. Về kỹ năng:

Môn học giúp cho người học có kỹ năng nghiên cứu, có khả năng thu thập thông tin về thị trường lao động - giá cả, nâng cao kỹ năng thực hành cho sinh viên trong quá trình học tập nghiên cứu kinh tế học, đánh giá và đưa ra các dự báo về sự phát triển của một ngành sản xuất nào đó, nguyên nhân và giải pháp khắc phục những biến động trong sản xuất kinh doanh của ngành cũng như của nền kinh tế.

4.3. Về thái độ:

Giúp cho người học có thái độ khách quan, đúng đắn khi nghiên cứu, đánh giá các hoạt động kinh tế trong thực tiễn phát triển kinh tế thị trường

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Tổng quan về kinh tế học	4	- Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình, đàm thoại, thảo luận. -Làm bài tập
1.1. Những vấn đề cơ bản của hoạt động kinh tế		
1.1.1 Kinh tế học và nền kinh tế		
1.1.2. Cơ chế kinh tế		
1.1.3. Lý thuyết lựa chọn kinh tế		
1.2. Phương pháp nghiên cứu kinh tế học		
1.2.1. Phương pháp mô hình hoá		
1.2.2. Phương pháp so sánh tĩnh		
1.2.3. Quan hệ nhân quả		
1.2.4. Đồ thị		
Chương 2. Thị trường, cung – cầu và giá cả	5	- Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình, đàm thoại, thảo luận. - Làm bài tập
2.1. Cơ chế thị trường- một giải pháp cho ba vấn đề kinh tế cơ bản		

2.1.1. Thị trường		
2.1.2. Cơ chế thị trường và việc giải quyết ba vấn đề kinh tế cơ bản		
2.2. Cầu		
2.2.1. Các khái niệm		
2.2.2. Tác động của giá tới lượng cầu		
2.2.3. Tác động của các yếu tố khác tới cầu		
2.2.4. Hàm cầu		
2.2.5. Tổng hợp các đường cầu		
2.3. Cung		
2.3.1. Các khái niệm		
2.3.2. Tác động của giá tới lượng cung		
2.3.3. Tác động của các yếu tố khác đến cung		
2.3.4. Hàm cung		
2.3.5. Tổng hợp các đường cung		
2.4. Cân bằng thị trường		
2.4.1. Trạng thái cân bằng		
2.4.2. Sự điều chỉnh của thị trường		
2.4.3. Sự thay đổi trạng thái cân bằng		
2.4.4. Tác động của sự can thiệp của Chính phủ		
Chương 3. Sự lựa chọn của người tiêu dung	5	- Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình, đàm thoại, thảo luận. - Làm bài tập
3.1. Sự ràng buộc ngân sách		
3.1.1. Đường ngân sách		
3.1.2. Ảnh hưởng của thu nhập và giá cả đối với đường ngân sách		
3.2. Sở thích của người tiêu dung		
3.2.1. Những giả định cơ bản về hành vi của người tiêu dung		

3.2.2. Đường bàng quan		
3.3. Lý thuyết lợi ích		
3.3.1. Các khái niệm		
3.3.2. Quy luật lợi ích cận biên giảm dần		
3.3.3. Thặng dư tiêu dùng		
3.4. Sự lựa chọn của người tiêu dùng		
3.4.1. Cân bằng của người tiêu dùng		
3.4.2. Tối đa hoá lợi ích		
3.4.3. Cách thức xác định đường cầu của người tiêu dùng		
Chương 4. Sản xuất, chi phí và lợi nhuận	6	-Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình, đàm thoại, thảo luận. -Làm bài tập
4.1. Lý thuyết sản xuất		
4.1.1. Các khái niệm		
4.1.2. Hàm sản xuất		
4.1.3. Sản xuất với một đầu vào biến đổi		
4.2. Lý thuyết chi phí		
4.2.1. Các chi phí về tài nguyên		
4.2.2. Chi phí ngắn hạn		
4.3. Lợi nhuận		
4.3.1. Khái niệm và công thức tính		
4.3.2. Lợi nhuận kinh tế và lợi nhuận tính toán		
4.3.3. Những yếu tố tác động đến lợi nhuận		
4.3.4. Nguyên tắc tối đa hoá lợi nhuận		
Chương 5. Thị trường các yếu tố sản xuất	5	-Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình, đàm thoại, thảo luận -Làm bài tập
5.1. Những vấn đề chung		
5.1.1. Giá và thu nhập của các yếu tố sản xuất		

5.1.2. Nguyên tắc thuê các yếu tố sản xuất		
5.2. Thị trường yếu tố cạnh tranh hoàn hảo		
5.2.1. Cầu yếu tố của các doanh nghiệp		
5.2.2. Đường cầu thị trường		
5.3. Cung lao động		
5.3.1. Cung lao động cá nhân		
5.3.2. Cung lao động của thị trường		
5.4. Cân bằng trong thị trường lao động		
5.4.1. Thị trường lao động cạnh tranh		
5.4.2. Thị trường lao động không cạnh tranh		
5.5. Cung và cầu về vốn		
5.5.1. Tiền thuê, lãi suất và giá cả tài sản		
5.5.2. Cầu về vốn		
5.5.3. Cung về vốn		
5.5.4. Cân bằng thị trường vốn		
5.6. Đất đai và tiền thuê đất		
5.6.1. Cung cầu về đất đai		
5.6.2. Tiền thuê đất		
Chương 6. Khái quát về kinh tế vĩ mô	5	-Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình, đàm thoại, thảo luận -Làm bài tập
6.1. Các mục tiêu và công cụ của kinh tế vĩ mô		
6.1.1. Các mục tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản		
6.1.2. Các chính sách kinh tế vĩ mô chủ yếu		
6.2. Một số khái niệm và mối quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản		
6.2.1. Tổng sản phẩm quốc dân và tăng trưởng kinh tế		
6.2.2. Chu kỳ kinh doanh và sự thiếu hụt sản lượng		
6.2.3. Tăng trưởng và thất nghiệp		
6.2.4. Tăng trưởng và lạm phát		

6.2.5. Lạm phát và thất nghiệp		
6.3. Tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân		
6.3.1. Tổng sản phẩm quốc dân		
6.3.2. Tổng sản phẩm quốc nội		
6.3.3. Ý nghĩa các chỉ tiêu GNP và GDP trong phân tích kinh tế		
6.4. Phương pháp xác định GDP		
6.4.1. Sơ đồ luân chuyển kinh tế vĩ mô		
6.4.2. Phương pháp xác định GDP theo luồng sản phẩm cuối cùng		
6.4.3. Phương pháp xác định GDP theo luồng thu nhập hoặc chi phí		
6.4.4. Phương pháp giá trị gia tăng		
6.5. Mối quan hệ giữa các chỉ tiêu tổng sản phẩm, thu nhập quốc dân và thu nhập quốc dân có thể sử dụng		
6.5.1. Tổng sản phẩm quốc dân và tổng sản phẩm quốc nội		
6.5.2. Tổng sản phẩm quốc dân và sản phẩm quốc dân ròng		
6.5.3. Sản phẩm quốc dân ròng và thu nhập quốc dân		
6.6. Các đồng nhất thức kinh tế vĩ mô cơ bản		
6.6.1. Đồng nhất thức giữa tiết kiệm và đầu tư		
6.6.2. Đồng nhất thức mô tả mối quan hệ giữa các khu vực trong nền kinh tế		
Chương 7. Thất nghiệp và lạm phát		Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình, đàm thoại, thảo luận -Làm bài tập
7.1. Thất nghiệp		
7.1.1. Khái niệm, cách đo và tác động của thất nghiệp		
7.1.2. Phân loại thất nghiệp	4	

7.1.3. Cân bằng thị trường lao động và tỷ lệ thất nghiệp		
7.2. Lạm phát		
7.2.1. Định nghĩa và cách tính lạm phát		
7.2.2. Phân loại lạm phát		
7.2.3. Tác hại của lạm phát		
7.2.4. Các quan điểm về nguyên nhân lạm phát		
7.3. Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp		
7.3.1. Đường Philips ban đầu		
7.3.2. Đường Philip mở rộng		
7.3.3. Đường Philips dài hạn		
7.4. Các chính sách và biện pháp kinh tế vĩ mô kiểm soát lạm phát		
7.4.1. Đối với siêu lạm phát và lạm phát phi mã		
7.4.2. Đối với lạm phát vừa phải		
7.4.3. Một số vấn đề đặt ra		
Chương 8. Tiền tệ và chính sách tiền tệ	5	-Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình, đàm thoại, thảo luận -Làm bài tập
8.1. Chức năng của tiền tệ		
8.1.1. Các loại tiền		
8.1.2. Các chức năng cơ bản của tiền tệ		
8.2. Mức cung tiền và vai trò kiểm soát tiền tệ của Ngân hàng Trung ương		
8.2.1. Tiền cơ sở		
8.2.2. Hoạt động của Ngân hàng thương mại		
8.2.3. Xác định mức cung tiền tệ		
8.2.4. Vai trò kiểm soát mức cung tiền của Ngân hàng trung – ương		
8.3. Mức cầu tiền tệ		

8.3.1. Các loại tài sản chính		
8.3.2. Mức cầu về tiền		
8.3.3. Mức cầu về tài sản và mối quan hệ với mức cầu tiền		
8.4. Tiền tệ, lãi suất và tổng cầu		
8.4.1. Mối quan hệ giữa lãi suất với tiêu dùng, đầu tư, xuất khẩu		
8.4.2. Cân bằng thị trường tiền tệ		
8.4.3. Mối quan hệ giữa lãi suất với tổng cầu		
8.4.4. Mô hình IS – LM		
8.5. Phối hợp chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ		
8.5.1. Chính sách tài khoá		
8.5.2. Chính sách tiền tệ		
8.5.3. Phối hợp chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ		
Chương 9. Kinh tế vĩ mô của nền kinh tế mở	6	-Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình, đàm thoại, thảo luận -Làm bài tập
9.1.1. Lợi thế tuyệt đối		
9.1.2. Lợi thế tương đối		
9.2. Cán cân thanh toán quốc tế		
9.2.1. Tài khoản vãng lai		
9.2.2. Tài khoản tư bản		
9.2.3. Cán cân thanh toán quốc tế		
9.3. Tỷ giá hối đoái và hệ thống tài chính quốc tế		
9.3.1. Tỷ giá hối đoái và thị trường ngoại hối		
9.3.2. Vai trò của tỷ giá hối đoái với các cân đối trong nước		
9.3.3. Các hệ thống tỷ giá hối đoái quốc tế		

6. Tài liệu học tập

6.1 Tài liệu chính:

1. Bộ Giáo dục và đào tạo(2008) : *Kinh tế học vi mô*, NXB Giáo dục, Hà Nội
2. Bộ Giáo dục và đào tạo (2008): *Kinh tế học vĩ mô*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

3. Lê Bảo Lâm, Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, Nguyễn Hoàng Bảo (2007): *Câu hỏi- Bài tập- Trắc nghiệm Kinh tế Vi mô*, NXB Lao động – Xã hội.
4. Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, Trần Bá Thọ (2009): *Câu hỏi- Bài tập- Trắc nghiệm Kinh tế Vi mô*, NXB Thống kê.

6.1 Tài liệu khác:

5. Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung (2009): *Kinh tế Vi mô*, NXB Thống kê -
6. P.A.Samuelson & U.D. Nordhaus (1997): *Kinh tế học*, NXB CTQG, Hà Nội.
7. Nguyễn Văn Ngọc (2001): *Hướng dẫn giải Bài tập kinh tế vi mô*, NXB Thống kê
8. Vũ Kim Dũng (2003): *Bài tập kinh tế vi mô chọn lọc*, NXB Thống kê

7. Cách đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng, thời gian làm bài: 90 phút

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.1

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1

- Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2

- Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.5

7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan TS. Lê Anh Duy

HỌC PHẦN CÔNG DÂN VÀ PHÁP LUẬT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: CÔNG DÂN VÀ PHÁP LUẬT
- Mã học phần: 820333
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 45 (30,0,15,0)
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Pháp luật đại cương.
 - + Đòi hỏi học phần song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Đường lối cách mạng của ĐCSVN và TTHCM.

3. Mô tả học phần:

Nội dung môn học trình bày những vấn đề lí luận chung về Nhà nước, Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Trình bày nguồn gốc và bản chất của pháp luật. Trách nhiệm của công dân đối với nhà nước và pháp luật.

4. Mục tiêu học phần:

4.1. Về kiến thức

SV nắm được mối quan hệ hữu cơ giữa nhà nước và pháp luật – một trong những yếu tố quan trọng của kiến trúc thượng tầng.

Hiểu rõ mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, giữa công dân với nhà nước và pháp luật. Từ đó định hướng hoạt động của công dân.

4.2. Về kĩ năng

SV biết vận dụng kiến thức đã học để làm rõ quyền và nghĩa vụ của công dân trong đời sống xã hội.

4.3. Về thái độ

Nhận thức và hành động theo những chuẩn mực của xã hội

5. Kế hoạch dạy học HP/MH

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Một số vấn đề chung	15	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại+ Thảo luận
1.1. Khái niệm công dân		

1.2. Khái niệm pháp luật		
1.3. Vai trò và bản chất của pháp luật		
1.4. Môi quan hệ giữa pháp luật với kinh tế, chính trị đạo đức		
1.4.1. Môi quan hệ giữa pháp luật với kinh tế,		
1.4.2. Môi quan hệ giữa pháp luật với chính trị		
1.4.3. Môi quan hệ giữa pháp luật đạo đức		
1.5. Công dân bình đẳng trước pháp luật		Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại
1.5.1. Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trước pháp luật		
1.5.2. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý		Thảo luận nhóm
1.5.3. Trách nhiệm nhà nước trong việc đảm bảo quyền và nghĩa vụ của công dân trước pháp luật		
Chương 2. Một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam	20	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại
2.1. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội		Thảo luận nhóm
2.1.1. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân gia đình		
2.1.2. Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân		
1.3.3. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình		
2.2.4. Quyền và nghĩa vụ bảo vệ chăm sóc và giáo dục của trẻ em Việt Nam		
2.2.5. Quyền sở hữu tài sản và nghĩa vụ tôn trọng tài sản của người khác		
2.2.6. Nghĩa vụ tôn trọng tài sản của nhà nước và bảo vệ lợi ích công cộng		
2.2.7. Nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên và di sản văn hóa		
2.1.8. Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế		
2.2. Các quyền tự do cơ bản của công dân		
2.2.1. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân		

2.2.2. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm		
2.2.3. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở		
2.2.4. Quyền bảo đảm an toàn về bí mật thư tín, điện thoại, điện tín		
2.2.5. Quyền tự do ngôn luận		
2.3.6. Quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo		
2.3. Công dân với các quyền dân chủ cơ bản		
2.3.1. Quyền bầu cử và ứng cử vào các cơ quan đại biểu của nhân dân		
2.3.2. Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội		
2.3.3. Quyền khiếu nại, tố cáo của công dân		
2.3.4. Trách nhiệm của Nhà nước và công dân trong việc thực hiện các quyền dân chủ của công dân		
Chương 3. Pháp luật với sự phát triển bền vững của đất nước	10	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại
3.1. Vai trò của pháp luật đối với sự phát triển bền vững của đất nước		Thảo luận nhóm
3.2. Pháp luật với sự phát triển kinh tế		
3.3. Pháp luật với sự phát triển văn hóa		
3.4. Pháp luật với sự phát triển văn hóa		
3.5. Pháp luật về quốc phòng - an ninh		Thảo luận nhóm

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Trần Thị Cúc (2007), *Lý luận chung về nhà nước pháp quyền*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Đông (2005), *Quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp Việt Nam (sách chuyên khảo)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Trần Ngọc Đường (2011), *Quyền con người, quyền công dân trong Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam (sách chuyên khảo)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Vũ Văn Nhiêm (2007), Bàn về hình thức văn bản và thẩm quyền quy định về quyền và nghĩa vụ của công dân, *Tạp chí Khoa học Pháp lý*, số 5/2007.
5. Nguyễn Như Phát (2011), “Một số định hướng và phương pháp ghi nhận quyền cơ bản của công dân, quyền con người trong Hiến pháp sửa đổi”, *Hiến pháp: những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội.

6. Lưu Đức Quang, Nguyễn Mạnh Hùng, Nguyễn Thanh Minh (2012), *Báo cáo tổng kết Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường Nguyên tắc "Quyền và nghĩa vụ của công dân do Hiến pháp và luật quy định" – Lý luận và thực tiễn*, Trường Đại học Luật TP. HCM.
7. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, *Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam (bổ sung sửa đổi năm 2013)*, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

8. Nguyễn Duy Quý, Nguyễn Tất Viễn (2010), *Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của dân, do dân, vì dân*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
9. Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp (2014), *Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nền tảng chính trị pháp lý cho công cuộc đổi mới toàn diện đất nước trong thời kỳ mới*, Nhà xuất bản Lao động xã hội, Hà Nội.
10. Phùng Văn Tửu, Nguyễn Niên, Nguyễn Văn Thảo, Đoàn Trọng Truyền, *Bình luận khoa học Hiến pháp 1992*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: đề đóng, thời gian làm bài: 90 phút
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
 - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1
 - Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2
 - Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.6
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016

DUYỆT **TRƯỞNG NGÀNH** **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Phạm Phúc Vĩnh ThS. Huỳnh T Kim Quyên

HỌC PHẦN

ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ VÀ GIÁO DỤC ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ VÀ GD ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ
- Mã học phần: 820334
- Số tín chỉ: 02
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: tối đa 50 sinh viên

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn đường lối CM của ĐCSVN & TTHCM**3. Mô tả học phần**

Học phần Định hướng giá trị và GD định hướng giá trị giúp định hướng cho sinh viên những giá trị đạo đức đúng đắn, tích cực để vừa rèn luyện bản thân vừa giáo dục cho học sinh; hình thành nhận thức, thái độ và hành vi đạo đức tích cực trong cuộc sống.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức:

- Trang bị cho sinh viên lí luận về giá trị đạo đức và định hướng giá trị đạo đức
- Hình thành nhận thức về hệ thống các chuẩn mực đạo đức cơ bản để rèn luyện nhân cách nhà giáo và giáo dục nhân cách đạo đức tốt đẹp cho học sinh.

4.2. Về kĩ năng:

Góp phần hình thành, củng cố và phát triển cho sinh viên hệ thống kĩ năng định hướng, lựa chọn và giáo dục các giá trị đạo đức, thực hiện chức năng dạy chữ, dạy người.

4.3. Về thái độ:

- Có ý thức tự rèn luyện các giá trị đạo đức, hoàn thiện nhân cách nhà giáo
- Tích cực giáo dục, góp phần hình thành nhân cách tốt đẹp cho học sinh.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Lý luận về giá trị và định hướng giá trị	2	GV hướng dẫn SV đóng góp ý kiến
1.1. Giá trị và giá trị đạo đức		
1.2. Định hướng giá trị đạo đức		
Chương 2. Những giá trị đạo đức đối với bản thân	5	GV hướng dẫn SV đóng góp ý kiến
2.1. Tự lực, tự trọng		
2.2. Trung thực, tiết kiệm		
2.3. Tự tin, biết điều chỉnh bản thân		
Chương 2. Những giá trị đạo đức trong quan hệ với người khác	6	GV hướng dẫn SV đóng góp ý kiến
3.1. Tôn trọng, lắng nghe người khác		
3.2. Lịch sự, hoà nhã		
3.3. Yêu thương, đoàn kết		
3.4. Biết ơn, vị tha		
Chương 4. Những giá trị đạo đức trong quan hệ với công việc	6	GV hướng dẫn SV đóng góp ý kiến
4.1 Xác định mục đích, lập kế hoạch		
4.2. Kiên trì, sáng tạo		
4.3. Tính kỉ luật		
4.4. Trung thực, liêm khiết		
Chương 5: Những giá trị đạo đức trong quan hệ với Tổ quốc	6	GV hướng dẫn SV đóng góp ý kiến
5.1. Yêu nước, lòng tự hào về truyền thống dân tộc		
5.2. Ý thức bảo vệ hoà bình		
5.3. Bảo vệ môi trường		
5.4. Trách nhiệm với cộng đồng và xã hội		
Chương 6: Giáo dục định hướng giá trị cho học sinh	5	Giảng viên giảng lý thuyết, sinh viên thực hành thiết kế và giáo dục định hướng

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
		giá trị cụ thể.
6.1. Những nguyên tắc trong giáo dục định hướng giá trị cho học sinh THCS		
6.2. Biện pháp giáo dục định hướng giá trị		
6.3. Các hình thức tổ chức giáo dục định hướng giá trị		
6.4. Phương pháp giáo dục định hướng giá trị		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Sách giáo khoa Giáo dục công dân lớp 6, 7, 8, 9*, Nxb. Giáo dục Hà Nội. 2010.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng môn GDCC THCS*, Nxb. Giáo dục Hà Nội. 2010.

6.2. Tài liệu khác:

3. Phạm Khắc Chương, Hà Nhật Thăng, *Đạo đức học*, Nxb Giáo dục, 1998.
4. Đỗ Long, *Định hướng giá trị và sự phát triển của thế hệ trẻ*, Nxb GD, HN, 2006.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: đề mở, thời gian làm bài: 60 phút
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
 - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1
 - Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2
 - Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.6
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT **TRƯỞNG NGÀNH** **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

HỌC PHẦN
GIÁO DỤC GIA ĐÌNH

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Giáo dục gia đình
- Mã học phần: 820006
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (30,0,0,0)
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Không.
 - + Đòi hỏi học phần song hành: Không.
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: ĐLCM của ĐCS Việt Nam và TTHCM.

3. Mô tả học phần:

Học phần cấu trúc gồm 3 chương:

Chương 1: Gia đình trong đời sống xã hội.

Chương 2: Giáo dục trong gia đình.

Chương 3: Sự kết hợp giáo dục giữa nhà trường – gia đình và xã hội .

4. Mục tiêu học phần:

4.1. Về kiến thức:

Hiểu rõ vai trò của gia đình trong đời sống xã hội, ý nghĩa và tác dụng của gia đình trong sự phát triển, tiến bộ xã hội; đặc biệt hiểu rõ vai trò, tác dụng giáo dục của gia đình đối với sự phát triển nhân cách học sinh.

Nắm vững các chức năng, nhiệm vụ của gia đình trong đời sống xã hội và trong giáo dục.

4.2. Về kỹ năng:

Hình thành kỹ năng xây dựng nề nếp gia đình hạnh phúc, có kỹ năng tổ chức, kết hợp giáo dục gia đình với nhà trường, giáo dục học sinh thông qua gia đình.

4.3. Về thái độ:

Yêu mến và trân trọng gia đình, gương mẫu trong thực hiện luật hôn nhân và gia đình.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: Gia đình trong đời sống xã hội (10t)	10	Hình thức: lên lớp PP: Thuyết trình, Các nhóm thảo luận chuẩn bị bài thuyết trình. Tổng kết

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
1.1. Khái niệm về gia đình	3	
1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của gia đình trong đời sống XH		Tìm hiểu các khái niệm gia đình qua các thời kỳ lịch sử, các bộ môn KH
1.1.2. Các chức năng của gia đình		
1.1.3. Các nhiệm vụ, các mặt hoạt động của gia		
1.2. Các kiểu gia đình trong lịch sử	3	
1.2.1. Gia đình nhiều thế hệ		
1.2.2. Gia đình hạt nhân		
1.3. Sức bền vững của các giá trị gia đình trong truyền thống văn hóa xã hội VN	2	
1.3.1. Gia đình VN hiện đại		
1.3.2. Các giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình được phát huy trong thời đại hiện nay		
1.4. Gia đình và cộng đồng	2	
1.4.1. Gia đình với vai trò là tế bào của XH		
1.4.2. Gia đình với chức năng giáo dục những công dân chân chính cho XH		Làm bài kiểm tra giữa học phần
Chương 2: Giáo dục trong gia đình	10	Thuyết trình Học tập theo nhóm Viết bài kiểm tra theo các đề tài của GV
2.1. Cơ sở đạo đức và pháp lý của đời sống gia đình và giáo dục gia đình	2	
2.2. Những nội dung cơ bản của GDGD	3	
2.3. Những nguyên tắc cơ bản của giáo dục gia đình	3	
2.4. Một số phương pháp cơ bản của GDGD	2	
Chương 3: Sự kết hợp giáo dục giữa nhà trường – gia đình và xã hội	8	Thuyết trình, Các nhóm thảo luận chuẩn bị bài thuyết trình Tổng kết
3.1 Mục đích, yêu cầu, nội dung PP kết hợp GD giữa nhà trường-gia đình và XH	2	
3.2 Vai trò chủ đạo của nhà trường trong việc tổ chức kết hợp GD	2	Thuyết trình,
3.3 Các hình thức tổ chức kết hợp GD NT-GĐ-XH	2	Các nhóm thảo luận chuẩn bị bài thuyết trình
3.4 Một số điều kiện đảm bảo thực hiện thành công việc kết hợp GD	2	Tổng kết
Tổng kết và hướng dẫn ôn tập	2	

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Hà Nhật Thăng, *Nhập môn Giáo dục Công dân*, NXB Đại học sư phạm 2003
2. Phạm khắc Chương, Nguyễn Thị Bích Hồng, *Giáo dục gia đình*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Ngô Công Hoàn, *Tâm lý học gia đình*, Trường ĐHSP HN, 1993.
4. Đảng cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 (khóa VIII)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
5. Luật giáo dục (năm 2005) của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

6.2. Tài liệu khác:

1. Phạm Viết Vượng, *Giáo dục học* NXB Đại học Sư Phạm, Hà Nội.
2. Trần Thị Hương (chủ biên), *Giáo dục học đại cương*, NXB Đại học Sư Phạm TPHCM.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: đề mở, thời gian làm bài: 60 phút
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
 - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1
 - Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2
 - Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.6
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT **TRƯỞNG NGÀNH** **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục

TS. Phạm Phúc Vĩnh ThS. Nguyễn Khắc Duy

HỌC PHẦN
CÔNG TÁC ĐỘI TNTP HỒ CHÍ MINH

1. Thông tin chung về học phần

- Tên HP: Công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh
- Mã HP: 820335
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (20,0,10,0)
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi HP học trước: Những NLCB của CN Mác – Lênin.
 - + Đòi hỏi học phần song hành: không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

2. Bộ môn phụ trách: Bộ môn Đường lối CM của ĐCS VN và TTHCM.

3. Mô tả học phần:

Môn học có 2 tín chỉ với 7 chương bao gồm những kiến thức cơ bản về tổ chức, hoạt động của Đội TNTP Hồ Chí Minh. Trong đó đặc biệt chú ý đến việc giúp sinh viên nắm được những hoạt động cơ bản của công tác Đội ở nhà trường THCS, tiểu học.

Cung cấp những kiến thức và kỹ năng tổ chức các hoạt động của Đội TNTP Hồ Chí Minh cho sinh viên để có thể phụ trách công tác Đội ở nhà trường phổ thông.

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Về kiến thức

Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh, phương pháp tổ chức và điều hành công tác đội ở nhà trường phổ thông.

4.2. Về kỹ năng

Biết các tổ chức và triển khai các hoạt động công tác đội với vai trò của Tổng phụ trách Đội, các sinh hoạt kỹ năng Đội ở trường THCS và Tiểu học.

4.3. Về thái độ

Yêu mến thương học sinh, trân trọng, giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống của Đội TNTP Hồ Chí Minh.

5. Kế hoạch dạy học HP/MH

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: NHẬP MÔN CÔNG TÁC ĐỘI TNTP HỒ CHÍ MINH	2	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
1. Công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh là lĩnh vực thuộc khoa học giáo dục		

<p>2. Công tác Đội TNTP.HCM mang tính khoa học và nghệ thuật</p> <p>3. Môn học công tác Đội TNTP trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học & THCS</p> <p>4. Một số khái niệm cơ bản</p>		
<p><u>Chương 2: MỤC ĐÍCH, TÍNH CHẤT, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA TỔ CHỨC ĐỘI TNTP HỒ CHÍ MINH</u></p>	3	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
<p>1. Mục đích của tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh</p> <p>2. Tính chất của tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh</p> <p>3. Chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh trong giai đoạn cách mạng hiện nay ở nước ta</p> <p>4. Mục đích, nhiệm vụ của Đội TNTP Hồ Chí Minh thể hiện qua các biểu trưng nghi thức của Đội</p> <p>5. Hệ thống tổ chức của Đội TNTP Hồ Chí Minh</p> <p>5.1. Khái quát chung</p> <p>5.2. Hệ thống tổ chức của Đội TNTP Hồ Chí Minh</p> <p>5.3. Nhi đồng và sao nhi đồng ở trường tiểu học</p> <p>5.4. Các liên đội, chi đội tạm thời</p> <p>5.5. Hội đồng Đội</p>		
<p><u>Chương 3: NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG ĐỘI TNTP HỒ CHÍ MINH</u></p>	5	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
<p><u>1. Khái niệm chung về nguyên tắc hoạt động Đội:</u></p> <p>2. Những nguyên tắc hoạt động của Đội TNTP Hồ Chí Minh</p> <p>2.1 Nguyên tắc đảm bảo định hướng chính trị – xã hội</p> <p>2.2 Nguyên tắc đảm bảo tính tự nguyện gia nhập Đội và tích cực tham gia vào các hoạt động Đội của đội viên và thiếu niên</p> <p>2.3 Nguyên tắc đảm bảo tính tự quản và phát huy năng lực sáng tạo của đội viên, trên cơ sở có sự phụ trách trực tiếp của Đoàn và sự hướng dẫn sự phạm của người lớn</p> <p>2.4 Nguyên tắc đảm bảo phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và đặc điểm cá nhân đội viên</p> <p>2.5 Nguyên tắc đảm bảo tính lành mạnh, gây hứng thú, mang màu sắc vui chơi trong các hoạt động đội</p> <p>2.6 Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống, liên tục trong các hoạt động đội</p>		
<p><u>Chương 4: PHƯƠNG PHÁP CÔNG TÁC ĐỘI TNTP HỒ CHÍ MINH</u></p>	5	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
<p>1/ Khái niệm về phương pháp công tác Đội</p> <p>2/ Các phương pháp công tác Đội:</p> <p>2.1 Hoạt động tập thể, mang tính xã hội, hữu ích</p> <p>2.2 Trò chơi và vui chơi</p>		

<p>2.3 Phương pháp thuyết phục trong công tác Đội</p> <p>2.4 Giao nhiệm vụ cho đội viên và tập thể Đội</p> <p>2.5 Thi đua trong công tác Đội</p> <p>2.6 Khen thưởng và khiển trách</p>		
<p>Chương 5: NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC HOẠT ĐỘNG ĐỘI</p>	5	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
<p>1/ Khái niệm về nội dung và hình thức hoạt động Đội</p> <p>1.1 Khái niệm nội dung hoạt động Đội</p> <p>1.2 Khái niệm hình thức hoạt động Đội</p> <p>2/ Mối quan hệ giữa nội dung và hình thức hoạt động Đội</p> <p>3/ Nội dung và hình thức hoạt động Đội</p> <p>3.1 Giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống</p> <p>3.2 Giáo dục ý thức trách nhiệm trong học tập văn hóa, khoa học và công nghệ</p> <p>3.3 Nội dung và hình thức hoạt động Đội trong việc giáo dục lao động, kỹ thuật tổng hợp và hướng nghiệp</p> <p>3.4 Nội dung và hình thức hoạt động Đội trong việc giáo dục thể chất, vệ sinh và bảo vệ môi trường</p> <p>3.5 Nội dung và hình thức hoạt động Đội trong việc giáo dục thẩm mỹ, văn hóa nghệ thuật</p> <p>3.6 Nội dung và hình thức hoạt động Đội trong việc giáo dục tinh thần đoàn kết, hữu nghị giữa các dân tộc</p>		
<p>Chương 6: CÔNG TÁC PHỤ TRÁCH NHI ĐỒNG CỦA ĐỘI TNTP HỒ CHÍ MINH</p>	5	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
<p>1/ Phụ trách nhi đồng là nhiệm vụ của Đội TNTP Hồ Chí Minh</p> <p>1.1. Cơ sở lý luận</p> <p>1.2 Cơ sở thực tiễn:</p> <p>2/ Nhiệm vụ chủ yếu của Đội TNTP Hồ Chí Minh đối với nhi đồng</p> <p>2.1 Tổ chức nhi đồng trong trường học và trên địa bàn dân cư</p> <p>2.2 Xây dựng chương trình và tổ chức thực hiện chương trình hoạt động nhi đồng</p> <p>2.3 Chọn cử và bồi dưỡng phụ trách sao nhi đồng, phụ trách lớp nhi đồng</p> <p>2.4 Kiểm tra đánh giá hoạt động nhi đồng</p> <p>2.5 Bồi dưỡng nhi đồng vươn lên Đội và kết nạp nhi đồng vào Đội TNTP Hồ Chí Minh</p> <p>3/ Những quy định chung về tổ chức nhi đồng</p> <p>3.1 Sao nhi đồng:</p> <p>3.2 Cách tổ chức sao :</p> <p>3.3 Phụ trách:</p> <p>3.4 Bài hát chính thức và lời hứa của nhi đồng:</p>		

<p>3.5 Các biểu trưng của sao: 3.6 Chương trình sinh hoạt sao: 3.7 Kết nạp Đội: 4/ Hướng dẫn thực hiện lễ công nhận sao nhi đồng, chọn đặt tên sao, bầu trưởng sao: 4.1 Lễ công nhận sao nhi đồng: 4.2 Bầu trưởng sao nhi đồng: 5. Tổ chức hoạt động nhi đồng: 5.1 Khái quát về hoạt động nhi đồng 5.2 Nội dung và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục nhi đồng 5.3 Tổ chức sinh hoạt sao nhi đồng: a/ Công tác chuẩn bị: b/ Diễn biến buổi sinh hoạt sao: 5.4 Sinh hoạt lớp nhi đồng: 5.5 Sinh hoạt nhi đồng theo chủ điểm: 5.6 Hội thi nhi đồng: 6. Phụ trách sao nhi đồng 6.1 Vai trò của phụ trách sao nhi đồng 6.2 Chọn cử phụ trách sao nhi đồng 6.3 Bồi dưỡng phụ trách sao nhi đồng</p>		
<p>Chương 7: PHỤ TRÁCH ĐỘI TNTP HỒ CHÍ MINH</p>	5	
<p>A/Những vấn đề chung: 1. Tầm quan trọng của công tác cán bộ phụ trách Đội 2. Cán bộ phụ trách thiếu nhi: 3. Cán bộ phụ trách Đội trong trường phổ thông: 4. Phẩm chất và năng lực cơ bản của phụ trách Đội TNTP.HCM: 4.1 Phẩm chất: 4.2 Năng lực: B/ TỔNG PHỤ TRÁCH ĐỘI Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG 1. Vị trí, vai trò của tổng phụ trách: 1.1 Vị trí, vai trò: 1.2 Tiêu chuẩn chức danh “ GV – TPT Đội “: 1.3 Về danh hiệu phụ trách đội giỏi: 2. Các mối quan hệ của tổng phụ trách Đội trong trường phổ thông: 2.1 Quan hệ với ban giám hiệu: thể hiện qua hai chức năng cơ bản là tham mưu 2.2 Quan hệ với tổ chức Đảng và công đoàn nhà trường: 2.3 Quan hệ với hội đồng sư phạm: 2.4 Quan hệ với tổ chức Đoàn TNCS.HCM: 2.5 Quan hệ với Liên đội TNTP.HCM: 2.6 Quan hệ với phụ trách chi đội (PTCD): 2.7 Quan hệ với các LLGD trong và ngoài nhà trường: 3. Chức năng, nhiệm vụ của tổng phụ trách đội: 3.1 Chức năng của GV-TPT Đội: có 2 chức năng cơ bản là tổ chức quản lý và</p>		

<p>3.2 Nhiệm vụ của GV – TPT Đội: C/ PHỤ TRÁCH CHI ĐỘI TRONG TRƯỜNG HỌC 1. Vị trí, vai trò của phụ trách chi đội: 2. Các mối quan hệ của PTCD trong trường phổ thông: 2.1 Quan hệ với TPT Đội: 2.2 Quan hệ với BCH chi đội và đội viên: 2.3 Quan hệ với hội đồng sư phạm nhà trường: 2.4 Quan hệ với PHHS: 3. Nhiệm vụ của phụ trách chi đội: 3.1 Hướng dẫn chi đội tổ chức giáo dục thiếu nhi theo 5 điều Bác Hồ dạy và theo điều lệ Đội: 3.2 Hướng dẫn chi đội xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình kế hoạch công tác Đội: 3.3 Phối hợp với các lực lượng GD trong và ngoài nhà trường trong công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục thiếu niên nhi đồng: 3.4 Đại diện cho các em để đề xuất và đấu tranh cho những yêu cầu, nguyện vọng, quyền lợi chính đáng của các em: 3.5 Không ngừng tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, trau dồi những kỹ năng, nghiệp vụ và phương pháp công tác đội: 4. Nội dung và kế hoạch công tác của phụ trách chi đội: 4.1 Những nội dung công tác chính của PTCD: 4.2 Kế hoạch công tác của PTCD: Bao gồm D/ Phụ trách nhi đồng trong trường tiểu học 1/ Khái quát chung: 2. Nhiệm vụ của PTND trong trường tiểu học: 2.1 Nắm vững điều lệ, nghi thức Đội để vận dụng vào công tác nhi đồng: 2.2 Tổ chức giáo dục nhi đồng theo chương trình dự bị rèn luyện đội viên: 2.3 Hướng dẫn phụ trách sao nhi đồng tổ chức cho nhi đồng hoạt động: 2.4 Phối hợp với các LLGD trong công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục nhi đồng</p>		
---	--	--

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Trần Như Tinh, Phạm Văn Thanh, Phạm Bá Khoa (2004), *Lý luận và phương pháp công tác đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản ĐHSP, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác:

2. Bùi Sỹ Tụng, Đào Ngọc Dung, Trần Quang Đức (2005), *Nghi thức Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh*, Nxb Đại học Sư Phạm, Hà Nội.

3. Bùi Sỹ Tung (2005), *Hoạt động nghiệp vụ của đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh: Giáo trình Cao đẳng Sư phạm*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
4. Bùi Sĩ Tung (2005), *Phương pháp dạy học bộ môn Công tác Đội: Giáo trình Cao đẳng Sư phạm*, Nhà xuất bản Đại học Sư Phạm, Hà Nội.
5. Trần Như Tinh (2005), *Phụ trách đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh: Giáo trình Cao đẳng Sư phạm*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần:

- 7.1. Thang điểm: 10
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01 lần kiểm tra giữa kì
- 7.3. Hình thức thi kết thúc HP: Tự luận, Đề thi đóng; Thời gian làm bài: 75 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và hệ số tương ứng:
 - Điểm chuyên cần: 0.1
 - Điểm kiểm tra giữa kì(thuyết trình/thảo luận trên lớp): 0.3
 - Điểm thi kết thúc học phần: 0.6
- 7.5. Điểm HP là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT **TRƯỞNG NGÀNH** **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Phạm Phúc Vĩnh TS. Phạm Phúc Vĩnh

HỌC PHẦN
MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN
- Mã học phần: 820073
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (20,5,5,0)
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin
 - + Đòi hỏi học phần song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.**3. Mô tả học phần:**

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vấn đề môi trường và mối quan hệ giữa môi trường với sự phát triển bền vững của quốc gia, dân tộc; nhất là sự tác động của hiện tượng môi trường ô nhiễm hiện nay đến sự phát triển bền vững. Từ đó giúp sinh viên nhận biết được một cách cơ bản các hiện tượng về ô nhiễm môi trường và các biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của quốc gia. Đồng thời, thấy được vấn đề cấp bách hiện nay trong việc nêu cao ý thức bảo vệ môi trường.

4. Mục tiêu cụ thể của học phần**4.1. Về kiến thức**

Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về môi trường và mối quan hệ giữa môi trường với sự phát triển bền vững của quốc gia, dân tộc..

4.2. Về kỹ năng

Sinh viên có thể nhận thức được một cách khái quát về những nguyên nhân, các biểu hiện của hiện tượng ô nhiễm môi trường, cũng như nắm được những biện pháp cơ bản để bảo vệ môi trường.

4.3. Về thái độ

Sinh viên thấy được tầm quan trọng và có ý thức trong việc bảo vệ môi trường.

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Phần I. Lý thuyết	21	
Chương 1. Những vấn đề cơ bản về tài nguyên môi trường, sinh thái và mối quan hệ giữa con người với môi trường trong quá trình sự phát triển.	6	GV trình bày và phân tích trên lớp. - PP chính là gợi mở và diễn giảng .
1.1. Những vấn đề cơ bản về tài nguyên, môi trường, sinh thái.	3	
1.1.1. Những khái niệm cơ bản về môi trường, sinh thái và sự phát triển		
1.1.2. Sinh thái và hệ sinh thái		
1.1.3. Môi trường sinh thái và sự cân bằng sinh thái		
1.1.4. Ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và đánh giá tác động của môi trường		
1.1.5. Phát triển và phát triển bền vững		
1.2. Đa dạng sinh học và bảo vệ sự đa dạng sinh học		
1.2.1. Đa dạng sinh học		
1.2.2. Sự cần thiết phải bảo vệ sự đa dạng của sinh học		
1.3. Tài nguyên khoáng sản và quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên trong quá trình phát triển.	3	
1.3.1. Tài nguyên khoáng sản – các rặng san hô và rừng ngập mặn		
1.3.2. Tài nguyên khoáng sản		
1.3.3. Các rặng san hô và rừng ngập mặn		
1.4. Quan hệ giữa con người trong quá trình phát triển với môi trường tự nhiên.		
1.4.1. Dân số và sự phát triển dân số		
1.4.2. Sự tác động của con người trong quá trình phát triển tới môi trường tự nhiên		
Chương 2. Tài nguyên nước, hiện tượng ô nhiễm môi	4	

trường nước		
2.1. Tài nguyên nước trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của con người	2	
2.1.1. Tài nguyên nước trên thế giới.		
2.1.2. Tài nguyên nước ở Việt Nam.		
2.1.3. Tài nguyên nước ngầm ở nước ta.		
2.2. Những tác động trong quá trình phát triển KT-XH đến môi trường nước và biện pháp khắc phục	2	
2.2.1. Những nét lớn về chất lượng nước tự nhiên và tình hình ô nhiễm môi trường ở Việt Nam.		
2.2.2. Ô nhiễm môi trường nước ở Việt Nam và biện pháp khắc phục.		
Chương 3. Tài nguyên đất và hiện tượng ô nhiễm môi trường đất	4	
3.1. Tài nguyên đất trên thế giới và Việt Nam	1	
3.1.1. Những khái niệm cơ bản về đất.		
3.1.2. Tình hình sử dụng đất trên thế giới và Việt Nam		
3.2. Những tác động trong quá trình phát triển KT-XH đến môi trường đất và những tác nhân ô nhiễm đất	2	
3.2.1. Khái niệm chung về ô nhiễm môi trường đất		
3.2.2. Các tác nhân gây ô nhiễm đất		
3.3. Tiêu chuẩn đánh giá ô nhiễm đất và các biện pháp khắc phục ô nhiễm đất.	1	
3.3.1. Tiêu chuẩn đánh giá ô nhiễm đất		
3..2. Biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm đất.		
Chương 4. Không khí và hiện tượng ô nhiễm không khí	5	
4.1. Cấu trúc, thành phần và vai trò của không khí đối với sự sống của sinh vật	1	
4.1.1. Cấu trúc không khí		
4.1.2. Thành phần không khí		
4.1.3. Vai trò của không khí đối với sự sống của sinh vật		

4.2. Những tác động trong quá trình phát triển KT-XH đến môi trường không khí	2	
4.2.1. Khái niệm ô nhiễm không khí		
4.2.2. Các hiện tượng ô nhiễm không khí và các tác nhân gây ô nhiễm không khí		
4.3. Tác động của ô nhiễm không khí và các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm không khí.	2	
4.3.1. Các tác động của ô nhiễm không khí		
4.3.2. Biện pháp khắc phục ô nhiễm không khí		
Chương 5. Vài nét về tình hình giáo dục môi trường ở Việt Nam	2	
5.1. Quan điểm, mục tiêu và nội dung giáo dục môi trường ở Việt nam	1	
5.1.1. Quan điểm về giáo dục môi trường của Việt Nam		
5.1.2. Mục tiêu giáo dục môi trường		
5.1.3. Nội dung giáo dục môi trường		
5.2. Thực trạng tình hình và biện pháp cần thiết để thực hiện giáo dục môi trường ở Việt Nam hiện nay.	1	
5.2.1. Thực trạng tình hình giáo dục môi trường ở Việt nam hiện nay.		
5.2.2. Biện pháp cần thiết để đẩy mạnh hoạt động giáo dục môi trường ở Việt Nam		
Phần II. Thực hành nghiên cứu thực tế và thuyết trình đề tài trước lớp	9	Sinh viên nhận đề tài và tiến hành nghiên cứu dựa trên các kiến thức đã học

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu chính

1. Hoàng Hưng, Nguyễn Thị Kim Loan (2005), *Con người và môi trường*, ĐH QG Tp.HCM, Trường ĐH KHXH&NV, NXB ĐHQG Tp. HCM.
2. Đoàn Kim Thắng (2006), *Chính sách và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dân số theo hệ tiêu chuẩn mới*, Viện KhXH Việt Nam, Viện XHH, NXB KHXH, Hà Nội.

3. Tôn Thất Nguyễn Phúc, 2007, *Địa lý sinh thái và những biến đổi ngoại sinh*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
4. Lê Huy Bá, 1996, *Sinh thái môi trường đất*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
5. Lê Văn Khoa, 1995, *Môi trường và ô nhiễm môi trường*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
6. Mai Đình Yên (chủ biên), 1997, *Môi trường và con người*, Nxb. Giáo dục Ghi tài liệu tham khảo cho sinh viên (chứ không phải cho giảng viên). Tối thiểu 03 tài liệu. Tài liệu tham khảo có thể là sách, giáo trình, băng hình, ...

6.2. Tài liệu khác:

7. Báo giáo dục thời đại; Báo về môi trường

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng, thời gian làm bài: 90 phút
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
 - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.2
 - Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2
 - Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.5
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan TS. Trần Thị Nam Trân

HỌC PHẦN

LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG PHƯƠNG ĐÔNG VÀ VIỆT NAM

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Lịch sử tư tưởng phương đông và tư tưởng Việt Nam
- Mã học phần: 820021
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 45 (40,0,5,0)
- Điều kiện để học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Lịch sử triết học.

- + Đòi hỏi học phần song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin

3. Mô tả học phần:

Giới thiệu quá trình hình thành, phát triển và nội dung cơ bản của các trào lưu tư tưởng Trung Quốc: Âm dương – Ngũ hành, Bát quái, Nho giáo, Đạo gia, Pháp gia, Mặc gia, tư tưởng dân chủ tư sản; tư tưởng Ấn Độ: Balamôn, Phật giáo; tư tưởng Hồi giáo, từ đó chỉ rõ sự ảnh hưởng của nó đối với đời sống xã hội.

Trình bày quá trình hình thành, phát triển và nội dung cơ bản của lịch sử tư tưởng Việt Nam, sự ảnh hưởng tư tưởng Trung Quốc, Ấn Độ,.. cũng như sự sáng tạo của dân tộc Việt Nam trong quá trình tiếp thu các tư tưởng Trung Quốc, Ấn Độ. Đồng thời hệ thống hóa những giá trị của tư tưởng Việt Nam đối với sự phát triển của xã hội hiện nay.

4. Mục tiêu học phần:

4.1. Về kiến thức:

Nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử tư tưởng phương Đông, tư tưởng Việt Nam từ cổ đại đến hiện đại, từ đó giúp sinh viên nhận thức sâu sắc quy luật kế thừa và phát triển của lịch sử tư tưởng, rút ra những kinh nghiệm và bài học cho quá trình hoạt động thực tiễn hiện nay. Môn học giúp sinh viên tìm hiểu tinh hoa văn hóa của các dân tộc Trung Quốc, Ấn Độ, Ả rập cũng như của dân tộc Việt Nam qua các thời đại, những đóng góp của các nhà tư tưởng vào kho tàng tư tưởng nhân loại, kiến thức môn học còn là cơ sở để phục vụ nghiên cứu, học tập các môn học chuyên ngành.

4.2. Về kĩ năng:

Sau khi học tập, nghiên cứu, sinh viên tiếp nhận được phương pháp để nghiên cứu các học thuyết tư tưởng của nhân loại như việc tìm hiểu điều kiện, tiền đề hình thành, cuộc đời, sự nghiệp tác phẩm của nhà tư tưởng, nội dung cơ bản của tư tưởng.

Sinh viên được trang bị phương pháp để biết cách đánh giá các học thuyết tư tưởng, biết rút ra những ưu điểm, hạn chế, giá trị, bài học kinh nghiệm lịch sử đối với hiện tại và tương lai.

4.3. Về thái độ:

Học tập và nghiên cứu lịch sử tư tưởng là việc làm hết sức khó khăn với khối lượng kiến thức lớn nên đòi hỏi thái độ làm việc nghiêm túc, thận trọng, tỷ mỉ.

Đánh giá lịch sử tư tưởng là công việc đòi hỏi phải có quan điểm khách quan, lịch sử - cụ thể, quan điểm toàn diện, có phương pháp phù hợp nên người học phải nắm bắt tốt các nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để vận dụng vào công việc của mình.

5. Kế hoạch dạy học HP/MH

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Phần mở đầu NHẬP MÔN LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG PHƯƠNG ĐÔNG VÀ TƯ TƯỞNG VIỆT NAM	2	Giới thiệu bài giảng trên lớp, liên hệ với kiến thức triết học, lịch sử, văn hóa mà sinh viên đã học.
1.3. Khái quát một số vấn đề chung về lịch sử tư tưởng		
1.3.1. Tư tưởng và hệ tư tưởng		
1.1.2. Đối tượng nghiên cứu lịch sử tư tưởng Phương Đông và tư tưởng Việt Nam		
1.2. Vai trò và phương pháp nghiên cứu lịch sử tư tưởng Phương Đông và Việt Nam		
1.2.1. Vai trò của việc nghiên cứu lịch sử tư tưởng phương Đông và tư tưởng Việt Nam		
1.2.2. Phương pháp học tập		
Phần I LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG PHƯƠNG ĐÔNG Chương 1 LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG TRUNG QUỐC	27 15	Giới thiệu và thảo luận các nội dung đã học.
1.1. Khái quát lịch sử Trung Quốc		
1.1.1. Các thủ lĩnh liên minh bộ lạc từ hoàng đế đến Nghiêu, Thuần, Võ		
1.1.2. Thời kì cổ đại: Hạ, Thương, Chu		
1.1.3. Thời kì trung đại: từ Tần đến chiến tranh thuốc phiện (1840)		

1.1.4. Thời kỳ cận hiện đại: Từ 1840-1949		
1.2. Lịch sử tư tưởng Trung Quốc cổ, trung đại		
1.2.1. Các thuyết Âm Dương, Ngũ hành, Bát Quái		
1.2.1.1 Học thuyết Âm Dương		
1.2.1.2. Học thuyết Ngũ Hành		
1.2.1.3. Học thuyết Bát Quái		
1.2.2. Nho gia (Nho giáo)		
1.2.2.1 Tư tưởng Khổng Tử		
1.2.2.2. Tư tưởng của Mạnh Tử		
1.2.2.3. Tư tưởng của Đổng Trọng Thư :Nho giáo độc tôn		
1.2.2.4. Tống Nho		
1.2.3. Đạo gia và Đạo giáo		
1.2.3.1. Tư tưởng Lão Tử		
1.2.3.2. Tư tưởng Trang Tử		
1.2.3.3. Sự ra đời và phát triển của Đạo giáo		
1.2.4. Mặc Gia, tư tưởng Mặc Tử		
1.2.4.1. Cuộc đời, sự nghiệp Mặc Tử		
1.2.4.2. Thuyết Kiêm ái – nội dung cơ bản tư tưởng Mặc gia		
1.2.5. Pháp gia		
1.2.5.1. Quản Trọng và sách Quản Tử		
1.2.5.2. Tư tưởng Thương Ưởng		
1.2.5.3. Tư tưởng Hàn Phi		
1.3. Lịch sử Trung Quốc cận đại (1840-1949)		
1.3.1. Hoàn cảnh của lịch sử Trung Quốc cận đại		
1.3.2. Tư tưởng cải lương và cách mạng tư sản		
1.3.2.1. Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu		
1.3.2.2. Tư tưởng cách mạng dân chủ của Tôn Trung Sơn		
1.3.3. Sự truyền bá của chủ nghĩa Mác- Lênin vào Trung Quốc		
Chương 2		
LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG ÁN ĐỘ	5	Giới thiệu và thảo luận các nội dung đã học.
2.1. Hoàn cảnh lịch sử		
2.1.1. Thời Veda (thế kỷ XV-VI) tr.CN		
2.1.2. Ấn Độ thế kỷ VI tr.CN - thế kỷ XII		
2.2. Đạo Bà La Môn và đạo Hindu		

2.2.1. Giáo lý và triết học		
2.2.2. Quan điểm xã hội		
2.3. Đạo Phật		
2.3.1. Truyền thuyết về Phật Thích Ca		
2.3.2. Nội dung cơ bản của đạo Phật		
2.3.3. Sự phát triển của đạo Phật và sự phân chia thành phái Tiểu thừa và phái Đại thừa		
Chương 3 HỒI GIÁO (ISLAM) (Giới thiệu, hướng dẫn sinh viên tự học)	2	Giới thiệu và hướng dẫn sinh viên tự đọc tài liệu nghiên cứu.
3. 1. Tình hình xã hội bán đảo Ả Rập trước thế kỷ VII		
3.1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội		
3.1.2. Điều kiện văn hóa – khoa học		
3. 2. Mohamet vào quá trình truyền bá đạo Hồi:		
3.2.1. Cuộc đời, sự nghiệp Mô ha mét và sự hình thành đế quốc Ả rập		
3.2.2. Quá trình truyền bá của đạo Hồi trong các nước đế quốc		
3.3. Tư tưởng cơ bản của Hồi giáo		
3.3.1. Giáo lý cơ bản trong Kinh Co ran		
3.3.2. Giáo luật cơ bản của Hồi giáo		
PHẦN II LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG VIỆT NAM	16	
Chương 4 KHÁI QUÁT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ THỜI KỶ DỰNG NƯỚC ĐẾN 1945	1	Giới thiệu và hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu.
4.1. Giai đoạn Văn Lang - Âu Lạc.		
4.2. Thời kỳ Bắc thuộc (179 TCN - 938)		
4.3. Thời kỳ độc lập (938-1884)		
4.4. Thời kỳ thuộc Pháp (1884-1945)		

Chương 5 TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ	5	Giới thiệu và thảo luận các nội dung đã học.
5.1. Nho giáo		
5.1.1. Sự truyền bá nho giáo thời Bắc thuộc		
5.1.2. Sự phát triển bước đầu của nho giáo dưới thời Lý Trần		
5.1.3. Thời kỳ cực thịnh của Nho giáo thời Lê-Nguyễn		
5.1.4. Sự suy tàn của Nho giáo		
5.2. Tư tưởng dân chủ tư sản		
5.2.1. Hoàn cảnh lịch sử		
5.2.1. Những dòng tư tưởng tiêu biểu		
5.2.1.1. Tư tưởng dân chủ tư sản trong “Văn minh tân học sách”		
5.2.1.2. Tư tưởng cách mạng dân chủ của Phan Bội Châu		
5.2.1.3. Tư tưởng dân chủ của Phan Chu Trinh		
5.2.1.4. Tư tưởng dân chủ của các trí thức Tây học thể hiện trên báo chí và ở các tổ chức yêu nước (các đảng phái, các thư xã)		
5.3. Sự truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê Nin vào Việt Nam.		
5.3.1. Phong trào Cộng sản quốc tế và sự đấu tranh chống áp bức, bóc lột của nhân dân Việt Nam trong thập kỷ hai mươi của thế kỷ XX:		
5.3.2. Những con đường truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê Nin vào Việt Nam.		
5.3.3. Những nội dung tiếp thu được trong sự truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê Nin trước năm 1930:		
Chương 6 CÁC TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM	5	Giới thiệu và thảo luận các nội dung đã học.
6.1. Phật giáo:		
6.1.1. Sự truyền bá của Phật giáo dưới thời Bắc thuộc:		
6.1.2. Thời kỳ cực thịnh của đạo Phật- thời Lý Trần:		
6.1.3. Sự suy tàn của Phật giáo thời Lê Nguyễn:		
6.1.4. Phong trào chấn hưng Phật giáo đầu thế kỷ XX		
6.2. Đạo giáo		
6.2.1. Sự truyền bá Đạo giáo thời Bắc thuộc		
6.2.2. Chính sách của các vương triều Việt nam đối với Đạo giáo.		

6.2.3. Những hoạt động tuyên truyền Đạo giáo đầu thế kỷ XX		
6.3. Thiên chúa giáo		
6.3.1. Vài nét về sự ra đời của Thiên chúa giáo		
6.3.1. Nội dung cơ bản của Thiên chúa giáo		
6.4. Đạo Tin Lành		
6.4.1. Đạo Tin Lành và sự du nhập Việt Nam		
6.4.2. Giáo lý, nghi lễ và tổ chức của Đạo Tin Lành		
6.5. Đạo Cao đài		
6.5.1. Sự ra đời của Đạo Cao Đài.		
6.5.2. Giáo lý, nghi lễ và tổ chức của Cao Đài.		
6.6. Phật Giáo Hoà Hảo		
6.6.1. Sự ra đời của Phật giáo Hoà Hảo		
6.6.2. Giáo lý, nghi lễ và tổ chức của Phật giáo Hòa Hảo		
6.7. Tín ngưỡng dân gian cổ truyền:		
6.7.1. Thờ tổ tiên		
6.7.2. Tín ngưỡng đa thần		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

11. Lịch sử triết học phương Đông, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
12. Các bài giảng về tư tưởng phương Đông, Tác giả Trần Đình Hượu, Nhà xuất bản Đại học quốc gia, Hà Nội, 2001
13. Cao Xuân Huy (Nguyễn Huệ Chi soạn giới thiệu), Tư tưởng phương Đông gọi những điểm nhìn tham chiếu, Nhà xuất bản Văn học Hà Nội, 1995.

6.2. Tài liệu khác

1. Doãn Chính, *Từ điển triết học Trung Quốc*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.
2. Doãn Chính, *Lịch sử tư tưởng Triết học Ấn Độ cổ đại*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
3. Hàn Phi Tử (bản dịch của Phan Ngọc), (2001). Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội
4. Nguyễn Hùng Hậu (chủ biên), (2002), Đại cương lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam, tập 1, Nhà xuất bản. Đại học quốc gia Hà Nội.
5. Luận ngữ, Trí Đức, Sài Gòn, 1950, Bản dịch của Đoàn Trung Còn.
6. Doãn Chính – Phạm Đào Thịnh: Quá trình chuyển biến tư tưởng chính trị Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX qua các nhân vật tiêu biểu, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần giữa kỳ): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: đề đóng, thời gian làm bài: 90 phút

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1

- Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2

- Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.6

7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT **TRƯỞNG NGÀNH** **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan TS. Phạm Đào Thịnh

HỌC PHẦN
THỰC HÀNH SƯ PHẠM THCS 2

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: THỰC HÀNH SƯ PHẠM THCS 2
- Mã học phần: 820336
- Số tín chỉ: 01
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (5;0;5;20)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Thực hành sư phạm 1.
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: tối đa 50 sinh viên

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn đường lối CM của ĐCSVN & TTHCM

3. Mô tả học phần

Môn Thực hành sư phạm THCS 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát chương trình GDCD 6, 7 và những vấn đề mới của sách giáo khoa GDCD hiện hành

Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thiết kế giáo án và vận dụng các phương pháp dạy học vào giảng dạy phần GDCD lớp 6, 7.

Giúp tăng cường khả năng thực hành, tạo điều kiện cho sinh viên luyện tập những kỹ năng nói, viết, tác phong, quản lý, ổn định lớp.v.v... giải quyết các tình huống trong thực tế nghề nghiệp.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức:

Sinh viên cần phải nắm được các kiến thức cơ bản, trọng tâm và những vấn đề mới của sách giáo khoa GDCD lớp 6, 7 hiện hành.

Sinh viên phải xác định được mục tiêu, phương pháp giảng dạy của một bài học GDCD cụ thể trong chương trình GDCD 6, 7. Đồng thời, nắm được cấu trúc cơ bản của một giáo án GDCD và các bước cơ bản trong quá trình tiến hành một bài giảng GDCD chính khóa.

4.2. Về kỹ năng:

Sinh viên cần rèn luyện các kỹ năng xác định mục tiêu, kiến thức cơ bản của bài học, lựa chọn phương pháp tổ chức dạy – học phù hợp với nội dung bài học GDCD trong chương trình lớp 6, 7, rèn luyện kỹ năng thiết kế giáo án và tiến hành một bài giảng cụ thể trên lớp.

Góp phần hình thành, củng cố và phát triển cho sinh viên hệ thống kỹ năng như: nói, viết, tác phong, thực hiện một bài giảng hoàn chỉnh, cách đặt câu hỏi, đánh giá học sinh.

4.3. Về thái độ:

Sinh viên cần nâng cao ý thức trách nhiệm, lòng yêu nghề, say mê và không ngừng sáng tạo, đổi mới phương pháp dạy - học nhằm nâng cao chất lượng dạy học GDCD ở trường trung học phổ thông.

Sinh viên phải có tinh thần tự giác rèn luyện để hoàn thiện các kỹ năng

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. CHUẨN BỊ BÀI GIẢNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH GDCD 6, 7	8	
1.1. Nội dung chương trình GDCD 6, 7	4	Giảng viên giảng và hướng dẫn sinh viên xác định mục tiêu, kiến thức, phương pháp. Sinh viên xác định mục tiêu, kiến thức cơ bản của một số bài học trong chương trình GDCD 6, 7
1.2. Xác định mục tiêu và kiến thức cơ bản của bài học GDCD 6, 7		
1.3. Xác định tài liệu và thiết bị phục vụ dạy học chương trình GDCD 6, 7	2	
1.4. Xác định phương pháp tổ chức dạy - học phù hợp với nội dung bài học GDCD	1	
1.5. Những nhân tố để thực hiện hiệu quả bài giảng GDCD 6, 7 ở trường.	1	
CHƯƠNG 2. THỰC HÀNH THIẾT KẾ GIÁO ÁN GDCD 6, 7 VÀ GIẢNG BÀI	22	
2.1. Cấu trúc của một giáo án GDCD	1	Giảng viên hướng dẫn thiết kế giáo án GDCD. Sinh viên thực hành soạn một số giáo án thuộc chương trình GDCD 6, 7 Giảng viên hướng dẫn sinh viên kỹ năng và các bước lên lớp. - Sinh viên thực hành giảng các bài đã soạn
2.2. Thực hành thiết kế giáo án GDCD 6, 7	4	
2.3. Các bước cơ bản trong quá trình tiến hành bài giảng chính khóa <i>2.3.1. Giới thiệu bài</i> <i>2.3.2. Tiến trình học bài mới</i> <i>2.3.3. Củng cố, đánh giá</i> <i>2.3.4. Hướng dẫn hoạt động nối tiếp</i> <i>2.3.5. Nhận xét, đánh giá tiết học</i>		
2.4. Thực hành vận dụng các phương pháp dạy học để giảng một bài giảng GDCD cụ thể	17	

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Sách giáo khoa Giáo dục công dân lớp 6, 7*, Nxb. Giáo dục Hà Nội. 2010.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Phương pháp dạy môn Giáo dục công dân ở trường THCS*. Nxb. Giáo dục Hà Nội. 2009.

6.2. Tài liệu khác:

3. Phạm Trung Thanh (Chủ biên). *Giáo trình Bài tập rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên*. Nxb. ĐHSP. Hà Nội, 2007.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì):
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: không thi kết thúc học phần; SV thực hành (soạn giáo án và giảng thử), thời gian làm bài: 10 phút/sinh viên.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
 - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.9;
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT **TRƯỞNG NGÀNH** **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

TS. Lê Đình Lục TS. Phạm Phúc Vĩnh ThS. Nguyễn Đình Bình

HỌC PHẦN
THỰC HÀNH SƯ PHẠM THCS 3

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: THỰC HÀNH SƯ PHẠM THCS 3
- Mã học phần: 820337
- Số tín chỉ: 01
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (5;0;5;20)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Thực hành sư phạm THCS 2 (820336)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: tối đa 50 sinh viên

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn đường lối CM của ĐCSVN & TTHCM

3. Mô tả học phần

Môn Thực hành sư phạm THCS 3 cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát chương trình GD CD 8 và những vấn đề mới của sách giáo khoa GD CD hiện hành

Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thiết kế giáo án và vận dụng các phương pháp dạy học vào giảng dạy phần GD CD lớp 8.

Giúp tăng cường khả năng thực hành, tạo điều kiện cho sinh viên luyện tập những kỹ năng nói, viết, tác phong, quản lý, ổn định lớp.v.v... giải quyết các tình huống trong thực tế nghề nghiệp.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức:

Sinh viên cần phải nắm được các kiến thức cơ bản, trọng tâm và những vấn đề mới của sách giáo khoa GD CD lớp 8.

Sinh viên phải xác định được mục tiêu, phương pháp giảng dạy của một bài học GD CD cụ thể trong chương trình GD CD 8. Đồng thời, nắm được cấu trúc cơ bản của một giáo án GD CD và các bước cơ bản trong quá trình tiến hành một bài giảng GD CD chính khóa.

4.2. Về kỹ năng:

Sinh viên cần rèn luyện các kỹ năng xác định mục tiêu, kiến thức cơ bản của bài học, lựa chọn phương pháp tổ chức dạy – học phù hợp với nội dung bài học GD CD trong chương trình lớp 8, rèn luyện kỹ năng thiết kế giáo án và tiến hành một bài giảng cụ thể trên lớp.

Góp phần hình thành, củng cố và phát triển cho sinh viên hệ thống kỹ năng như: nói, viết, tác phong, thực hiện một bài giảng hoàn chỉnh, cách đặt câu hỏi, đánh giá học sinh.

4.3. Về thái độ:

Sinh viên cần nâng cao ý thức trách nhiệm, lòng yêu nghề, say mê và không ngừng sáng tạo, đổi mới phương pháp dạy - học nhằm nâng cao chất lượng dạy học GDCD ở trường trung học phổ thông.

Sinh viên phải có tinh thần tự giác rèn luyện để hoàn thiện các kỹ năng

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. CHUẨN BỊ BÀI GIẢNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH GDCD 8	8	Giảng viên giảng và hướng dẫn sinh viên xác định mục tiêu, kiến thức, phương pháp. Sinh viên xác định mục tiêu, kiến thức cơ bản của một số bài học trong chương trình GDCD 8
1.1. Nội dung chương trình GDCD 8	4	
1.2. Xác định mục tiêu và kiến thức cơ bản của bài học GDCD 8		
1.3. Xác định tài liệu và thiết bị phục vụ dạy học chương trình GDCD 8	2	
1.4. Xác định phương pháp tổ chức dạy – học phù hợp với nội dung bài học GDCD	1	
1.5. Những nhân tố để thực hiện hiệu quả bài giảng GDCD 8 ở trường.	1	
CHƯƠNG 2. THỰC HÀNH THIẾT KẾ GIÁO ÁN GDCD 8 VÀ GIẢNG BÀI	22	Giảng viên hướng dẫn thiết kế giáo án GDCD. Sinh viên thực hành soạn một số giáo án thuộc chương trình GDCD 8 Giảng viên hướng dẫn sinh viên kỹ năng và các bước lên lớp. - Sinh viên thực hành giảng các bài đã soạn
2.1. Cấu trúc của một giáo án GDCD	1	
2.2. Thực hành thiết kế giáo án GDCD 8	4	
2.3. Các bước cơ bản trong quá trình tiến hành bài giảng chính khóa <i>2.3.1. Giới thiệu bài</i> <i>2.3.2. Tiến trình học bài mới</i> <i>2.3.3. Củng cố, đánh giá</i> <i>2.3.4. Hướng dẫn hoạt động nối tiếp</i> <i>2.3.5. Nhận xét, đánh giá tiết học</i>		
2.4. Thực hành vận dụng các phương pháp dạy học để giảng một bài giảng GDCD cụ thể	17	

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Sách giáo khoa Giáo dục công dân lớp 8*, Nxb. Giáo dục Hà Nội. 2010.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Phương pháp dạy môn Giáo dục công dân ở trường THCS*. Nxb. Giáo dục Hà Nội. 2009.

6.2. Tài liệu khác:

3. Phạm Trung Thanh (Chủ biên). *Giáo trình Bài tập rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên*. Nxb. ĐHSP. 2007.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì):
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: không thi kết thúc học phần; SV thực hành (soạn giáo án và giảng thử), thời gian làm bài: 10 phút/sinh viên.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
 - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.9;
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Lê Đình Lục TS. Phạm Phúc Vĩnh ThS. Nguyễn Đình Bình

HỌC PHẦN
THỰC HÀNH SƯ PHẠM THCS 4

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: THỰC HÀNH SƯ PHẠM THCS 4
- Mã học phần: 820338
- Số tín chỉ: 01
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (5;0;5;20)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Thực hành sư phạm THCS 3
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: tối đa 50 sinh viên

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn đường lối CM của ĐCSVN & TTHCM

3. Mô tả học phần

Môn Thực hành sư phạm THCS 4 cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát chương trình GD CD 9 và những vấn đề mới của sách giáo khoa GD CD hiện hành

Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thiết kế giáo án và vận dụng các phương pháp dạy học vào giảng dạy phần GD CD lớp 9.

Giúp tăng cường khả năng thực hành, tạo điều kiện cho sinh viên luyện tập những kỹ năng nói, viết, tác phong, quản lý, ổn định lớp.v.v... giải quyết các tình huống trong thực tế nghề nghiệp.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức:

Sinh viên cần phải nắm được các kiến thức cơ bản, trọng tâm và những vấn đề mới của sách giáo khoa GD CD lớp 9 hiện hành.

Sinh viên phải xác định được mục tiêu, phương pháp giảng dạy của một bài học GD CD cụ thể trong chương trình GD CD 9. Đồng thời, nắm được cấu trúc cơ bản của một giáo án GD CD và các bước cơ bản trong quá trình tiến hành một bài giảng GD CD chính khóa.

Sinh viên có được những kiến thức để trở thành người giáo viên trong tương lai.

4.2. Về kỹ năng:

Sinh viên có khả năng xác định mục tiêu, kiến thức cơ bản của bài học, lựa chọn phương pháp tổ chức dạy – học phù hợp với nội dung bài học GD CD lớp 9, thiết kế giáo án và tiến hành một bài giảng cụ thể trên lớp.

4.3. Về thái độ:

Sinh viên cần nâng cao ý thức trách nhiệm, lòng yêu nghề, say mê và không ngừng sáng tạo, đổi mới phương pháp dạy - học nhằm nâng cao chất lượng dạy học GDCD ở trường trung học phổ thông.

Sinh viên phải có tinh thần tự giác rèn luyện để hoàn thiện các kỹ năng

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. CHUẨN BỊ BÀI GIẢNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH GDCD 9	8	Giảng viên giảng và hướng dẫn sinh viên xác định mục tiêu, kiến thức, phương pháp. Sinh viên xác định mục tiêu, kiến thức cơ bản của một số bài học trong chương trình GDCD 9
1.1. Nội dung chương trình GDCD 9	4	
1.2. Xác định mục tiêu và kiến thức cơ bản của bài học GDCD 9		
1.3. Xác định tài liệu và thiết bị phục vụ dạy học chương trình GDCD 9	2	
1.4. Xác định phương pháp tổ chức dạy – học phù hợp với nội dung bài học GDCD	1	
1.5. Những nhân tố để thực hiện hiệu quả bài giảng GDCD 9 ở trường.	1	
CHƯƠNG 2. THỰC HÀNH THIẾT KẾ GIÁO ÁN GDCD 9 VÀ GIẢNG BÀI	22	Giảng viên hướng dẫn thiết kế giáo án GDCD. Sinh viên thực hành soạn một số giáo thuộc chương trình GDCD 9 Giảng viên hướng dẫn sinh viên kỹ năng và các bước lên lớp. - Sinh viên thực hành giảng các bài đã soạn
2.1. Cấu trúc của một giáo án GDCD	1	
2.2. Thực hành thiết kế giáo án GDCD 9	4	
2.3. Các bước cơ bản trong quá trình tiến hành bài giảng chính khóa <i>2.3.1. Giới thiệu bài</i> <i>2.3.2. Tiến trình học bài mới</i> <i>2.3.3. Củng cố, đánh giá</i> <i>2.3.4. Hướng dẫn hoạt động nói tiếp</i> <i>2.3.5. Nhận xét, đánh giá tiết học</i>		
2.4. Thực hành vận dụng các phương pháp dạy học để giảng một bài giảng GDCD cụ thể	17	

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Sách giáo khoa Giáo dục công dân lớp 9*, Nxb. Giáo dục Hà Nội. 2010.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Phương pháp dạy môn Giáo dục công dân ở trường THCS*. Nxb. Giáo dục Hà Nội. 2009.
- 6.2. *Tài liệu khác:*
3. Phạm Trung Thanh (Chủ biên). *Giáo trình Bài tập rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên*. Nxb. ĐHSP. 2007.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì):
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: không thi kết thúc học phần; SV thực hành (soạn giáo án và giảng thử), thời gian làm bài: 10 phút/sinh viên.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
 - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.9;
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Lê Đình Lục TS. Phạm Phúc Vĩnh ThS. Nguyễn Đình Bình

HỌC PHẦN
LỊCH SỬ VIỆT NAM ĐẠI CƯƠNG**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: Lịch sử Việt Nam đại cương
- Mã học phần: 820108
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (20,10,0,0)
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
 - + Đòi hỏi học phần song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách HP/MH: Đường lối cách mạng của ĐCSVN & TTHCM**3. Mô tả học phần**

Trình bày quá trình hình thành, phát triển và nội dung cơ bản của lịch sử Việt Nam, quá trình đấu tranh giành độc lập và bảo vệ độc lập của dân tộc. Chương trình học được chia làm 9 chương, từ thời dựng nước, Bắc thuộc và chống Bắc thuộc, thời kỳ phong kiến độc lập tự chủ, mất nước vào tay thực dân Pháp, kháng chiến chống Pháp - chống Mỹ bảo vệ độc lập thống nhất đất nước và công cuộc xây dựng bảo vệ tổ quốc hiện nay.

4. Mục tiêu cụ thể của HP/MH (Chuẩn đầu ra của HP/MH)**4.1. Về kiến thức:**

- Đất nước Việt Nam có lịch sử gần 4.000 năm, trải qua nhiều thời đại từ cổ đại đến hiện đại. Môn học này sẽ cung cấp những nội dung cơ bản của tiến trình Lịch sử Việt Nam. Đó là một quá trình gắn bó liên tục giữa nhiệm vụ dựng nước và giữ nước của nhân dân Việt Nam.

4.2. Về kỹ năng:

Sau khi học tập, nghiên cứu, sinh viên tiếp nhận được quá trình vận động của lịch sử, đúc rút được những bài học quan trọng đối với quá trình xây dựng đất nước hiện nay.

Sinh viên được trang bị phương pháp để biết cách đánh giá các nhân vật lịch sử, biết rút ra những ưu điểm, hạn chế, giá trị, bài học kinh nghiệm lịch sử đối với hiện tại và tương lai.

4.3. Về thái độ:

Học tập và nghiên cứu lịch sử Việt Nam từ cổ đại đến hiện đại chỉ trong 30 tiết là việc làm hết sức khó khăn với khối lượng kiến thức lớn nên đòi hỏi thái độ làm việc nghiêm túc, chăm chỉ của sinh viên. Người học phải nỗ lực tham khảo tài liệu, tìm tòi tư liệu để phục vụ quá trình học tập.

5. Kế hoạch dạy học HP/MH

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: Thời đại dựng nước trong lịch sử dân tộc	3	Giới thiệu bài giảng trên lớp.
Đất nước và con người Việt Nam		
Địa lý và các phân lãnh thổ của Việt Nam		
1.1.2. Cộng đồng các dân tộc trên đất nước Việt Nam		
1.2. Việt Nam thời kỳ nguyên thủy		
1.2.1. Những dấu tích người tối cổ trên đất nước Việt Nam		
1.2.2. Sự chuyển biến từ Người tối cổ thành Người tinh khôn		
1.2.3. Sự phát triển của chế độ công xã thị tộc		
1.2.4. Giai đoạn cuối của thời nguyên thủy		
1.3. Các quốc gia cổ trên lãnh thổ Việt Nam		
1.3.1. Vương quốc Văn Lang – Âu Lạc		
1.3.2. Vương quốc Phù Nam		
1.3.3. Vương quốc Chăm-pa		
Chương 2: Thời Bắc thuộc và chống Bắc thuộc trong lịch sử dân tộc	3	Giới thiệu và thảo luận các nội dung đã học.
1.1. Chính sách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc		
Tổ chức cai trị		
Chính sách bóc lột kinh tế		
Chính sách đồng hóa về văn hóa		
1.2. Những chuyển biến về kinh tế, xã hội, văn hóa		
1.2.1. Về kinh tế		
1.2.2. Về văn hóa – xã hội		
1.3. Công cuộc đấu tranh giành độc lập		
2.3.1. Giai đoạn từ thế kỉ I đến thế kỉ V		
2.3. 2. Giai đoạn từ thế kỉ VI đến đầu thế kỉ X		
Chương 3: Đất nước thời đại độc lập tự chủ từ thế kỉ X đến thế kỉ XV	4	Giới thiệu và thảo luận các nội dung đã học.
3.1. Các thời đại Khúc, Ngô, Đinh, Tiền Lê		
3.1.1. Bước đầu xây dựng và bảo vệ chính quyền		
3.1.2. Tình hình kinh tế, văn hóa		
3.1.3. Chính sách đối ngoại và cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất		
3.2.1. Vương triều Lí (1009 - 1225)		

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<p>3.2.1.1. Xây dựng chính quyền (Tổ chức nhà nước, luật pháp, hành chính, quân đội)</p> <p>3.2.1.2. Tình hình kinh tế, văn hóa – xã hội</p> <p>3.2.1.3. Chính sách đối ngoại và cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ hai</p> <p>3.2.2. Vương triều Trần (1225 – 1400)</p> <p>3.2.2.1. Xây dựng chính quyền (Tổ chức nhà nước, luật pháp, hành chính, quân đội)</p> <p>3.2.2.2. Tình hình kinh tế, văn hóa – xã hội</p> <p>3.2.2.3. Chính sách đối ngoại và ba lần kháng chiến chống Mông - Nguyên</p> <p>3.2.3. Vương triều Hồ (1400 - 1407)</p> <p>3.2.3.1. Bối cảnh lịch sử và sự thành lập Vương triều Hồ</p> <p>3.2.3.2. Cải cách của Hồ Quý Ly</p> <p>3.2.3.3. Chính sách đối ngoại và cuộc kháng chiến chống quân Minh</p>		
Chương 4: Nước Đại Việt từ thế kỉ XV đến cuối thế kỉ XVIII	4	Giới thiệu và thảo luận các nội dung đã học.
4.1. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)		
<p>4.1.1. Chính sách đô hộ của nhà Minh</p> <p>4.1.2. Phong trào đấu tranh chống quân Minh và cuộc khởi nghĩa Lam Sơn</p>		
4.2. Đại Việt thời Lê sơ		
<p>4.2.1. Xây dựng chính quyền (Tổ chức nhà nước, luật pháp, hành chính, quân đội)</p> <p>4.2.2. Tình hình kinh tế, văn hóa – xã hội</p> <p>4.2.3. Chính sách đối ngoại</p>		
4.3. Đại Việt thời Lê Trung Hưng		
<p>4.3.1. Cục diện Nam – Bắc triều</p> <p>4.3.2. Cục diện Trịnh – Nguyễn phân tranh</p> <p>4.3.3. Phong trào nông dân Tây Sơn và Vương triều Tây Sơn</p>		
Chương 5: Vương triều Nguyễn và việc mất nước cuối thế kỉ XIX	3	Giới thiệu và thảo luận các nội dung đã học.
<p>5.1. Vương triều Nguyễn (1802 - 1858)</p> <p>5.1.1. Xây dựng chính quyền (Tổ chức nhà nước, luật pháp, hành chính, quân đội)</p> <p>5.1.2. Tình hình kinh tế, văn hóa – xã hội</p> <p>5.1.3. Chính sách đối ngoại và nguy cơ bị phương Tây xâm lược</p>		
<p>5.2. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Việt Nam (1858 - 1896)</p> <p>5.2.1. Thực dân Pháp xâm lược Việt Nam và sự thất bại</p>		

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<p>của Nhà Nguyễn</p> <p>5.2.1.1. Pháp nổ súng tấn công xâm lược Việt Nam, chiến sự ở Đà Nẵng</p> <p>5.2.1.2. Pháp tấn công Gia Định và hiệp ước Nhâm Tuất - 1862</p> <p>5.2.1.3. Pháp đánh chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ</p> <p>5.2.1.4. Pháp tấn công Bắc kì lần thứ nhất và hiệp ước Giáp Tuất – 1874</p> <p>5.2.1.5. Pháp tấn công Bắc Kỳ lần thứ hai, Hiệp ước Hác-măng – 1883 và Hiệp ước Pa-tơ-nôt – 1884</p> <p>5.2.2. Những đề nghị canh tân đất nước cuối thế kỉ XIX</p> <p>5.2.3. Phong trào Cần Vương (1885 - 1896)</p>		
<p>Chương 6: Những chuyển biến kinh tế - xã hội Việt Nam cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX và Phong trào giải phóng dân tộc trong nửa đầu thế kỉ XX</p>	4	Giới thiệu và thảo luận các nội dung đã học.
<p>6.1. Pháp thiết lập chế độ bảo hộ và khai thác thuộc địa</p> <p>6.1.1. Pháp thiết lập chế độ bảo hộ ở Việt Nam</p> <p>6.1.2. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất</p> <p>6.1.3. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai</p>		
<p>6.2. Tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX</p> <p>6.2.1. Những chuyển biến về kinh tế</p> <p>6.2.2. Những chuyển biến về văn hóa – giáo dục</p> <p>6.2.3. Những chuyển biến về xã hội</p>		
<p>6.3. Phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX</p> <p>6.3.1. Sự du nhập của ý thức hệ dân chủ tư sản vào Việt Nam</p> <p>6.3.2. Phong trào Đông Du</p> <p>6.3.3. Phong trào Duy Tân và chống thuế ở Trung Kỳ</p> <p>6.3.4. Phong trào Đông Kinh nghĩa thực</p>		
<p>6.4. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>6.4.1. Hoạt động yêu nước của Nguyễn Tất Thành ở nước ngoài</p> <p>6.4.2. Quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam</p> <p>6.4.3. Quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam</p>		
<p>6.5. Cuộc vận động giải phóng dân tộc Việt Nam từ 1930 đến 1945</p> <p>6.5.1. Phong trào cách mạng 1930 – 1931 và quá trình phục hồi lực lượng cách mạng (1932 - 1935)</p> <p>6.5.2. Phong trào dân chủ 1936 – 1939</p> <p>6.5.3. Cuộc vận động cách mạng tháng Tám 1939 – 1945</p>		
<p>Chương 7: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tái xâm lược (1945 - 1954)</p> <p>7.1. Việt Nam trong năm đầu tiên sau cách mạng tháng</p>	2	Giới thiệu và thảo luận các nội dung đã học.

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<p>Tám (2/9/1945 – 19/12/1946) 7.1.1. Việt Nam lâm vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” 7.1.2. Bước đầu xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 7.1.3. Đấu tranh chống ngoại xâm và nội phản, bảo vệ chính quyền cách mạng</p>		
<p>7.2. Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1950) 7.2.1. Cuộc kháng chiến bùng nổ và đường lối kháng chiến của ta 7.2.2. Cuộc kháng chiến ở các đô thị và chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài 7.2.3. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947</p>		
<p>7.3. Đẩy mạnh kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ (1951 - 1954) 7.3.1. Bước phát triển của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1951 - 1953) 7.3.2. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc (1953 - 1954)</p>		
<p>Chương 8: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975)</p>	3	Giới thiệu và thảo luận các nội dung đã học
<p>8.1. Xây dựng miền Bắc và đấu tranh chống Mĩ ở miền Nam (1954-1965) 8.1.1. Tình hình Việt Nam sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 8.1.2. Miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội 8.1.3. Đấu tranh chống Mĩ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam và phong trào Đồng khởi (1954 – 1960) 8.1.4. Miền Nam chiến đấu chống “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ (1961 – 1965)</p>		
<p>8.2. Cuộc kháng chiến chống Mĩ trên cả hai miền Nam, Bắc (1965 - 1973) 8.2.1. Miền Nam chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965 – 1968) và “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969 – 1973) của Mĩ. 8.2.2. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mĩ và tiếp tục xây dựng theo định hướng XHCN và chi viện cho miền Nam 8.2.3. Đấu tranh trên mặt trận ngoại giao. Hiệp định Pari 1973 chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam</p>		
<p>8.3. Giải phóng miền Nam và hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam (1973 - 1975) 8.3.1. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế và chi viện cho miền Nam 8.3.2. Miền Nam tạo thế và lực để đánh đổ chính quyền</p>		

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Sài Gòn 8.3.3. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mùa xuân 1975		
Chương 9: Cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc đổi mới ở Việt Nam (từ 1975 đến nay)	4	Giới thiệu và thảo luận các nội dung đã học.
9.1. Khôi phục kinh tế- văn hóa ở hai miền đất nước, hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước về mặt nhà nước (1975)		
9.2. Đất nước bước đầu đi lên chủ nghĩa xã hội (1976-1985)		
9.3. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (1978-1979)		
9.4. Tính tất yếu của công cuộc đổi mới		
9.5. Quá trình thực hiện đổi mới - xây dựng và phát triển ở Việt Nam (1986-nay)		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Lê Mậu Hãn (chủ biên) (1999), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập III, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Trần Trọng Kim (2005), *Việt Nam sử lược*, Nxb Tổng hợp TP.HCM.
3. Đinh Xuân Lâm (chủ biên) (1998), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập II, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Trương Hữu Quýnh (Chủ biên) (1997), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

1. Đào Duy Anh (2002), *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*, Nxb Văn hoá thông tin Hà Nội.
2. Trần Bá Đệ (2001), *Lịch sử Việt Nam từ 1975 đến nay*, Nxb ĐHQG Hà Nội.
3. Hà Minh Hồng (2005), *Lịch sử Việt Nam cận hiện đại*, Nxb ĐHQG TP. HCM.
4. Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê (1968), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb KHXH, Hà Nội.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn (1971), *Đại Nam thực lục* (tiền biên và chính biên), bản dịch viện Sử học, Nxb KHXH, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: đề mở, thời gian làm bài: 60 phút

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1

- Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2

- Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.6

7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

TS. Lê Đình Lục

TS. Phạm Phúc Vĩnh

TS. Phạm Phúc Vĩnh

HỌC PHẦN
DÂN SỐ HỌC**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: DÂN SỐ HỌC
- Mã học phần: 820339
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (20,5,5,0)
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
 - + Đòi hỏi học phần song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.

3. Mô tả học phần:

Bộ môn nghiên cứu những lý thuyết về dân số và những lĩnh vực ứng dụng lý thuyết và phương pháp nghiên cứu. Đồng thời phân tích được các yếu tố biến động dân số như: sinh, chết và di dân; các thành phần dân số và phân bố dân số; chính sách dân số, tình hình dân số Thế giới và Việt Nam.

4. Mục tiêu học phần:

4.1. Về kiến thức

Nội dung môn học giới thiệu những khái niệm căn bản nhằm giúp người học có thể phân tích được các xu hướng biến động của các thành phần chính của dân số: sinh, chết, di dân và cơ cấu dân số.

4.2. Về kỹ năng

Trang bị cho người học một số nguyên tắc, kỹ thuật cơ bản dùng trong nghiên cứu và kỹ năng liên quan đến phân tích nhân khẩu (như phân tích các tỉ suất, lược đồ, bảng tính toán, từ phương pháp luận đến các phương pháp cụ thể, các chỉ tiêu và phương pháp tính).

4.3. Về thái độ

Nhận thức đúng đắn về xu hướng biến động dân số ở Việt Nam và thế giới.

5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Nhập môn	2	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
1.1. Giới thiệu môn học	1	
1.1.1 Định nghĩa		
1.1.2 Đối tượng nghiên cứu của môn học		
1.2. Thống kê dân số	1	
1.2.1 Các loại hình thống kê dân số		
1.2.2 Thống kê dân số tại Việt Nam		
Chương 2. Sự kiện sinh sản	4	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
2.1. Các chỉ tiêu đánh giá mức sinh	2	
Sinh suất		
Tỉ suất sinh tổng quát		
Tỉ suất sinh đặc trưng theo tuổi		
Tổng tỉ suất sinh		
Hệ số tái sinh nguyên		
1.1.1. Hệ số tái sinh tịnh		
2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến mức sinh	2	
Y tế		
Học vấn		
Thu nhập		
Tôn Giáo		
Văn hoá		
Chương 3. Sự kiện tử vong	3	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
3.1. Các chỉ tiêu đánh giá mức chết	1	
3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến mức chết	2	
Chương 4. Gia tăng tự nhiên dân số	3	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
4.1. Gia tăng dân số thế giới	2	
4.1.1. Gia tăng dân số theo thời gian và không gian		
4.1.2 Gia tăng dân số tại các nước phát triển		
4.1.3 Gia tăng dân số tại các nước đang phát triển		
4.2. Quá trình chuyển tiếp dân số	1	
4.2.1. Lý thuyết quá độ dân số		
4.2.2 Lý thuyết hiện đại dân số		
Chương 5. Di dân	4	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.

Khái niệm	1	
5.1.1. Định nghĩa di dân		
5.1.2. Các chỉ tiêu nghiên cứu di dân		
Các loại hình di dân	1	
5.2.1. Loại hình di dân phân loại theo không gian		
5.2.2. Loại hình di dân phân loại theo thời gian		
Các lý thuyết di dân	1	
5.3.1. Lý thuyết lực hút-lực đẩy		
5.3.2. Lý thuyết cấu trúc của Everetlee		
5.4. Tác động của di dân	1	
Tác động kinh tế		
Tác động văn hoá-xã hội		
Tác động môi trường		
Chương 6. Thành phần dân số	5	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
6.1. Thành phần dân số theo tuổi	3	
Mức độ già hoá và trẻ hoá dân số		
Dân số hoạt động kinh tế		
Tháp tuổi		
Lược đồ Lexis		
6.2. Thành phần dân số theo nơi cư trú	1	
6.3. Thành phần dân số theo nghề nghiệp	1	
Chương 7. Phân bố dân số	3	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
7.1 Khái niệm mật độ dân số	1	
7.2 Phân bố dân số thế giới	1	
Đặc điểm phân bố dân số giữa các châu lục		
Đặc điểm phân bố dân số trong các châu lục		
7.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến phân bố dân số thế giới	1	
7.3.1. Yếu tố tự nhiên		
7.3.2. Yếu tố kinh tế-xã hội		
Chương 8. Dân số Việt Nam	3	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
8.1. Gia tăng dân số Việt Nam	1	
8.1.1. Gia tăng dân số Việt Nam theo thời gian		
Gia tăng tự nhiên của dân số Việt Nam		
Vấn đề di dân tại Việt Nam		
8.2. Phân bố dân số Việt Nam	1	
Đặc điểm phân bố dân số Việt Nam theo không gian		
Đặc điểm phân bố dân số Việt Nam theo thời gian		
8.3. Thành phần dân số Việt Nam	1	
Thành phần dân số theo tuổi		
Thành phần dân số theo giới		
Thành phần dân số theo học vấn		

Thành phần dân số theo nghề nghiệp		
Lực lượng lao động		
Chương 9 . Chính sách dân số	3	Giảng lý thuyết. Phương pháp: thuyết trình + đàm thoại.
9.1. Đặc điểm của chính sách dân số	1	
9.2. Chính sách về sinh	1	
9.2.1. Chính sách khuyến khích sinh sản		
9.2.2. Chính sách hạn chế sinh sản		
9.3. Chính sách về di dân	1	
Khái niệm về chính sách di dân		
Các loại hình chính sách di dân		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Tổng Văn Đường (1998), *Giáo trình dân số học*, NXB Kinh Tế Quốc Dân, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

2. Thái Thị Ngọc Dur (1998), *Dân số học*, NXB Đại Học Mở Bán Công TP. Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Minh Tuệ-Nguyễn Minh Lê (1997), *Dân số học đại cương*, NXB Đại Học Quốc Gia, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: điểm 10

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng, thời gian làm bài: 60 phút

7.4. Các điểm quá trình và trọng số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: 0.1
- Điểm kiểm tra giữa kì: 0.1
- Điểm thuyết trình, seminar: 0.2
- Điểm thi kết thúc học phần: 0.6

7.5. Điểm của HP/MH là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NGÀNH: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

HỌC PHẦN
GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Giáo dục Đạo đức
- Mã học phần: 820340
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (30,0,0,0)
- Điều kiện để học học phần:
- Đòi hỏi học phần học trước: Không
- Đòi hỏi học phần song hành: Không
- Sĩ số sinh viên tối đa: 70

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin

3. Mô tả học phần:

Học phần cấu trúc gồm: Vai trò của con người và giáo dục trong sự phát triển xã hội; Định hướng giá trị và giáo dục giá trị đạo đức – nhân văn, Truyền thống đạo đức dân tộc và đạo đức cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh; Nhà trường với việc giáo dục đạo đức cho học sinh.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức:

Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản của GDĐĐ, qui luật của sự hình thành ĐĐ mới trong thời đại hiện nay, đặc biệt trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta

4.2. Về kỹ năng:

Rèn luyện kỹ năng sống, tu dưỡng những phẩm chất ĐĐ mà Bác Hồ là tấm gương, vận dụng tiến hành GDĐĐ ở trường phổ thông, biết vận dụng, sử dụng các PPGD và PPDH trong tiến hành GDĐĐ cho học sinh

4.3. Về thái độ:

Hình thành thái độ trân trọng, yêu quý những truyền thống tốt đẹp của DT. Yêu con người, tin tưởng sự tiến bộ của con người và xã hội loài người. Có tinh thần trách nhiệm, vượt khó trong học tập và công tác GDĐĐ

5. Kế hoạch dạy học HP/MH

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
CHƯƠNG I: Vai trò của con người và giáo dục trong sự phát triển xã hội	8	Hình thức: lên lớp PP: Thuyết trình, Các nhóm thảo luận chuẩn bị

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
1.1 Con người – mục tiêu, động lực của sự phát triển		bài thuyết trình Tổng kết
1.2 Giáo dục là một hiện tượng đặc trưng của XH loài người		
1.3 Các chức năng của giáo dục		
1.4 Xã hội hiện đại và những thách thức đặt ra cho giáo dục nói chung và giáo dục đạo đức nói riêng		
CHƯƠNG II: Định hướng giá trị và giáo dục giá trị đạo đức – nhân văn	6	Hình thức: Lên lớp, PP: Thuyết trình, Các nhóm thảo luận chuẩn bị bài thuyết trình Tổng kết
2.1 Định hướng giá trị đạo đức nhân văn		
2.2 Hệ thống giá trị đạo đức – nhân văn giáo dục cho học sinh		
CHƯƠNG III: Truyền thống đạo đức dân tộc và đạo đức cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh	8	Hình thức: Lên lớp, PP: Thuyết trình, Các nhóm thảo luận chuẩn bị bài thuyết trình Tổng kết
3.1 Truyền thống đạo đức cơ bản của dân tộc Việt Nam		
3.2 Chủ tịch Hồ Chí Minh với vấn đề đạo đức CM		
CHƯƠNG IV: Nhà trường với việc giáo dục đạo đức cho học sinh	6	Hình thức: Lên lớp, PP: Thuyết trình, Các nhóm thảo luận chuẩn bị bài thuyết trình Tổng kết Làm bài kiểm tra
4.1. Ý nghĩa và mục tiêu GDĐĐ đối với học sinh		
4.2. Một số phẩm chất và hành vi đạo đức cần hình thành cho học sinh		
4.3. Những hình thức, biện pháp giáo dục ĐĐ cơ bản ở trường phổ thông		
Tổng kết và hướng dẫn ôn tập	2	

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Hà Nhật Thăng, Giáo dục hệ thống giá trị Đạo đức- Nhân văn, NXBGD, HN, 1999.
2. Phạm Lăng, Giáo dục giá trị nhân văn, NXB Giáo dục, HN, 1997.

3. Phan Huy Lê (chủ biên), Các giá trị truyền thống và con người VN hiện nay, Chương trình KX-07-02, HN, 1995.
4. Phạm Minh Hạc, Vấn đề con người trong công cuộc đổi mới, HN, 1994.

6.2. Tài liệu khác

5. Các tài liệu về nguyên lý CN Mác-Lênin.
6. PGS TS Vũ trọng Dung, Giáo trình Đạo đức học Mác Lênin (2005), NXB CT Quốc gia, Hà Nội.
7. PTS Trần Hậu Khiêm, Giáo trình Đạo đức học (1996), NXB CT Quốc gia HN.
8. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, khoa Triết học, Giáo trình Đạo đức học (2000), NXB Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá HP/MH

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: đề mở, thời gian làm bài: 60 phút
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
 - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1
 - Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2
 - Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.6
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT **TRƯỞNG NGÀNH** **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Võ Thị Kim Loan ThS. Nguyễn Khắc Duy

HỌC PHẦN
NGHI THỨC ĐỘI THIẾU NIÊN TIỀN PHONG HỒ CHÍ MINH**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: NGHI THỨC ĐỘI TNTP HCM
- Mã học phần: 820341
- Số tín chỉ: 02
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): (30,0,0,0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: tối đa 50 sinh viên

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn đường lối CM của ĐCSVN & TTHCM**3. Mô tả học phần**

Trang bị cho sinh viên sự phạm những hiểu biết cơ bản về nghi thức, nghi lễ, thủ tục của Đội TNTP HCM.

Xác định được vai trò của nghi thức, nghi lễ, thủ tục của Đội trong việc giáo dục toàn diện cho đội viên.

Rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng tổ chức, hướng dẫn nghi thức, nghi lễ Đội.

Coi trọng nghi thức, nghi lễ Đội; hăng say luyện tập để nắm vững thực hành đúng nghi thức, nghi lễ Đội.

4. Mục tiêu học phần**4.1. Về kiến thức:**

Sinh viên biết phân tích ý nghĩa tác dụng của nghi thức, nghi lễ Đội.

Xác định vai trò của nghi thức, nghi lễ Đội trong việc giáo dục toàn diện cho đội viên.

Sinh viên phân tích được các động tác, thao tác cơ bản đối với người đội viên;

Phân loại đội hình, đội ngũ, các động tác di động và tại chỗ.

4.2. Về kỹ năng:

Có kỹ năng thực hiện các động tác cơ bản của người đội viên và thực hiện các đội hình, đội ngũ; nghi lễ.

Rèn luyện nghiệp vụ kỹ năng tổ chức hướng dẫn nghi thức, nghi lễ Đội cho đội viên.

Kĩ năng tập hợp, điểm số báo cáo, sinh hoạt vui chơi, thể dục thể thao theo nghi thức Đội và nghi lễ Đội TNTP HCM.

4.3. Về thái độ:

Coi trọng nghi thức, nghi lễ Đội; hăng say luyện tập để nắm vững thực hành đúng nghi thức, nghi lễ Đội.

Đề cao vai trò tập thể, ý thức tổ chức kỉ luật trong quá trình thực hiện nghi thức, nghi lễ.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Phần thứ nhất: Những vấn đề chung về nghi thức		
1. Khái quát chung	1	GV hướng dẫn SV đóng góp ý kiến
1.1 Mục tiêu		
1.2. Nội dung		
1.2.1 <i>Khái niệm về Nghi thức Đội</i>		
1.2.2 <i>Nghi thức Đội TNTP HCM</i>		
1.2.2.1 <i>Cờ Đội</i>		
1.2.2.2 <i>Huy hiệu Đội</i>		
1.2.2.3 <i>Khăn quàng đỏ</i>		
1.2.2.4 <i>Đội ca</i>		
1.2.2.5 <i>Cấp hiệu chỉ huy Đội</i>		
1.2.2.6 <i>Giấy chứng nhận</i>		
1.2.2.7 <i>Đồng phục của đội viên và Phụ trách Đội</i>		
1.2.2.8 <i>Trống, kèn</i>		
1.2.2.9 <i>Sổ, sách của Đội</i>		
1.2.2.10 <i>Phòng truyền thống và phòng Đội</i>		
1.2.3 <i>Ý nghĩa, vai trò, tác dụng của nghi thức Đội</i>		
1.2.4 <i>Những yêu cầu trong công tác huấn luyện nghi thức Đội</i>		
1.2.5 <i>Chuyên hiệu “Nghi thức đội viên”</i>		
1.3. Kết luận		
Câu hỏi và bài tập thực hành	02	Giáo viên hướng dẫn

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
		SV chia nhóm thực hiện
2. Kỹ năng cơ bản đối với người đội viên	03	GV hướng dẫn SV tham gia xây dựng bài
2.1. Mục tiêu		
2.2. Nội dung		
2.2.1 <i>Những yêu cầu đối với người đội viên và tập thể Đội trong học tập và rèn luyện nghi thức Đội</i>		
2.2.2 <i>Những kỹ năng cơ bản đối với người Đội viên</i>		
2.2.2.1 Thuộc, hát đúng Quốc ca, Đội ca		
2.2.2.2 Thắt, tháo khăn quàng đỏ		
2.2.2.3 Chào kiểu Đội		
2.2.2.4 Cầm cờ, giương cờ, vác cờ		
2.2.2.5 Hô, đáp khẩu hiệu Đội		
2.2.2.6 Các động tác cá nhân tại chỗ và di động		
2.2.3 <i>Vai trò của kỹ năng đội viên trong việc giáo dục toàn diện cho đội viên</i>		
2.3. Kết luận		
Câu hỏi và bài tập thực hành	03	Giáo viên hướng dẫn SV chia nhóm thực hiện
3. Chỉ huy nghi thức Đội	01	GV hướng dẫn SV tham gia xây dựng bài
3.1. Mục tiêu		
3.2. Nội dung		
3.2.1 <i>Vị trí, vai trò của người chỉ huy nghi thức Đội</i>		
3.2.2 <i>Quy định đối với người chỉ huy nghi thức Đội</i>		
3.2.2.1 Trang phục		
3.2.2.2 Tư thế, tác phong		
3.2.2.3 Khẩu lệnh		
3.2.2.4 Động tác, tư thế chỉ huy khi tập hợp		
3.2.2.5 Vị trí của chỉ huy trong đội hình, đội ngũ		
3.2.3 <i>Những động tác chỉ định đội hình của người</i>		

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<i>chỉ huy nghi thức</i>		
3.2.3.1 Hàng dọc		
3.2.3.2 Hàng ngang		
3.2.3.3 Chữ U		
3.2.3.4 Vòng tròn		
3.2.4 <i>Khẩu lệnh của người chỉ huy nghi thức</i>		
3.2.4.1 Lệnh tập hợp		
3.2.4.2 Các khẩu lệnh		
3.3 Kết luận		
Câu hỏi và bài tập thực hành	03	GV hướng dẫn SV chia nhóm thực hiện
4. Đội hình – Đội ngũ	01	GV hướng dẫn SV tham gia xây dựng bài
4.1. Mục tiêu		
4.2. Nội dung		
4.2.1 <i>Các loại đội hình được thống nhất trong hoạt động nghi thức Đội</i>		
4.2.1.1 <i>Đội hình hàng dọc</i>		
4.2.1.2 <i>Đội hình hàng ngang</i>		
4.2.1.3 <i>Đội hình chữ U</i>		
4.2.1.4 <i>Đội hình vòng tròn</i>		
4.2.2 <i>Đội ngũ</i>		
4.2.2.1 <i>Đội ngũ tĩnh tại</i>		
4.2.2.2 <i>Điểm số báo cáo</i>		
4.2.2.3 <i>Đội ngũ vận động</i>		
4.3 Kết luận		
Câu hỏi và bài tập thực hành	05	Giáo viên hướng dẫn SV chia nhóm thực hiện
Kiểm tra giữa kì		Thực hành
Phần thứ hai: Nghi lễ và thủ tục của Đội TNTP HCM		

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
5. Nghi lễ và các thủ tục Đội TNTP HCM	02	GV hướng dẫn SV chia nhóm thảo luận
5.1. Mục tiêu		
5.2. Nội dung		
5.2.1 <i>Khái niệm nghi lễ của Đội</i>		
5.2.2 <i>Ý nghĩa, tác dụng của nghi lễ Đội trong công tác giáo dục của Đội</i>		
5.2.3 <i>Các loại nghi lễ, thủ tục của Đội</i>		
5.2.3.1 <i>Lễ chào cờ</i>		
5.2.3.2 <i>Lễ diễu hành</i>		
5.2.3.3 <i>Lễ duyệt Đội</i>		
5.2.3.4 <i>Lễ kết nạp đội viên</i>		
5.2.3.5 <i>Lễ công nhận Chi đội</i>		
5.2.3.6 <i>Lễ trưởng thành</i>		
5.3. Kết luận		
Câu hỏi và bài tập thực hành	03	GV hướng dẫn SV chia nhóm thực hiện
6. Đại hội Đội TNTP HCM	02	GV hướng dẫn SV đóng góp ý kiến
6.1. Mục tiêu		
6.2. Nội dung		
6.2.1 <i>Đại hội Đội</i>		
6.2.2 <i>Đại hội cháu ngoan Bác Hồ</i>		
6.2.3 <i>Hội thi nghi thức Đội TNTP HCM</i>		
6.3. Kết luận		
Câu hỏi và bài tập thực hành	03	GV hướng dẫn SV chia nhóm thực hiện
Ôn tập	01	GV hướng dẫn SV đóng góp ý kiến

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Bùi Sĩ Tung (Chủ biên). *Nghi thức và các hoạt động mang tính nghiệp vụ của Đội TNTP HCM*. NXBGD, Hà Nội, 1998.
2. *Nghi thức Đội TNTP HCM*. NXB Thanh niên, Hà Nội 1999.

6.2. Tài liệu khác:

3. *Cẩm nang người Phụ trách Đội TNTP HCM*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: đề mở, thời gian làm bài: 60 phút

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1
- Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2
- Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.6

7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

TS. Lê Đình Lục

TS. Phạm Phúc Vĩnh

ThS. Nguyễn Thị Lệ Giang

HỌC PHẦN
GIÁO DỤC GIỚI TÍNH VÀ SỨC KHOẺ SINH SẢN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: GIÁO DỤC GIỚI TÍNH VÀ SỨC KHOẺ SINH SẢN
- Mã học phần: 820342
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (20,0,10,0)
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
 - + Đòi hỏi học phần song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:

3. Mô tả học phần:

Nội dung môn học trình bày một cách hệ thống một số vấn đề về dân số, kế hoạch hoá gia đình. Một số nội dung cơ bản về giáo dục giới tính và sức khoẻ sinh sản ở tuổi vị thành niên.

4. Mục tiêu học phần:

4.1. Về kiến thức

Nội dung môn học giới thiệu những khái niệm căn bản về dân số, về giáo dục giới tính nhằm giáo dục cho người học những kiến thức về giới tính, sức khoẻ sinh sản vị thành niên.

4.2. Về kỹ năng

Giúp người học có được hành trang vững chắc từ đó có thể học tập trở thành những người có ích cho xã hội.

4.3. Về thái độ

Nhận thức đúng đắn về chính sách dân số, về tầm quan trọng của việc giáo dục giới tính của trẻ vị thành niên.

5. Kế hoạch dạy học HP/MH

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Nhập môn giáo dục giới tính và sức khoẻ	2	Giảng lý thuyết bằng

sinh sản		phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại + Thảo luận
1.1. Giới thiệu môn học		
1.1.1 Định nghĩa		
1.1.2 Đối tượng nghiên cứu của môn học		
1.2. Thống kê dân số		
1.2.1 Các loại hình thống kê dân số		
1.2.2 Thống kê dân số tại Việt Nam		
Chương 2. Sự kiện sinh sản	10	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại + Thảo luận
2.1. Các chỉ tiêu đánh giá mức sinh		
Sinh suất		
Tỉ suất sinh tổng quát		
1.1.2. Tỉ suất sinh đặc trưng theo tuổi		
1.1.3. Tổng tỉ suất sinh		
1.1.4. Hệ số tái sinh nguyên		
1.1.5. Hệ số tái sinh tịnh		
2.2. Mô hình dân số và dự báo dân số		
2.3. Dân số và sự phát triển		
2.3.1. Khái niệm phát triển và mối liên hệ của nó với dân số		
2.3.2. Sự gia tăng dân số và ảnh hưởng của nó đối với chất lượng cuộc sống		
Chương 3. Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản	10	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề. : thuyết trình + đàm thoại + Thảo luận
3.1. Giáo dục giới tính		
3.1.1. Khái niệm		

3.1.2. Mục đích		
3.1.3. Nội dung giáo dục giới tính		
3.1.4. Ý nghĩa		
3.2. Giáo dục sức khoẻ sinh sản		
3.2.1. Khái niệm		
3.2.2. Mục đích và mục tiêu của việc giáo dục sức khoẻ sinh sản		
3.2.3. Nội dung của việc giáo dục sức khoẻ sinh sản		
3.2.4. Nguyên tắc của việc giáo dục sức khoẻ sinh sản		
Chương 4. Phương pháp giáo dục giới tính và sức khoẻ sinh sản	8	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề : thuyết trình + đàm thoại + Thảo luận
4.1. Chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình		
4.2. Truyền thông dân số		
4.3. Các biện pháp		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Tổng Văn Đường (1998), *Giáo trình dân số học*, NXB Đại Học Kinh Tế Quốc Dân, Hà Nội.
2. Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (1994), Đề cương bài giảng dân số - kế hoạch hoá gia đình.

6.2. Tài liệu khác

3. Nguyễn Minh Tuệ-Nguyễn Minh Lê (1997), *Dân số học đại cương*, NXB Đại Học Quốc Gia, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: đề mở, thời gian làm bài: 60 phút

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1

- Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2

- Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.6

7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân TS. Lê Đình Lục TS. Phạm Phúc Vĩnh ThS. Huỳnh T Kim Quyên

HỌC PHẦN
LỊCH SỬ NGOẠI GIAO VIỆT NAM**1. Thông tin về học phần/môn học (HP/MH)**

- Tên HP/MH: LỊCH SỬ NGOẠI GIAO VIỆT NAM
- Mã HP/MH: 820107
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (20,10,0,0)
- Điều kiện để học HP/MH:
 - + Đòi hỏi HP/MH trước: Lịch sử Việt Nam đại cương
 - + Đòi hỏi môn song hành: Không
- Sĩ số sinh viên tối đa: 50 sinh viên

2. Bộ môn phụ trách HP/MH: Bộ môn ĐLCM của ĐCSVN và TTHCM**3. Mô tả nội dung của HP/MH:**

Môn học gồm 5 chương. Nội dung môn Lịch sử Ngoại giao Việt Nam giới thiệu và cung cấp kiến thức cơ bản về sách lược, tư tưởng ngoại giao của dân tộc Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Vai trò quan trọng của hoạt động đối ngoại của dân tộc trong quá trình dựng nước và giữ nước, rút ra những kinh nghiệm và bài học cho quá trình hoạt động thực tiễn hiện nay.

4. Mục tiêu cụ thể của HP/MH (Chuẩn đầu ra của HP/MH)**4.1. Về kiến thức:**

Nắm bắt những nội dung cơ bản của hoạt động đối ngoại của Việt Nam qua từng giai đoạn lịch sử.

Nhận thức được vai trò của hoạt động đối ngoại có tầm quan trọng đặc biệt trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước, đặc biệt là nâng cao vai trò vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế trong thời kỳ hội nhập hiện nay.

4.2. Về kỹ năng:

Sinh viên được trang bị phương pháp để biết cách đánh giá các sách lược ngoại giao qua từng giai đoạn lịch sử, biết rút ra những ưu điểm, hạn chế, giá trị, bài học kinh nghiệm lịch sử đối với hiện tại và tương lai.

Sinh viên có khả năng nghiên cứu để tìm hiểu các vấn đề lịch sử ngoại giao nói chung, ngoại giao của các triều đại lịch sử, của Đảng Cộng sản Việt Nam. Biết vận dụng những kiến thức về lịch sử ngoại giao Việt Nam để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ chính trị - xã hội ở nơi công tác.

4.3. Về thái độ:

Học tập và nghiên cứu lịch sử ngoại giao là công việc khó khăn, kiến thức tiếp thu trải rộng nhiều giai đoạn của lịch sử, đòi hỏi người học phải hết sức cố gắng, nhất là bắt buộc phải tìm hiểu trước những tài liệu và yêu cầu của giảng viên.

Lịch sử ngoại giao luôn song hành với lịch sử dân tộc, nó là một hoạt động đặc biệt quan trọng để củng cố nền độc lập, bảo vệ lợi ích đất nước. Do đó, sinh viên phải có kiến thức tương đối về lịch sử Việt Nam. Bên cạnh đó, sinh viên cần tìm hiểu chính sách một số quốc gia có liên quan đến Việt Nam và hoàn cảnh thế giới (thời cận, hiện đại) có tác động rất lớn đến chính sách ngoại giao của nước ta.

5. Kế hoạch dạy học HP/MH

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: Ngoại giao Việt Nam từ Văn Lang, Âu Lạc đến thời Bắc thuộc	2	Giới thiệu bài giảng trên lớp
1.1. Khái niệm ngoại giao, các yếu tố ảnh hưởng đến ngoại giao Việt Nam trong lịch sử		
1.2. Ngoại giao Việt Nam thời Văn Lang, Âu Lạc		
1.3. Ngoại giao Việt Nam thời kỳ Bắc thuộc		
Chương 2: Ngoại giao Việt Nam từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XIX	13	Giảng lý thuyết bằng cách nêu vấn đề
2.1. Ngoại giao thời họ Khúc, Ngô, Đinh, Tiền Lê		Sinh viên tìm hiểu và thảo luận: Sách lược ngoại giao của các triều đại phong kiến
2.2. Ngoại giao thời Lý		
2.2.1. Ngoại giao với Trung Quốc		
2.2.2. Quan hệ với Chiêm Thành		
2.3. Ngoại giao trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc thời Trần		
2.3.1. Sách lược ngoại giao của Nhà Trần trước sự đe dọa của quân Mông - Nguyên		
2.3.2. Đấu tranh ngoại giao kết hợp đấu tranh quân sự đánh thắng quân xâm lược		
2.3.3. Ngoại giao sau khi đại thắng quân Mông Nguyên		
2.3.4. Quan hệ với Chiêm Thành		
2.5. Ngoại giao thời nhà Hồ		
2.5.1. Ngoại giao với nhà Minh		
2.5.2. Ngoại giao với Chiêm Thành		
2.6. Ngoại giao thời Hậu Lê (Lê sơ)		
2.6.1. Ngoại giao trong thời kỳ kháng chiến chống quân xâm lược		
2.6.2. Ngoại giao sau khi giành độc lập		
2.7. Ngoại giao thời nhà Mạc		
2.8. Ngoại giao thời Trịnh – Nguyễn phân tranh		
2.8.1. Ngoại giao ở Đàng Trong		
2.8.2. Ngoại giao ở Đàng Ngoài		
2.9. Ngoại giao thời Tây Sơn		
2.9.1. Ngoại giao với nhà Thanh		
2.9.2. Ngoại giao với Xiêm, phương Tây		

2.10. Ngoại giao thời Nguyễn		
2.10.1. Ngoại giao với Trung Quốc		
2.10.2. Ngoại giao với các nước trong khu vực ĐNÁ		
2.10.3. Ngoại giao với Pháp và các nước phương Tây		
Chương 3: Ngoại giao Việt Nam từ 1945 – 1975	6	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề.
3.1. Thời kỳ chống Pháp (1945 – 1954)		Sinh viên thảo luận: Chính sách ngoại giao của Việt Nam trong hai cuộc đàm phán Gionevơ, Pari
3.2. Thời kỳ chống Mỹ (1954 - 1975)		
Chương 4: Ngoại giao Việt Nam từ 1975 - 1986	3	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề.
4.1. Đường lối ngoại giao của ĐCSVN sau năm 1975		Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề.
4.2. Ngoại giao trong chiến tranh bảo vệ biên giới 1979		
Chương 5: Ngoại giao Việt Nam từ 1986 đến nay.	6	Giảng lý thuyết bằng phương pháp nêu vấn đề.
5.1. Mục tiêu quan điểm về ngoại giao của Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ đổi mới		Sinh viên thuyết trình về: các giai đoạn hình thành và phát triển của đường lối đối ngoại sau 1986.
5.2. Các giai đoạn phát triển quan hệ đối ngoại		
5.3. Vai trò của đối ngoại trong sự nghiệp phát triển kinh tế, bảo vệ tổ quốc		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Lương Bích (1996), *Lược sử ngoại giao Việt Nam các thời trước*, Nhà xuất bản Quân đội, Hà Nội.
2. Nguyễn Mạnh Cầm, *Đổi mới về đối ngoại và hội nhập quốc tế*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Lưu Văn Lợi (2000), *Ngoại giao Đại Việt*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
4. Nguyễn Khắc Huỳnh (2011), *Ngoại giao Việt Nam góc nhìn và suy ngẫm*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Nguyễn Duy Niên, *Tư tưởng Ngoại giao Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Bộ Ngoại giao (2015): *Ngoại giao Việt Nam 1945 – 2000*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

1. Lê Mậu Hãn (1999), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập III, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Đinh Xuân Lâm (1998), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập II, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Lê Kim, *Những mẫu chuyện lịch sử ngoại giao Việt Nam (thời kỳ kháng chiến chống Pháp)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

4. Nguyễn Thế Long, *Những mẫu chuyện bang giao trong lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Trương Hữu Quýnh (1997), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb. GD, Hà Nội.
6. Nguyễn Văn Sự, *Những mẫu chuyện lịch sử ngoại giao Việt Nam* (thời kỳ kháng chiến chống Mỹ), Nxb Giáo dục, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, thời gian làm bài: 90 phút

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.2

- Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2

- Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.5

7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PSG.TS. Phạm Hoàng Quân

TS. Lê Đình Lục

TS. Phạm Phúc Vĩnh

ThS. Phạm Văn Phương